UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12744 /TB-SXD	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh
Tháng 9 năm 2026 (từ ngày 01/9/2026 đến ngày 30/9/2026)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026);

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-BXD ngày 05/9/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng, để phục vụ cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu; Công văn số 7335/BXD-KTQLXD ngày 24/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện rà soát, công bố giá VLXD, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Sở Xây dựng công bố Bảng giá vật liệu xây dựng (VLXD) tháng 9 năm 2026 trên thị trường tỉnh Tây Ninh:

1. Bảng giá vật liệu kèm theo Công bố này là giá các vật liệu bình quân phổ biến, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về sản phẩm, hàng hóa VLXD được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá bán lẻ theo bảng kê khai giá của các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh; làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân **tham khảo** (***không mang tính bắt buộc phải áp dụng***) trong quá trình xác định giá, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp giá vật liệu trong công bố giá chưa phù hợp với giá thực tế thì chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, xác định nguồn cung cấp, giá bán buôn, cự ly vận chuyển, loại đường tại thời điểm lập dự toán một cách hợp lý nhất để xác định giá vật liệu đến chân hiện trường theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí và khu vực xây dựng công trình, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án; trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế theo quy định.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng

theo đúng quy định của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Đối với giá đất san lấp: Thực hiện tổng hợp công bố giá trên cơ sở đăng ký kê khai giá của các đơn vị gửi tới Sở Xây dựng; Căn cứ vị trí công trình, dự án, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn vị trí mỏ phù hợp, đảm bảo giá đất tại công trình thấp nhất và hiệu quả nhất cho dự án.

Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng cát đen trước khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình. Giá của loại vật liệu này phải phù hợp với biện pháp thi công, độ chặt san lấp và các quy định có liên quan.

4. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quan lý nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có 1iên quan.

- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động giá, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng (thông qua phòng Vật liệu xây dựng, môi trường) để được xem xét, hướng dẫn theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục KT-QLĐTXD - Bộ Xây dựng;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: CT, TC, NN&MT;
- Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành;
- UBND 96 xã, phường tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KT/KT, HT và ĐT 96 xã, phường;
- Trang TTĐT SXD;
- Lưu: VT, VLXDMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TÂY NINH

Lưu Văn Khánh

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 09/2026 - KHU VỰC LONG AN CŨ

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1	Xi măng	Xi măng Supreme Power PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
2	Xi măng	Xi măng fico PCB40 - Tây Ninh	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400
3	Xi măng	Xi măng fico PCB40 - Hiệp Phước	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400	91.400
4	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 -Tây Ninh	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
5	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 - Hiệp Phước	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
6	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 -Bình Dương	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
7	Xi măng	Xi măng xanh Eco, PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
8	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
9	Xi măng	Xi măng Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
10	Xi măng	Xi măng Prernium Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
11	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
12	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB BFS40-HS xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
13	Xi măng	Xi măng pooc lăng xỉ lò cao loại 1 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
14	Xi măng	Xi măng pooc lăng xỉ lò cao loại 1 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
15	Xi măng	Xi măng pooc lăng xỉ lò cao loại 2 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
16	Xi măng	Xi măng pooc lăng xỉ lò cao loại 2 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
17	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 50-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045
18	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 40-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045	95.045
19	Xi măng	Xi măng Fico PCB50 dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
20	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 50	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
21	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
22	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB50-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045	94.045
23	Xi măng	Xi măng Việt Nhật PCB 40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
24	Xi măng	Xi măng Việt Mỹ PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
25	Xi măng	Xi măng Tây Nam PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
26	Xi măng	Xi măng Việt Nhật cao cấp PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
27	Xi măng	Xi măng Việt Nhật bền Sunphat PCB40-MS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
28	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Gold PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
29	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Expo PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
30	Xi măng	Xi măng Ngân Sơn PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
31	Xi măng	Xi măng bền Sunphat Việt Nhật PCB50 HS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
32	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xỉ lò cao PCB I40	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500
33	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xỉ lò cao PCB II40	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
34	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xỉ lò cao PCB I50	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
35	Xi măng	Xi măng xá bền Sunphat Việt Nhật PCB40-MS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500
36	Xi măng	Xi măng xá bền Sunphat Việt Nhật PCB40-HS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
37	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
38	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật PCB50	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500	107.500
39	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046	65.046
40	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Hạ Long (xuất thủy/bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667	66.667
41	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224	74.224
42	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
43	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Kiên Lương (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593
44	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676	69.676
45	Xi măng	XM Vicem Hà Tiên PCB40 MS Bền Sulfat	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602
46	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759	71.759
47	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148	73.148
48	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593	67.593
49	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602	70.602
50	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu (xuất thủy)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204	66.204
51	Xi măng	Vicem Hà Tiên Xây tô	bao	TCVN 9202:2012	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444	69.444
52	Xi măng	XM Vicem Hà Tiên PCB40 MS Bền Sulfat	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu, Nhà máy Kiên Lương	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157	76.157
53	Xi măng	Hà Tiên 2	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu, Nhà máy Kiên Lương	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407	57.407
54	Xi măng	Power Cement	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước, Trạm nghiền Long An	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333	58.333
55	Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Thanh toán theo thoả thuận	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
56	Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	dạng xá rời	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Thanh toán theo thoả thuận	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000	1.570.000
57	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 12/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	97.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
58	Xi măng	Xi măng Vicem	bao		50kg	Phiếu khảo sát tại cửa hàng khu vực Cần Đước, Tây Ninh: Vật liệu xây dựng Thuận Lợi (đc: xã Tân Trạch, Cần Đước),Cửa hàng VLXD Thành Công (đc: xã Tân Lân, Cần Đước, Long An).	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	96.000	-	-	-	-	-	-	-	-
59	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	92.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
60	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Phiếu khảo sát tại cửa hàng khu vực Mộc Hoá: Công ty TNHH Nguyễn Thân NTC. Mộc Hoá, Long An,Vật liệu xây dựng Phước Thành	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99.500	-	-
61	Xi măng	Xi măng insee	bao		50kg	Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000
62	Xi măng	Cát hồ	m3		50kg	Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420.000
63	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Kiên Lương	bao		50kg	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	86.000	-	-	-	-	-
64	Xi măng	Xi măng Cần Thơ	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	89.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
65	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	98.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
66	Xi măng	Xi măng Thái PCB40 AdaMax (K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiên. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	88.000	-	-	-	-
67	Xi măng	Xi măng Thái PCB40 StarMax (K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiên. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	92.000	-	-	-	-
68	Xi măng	Xi măng SCG Nano siêu mịn PCB40(K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiên. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	101.000	-	-	-	-
69	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Kiên Lương	bao			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-
70	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long	bao			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	85.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
71	Xi măng	Xi măng Insee	bao			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 07/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	101.000	-	-
72	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 07/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	94.000	-	-
73	Xi măng	Xi măng Insee	bao			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: VLXD Trung Thảo, VLXD Út Ba	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/09/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	102.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao PP (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259
75	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao KPK (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778
76	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259
77	Xi măng	Xi măng xây tô PCB40 (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (40kg ±0,4kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259
78	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815
79	Xi măng	Xi măng PCB40 đa dụng (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926
80	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 (rời/xá)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519
81	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926
82	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815
83	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519
84	Xi măng	Xi măng bao Tây Đô PCB40	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
85	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên 2- Cần Thơ PCB40	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000	96.000
86	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên 2- Cần Thơ PCB40 đa dụng	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000
87	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên 2- Cần Thơ Export PCB40	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000	93.000
88	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên 2- Cần Thơ PCB40 cao cấp	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000	98.000
89	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên 2 PCB40 dân dụng	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
90	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên 2 PCB40 đa dụng	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
91	Xi măng	Xi măng bao Tây đô PCB40 dân dụng PP	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
92	Cát xây dựng	Cát xây	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	393.333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
93	Cát xây dựng	Cát campuchia	m3			Vật liệu xây dựng Lê Hoàng Vũ (đc: xã Tân Lập, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	380.000	-	-
94	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	430.000	-	-	-	-	-	-	-
95	Cát xây dựng	Cát to	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	520.000	-	-	-	-	-
96	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	425.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
97	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thanh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
98	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	422.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
99	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	286.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
100	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	385.000	-	-
101	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	310.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
102	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	373.333	-	-
103	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	310.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
104	Cát xây dựng	Cát hạt to	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	435.000	-	-
105	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720.000	-	-
106	Cát xây dựng	Cát Campuchia	m3			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	350.000	-	-	-
107	Cát xây dựng	Cát mi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Cần Giuộc: VLXD Trung Thảo, VLXD Út Ba	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 12/8/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	484.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
108	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Cần Giuộc: VLXD Trung Thảo, VLXD Út Ba	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/09/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	520.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
109	Cát xây dựng	Cát campuchia	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Hai Một	Việt Nam	Không có thông tin	giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	473.500	-
110	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	768.333	-	-
111	Đá xây dựng	Đá 1x2 thạnh Phú	m3			Vật liệu xây dựng Lê Hoàng Vũ (đc: xã Tân Lập, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	900.000	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
112	Đá xây dựng	Đá 1x2 Vũng Tàu loại 1	m3			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	955.000	-	-
113	Đá xây dựng	Đá 1x2 Bình Dương	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tin Phong Construction, VLXD Hai Một	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	878.000	-
114	Đá xây dựng	Đá 1x2 Bình Dương	m3			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	(Mức giá được thực hiện từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	920.000
116	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/09/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	850.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
117	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	1.160.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
118	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoá, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	730.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
119	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 05/09/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng			1.160.000												
120	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3		dạng rời	Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	700.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
121	Đá xây dựng	Đá mi sàn	m3		dạng rời	Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	880.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
122	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	860.000	-	-	-	-	-
123	Đá xây dựng	Đá 1x2 trắng	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	957.000	-	-	-	-	-
124	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	710.000	-	-	-	-	-
125	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	1.056.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
126	Đá xây dựng	Đá 1x2 đen	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhàn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	830.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
127	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	865.000	-	-	-	-	-	-	-
128	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	881.667	-	-	-
129	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	848.333	-	-	-
130	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tân Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	746.667	-	-	-
131	Đá xây dựng	Đá 1x2 Tân Cang	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	1.130.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
132	Xây dựng	Đá 5x7 đen	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	542.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
133	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	615.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
134	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	672.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
135	Đá xây dựng	Đá mi sàn	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	690.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
136	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Cửa hàng Tấn Trọng. Đc: số 266, QL62, P1. TX.Kiến Tường - Đt: 0916234169. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 27/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840.000	-	-	-
137	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực huyện Cần Đước: VLXD Tuấn Phát, VLXD Thuận Lợi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 12/8/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	1.130.000	-	-	-	-	-	-	-	-
138	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3	TCVN 8859:2023		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	798.875	-	-	776.121	740.912	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
139	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3	TCVN 8859:2023		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	825.755	-	-	802.246	765.844	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
140	Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3	TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	886.067	-	-	886.067	886.067	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
141	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.157.433	-	-	956.433	1.137.333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
142	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3	TCVN 8859:2011		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	726.438	-	-	705.737	705.737	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)																
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
143	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	963.452	-	-	-	800.272	906.167	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
144	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 4085:2011		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	986.567	-	-	-	926.267	966.467	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
145	Đá xây dựng	Đá 2x4 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.107.733	-	-	-	920.070	1.041.867	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
146	Đá xây dựng	Đá 1x2 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.167.467	-	-	-	965.967	1.147.367	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
147	Đá xây dựng	Đá 19x25 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.129.837	-	-	-	938.462	1.062.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
148	Đá xây dựng	Đá 0,5-1 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.190.833	-	-	-	985.263	1.170.333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
149	Đá xây dựng	Đá 0,5-1,6 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.190.833	-	-	-	985.263	1.170.333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
150	Đá xây dựng	Đá mi sàng ly tâm (BT nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	992.633	-	-	-	821.358	975.533	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
151	Cát xây dựng	Cát nghiền (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	863.364	-	-	-	714.432	848.536	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
152	Vật liệu san lấp	Đất đắp nền, lề đường	m3	TCVN 9436:2012, 4447:2012		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	398.667	-	-	398.667	398.667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
153	Vật liệu san lấp	Đất đắp không tiêu chuẩn	m3			Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348.433	-	-	348.433	348.433	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
154	Vật liệu san lấp	Cát đắp nền đường	m3	TCVN 9436:2012, 4447:2012 & AASHTO M145-91		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	419.567	-	-	397.417	416.267	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
155	Cát xây dựng	Cát vàng Mô đun ML 1.5-2	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	440.867	-	-	428.833	428.833	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
156	Cát xây dựng	Cát vàng Mô đun ML >= 2	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	481.067	-	-	469.033	469.033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
157	Cát xây dựng	Cát vàng đổ bê tông	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7570:2007		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	501.167	-	-	489.133	489.133	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
158	Vật liệu san lấp	Đất san lấp K90	m3			Công ty TNHH TM DV XNK Nam Hiền (Đc: Xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An). Phiếu khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ ấp 6, xã Mỹ Quý, Tây Ninh (Trước là Xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An), chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 11/04/2026 đến khi có đơn giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	200.000
159	Vật liệu san lấp	Đất san lấp loại 1	m3			Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc - Chi nhánh Long An. Đc: xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ (đơn vị thi công chỉ đưa xe đến để vận chuyển đi)	Mức giá ngày 02/01/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	136.400
160	Vật liệu san lấp	Đất sét	m3			Cty TNHH SX VLXD Sao Mai (Đc:ấp Hiệp Hòa, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa - Đt: 0937 211 300). Khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 10/04/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260.000	-	-
161	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Cty TNHH SX VLXD Sao Mai (Đc:ấp Hiệp Hòa, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa - Đt: 0937 211 300). Khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 10/04/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	250.000	-	-
162	Gạch xây	Gạch ống Tabico	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Cần Đước: VLXD Thuận Lợi, VLXD Tuấn Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 12/8/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	2.090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
163	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.675	-	-	-	-	-
164	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.730	-	-	-	-
165	Gạch xây	Gạch thẻ Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.730	-	-	-	-	-
166	Gạch xây	Gạch mi Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.400	-	-	-	-	-
167	Gạch xây	Gạch ống Phước Lập	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction. VLXD Hai Một	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.695	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
168	Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH Võ Nguyễn Ngọc Phúc (Đc: Phường 6, Tân An, LA). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 09/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
169	Gạch xây	Gạch Tabico	viên			Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Công (đc: xã Tân Lân, Cần Đước, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 16/04/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	2.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
170	Gạch xây	Gạch 8*18	viên			Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
171	Gạch xây	Gạch ống Sao Mai	viên			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	-	-	-	-	1.690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
172	Gạch xây	Gạch ống	viên		8x8x18	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.750	-	-	-	-	-	-
173	Gạch xây	Gạch ống	viên			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	1.760	-	-	-	-	-	-	-	-
174	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.600	-	-	-	-	-
175	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580
176	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627
177	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325
178	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	190x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399
179	Gạch xây	Gạch đặc SUNKO-5S2010,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x50 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231
180	Gạch xây	Gạch block ngang 200,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x200x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974
181	Gạch xây	Gạch block ngang 100,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x100x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186
182	Gạch xây	Gạch block ngang 150,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x150x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450
183	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512
184	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408
185	Gạch xây	Gạch block ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525
186	Gạch xây	Gạch Demi block ngang 180, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	195x180x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387
187	Gạch xây	Gạch block demi bổ trụ ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367
188	Gạch xây	Gạch block ngang 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021
189	Gạch xây	Gạch block ngang 80, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730
190	Gạch xây	Gạch block ngang 250,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x250x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836
191	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085
192	Gạch xây	Gạch block ngang 120,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x120x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101
193	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
194	Gạch xây	Gạch block ngang 100, đặc ,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x100x180 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119
195	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M45,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854
196	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M60,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181
197	Gạch xây	Gạch bông gió (trồng cỏ),	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x260x80 mm - M20,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015
198	Thép xây dựng	Thép hình các loại	kg	TCVN ASTM A36M		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19.700	-	-	19.700	19.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
199	Thép xây dựng	Thép hình các loại	kg	CB300-T/SS400		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19.500	-	-	19.500	19.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
200	Thép xây dựng	Thép tấm các loại	kg	TCVN 2018:6522		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17.300	-	-	17.300	17.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
201	Thép xây dựng	Thép tròn trơn D<10	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.450	-	-	16.450	16.450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
202	Thép xây dựng	Thép cây vằn D10 CB400-V; CB500-V	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15.800	-	-	15.800	15.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
203	Thép xây dựng	Thép cây vằn D10 CB400-V; CB500-V	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15.800	-	-	15.800	15.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
204	Thép xây dựng	Thép cây vằn D>=18 CB400-V; CB500-V	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.160	-	-	16.160	16.160	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
205	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500
206	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
207	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550	19.550
208	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 1 15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG33O2.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
209	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500
210	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
211	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550	20.550
212	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200
213	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
214	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
215	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
216	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
217	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910	24.910
218	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
219	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
220	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
221	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
222	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
223	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 33.5mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
224	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
225	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
226	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
227	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
228	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx1 .90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
229	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
230	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
231	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
232	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
233	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
234	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
235	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
236	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48. 1mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
237	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
238	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
239	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 48.1mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
240	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810	23.810
241	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
242	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
243	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
244	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
245	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HSO3:2O21		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
246	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
247	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
248	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
249	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
250	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
251	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
252	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910	22.910
253	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
254	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mm.x2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
255	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
256	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
257	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
258	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
259	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.20mmx6.0m	kg	CCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
260	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
261	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.00mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
262	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.50mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
263	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610	22.610
264	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
265	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
266	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
267	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810	22.810
268	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
269	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
270	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
271	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
272	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
273	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
274	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
275	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
276	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
277	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
278	Thép hộp mạkẽmZ080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
279	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
280	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
281	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790	19.790
282	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx25mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
283	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
284	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
285	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
286	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
287	Thép xây dựng	Thcp hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
288	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
289	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
290	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080. 20mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
291	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx50mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
292	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25ni:nx50mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
293	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
294	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
295	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
296	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
297	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
298	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
299	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
300	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
301	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390	19.390
302	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
303	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
304	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
305	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
306	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 30mmx60mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
307	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx 1.1 ommx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
308	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
309	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
310	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx100mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
311	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
312	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
313	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
314	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
315	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 7.080: 40mmx80mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
316	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
317	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
318	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 40mmx80mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
319	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
320	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
321	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
322	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx50mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
323	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
324	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
325	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm ZC80: 50mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
326	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
327	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
328	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 60mmx120mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
329	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 60mmx120mmx2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
330	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 75mmx75mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
331	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 75mmx75mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
332	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
333	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 90mmx90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
334	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 100mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
335	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 100mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
336	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx 1, 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
337	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
338	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
339	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
340	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
341	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
342	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600	19.600
343	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
344	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
345	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
346	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
347	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1 ,40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
348	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
349	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx 1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
350	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
351	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z120: 90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
352	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 1 14mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200	19.200
353	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm z 120: 114mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
354	Thép xây dựng	thép ống đen: độ dày 1.60mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360	18.360
355	Thép xây dựng	Thép ống đen: độ dày > 1.80 - < 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260	17.260
356	Thép xây dựng	Thép ống đen. độ dày > 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660	16.660
357	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẹ đai VAS 06 CB240-T	kg	JIS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440
358	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẹ đai VAS 08 CB240-T	kg	JIS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440	15.440
359	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 06 CB240-T	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440
360	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB240-T	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440	14.440
361	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB300	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540	14.540
362	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gờp VAS D10 CB300, Grade 40	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660	14.660
363	Thép xây	Thép xây dựng dạng thanh vằn gờp VKS D12 CB300 Grade 40	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460
364	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn THS D14 CB300/Grade 40	kg	IS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460
365	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn VAS D16 CB300/Grade 40	kg	ISG3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460	14.460
366	Thép xây dựng	Thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: .58mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300	21.300
367	Thép xây dựng	thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 0.75mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
368	Thép xây dựng	Thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủCR: 0.95mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200	20.200
369	Thép xây dựng	thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 1.15mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850	19.850
370	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
371	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
372	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx80mmx1 ,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
373	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
374	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
375	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
376	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
377	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
378	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
379	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
380	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
381	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
382	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
383	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
384	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
385	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020	21.020
386	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mm.x1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
387	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
388	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
389	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1,40mmmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
390	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx 1 40mm.x6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
391	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
392	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0mTC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
393	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
394	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
395	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
396	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1,20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
397	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
398	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080 30mmx60mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
399	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mm.x80mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
400	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
401	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 120mmx 1.40mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
402	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield Z1M080: 14mmx 14mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
403	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
404	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
405	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
406	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx0.80mmx6.0mi TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
407	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
408	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
409	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
410	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
411	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
412	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
413	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 14mmx 14mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
414	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
415	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
416	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
417	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
418	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
419	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
420	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.00mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
421	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
422	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
423	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx 1.00mmmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
424	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
425	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
426	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
427	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx 16mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
428	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
429	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
430	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 40mmx40mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
431	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
432	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx.26mmx 1.10mx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
433	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
434	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 4mmx14mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
435	Thép xây dựng	Thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 6mmx 16mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
436	Thép xây dựng	thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
437	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 5mmx25mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
438	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 10mmx40mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
439	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
440	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 3mmx26mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
441	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
442	Thép xây dựng	thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
443	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
444	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
445	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
446	Thép xây dựng	Thép Ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
447	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
448	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
449	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
450	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21 mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
451	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
452	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
453	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
454	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 49mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
455	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
456	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
457	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
458	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
459	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A50OM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050	21.050
460	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
461	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 42mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
462	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
463	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
464	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
465	Thép xây dựng	thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080 90mm 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650	20.650
466	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.750	-
467	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 14/09/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	105.750	-
468	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quận)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
469	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	17.400	-	-	-	-	-	-	-
470	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	115.000	-	-	-	-	-	-	-
471	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	176.000	-	-	-	-	-	-	-
472	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.500	-	-
473	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114.000	-	-
474	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	177.000	-	-
475	Thép xây dựng	Sắt14 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	241.000	-	-
476	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/09/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	17.600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
477	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/09/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	114.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
478	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/09/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	175.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
479	Thép xây dựng	Sắt 6 Miền Nam	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.100	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
480	Thép xây dựng	Sắt 6 Tay dê	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.600	-	-	-
481	Thép xây dựng	Sắt 8 Miền Nam	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.100	-	-	-
482	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	106.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	108.000	-	-	-
483	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	167.750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	170.000	-	-	-
484	Thép xây dựng	Sắt 14 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	229.350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	234.000	-	-	-
485	Thép xây dựng	Sắt 16 Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	298.000	-	-	-
486	Thép xây dựng	Sắt 18 Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	404.000	-	-	-
487	Thép xây dựng	Kẽm	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.500	-	-	-
488	Thép xây dựng	Đinh 5 phân	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.500	-	-	-
489	Thép xây dựng	Kẽm buộc 1 li	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
490	Thép xây dựng	Đinh chỉ 5 phân	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500
491	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
492	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	cây			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	107.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
493	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	170.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
494	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			VLXD Tuấn. Đc: Thị trấn Thạnh Hoá, Long An. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	17.500	-	-	-	-	-	-
495	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	cây			VLXD Tuấn. Đc: Thị trấn Thạnh Hoá, Long An. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	114.000	-	-	-	-	-	-
496	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			VLXD Tuấn. Đc: Thị trấn Thạnh Hoá, Long An. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	177.000	-	-	-	-	-	-
497	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
498	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	cây			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 05/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	106.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
499	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.200	-	-	-	-	-
500	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	cây			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	110.000	-	-	-	-	-
501	Thép xây dựng	Sắt 12 miền nam	cây			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 10/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	175.000	-	-	-	-	-
502	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 14/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.200
503	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	cây			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 14/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114.000
504	Thép xây dựng	Sắt 12 miền nam	cây			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 14/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	170.000
505	Thép xây dựng	Sắt 14 miền nam	cây			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển,	Mức giá ngày 14/09/2026 đến khi có thông báo mới	bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	230.000
506	Thép xây dựng	Thép D6 - CB240T	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130
507	Thép xây dựng	Thép D8 - CB240T	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130	16.130
508	Thép xây dựng	Thép D10 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680	15.680
509	Thép xây dựng	Thép D12 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
510	Thép xây dựng	Thép D14 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
511	Thép xây dựng	Thép D16 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bến mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
512	Thép xây dựng	Thép D18 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
513	Thép xây dựng	Thép D20 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
514	Thép xây dựng	Thép D22 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480	15.480
515	Thép xây dựng	Thép D25 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630
516	Thép xây dựng	Thép D28 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630
517	Thép xây dựng	Thép D32 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630	15.630
518	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.800	-	-	-	-
519	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114.000	-	-	-	-
520	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	183.000	-	-	-	-
521	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
522	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
523	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
524	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
525	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
526	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
527	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
528	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
529	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
530	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
531	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
532	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
533	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
534	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
535	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
536	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
537	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 30x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x30	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000
538	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 40x40cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	40x40	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000
539	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) 30x60cm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000
540	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
541	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
542	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
543	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 80x80cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
544	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
545	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
546	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 120x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000
547	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
548	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
549	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
550	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
551	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
552	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 120x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000
553	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000
554	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
555	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000
556	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
557	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 600, 601,..., 12, 15, 17....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000
558	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TSMT 601,602,.. PTSMT 601,062,.. PTSMT 601.602....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000
559	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 800, 801,.., 12, 15, 17,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	800x800 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000
560	Gạch ốp lát	BIII, Gạch ốp tường ceramic KTS: KQ, trơn: UM, KS, SH, F, CL, AZ, SH 3600, KT, UM3601, 3602,.....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000
561	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát chống T, PT 360, 367, PF, PCL, PAZ, PSH 3600, 3601, 3602,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x300 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
562	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát nền mài cạnh: GM, KM, CL, NQ301, 04, H.KQ, SH CE, CL CE 501, 502, 503, 505.. 3642, 3648, PUM, PKS, PNO301,04.... 3601, 3602,... 3611...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	500x500 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
563	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch đá trang trí mã số :CL1301, 1302...1305, CL1321, 1322...1325	m2	10 x 30	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	310.250	
564	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic in kỹ thuật số kích thước 30 x 30 : CL302, 304, 308, 310, 316	m2	30 x 30	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	185.150	
565	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch đá Semi Porcelain kích thước 30 X 60 : CLBS3601, 3602, 3604	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	
566	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic in kỹ thuật số kích thước 50 X 50 : CL501, 502...510	m2	50 x 50	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	160.240	

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
567	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch đá Semi Porcelain kích thước 30X60 : CLSM 3601, 3602, 3604	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	
568	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch đá Semi Porcelain kích thước 30 X 60 : CLBS3601, 3602, 3604	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	
569	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch đá Semi Porcelain kích thước 60X60: CLBS6601, 6602, 6604, 6605	m2	60 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	
570	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Semi Porcelain kích thước 60X60 : CLSM601, 602, 604, 605, 606	m2	60 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	225.135	
571	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic bóng in kỹ thuật số kích thước 30 x 60 : CL361, 362, 363, 364, 367, 368, 369, 310... CE3611, 3612, 3615, 3616, 3618, 3620, AD3688, AD 3689	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	
572	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic bóng in kỹ thuật số, kích thước 30 x 60 điểm : CL364A, 368A, 310A; CL-CE3611A, 3616A, 3618A, 3620A, CL-ST3601A...CL/ST3604A	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	210.150	
573	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic mờ satin in kỹ thuật số kích thước 30 x 60 : CLST3601, 3602, 3603, 3604	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	190.320	
574	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic bóng in kỹ thuật số kích thước 40X80 : CLCE4821, 4823, 4824	m2	40 x 80	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	205.467	
575	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch ceramic bóng in kỹ thuật số kích thước 40X80 điểm : CLCE4822A, 4824A	m2	40 x 80	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	215.780	
576	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt mờ giả gỗ) kích thước 15 x 90 : CL15901...15904, CL15951...15955	m2	15 x 90	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	415.350	
577	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt mờ) kích thước 20X100 : CL-GC 21061, 21062...21067	m2	20 x 100	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	450.234	
578	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt mờ) kích thước 30X60 : CLM3601, 3602...3608	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	
579	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt bóng) kích thước 30X60 : CL-GP 3611	m2	30 x 60	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2019/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	248.170	
580	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt mờ) kích thước 80x80 : CL2-GM 4801...4803; CL7-GM 4801...4803, 4804...4805	m2	80 x 80	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2020/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	
581	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt bóng) kích thước 80x80 : CL-GP 4800, CL1-GP 4801, GP 4804...4805, CL5-GP 4801...	m2	80 x 80	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2020/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	
582	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt mờ) kích thước 80x80 : CL2-GM 8802, CL3-GM 8802...8803, CL7-GM 8802...8805	m2	80 x 80	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2020/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - dt: 0919.898.103. Báng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
583	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt bóng) kích thước 80x80 : CL-GP 801...802...805...806...808...810...812...814; CL1-GP 8801; CL8804...8805; CL6-GP 8801...	m2	80 x 80	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2020/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	275.280	
584	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt bóng) kích thước 100 x 100 : CL51-9GP 101001; CL9GP101001...101002...101003; 9GP 101001	m2	100 x 100	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2020/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	410.560	
585	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Thạch Anh (đá Granite nhân tạo, bề mặt bóng) kích thước 120 x 120 : CL1-P 121201; CL2-121201...121203...121204	m2	120 x 120	TCVN 13113:2020 QCVN 16:2021/BXD	Công ty TNHH MTV Ánh Dương Long An. Đc: 766 QL1A, P.Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh - đt: 0919.898.103. Bảng báo giá ngày 22/6/2026	Việt Nam		Giao địa bàn Tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 22/06/2026	Bổ sung mới	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	525.765	
586	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1000mm;** Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 10, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có Tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2015	5m-11,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148
587	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1000mm;** Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2016	12m-17m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741
588	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1000mm;** Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm; có thép tăng cường chống gãy giữa cống; dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2017	17,5m-19,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333
589	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 12, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2018	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815
590	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2019	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704
591	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2020	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259
592	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liên khối **D1500mm;** Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 16, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2021	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444
593	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.25mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500
594	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.30mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
595	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.3 5 mm.x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
596	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.40mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
597	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.45mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500
598	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.50mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500
599	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.2 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500	62.500
600	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.30mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
601	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.35mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
602	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.40mmx 1200mm G55O	m	TCCS O1:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
603	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.45mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500	94.500
604	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ070 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500
605	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.30mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
606	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.35mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
607	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500
608	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.45mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
609	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.50mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500
610	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCSOL2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
611	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.35mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
612	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.40mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500	89.500
613	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.45mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
614	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500	106.500
615	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.25mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
616	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
617	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.35mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000
618	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS 02.2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500
619	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500	108.500
620	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500	119.500
621	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn HOA SEN GOLD màu: 0.50mmx 1200mm	m	ASTM A755M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000
622	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.30mmx 1070mm G550	m	TCCS 0L2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
623	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.35mmx1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
624	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pu 16mm: 0.40mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
625	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
626	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
627	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pl' Ĩ5mm. 0.30mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000
628	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .35mmx070mm G55O	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000
629	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .40mmx 1070mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000
630	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLÍ 18mm: .45mmx070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
631	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .50mmx070mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000	172.000
632	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: .30mmx1070mm G550	m	rccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000	137.000
633	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu l6mm:).35mmx1070mm G55O	m	rccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000
634	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).40mmx1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000
635	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000	167.000
636	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000	177.000
637	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: D.30mmx070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000
638	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000	149.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
639	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.40mmx1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000
640	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000
641	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.5(mmx1070mm G55O	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
642	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TN các chỉ tiêu kỹ thuật theo công văn số 4718/GTVT-KHCN về tiêu chuẩn vạch kẻ Đường nhiệt dẻo của Bộ GTVT	04kg/lon 18kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
643	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
644	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JFPV25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
645	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
646	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
647	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)	kg	TCVN 8787-2011	05kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
648	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)	kg	TCVN 8787-2011	05kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
649	Sơn	Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear: 3.9kg và hạt phản quang: 1.1kg)	kg	TCVN 8791:2011	05kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
650	Sơn	Hạt phản quang	kg	BS 6088A	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
651	Sơn	Jothiner Joway	kg	TCVN 8787-2011	05lit/lon 01lit/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
652	Sơn	Sơn lót Epoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K 5551:2018	04kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
653	Sơn	Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K 5659:2021	04/kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
654	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
655	Sơn	Matis gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
656	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
657	Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.755.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
658	Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.855.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
659	Sơn	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
660	Sơn	Sơn phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.792.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
661	Sơn	Sơn lót (PROSIN Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc: 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.786.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
662	Sơn	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	451.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
663	Sơn	Bột trét nội thất SP. FILLER Siêu trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	331.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
664	Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
665	Sơn	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
666	Sơn	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
667	Sơn	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
668	Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.782.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
669	Sơn	Sơn nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	534.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
670	Sơn	Sơn nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
671	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	thùng	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.330.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
672	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.266.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
673	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
674	Sơn	Sơn nước ngoại thất JONY	thùng	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.590.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
675	Sơn	Sơn nước thoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
676	Sơn	Sơn chất thấm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.693.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
677	Sơn	Sơn chất thấm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.539.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
678	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13-14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.843.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
679	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	812.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
680	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
681	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
682	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon WeatherGard Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
683	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Exterior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
684	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
685	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700
686	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
687	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Odour-less Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400
688	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Easy Wash Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
689	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
690	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800
691	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 17L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200
692	Sơn	Sơn lót ngoại thất chống nứt Nippon Weatherbond Flex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000
693	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
694	Sơn	Sơn lót ngoại thất Nippon Super Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
695	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Vatex	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 4,8kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200
696	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000
697	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex Sắc Màu Dịu Mát	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
698	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Easy Wash lau chùi dễ dàng	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
699	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Trắng Trần Toàn Diện	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800
700	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less Bóng sang trọng	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200
701	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less chùi rửa vượt trội & kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
702	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Spot-less Plus	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400
703	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng (không màu)	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800
704	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng Siêu Bóng (không màu)	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200
705	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
706	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Matex Light	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
707	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chịu chùi rửa vượt trội Nippon Super Easy Wash	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000
708	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chống bám bẩn kháng khuẩn Nippon Spot-Less Perfect	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
709	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
710	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Gard	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400
711	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Hitex	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800
712	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Plux +	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400
713	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Siêu Bóng	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000
714	Sơn	Sơn phủ ngoại thất kinh tế Nippon Super Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000
715	Sơn	Sơn phủ ngoại thất chống rêu mốc, chống bong tróc Nippon Superbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000
716	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp màng sơn bóng mờ, bền màu Nippon Weatherbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
717	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp, che phủ vết nứt Nippon Weatherbond Flex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000
718	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp kháng kiềm và độ đàn hồi cao Nippon Weatherbond CoastPro	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000
719	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Expert	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
720	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200	kg	QCVN 16:2023 BXD	20kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600
721	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Plus	kg	QCVN 16:2023 BXD	18kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
722	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296
723	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407
724	Sơn	Bột trét nội thất KOVA DX	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296
725	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Sân	thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593
726	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Tường	thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556
727	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT-11A PU Sân mái	thùng	TCCS262:2024/ KOVANANOPRO	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
728	Sơn	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185
729	Sơn	Chất phụ gia chống thấm KOVA CT11B	thùng	TCCS 15:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704
730	Sơn	Mastic deo KOVA Đa năng	thùng	TCCS204:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444
731	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sàn	bộ	TCCS75:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593
732	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK-6	bộ	TCCS86:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741
733	Sơn	Keo KOVA Clear Nano	Lon	TCCS221:2024/ KOVANANOPRO	Lon 1L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
734	Sơn	Keo KOVA Clear	thùng	TCCS203:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 5L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333
735	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
736	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường kháng khuẩn	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
737	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
738	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn kháng khuẩn	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
739	Sơn	Sơn lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-levelling - Màu nhạt	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148
740	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Nóng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370
741	Sơn	sơn chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS79:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370
742	Sơn	Sơn Đá Nghệ Thuật KOVA Art stone	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
743	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519
744	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963
745	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-109	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185
746	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16.-2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074
747	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Thấm	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889
748	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519
749	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-261 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000
750	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2Ũ20/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037
751	Sơn	Sơn nghệ thuật KOVA Art Metallic	Lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Lon 1kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
752	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407
753	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185
754	Sơn	Sơn nội thất KOVA FIT	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296
755	Sơn	Sơn nội thất KOVA Fix Up	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08.-2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852
756	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481
757	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296
758	Sơn	Sơn nội thất KOVA VISTA++	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333
759	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CĨ-04 Che Lấp vết Nứt	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963
760	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Tự Làm Sạch	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444
761	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037
762	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective 2in1	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148
763	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dậm Phủ	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
764	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Mịn Màng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593
765	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Tiện Lợi	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259
766	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926
767	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111
768	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407
769	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037
770	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815
771	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148
772	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556
773	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556
774	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741
775	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741
776	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185
777	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667
778	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) - Trắng/Đen/Vàng/Đỏ	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370
779	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Đỏ; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313
780	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Trắng; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.482.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
781	Sơn	Sơn lót giao thông KOVA KL-M (dùng làm sơn lót cho sơn vạch kẻ đường)	can	QCVN 08:2020/BCT TCCS83:2018/KO VANAN OPRO	Can 24 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.335.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
782	Sơn	Hạt phản quang	Bao	TCCS267:2025/KO VANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
783	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KO VANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	607.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
784	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KO VANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	632.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
785	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KO VANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
786	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
787	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Trắng, dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.107.813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
788	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.145.313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
789	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636	8.636
790	Sơn	Sơn lót nội thất	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455	65.455
791	Sơn	Sơn nội thất kinh tế	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182	68.182
792	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364	166.364
793	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818
794	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909	10.909
795	Sơn	Sơn lót ngoại thất	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455	145.455
796	Sơn	Sơn ngoại thất lăng mịn chống thấm nhẹ	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818
797	Sơn	Sơn ngoại thất lăng mịn chống thấm nhẹ - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091	209.091
798	Sơn	Sơn ngoại thất bóng loáng chống thấm, chùi rửa cao	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182	348.182
799	Sơn	Sơn ngoại thất bóng loáng chống thấm, chùi rửa cao - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vinh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364	376.364
800	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
801	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000	1.257.000
802	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000	4.406.000
803	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000	268.000
804	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000	1.316.000
805	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000	4.619.000
806	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000	397.000
807	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000	1.955.000
808	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000	6.917.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
809	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000
810	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000	1.037.000
811	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000	3.619.000
812	Sơn	Sơn lót chống kiềm cao cấp Goldsun	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000	775.000
813	Sơn	Sơn lót chống kiềm cao cấp Goldsun	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000
814	Sơn	Bột trét cao cấp Goldsun 2 in 1	kg		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000
815	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000	471.000
816	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000	1.486.000
817	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu đặc biệt: G1100, G1407, G1408, G1704, G1705, G1803)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000	519.000
818	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu đặc biệt: G1100, G1407, G1408, G1704, G1705, G1803)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000	1.636.000
819	Sơn	Sơn nước chất lượng cao trong nhà Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000	394.000
820	Sơn	Sơn nước chất lượng cao trong nhà Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000	1.190.000
821	Sơn	Sơn lót chống kiềm chất lượng cao cấp Goldtex	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000	574.000
822	Sơn	Sơn lót chống kiềm chất lượng cao cấp Goldtex	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000	1.889.000
823	Sơn	Bột trét chất lượng cao Goldtex 2 in 1	Bao		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000	364.000
824	Sơn	Sơn nước kinh tế ngoài trời Goldluck	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000
825	Sơn	Sơn nước kinh tế ngoài trời Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000	1.087.000
826	Sơn	Sơn nước kinh tế trong nhà Goldluck	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
827	Sơn	Sơn nước kinh tế trong nhà Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000	832.000
828	Sơn	Sơn lót chống kiềm kinh tế Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000
829	Sơn	Bột trét goldluck 2 in 1	Bao		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
830	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu chuẩn)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
831	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu chuẩn)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000	1.971.000
832	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu đặc biệt: V0100, V0681, V0711, V0821, V0911)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000	361.000
833	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu đặc biệt: V0100, V0681, V0711, V0821, V0911)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000
834	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu đỏ)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000	258.000
835	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu đỏ)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000
836	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu xám)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000
837	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu xám)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000	1.610.000
838	Sơn	Chống thấm CT-PRO	kg		20kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000	2.775.000
839	Sơn	Chống thấm CT-PRO	kg		4kg	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000
840	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981
841	Sơn	SOGUN: Sơn mịn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933
842	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất lau chùi hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511
843	Sơn	SOGUN: Sơn siêu trắng trần	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398
844	Sơn	SOGUN: Sơn bóng nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511
845	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm nội thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456
846	Sơn	SOGUN: Sơn mịn ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056
847	Sơn	SOGUN: Sơn bóng mờ ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
848	Sơn	SOGUN: Sơn bóng ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667
849	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm trong suốt	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
850	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm hệ xi măng đa năng	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482
851	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm màu hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511
852	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778
853	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất nano	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222
854	Sơn	Bột bả nội thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867
855	Sơn	Bột bả ngoại thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378
856	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng bóng cao cấp KN S8-99A	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000
857	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng KN S8-68B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000
858	Sơn	tương Sơn phủ Nano đa năng Bóng mờ KN S8-68M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000
859	Sơn	Sơn phủ Nano chống thấm pha màu KN S8-88N	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000
860	Sơn	Sơn phủ Nano kháng khuẩn Bóng mờ KN S8-26BM	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000
861	Sơn	Sơn phủ nano đa năng Bóng Nội thất KN S8-99B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000
862	Sơn	Sơn phủ Nano lau chùi Nội thất KN S8-66E	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000
863	Sơn	Sơn phủ Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S8-22M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000
864	Sơn	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng - Matit Nano Cao cấp Ngoại thất KN MT-01	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000
865	Sơn	Matit Nano Cao cấp Nội thất KN MT-02	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
866	Sơn	Mastic dẻo Kova Nano Đa năng KN-D3	thùng		thùng 25 kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000
867	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-S	thùng			Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
868	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-T	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000
869	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt KN CT-16A CLEAR	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000
870	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt Đặc biệt KN CT-16A CLEAR-DB	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000
871	Sơn	Sơn lót Nano đa năng KN-SIDN	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000
872	Sơn	Sơn lót Nano chống kiềm đa năng KN S1-LCK	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
873	Sơn	Sơn lót Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN SI-TC	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
874	Sơn	Sơn phủ Nano chống nóng- Hệ nước 1 thành phần dùng cho mái tole & tường nhà xưởng KN S6	kg		bộ 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000
875	Sơn	Keo epoxy nano Mastic KL5-01	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
876	Sơn	Sơn lót Nano Epoxy tự dán trải KL5-02	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
877	Sơn	Sơn lót Nano chống gỉ Epoxy dành cho bề mặt Sắt, Thép Kim loại KL5-04	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000
878	Sơn	Sơn phủ Nano Epoxy kim loại & tàu biển KL5-05	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000
879	Sơn	Sơn Nano giao thông không phản quang KN-GT02 (vàng, đỏ)	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000
880	Sơn	Sơn Nano viết bảng KN-WB	kg		Thùng 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000
881	Sơn	Sơn Phủ nano Kháng khuẩn KN DB-KK	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
882	Sơn	Sơn phủ Nano Tự làm sạch KN DB-TLS	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 0907777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
883	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp J01	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
884	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp J02	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900
885	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp N800	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
886	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất lau chùi cao cấp J67	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
887	Sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp J68	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200
888	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 7 in 1 men sứ J69	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000
889	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất cao cấp J66	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100
890	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp N810	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
891	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp J35	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900
892	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 8 in 1 men sứ J86	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800
893	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả ngoại thất cao cấp J87	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 15 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200
894	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng J11A	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700
895	Sơn	Sơn chống thấm pha màu cao cấp J11M	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100
896	Sơn	Sơn lót nội thất siêu mịn cao cấp N500	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200
897	Sơn	Sơn lót ngoại thất siêu mịn cao cấp N805	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
898	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp J65	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700
899	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp J85	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400
900	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333
901	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148
902	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407
903	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
904	Sơn	Bột trét ngoại thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556
905	Sơn	Bột trét nội thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519
906	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148
907	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
908	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704
909	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481
910	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO ĐÀN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963
911	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO ĐÀN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
912	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO ĐÀN 300%	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296
913	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815
914	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185
915	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333
916	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704
917	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778
918	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444
919	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185
920	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667
921	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
922	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630
923	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370
924	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815
925	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296
926	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296
927	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963
928	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481
929	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148
930	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667
931	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
932	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963
933	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333
934	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
935	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704
936	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519
937	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630
938	Sơn	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296
939	Sơn	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
940	Sơn	Chống thấm màu RINGO	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444
941	Sơn	Chống thấm màu RINGO	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481
942	Sơn	SƠN NỘI THẤT ĐẸP-LBI	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111	486.111
943	Sơn	SƠN NỘI THẤT ĐẸP-LBI	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778	1.227.778
944	Sơn	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852	1.101.852
945	Sơn	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556	2.655.556
946	Sơn	SƠN NỘI THẤT NGỌC TRAI SANG TRỌNG-LEI	lít		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407	257.407
947	Sơn	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852	1.151.852
948	Sơn	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963	3.162.963
949	Sơn	SƠN NỘI THẤT ĐẸP HOÀN HẢO - CAO CẤP BÓNG-LPI	lít		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630	329.630
950	Sơn	SƠN NỘI THẤT ĐẸP HOÀN HẢO - CAO CẤP BÓNG-LPI	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074	1.474.074
951	Sơn	SƠN NỘI THẤT ĐẸP HOÀN HẢO - CAO CẤP BÓNG-LPI	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444
952	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT ĐẸP-LBE	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222	822.222
953	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT ĐẸP-LBE	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630	2.279.630
954	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT CHE VẾT NỨT-LVE	lít		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222	322.222
955	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT CHE VẾT NỨT-LVE	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259	1.409.259
956	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT CHE VẾT NỨT-LVE	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815	4.164.815

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
957	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT BÓNG NGỌC TRAI-LEE	lít		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407	357.407
958	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT BÓNG NGỌC TRAI-LEE	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593	1.792.593
959	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT BÓNG NGỌC TRAI-LEE	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556	5.255.556
960	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT CAO CẤP BÓNG ĐẸP HOÀN HẢO - LPE	lít		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778	477.778
961	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT CAO CẤP BÓNG ĐẸP HOÀN HẢO - LPE	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185	2.385.185
962	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT CAO CẤP BÓNG ĐẸP HOÀN HẢO - LPE	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519	6.468.519
963	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM HIỆU QUẢ - LAL	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222	572.222
964	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM HIỆU QUẢ - LAL	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593	1.592.593
965	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NỘI & NGOẠI THẤT - LAR	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667	891.667
966	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NỘI & NGOẠI THẤT - LAR	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259	2.484.259
967	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NGOẠI THẤT - LAP	lít		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259	1.009.259
968	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NGOẠI THẤT - LAP	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556	2.805.556
969	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT THỜI TIẾT KHẮC NGHIỆT - LAB	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630	1.079.630
970	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT THỜI TIẾT KHẮC NGHIỆT - LAB	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815	3.014.815
971	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHO TƯỜNG - CT2KW	kg	TCCS	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889	1.263.889
972	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHO TƯỜNG - CT2KW	kg	TCCS	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611	3.458.611
973	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHUYÊN DỤNG CHO SÀN - CT2KF	kg	TCCS	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815	1.339.815

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
974	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHUYÊN DỤNG CHO SÀN - CT2KF	kg	TCCS	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Láng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556	3.755.556
975	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM MÀU CHO TƯỜNG - CT1K	kg	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLD-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLD-2026)	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Láng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093	1.320.093
976	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM MÀU CHO TƯỜNG - CT1K	kg	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLD-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLD-2026)	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Láng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556	3.680.556
977	Sơn	LỚP PHỦ CHỐNG THẤM PU CAO CẤP - CTPU	kg	TCCS	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Láng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444	1.544.444
978	Sơn	LỚP PHỦ CHỐNG THẤM PU CAO CẤP - CTPU	kg	TCCS	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Láng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037	4.462.037
979	Sơn	BỘT TRÉT CAO CẤP NỘI NGOẠI THẤT - S-PUTTY	kg		40 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Láng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333	408.333
980	Sơn	SƠN BB LON MATT FINISH INTERIOR	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.920.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000	2.070.000
981	Sơn	SƠN BB LON CLEAN MAXIMUM INTERIOR	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.870.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000	2.935.000
982	Sơn	SƠN BB LON NOVO SATIN INTERIOR	thùng		18L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.665.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000	4.660.000
983	Sơn	SƠN BB LON TOTAL SHINE FOR INTERIOR	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.860.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000	4.620.000
984	Sơn	SƠN BB LON FUTURE EXTERIOR	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.505.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000	3.640.000
985	Sơn	SƠN BB LON SHELLSHINE EXTERIOR	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.965.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000	5.660.000
986	Sơn	SƠN BB LON SUPER SATIN EXTERIOR	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.252.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
987	Sơn	SƠN BB LON ALKALI RESISTER INTERIOR	thùng		18L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.920.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000
988	Sơn	SƠN BB LON ALKALI RESISTER EXTERIOR	thùng		18L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.250.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000	3.865.000
989	Sơn	SONBOSS HUMID STOP WALL WATERPROOF SB01	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.995.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000
990	Sơn	SONBOSS VHOUSE ROOF WATERPROOF SH22	thùng		15L	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.860.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
991	Sơn	BỘT TRÉT BB LON WALL FILLER INTERIOR	bao		40kg	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000
992	Sơn	BỘT TRÉT BB LON WALL FILLER FOR INT & EXT	bao		40kg	Chi Nhánh Công Ty 4 Oranges Co., LTD Tại TP Hồ Chí Minh. Đc: Lô C-02-1, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh - Nhà phân phối cty TNHH TM DV Song Ngọc Phát. Công văn đề nghị công bố giá ngày 28/08/2026	Việt Nam		Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thử hiện từ ngày 1/9/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	455.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000
993	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc ha thế AV 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410	23.410
994	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc ha thế AV 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750	32.750
995	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc ha thế AV 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220	44.220
996	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc ha thế AV 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110	60.110
997	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc ha thế AV 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070	73.070
998	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc ha thế AV 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560	145.560
999	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35mm2 (35/6,2) (149kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415	146.415
1000	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2 (50/8) (195kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168	151.168
1001	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 70/11mm2 (274kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926	149.926
1002	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 95/16mm2 (384kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165	148.165
1003	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 120mm2 (120/19) (471kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343	159.343
1004	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 150/19 (554kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300	159.300
1005	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185mm2 (185/24) (705kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846	153.846
1006	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185mm2 (185/29)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764	149.764
1007	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 240mm2 (240/32) (920kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008	154.008
1008	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn 600V 30/10	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220	23.220
1009	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930	94.930
1010	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990	143.990
1011	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220	199.220
1012	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570	272.570
1013	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850	388.850
1014	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710	537.710
1015	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360	700.360
1016	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100	837.100
1017	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 185mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200	1.045.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1018	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560	1.369.560
1019	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc ha thế CV 300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200	1.752.200
1020	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C25mm2 (224kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186	651.186
1021	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C50mm2 (444kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976	644.976
1022	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C70mm2 (612kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726	646.726
1023	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C95mm2 (850kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473	650.473
1024	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C120mm2 (1.066kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678	667.678
1025	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x6mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760	69.760
1026	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x10mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520	113.520
1027	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410	174.410
1028	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170	272.170
1029	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC S 2x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820	67.820
1030	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC 2x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830	63.830
1031	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển ruột đồng, màng chắn đồng (CVV-Sc) 4x4mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950
1032	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 02 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn đồng 0,6/1kV [CVV-Sc] - 2x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440	88.440
1033	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 04 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn đồng 0,6/1kV [CVV-Sc] - 4x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950	142.950
1034	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 02 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn nhôm 0,6/1kV [CVV-Sa] - 2x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250	81.250
1035	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 04 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn nhôm 0,6/1kV [CVV-Sa] - 4x4 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670	140.670
1036	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu TU&TI 4 ruột đồng cách điện PVC TH-CVV 3x4+1x2,5mm²	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825	114.825
1037	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830	124.830
1038	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x10mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870	179.870
1039	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150	233.150
1040	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560	365.560
1041	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070	484.070
1042	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x10+1x6 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430	270.430
1043	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x16+1x10 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300	389.300
1044	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x25+1x16 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680	610.680
1045	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x35+1x16 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170	783.170
1046	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 25 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720	210.720
1047	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 35 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590	247.590
1048	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 50 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700	353.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1049	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 70 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020	471.020
1050	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 95 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270	624.270
1051	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 120 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470	808.470
1052	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 150 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670	992.670
1053	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 185 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650	1.174.650
1054	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 240 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360	1.515.360
1055	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 300 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830	1.879.830
1056	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719	107.719
1057	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016	124.016
1058	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732	154.732
1059	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427	183.427
1060	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336	204.336
1061	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 185mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583	238.583
1062	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289	289.289
1063	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686	65.686
1064	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422	86.422
1065	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404	114.404
1066	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796	144.796
1067	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731	117.731
1068	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527	164.527
1069	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636	223.636
1070	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154	283.154
1071	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604	341.604
1072	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 35 (~3,4m/kg)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883
1073	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 50 (~2,6m/kg)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408
1074	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 35mm2 bọc HDPE	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070
1075	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 50mm2 bọc HDPE	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925	58.925
1076	Vật tư ngành điện	Dây thép trần xoắn mạ kẽm dùng làm dây chằng DC-TK 35	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883	105.883
1077	Vật tư ngành điện	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070	33.070
1078	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517	196.517

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1079	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850	235.850
1080	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586	310.586
1081	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720	602.720
1082	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815	951.815
1083	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237	1.448.237
1084	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC S 4x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832	140.832
1085	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]- 3x50 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743	1.563.743
1086	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]-3x240 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739	5.563.739
1087	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]-3x300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917	6.605.917
1088	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364	1.823.364
1089	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x95 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510	3.265.510
1090	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]- 3x240 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397	6.364.397
1091	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852	7.491.852
1092	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm trung thế 1P CXV 1x150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130	1.066.130
1093	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 1 pha Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC-W 1x300mm2 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900	2.298.900
1094	Vật tư ngành điện	Dây chống sét GW 3/8	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880	105.880
1095	Vật tư ngành điện	Dây chống sét TK 50	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/DT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408	127.408
1096	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 6m dày 3mm Đường kính đáy: D150, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000
1097	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 7m dày 3mm Đường kính đáy: D160, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000
1098	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 8m dày 4mm Đường kính đáy: D170, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000
1099	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 9m dày 4mm Đường kính đáy: D180, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000
1100	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 10m dày 4mmĐường kính đáy: D190, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000
1101	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn cao 2m vươn xa 1.5m;3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1102	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi cao 2m vươn xa 1.5m;3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
1103	Vật tư ngành điện	Cần đèn ba cao 2m vươn xa 1.5m;3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
1104	Vật tư ngành điện	Cột 14m: Cột đa giác xà bắt đèn pha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000
1105	Vật tư ngành điện	Cột 17m: Cột đa giác + giàn di động nâng ha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
1106	Vật tư ngành điện	Cột 20m: Cột đa giác động nâng ha (20m dày 5mm + giàn di động nâng ha)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2003		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000
1107	Vật tư ngành điện	Cột 30m: Cột đa giác động nâng ha (30m dày 5mm + giàn di động nâng ha)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2004		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000
1108	Vật tư ngành điện	ĐÈN LED MDC LACHONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000
1109	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000
1110	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000
1111	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000
1112	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000
1113	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000
1114	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
1115	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000
1116	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
1117	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1118	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000
1119	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 806x320x106mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000
1120	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000
1121	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000
1122	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000
1123	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
1124	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
1125	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000
1126	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000
1127	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000
1128	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S01	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
1129	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S03	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000
1130	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT - 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000
1131	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 60W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000
1132	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000
1133	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1134	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 36W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
1135	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 50W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000
1136	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 56W-90AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
1137	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 70W-140AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
1138	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 80W-160AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000
1139	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 100W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000
1140	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 120W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
1141	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 80W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
1142	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 85W - IO5W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000
1143	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) HOW - 125W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000
1144	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 130W-155W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008)TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000
1145	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 160W-185W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000
1146	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 100W-250W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000
1147	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 300W -350W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM8Q, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000
1148	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 30W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFeP 04 SẠC ĐÂY VỚI 6H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000
1149	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐÂY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000
1150	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 80 w - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐÂY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000
1151	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 120W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐÂY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1152	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 60W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66. Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000
1153	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 90W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
1154	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 120W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000
1155	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 150W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000
1156	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L) 180W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000
1157	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L)200W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000
1158	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng LCU	cái	*EN55015, EN60598-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN6l547, EN61347-1, EN61347-2-11, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI EN300328, ETSI EN303413, ETSI EN301489-1*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK09*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000
1159	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh DCU	tủ	*EN55022, EN55024, EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI 300328*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK08 Lắp đặt tùy chọn Tủ điều khiển IP54*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000
1160	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến thời tiết	bộ	*ETS1 EN 303413 V1 .1.1 ETSI EN 300328 V2 .1.1 ETSI EN 301489-1 V2 .1.1*	*Bảo vệ sự xâm nhập 1P65 Bảo vệ tác động IK08*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000
1161	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến phân tích giao thông	bộ	*UNI11248*	#NAME?	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000
1162	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 3 pha	tủ	*EN55022, EN55024,EN61326-1. EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:.2014, ETSI 300328*	*Nguồn điện 100-305 VAC50760Hz Dòng cắt ngắn mạch 6kA -50 kA Dòng điện tối đa 10.A - 630 A , Cấp bảo vệ IP43 - IP55 Độ tăng nhiệt tối đa: 50 độ c. Công suất tiêu thụ < 12W*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000
1163	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000
1164	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
1165	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D200 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP 55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000
1166	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000
1167	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT nhắc lại D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000
1168	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
1169	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000
1170	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi vuông 500x600 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1171	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2pha	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000
1172	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT Thông minh	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000
1173	Vật tư ngành điện	Dù che tủ điều khiển	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000
1174	Vật tư ngành điện	Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
1175	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI LIGHT KMC 30W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000
1176	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 40W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000
1177	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 50W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091
1178	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 60W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1179	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 70W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống và đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống và đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất: > 0.95;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091
1180	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 80W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống và đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống và đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất: > 0.95;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000
1181	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 90W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống và đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống và đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000
1182	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 100W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống và đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống và đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000
1183	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1L1GHT KMC 120W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống và đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống và đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1184	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 140W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
1185	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUH AI LIGHT KMC 150W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909
1186	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 180W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
1187	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 200VV	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091
1188	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 40W; MPPT charge controllers 12V, 80W 18V solar panel, 45AH 12,8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000
1189	Vật tư ngành điện	MFUHA1L1GHT SOLAR E-KMC 60W; MPPT charge controllers 12V, 120W 18V solar panel, 75AH 12.8 V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000
1190	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC SOW; MPPT charge controllers 12V, 160W 18V solar panel, 90AH 12.8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1191	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC IOOW, MPPT charge controllers 24V, 200W 36V solar panel, 60AH 25.6V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/9/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000
1192	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630
1193	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870
1194	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963
1195	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722
1196	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x28W 1m2,ánh sáng trắng (T) GT3-120T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741
1197	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222
1198	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852
1199	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1200	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352	864.352
1201	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630
1202	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019
1203	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148
1204	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926
1205	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x18W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-120T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685
1206	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x9W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-60T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LGI14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1207	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x16W Ø120 x 38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-16T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259
1208	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x24W Ø173x38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-24T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093
1209	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019
1210	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426
1211	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48W thân nhựa BN2-48T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148
1212	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167
1213	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519
1214	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907
1215	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630
1216	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222
1217	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370
1218	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630
1219	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi tho: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833
1220	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi tho: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870
1221	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi tho: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907
1222	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333
1223	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi tho: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1224	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 25W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	cái	QCVN 19-2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278
1225	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	cái	QCVN 19-2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1226	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-18T/V	cái	QCVN 19-2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111
1227	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-36T/V	cái	QCVN 19-2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130
1228	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	cái	QCVN 19-2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056
1229	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	cái	QCVN 19-2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574
1230	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 320N A9016L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574
1231	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 320N A9020L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296
1232	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 320N A9025L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185
1233	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 320N A9032L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481
1234	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 750N A9016	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815
1235	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 750N A9020	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148
1236	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 750N A9025	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556
1237	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 750N A9032	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204
1238	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D16 màu trắng A9016CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø16	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056
1239	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D20 màu trắng A9020CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø20	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241
1240	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D25 màu trắng A9025CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dẫn hồi màu trắng Ø25	40m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1241	Vật tư ngành điện	Ống ruốt gà D32 màu trắng A9032CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dân hồi màu trắng Ø32	25m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444
1242	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000
1243	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000
1244	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000
1245	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000
1246	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000
1247	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000
1248	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500
1249	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500
1250	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000
1251	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000
1252	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000
1253	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000
1254	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500
1255	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX -100W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500
1256	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000
1257	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500
1258	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1259	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000
1260	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000
1261	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố C-WIN - 150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000
1262	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố D-WIN - 150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000
1263	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500
1264	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500
1265	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500
1266	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500
1267	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000
1268	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000
1269	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500
1270	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800
1271	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000
1272	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000
1273	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500
1274	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500
1275	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500
1276	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1277	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000
1278	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500
1279	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500
1280	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500
1281	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000
1282	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000
1283	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000
1284	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000
1285	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000
1286	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000
1287	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500
1288	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000
1289	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000
1290	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000
1291	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000
1292	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000
1293	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000
1294	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1295	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000
1296	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000
1297	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000
1298	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000
1299	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000
1300	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB05-200w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250
1301	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-250w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000
1302	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-300w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200
1303	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650
1304	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-500w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650
1305	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB03-600w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000
1306	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB04-800w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550
1307	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550
1308	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000
1309	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500
1310	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700
1311	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000
1312	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1313	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Buloong M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000
1314	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 18 Buloong M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000
1315	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 20 Buloong M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000
1316	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000
1317	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000
1318	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000
1319	Vật tư ngành điện	Đế gang DP03 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400
1320	Vật tư ngành điện	Đế DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800
1321	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang cù tòi DP04 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000
1322	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DP02 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600
1323	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang PINE cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000
1324	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800
1325	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC05 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600
1326	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC01 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000
1327	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang BANIAN cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600
1328	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang NOUVO cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600
1329	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC02 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200
1330	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1331	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400
1332	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200
1333	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600
1334	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800
1335	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600
1336	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800
1337	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400
1338	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH08 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200
1339	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800
1340	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200
1341	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH12 cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460
1342	Vật tư ngành điện	Đèn Jupiter	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400
1343	Vật tư ngành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400
1344	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB01-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800
1345	Vật tư ngành điện	Cần kép MB01-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000
1346	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB02-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400
1347	Vật tư ngành điện	Cần kép MB02-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000
1348	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB06-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1349	Vật tư ngành điện	Cần kép MB06-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200
1350	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB03-D (lắp vào thân cột thép)	cái									1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600
1351	Vật tư ngành điện	Cần kép MB03-K (lắp vào thân cột thép)	cái									2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600
1352	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB04-D (lắp vào thân cột thép)	cái									1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200
1353	Vật tư ngành điện	Cần kép MB04-K (lắp vào thân cột thép)	cái									2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800
1354	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 3m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái									2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000
1355	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái									2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000
1356	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 5m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái									3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200
1357	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 6m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái									4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400
1358	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái									4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200
1359	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái									6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400
1360	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái									6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200
1361	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái									7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600
1362	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái									8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
1363	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái									9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200
1364	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 10m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái									9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800
1365	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 11m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800
1366	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 12m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1367	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 4m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000
1368	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 5, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
1369	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 6m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000
1370	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800
1371	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800
1372	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200
1373	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400
1374	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200
1375	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000
1376	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600
1377	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200
1378	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao11m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000
1379	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200
1380	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 12m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000
1381	Vật tư ngành điện	Cột đèn năng hạ 17m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện năng ha, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000
1382	Vật tư ngành điện	Cột đèn năng hạ 20m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện năng ha, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000
1383	Vật tư ngành điện	Cột đèn năng hạ 25m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện năng ha, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000
1384	Vật tư ngành điện	Cột đèn năng hạ 30m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện năng ha, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1385	Vật tư ngành điện	Cột đèn năng hạ 35m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện năng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000
1386	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 13m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000
1387	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 14m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000
1388	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 15m, thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000
1389	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 16m thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400
1390	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 17m thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000
1391	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 18m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000
1392	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 19m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000
1393	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
1394	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000
1395	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000
1396	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000
1397	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000
1398	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000
1399	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000
1400	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000
1401	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000
1402	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1403	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000
1404	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000
1405	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000
1406	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
1407	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang KT: (900x900)mm, D700 tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000
1408	Vật tư ngành điện	Nắp thăm thu kết hợp CPS, KT: (1050x745)mm, Tải trọng 12,5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000
1409	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m, dày 5mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000
1410	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000
1411	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 3.3m, dày 4mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000
1412	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000
1413	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 5.6m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000
1414	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000
1415	Vật tư ngành điện	Thanh giá treo đèn D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000
1416	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 2.5m, dày 3mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000
1417	Vật tư ngành điện	Đèn LED cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000
1418	Vật tư ngành điện	Đèn LED 3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400
1419	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D100, 3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000
1420	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D200, 3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1421	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D300, 3 màu xanh, đỏ, vàng, D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bằng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000
1422	Vật tư ngành điện	Đèn LED mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000
1423	Vật tư ngành điện	Đèn LED chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bằng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000
1424	Vật tư ngành điện	Đèn LED Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bằng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000
1425	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bằng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000
1426	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bằng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000
1427	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
1428	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ 2 x D200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000
1429	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000
1430	Vật tư ngành điện	Tru tù điều khiển tín hiệu giao thông 03 pha, ôn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000
1431	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển tín hiệu giao thông 02 pha, ôn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000
1432	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 30A-32A-40A-50A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000
1433	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tôn thất 60A-63A-75A-80A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000
1434	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tôn thất 100A-150A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000
1435	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000
1436	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000
1437	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 250A-300A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 2609037N/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000
1438	Vật tư ngành điện	Đà sắt U80x40x4,2-3000mm	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733	724.733

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1439	Vật tư ngành điện	Thanh giằng chống gió L75x75x8-3000mm	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900	970.900
1440	Vật tư ngành điện	Thanh giằng chống gió L75x75x8-2150mm	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133	720.133
1441	Vật tư ngành điện	Sắt potelet L63x63x6 dài 2m	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700	490.700
1442	Vật tư ngành điện	Bộ đà lắp TBA giàn (gồm: 2 Đà Đỡ MBA U200x70x4,8-3m, 2 Đà cố định MBA U120x52x4,8-0,85m, 2 bộ Cổ dề 100x10x320)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533	6.171.533
1443	Vật tư ngành điện	Bộ kẹp TU	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900	266.900
1444	Vật tư ngành điện	Giá đỡ MBA cấp nguồn	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
1445	Vật tư ngành điện	Giá đỡ thùng điện kế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200	254.200
1446	Vật tư ngành điện	Giá đỡ tụ bù trung thế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000	2.398.000
1447	Vật tư ngành điện	Giá đỡ tụ bù hạ thế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650	42.650
1448	Vật tư ngành điện	Giá đỡ cáp chữ E (cộng 6 kẹp)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100	363.100
1449	Vật tư ngành điện	Gông treo cáp chữ D	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550	334.550
1450	Vật tư ngành điện	Collier 3x30x240+2 boulon VRS 10x100	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050	54.050
1451	Vật tư ngành điện	Collier 3x30x280+ 2 boulon VRS 10x100	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350	68.350
1452	Vật tư ngành điện	Collier vis siết inox loại 7/8	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900
1453	Vật tư ngành điện	Cách điện đứng polymer 24KV	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900	555.900
1454	Vật tư ngành điện	Hộp composite 1 điện kế 3 pha + phụ kiện	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550	589.550
1455	Vật tư ngành điện	Hộp PP điện 6 CB rỗng	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200	418.200
1456	Vật tư ngành điện	Hộp PP 06 cực +06CB 63A	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000	1.352.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1457	Vật tư ngành điện	Hộp PP điện 9 CB rỗng	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733	461.733
1458	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đơn góc	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000
1459	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đơn	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100	115.100
1460	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đôi góc	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300
1461	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đôi thẳng	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933	205.933
1462	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ dao cắt tụ	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500	185.500
1463	Vật tư ngành điện	Nắp chụp bát sứ TI trung thế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700	271.700
1464	Vật tư ngành điện	Ống co nhiệt trung thế 24kV - Ø50	m			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833	110.833
1465	Vật tư ngành điện	Ống co nhiệt trung thế 24kV - Ø85	m			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633	164.633
1466	Vật tư ngành điện	Ống co nhiệt trung thế 24kV - Ø100	m			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700	209.700
1467	Vật tư ngành điện	Đầu cosse ép đồng pin rỗng 4mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567	12.567
1468	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 50mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
1469	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 70mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650	44.650
1470	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 95mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175	51.175
1471	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 120mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300
1472	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 150mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725	97.725
1473	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 185mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025	119.025
1474	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 240mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275	144.275

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1475	Vật tư ngành điện	Cosse ép đồng 16 mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800
1476	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 35-50 (2/0 loại tỳ)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725	287.725
1477	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 70-95 (loại tỳ)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150	321.150
1478	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 120-150 (loại tỳ)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725	327.725
1479	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 185-240 (loại tỳ)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225	330.225
1480	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 1 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 120mm² (OD) (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075	3.109.075
1481	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 1 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 150mm² (OD) (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225	3.243.225
1482	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 1 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 185mm² (OD) (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475	3.455.475
1483	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 50mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100	6.778.100
1484	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 95mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900	744.900
1485	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 120mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050	8.234.050
1486	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 150mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950	8.462.950
1487	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 240mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550	8.950.550
1488	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 240mm² (trong nhà)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275	8.082.275
1489	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 300mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700	9.403.700
1490	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 300mm² (trong nhà)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925	8.523.925
1491	Vật tư ngành điện	Bột Bentonite	kg			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500	61.500
1492	Vật tư ngành điện	Cần khoan Robbin	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1493	Vật tư ngành điện	Lưỡi khoan	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500	4.612.500
1494	Vật tư ngành điện	Đầu nong 400mm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500	7.687.500
1495	Vật tư ngành điện	Đầu nong 500mm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000
1496	Vật tư ngành điện	Đầu nong 600mm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000
1497	Vật tư ngành điện	Cọc bê tông cảnh báo cáp ngầm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400	1.082.400
1498	Vật tư ngành điện	Dao cách ly (DS) 1 pha 24kV-630A, cách điện polymer (đóng rò 25mm/kV)	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000	11.842.000
1499	Vật tư ngành điện	Bộ Dao cắt tụ bù ứng động (có kết nối SCADA), gồm: 3 Dao cắt tụ 1 Pha (gồm 6 kẹp cực đấu nối); tủ điều khiển, hộp đấu dây trung gian, bộ cáp điều khiển; cảm biến dòng chân sứ, biến điện áp cấp nguồn.	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586	368.284.586
1500	Vật tư ngành điện	Bộ Dao cắt tụ bù ứng động, gồm: 3 Dao cắt tụ 1 Pha (gồm 6 kẹp cực đấu nối); tủ điều khiển, hộp đấu dây trung gian, bộ cáp điều khiển; cảm biến dòng chân sứ, biến điện áp cấp nguồn.	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586	324.934.586
1501	Vật tư ngành điện	Tụ bù trung áp 13,4kV-50kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000	13.350.000
1502	Vật tư ngành điện	Tụ bù trung áp 13,4kV - 100kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000	15.275.000
1503	Vật tư ngành điện	Tụ bù trung áp 13,4kV - 200kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000	20.085.000
1504	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 1 pha ngoài trời - 2,5kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162	685.162
1505	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 1 pha ngoài trời - 5kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172	999.172
1506	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 1 pha ngoài trời - 10kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065	1.372.065
1507	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 5kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426	723.426
1508	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 10kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965	1.076.965
1509	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 15kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014	1.286.014
1510	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 20kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605	1.606.605

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1511	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x100kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950	17.082.950
1512	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x160kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256	19.183.256
1513	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x250kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000	26.927.000
1514	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x320kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900	31.211.900
1515	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x400kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500	31.737.500
1516	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x560kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585	56.263.585
1517	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x630kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp, 2 lộ ra)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750	102.792.750
1518	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x750kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp, 2 lộ ra)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900	114.633.900
1519	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x25kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000	13.910.000
1520	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x37,5kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520	15.117.520
1521	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x50kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379	15.937.379
1522	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x75kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622	23.313.622
1523	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x25kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112	13.439.112
1524	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x37,5kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250	14.522.250
1525	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x50kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175	13.993.175
1526	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x75kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736	18.432.736
1527	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x100kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000	23.210.000
1528	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x37,5kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313	12.862.313

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1529	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x50kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748	13.762.748
1530	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x75kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000	15.086.000
1531	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x100kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950	15.132.950
1532	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 7,5m - 300kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500	2.358.500
1533	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 8,5m - 300kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500	2.746.500
1534	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 10m - 350kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000	3.793.000
1535	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 12m - 720kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000	7.115.000
1536	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 14m - 850kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000	9.327.000
1537	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 16m - 1100kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000	20.361.000
1538	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 18m - 1100kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000	23.015.000
1539	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 20m - 1300kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000	28.718.000
1540	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 22m - 1400kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000	35.635.000
1541	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 7,5m - 300kgf (TD)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500	2.494.500
1542	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 8,5m - 300kgf (TD)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500	2.897.500
1543	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 10m - 350kgf (TD)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600	3.953.600
1544	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 12m - 720kgf (TD)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500	7.294.500
1545	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 14m - 850kgf (TD)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500	9.533.500
1546	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DỰL 16m - 1100kgf (TD)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500	20.633.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1547	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DU/L 18m - 1100kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500	23.134.500
1548	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DU/L 20m - 1300kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400	2.913.400
1549	Vật tư ngành điện	Đà cân 1,2 m	cái			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000
1550	Vật tư ngành điện	Đà cân 1,5 m	cái			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
1551	Vật tư ngành điện	Móng neo 600x1500	cái			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500
1552	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D800-80 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000
1553	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D1000-100 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000	3.850.000
1554	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D1200-100 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000	4.885.000
1555	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D1500-120 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000	5.180.000
1556	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn 600V 12/10	m		0.6/1KV V 1X12/10SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750	5.750
1557	Vật tư ngành điện	Dây đồng cách điện PVC hạ áp 0,6/1kV [CV]6	m		0.6/1KV V 1X6SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450	29.450
1558	Vật tư ngành điện	Dây đồng cách điện PVC hạ áp 0,6/1kV [CV]10	m		0.6/1KV V 1X10SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750	48.750
1559	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuAV 2x16mm2 (nhôm)	m		0.6/1kV Dup-CV 2x16SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150	92.150
1560	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-25 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x25SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950	152.950
1561	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-35 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x35SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
1562	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-50 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250	276.250
1563	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-70 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250	381.250
1564	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-95 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800	520.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1565	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-120 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x120SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150	654.150
1566	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-150 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1X150SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450	832.450
1567	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-185 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x185SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050	994.050
1568	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-240 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x240SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100	1.301.100
1569	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-300 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x300SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950	1.622.950
1570	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm2	m		AL-ABC 3x50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100	69.100
1571	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm2	m		AL-ABC 3x70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300	97.300
1572	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm2	m		AL-ABC 3x95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850	132.850
1573	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vận xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x120mm2	m		AL-ABC 3x120SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650	165.650
1574	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x50 mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300	1.355.300
1575	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x70mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800	1.778.800
1576	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x95mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950	2.333.950
1577	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x120mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X120SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050	2.827.050
1578	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x150mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X150SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250	3.464.250
1579	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x185 mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X185SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250	4.141.250
1580	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x240 mm2	m		12.7/22kV CWSVTAV 3X240SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950	5.096.950
1581	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x300 mm2	m		12.7/22kV CWSVVTAV 3X300SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950	6.056.950
1582	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x50+1x25mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X50SQ+1X25SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700	837.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1583	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x70+1x35mm2	m		0.6/1KV CVTAV-TW 3X70SQ+1X35SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200	1.197.200
1584	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x95+1x50mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X95SQ+1X50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150	1.658.150
1585	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x120+1x70mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X120SQ+1X70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300	2.123.300
1586	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x150+1x95mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X150SQ+1X95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600	2.687.600
1587	Vật tư ngành điện	Máy biến áp phân phối 3 pha 22/0,4kV, 630kVA	máy			Công ty CP SX biến thế HBT Việt Nam, Công ty CP thiết bị điện	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000	421.325.000
1588	Vật tư ngành điện	Máy biến áp phân phối 3 pha 22/0,4kV, 750kVA	máy			Công ty CP SX biến thế HBT Việt Nam, Công ty CP thiết bị điện	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000	469.925.000
1589	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300
1590	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600
1591	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400
1592	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1593	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700
1594	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400
1595	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1596	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
1597	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700
1598	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
1599	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1600	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600
1601	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900
1602	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100
1603	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
1604	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
1605	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700
1606	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600
1607	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300
1608	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100
1609	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100
1610	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200
1611	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1612	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600
1613	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300
1614	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800
1615	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300
1616	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200
1617	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300
1618	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600
1619	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900
1620	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
1621	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700
1622	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100
1623	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1624	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
1625	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
1626	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900
1627	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
1628	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100
1629	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300
1630	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600
1631	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700
1632	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800
1633	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800
1634	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200
1635	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1636	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900
1637	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800
1638	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400
1639	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 200 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø200 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900
1640	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 300 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø300 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700
1641	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300
1642	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900
1643	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300	1.307.300
1644	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600	1.617.600
1645	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	cái	TCVN 12755:2020	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300
1646	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 500gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 500gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
1647	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 1000gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 1000gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
1648	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 21	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 21	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500
1649	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 27	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 27	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200
1650	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 34	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 34	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1651	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
1652	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200
1653	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500
1654	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900
1655	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200
1656	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800
1657	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400
1658	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000
1659	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900
1660	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800
1661	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000
1662	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400
1663	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000
1664	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200
1665	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200
1666	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
1667	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400
1668	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1669	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200
1670	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700
1671	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200
1672	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400
1673	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000
1674	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 17,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400
1675	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 19,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200
1676	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 21,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300
1677	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 24,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800
1678	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 27,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700
1679	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600
1680	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900
1681	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200
1682	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400
1683	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300
1684	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700
1685	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600
1686	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1687	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900
1688	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 20,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500
1689	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 23,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600
1690	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 26,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200
1691	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 29,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600
1692	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200
1693	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
1694	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600
1695	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1696	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1697	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
1698	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300
1699	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700
1700	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700
1701	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600
1702	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900
1703	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100
1704	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1705	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
1706	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400
1707	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
1708	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900
1709	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100
1710	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100
1711	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500
1712	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800
1713	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
1714	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1715	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1716	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600
1717	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100
1718	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
1719	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ750mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700
1720	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000
1721	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300
1722	Vật tư ngành nước	Tê Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1723	Vật tư ngành nước	Tê Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
1724	Vật tư ngành nước	Tê Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
1725	Vật tư ngành nước	Tê Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900
1726	Vật tư ngành nước	Tê Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
1727	Vật tư ngành nước	Tê Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400
1728	Vật tư ngành nước	Tê Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900
1729	Vật tư ngành nước	Tê Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
1730	Vật tư ngành nước	Tê Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900
1731	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
1732	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1733	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
1734	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
1735	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
1736	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700
1737	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200
1738	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500
1739	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
1740	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1741	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900
1742	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500
1743	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
1744	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
1745	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100
1746	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100
1747	Vật tư ngành nước	Bịt Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
1748	Vật tư ngành nước	Bịt Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700
1749	Vật tư ngành nước	Bịt Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1750	Vật tư ngành nước	Bịt Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200
1751	Vật tư ngành nước	Bịt Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
1752	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
1753	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200
1754	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
1755	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600
1756	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200
1757	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600
1758	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1759	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100
1760	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
1761	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1762	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
1763	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300
1764	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300
1765	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100
1766	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
1767	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
1768	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200
1769	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700
1770	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500
1771	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600
1772	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900
1773	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
1774	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200
1775	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700
1776	Vật tư ngành nước	Măng sông re ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200
1777	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1778	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300
1779	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300
1780	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
1781	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400
1782	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
1783	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600
1784	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700
1785	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
1786	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900
1787	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200
1788	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200
1789	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300
1790	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600
1791	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800
1792	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600
1793	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800
1794	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900
1795	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500
1796	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900
1797	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1798	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100
1799	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900
1800	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100
1801	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800
1802	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
1803	Vật tư ngành nước	**Van bi tay ba cạnh**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1804	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400
1805	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600
1806	Vật tư ngành nước	**Van bi nhựa**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1807	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700
1808	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
1809	Vật tư ngành nước	**Rắc co**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1810	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
1811	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500
1812	Vật tư ngành nước	Ø32 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400
1813	Vật tư ngành nước	Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900
1814	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
1815	Vật tư ngành nước	**Bộ máy hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1816	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
1817	Vật tư ngành nước	Ø63 mm - Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
1818	Vật tư ngành nước	**Đầu hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1819	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1820	Vật tư ngành nước	Ø32 mm - Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1821	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1822	Vật tư ngành nước	Ø63 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000
1823	Vật tư ngành nước	Ø75 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
1824	Vật tư ngành nước	Ø90 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
1825	Vật tư ngành nước	Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000
1826	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN8**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1827	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100
1828	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000
1829	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100
1830	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
1831	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
1832	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300
1833	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500
1834	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700
1835	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600
1836	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900
1837	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100
1838	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800
1839	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1840	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500
1841	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500
1842	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700
1843	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 19,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600
1844	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700
1845	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100
1846	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700
1847	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 30,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700
1848	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800
1849	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 38,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900
1850	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700
1851	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600
1852	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200
1853	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN10**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1854	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480
1855	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090
1856	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520
1857	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570
1858	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870
1859	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630
1860	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1861	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430
1862	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590
1863	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110
1864	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410
1865	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040
1866	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430
1867	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630
1868	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830
1869	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930
1870	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630
1871	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500
1872	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130
1873	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060
1874	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820
1875	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 37,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430
1876	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42.1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960
1877	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820
1878	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 53,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650
1879	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 59,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460
1880	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 67,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850
1881	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN12,5**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1882	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1883	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100
1884	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
1885	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300
1886	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000
1887	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700
1888	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800
1889	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300
1890	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700
1891	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600
1892	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500
1893	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500
1894	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300
1895	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600
1896	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400
1897	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300
1898	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300
1899	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000
1900	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300
1901	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700
1902	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1903	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 41,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100
1904	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 46,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200
1905	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 52,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800
1906	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 58,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500
1907	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 66,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300
1908	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400
1909	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 88,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500
1910	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN16**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1911	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
1912	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
1913	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600
1914	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
1915	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500
1916	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
1917	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300
1918	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200
1919	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300
1920	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300
1921	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200
1922	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300
1923	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1924	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500
1925	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800
1926	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700
1927	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300
1928	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 28,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500
1929	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 32,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500
1930	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700
1931	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 40,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400
1932	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 45,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500
1933	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200
1934	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800
1935	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 64,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900
1936	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800
1937	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN20**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1938	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
1939	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
1940	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800
1941	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300
1942	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
1943	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
1944	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1945	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500
1946	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300
1947	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500
1948	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300
1949	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 17,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400
1950	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400
1951	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000
1952	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900
1953	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 27,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100
1954	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 31,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600
1955	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 35,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900
1956	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 39,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200
1957	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 44,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000
1958	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600
1959	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 55,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100
1960	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa PVC dán keo**		TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1961	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 21 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
1962	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 21 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
1963	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 21 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1964	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 21 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
1965	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 21 dầy 2.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1966	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 27 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
1967	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 27 dầy 1.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300
1968	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 27 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
1969	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 27 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1970	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 27 dầy 3.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
1971	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 34 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
1972	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 34 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
1973	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 34 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1974	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 34 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
1975	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 34 dầy 2.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
1976	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 34 dầy 3.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
1977	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 42 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900
1978	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 42 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100
1979	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 42 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900
1980	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 42 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300
1981	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 42 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300
1982	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 42 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100
1983	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 42 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400
1984	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 48 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
1985	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 48 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1986	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 48 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1987	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 48 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100
1988	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 48 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
1989	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 48 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800
1990	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 48 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
1991	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 60 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
1992	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 60 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400
1993	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 60 dầy 1.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900
1994	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 60 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800
1995	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 60 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000
1996	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 60 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
1997	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 60 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900
1998	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 75 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300
1999	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 75 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2000	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 75 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
2001	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 75 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400
2002	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 75 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
2003	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 75 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100
2004	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 75 dầy 5.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
2005	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 90 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100
2006	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 90 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100
2007	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 90 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2008	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 90 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
2009	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 90 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600
2010	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 90 dầy 4.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
2011	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 90 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800
2012	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 110 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
2013	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 110 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2014	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 110 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
2015	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 110 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2016	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 110 dầy 4.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2017	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 110 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800
2018	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 110 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500
2019	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 125 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
2020	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 125 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400
2021	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 125 dầy 3.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000
2022	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 125 dầy 3.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400
2023	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 125 dầy 4.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900
2024	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 125 dầy 6.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100
2025	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 125 dầy 7.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900
2026	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 140 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
2027	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 140 dầy 2.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500
2028	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 140 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2029	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 140 dầy 4.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300
2030	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 140 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500
2031	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 140 dầy 6.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900
2032	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 140 dầy 8.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000
2033	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 160 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100
2034	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 160 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600
2035	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 160 dầy 4.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
2036	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 160 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900
2037	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 160 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600
2038	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 160 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900
2039	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 160 dầy 9.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100
2040	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 200 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900
2041	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 200 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800
2042	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 200 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500
2043	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 200 dầy 5.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300
2044	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 200 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300
2045	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 200 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400
2046	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 200 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100
2047	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 225 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400
2048	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 225 dầy 4.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000
2049	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 225 dầy 5.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2050	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 225 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100
2051	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 225 dầy 8.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600
2052	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 225 dầy 10.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800
2053	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 225 dầy 13.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800
2054	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 250 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
2055	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 250 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300
2056	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 250 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500
2057	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 250 dầy 7.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900
2058	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 250 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400
2059	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 250 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400
2060	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 250 dầy 14.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500
2061	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 315 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900
2062	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 315 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900
2063	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 315 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400
2064	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 315 dầy 9.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300
2065	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 315 dầy 12.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600
2066	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 315 dầy 15.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600
2067	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 315 dầy 18.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500
2068	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 355 dầy 7.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100
2069	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 355 dầy 8.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900
2070	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 355 dầy 10.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2071	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 355 dầy 13.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500
2072	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 355 dầy 16.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800
2073	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 355 dầy 21.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500
2074	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 400 dầy 7.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400
2075	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 400 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600
2076	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 400 dầy 11.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800
2077	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 400 dầy 15.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500
2078	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 400 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900
2079	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 400 dầy 23.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000
2080	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 450 dầy 8.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100
2081	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 450 dầy 11.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400
2082	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 450 dầy 13.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400
2083	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 450 dầy 17.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
2084	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 450 dầy 21.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500
2085	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 500 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600
2086	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 500 dầy 12.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400
2087	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 500 dầy 14.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800
2088	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 500 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300
2089	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 500 dầy 23.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800
2090	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 500 dầy 29.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500
2091	Vật tư ngành nước	**Phụ kiện nhựa dán keo**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2092	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 90^0**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2093	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
2094	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2095	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2096	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
2097	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2098	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2099	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
2100	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2101	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
2102	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800
2103	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900
2104	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
2105	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
2106	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
2107	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
2108	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400
2109	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300
2110	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500
2111	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500
2112	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2113	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000
2114	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000
2115	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500
2116	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500
2117	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 90°**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2118	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2119	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2120	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900
2121	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400
2122	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2123	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
2124	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800
2125	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600
2126	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600
2127	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
2128	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
2129	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600
2130	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300
2131	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900
2132	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900
2133	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2134	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800
2135	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900
2136	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100
2137	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400
2138	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100
2139	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600
2140	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800
2141	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400
2142	Vật tư ngành nước	**Măng sông nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2143	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2144	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
2145	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
2146	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2147	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
2148	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600
2149	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800
2150	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2151	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400
2152	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100
2153	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300
2154	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2155	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500
2156	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900
2157	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400
2158	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500
2159	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100
2160	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500
2161	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900
2162	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100
2163	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400
2164	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100
2165	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 45°**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2166	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
2167	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
2168	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
2169	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900
2170	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
2171	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2172	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
2173	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2174	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
2175	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2176	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
2177	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
2178	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800
2179	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300
2180	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300
2181	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300
2182	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900
2183	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500
2184	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300
2185	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400
2186	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100
2187	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500
2188	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300
2189	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600
2190	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 45^{0}**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới															
2191	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
2192	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300
2193	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900
2194	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
2195	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400
2196	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2197	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
2198	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
2199	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800
2200	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500
2201	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100
2202	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900
2203	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100
2204	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500
2205	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000
2206	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100
2207	Vật tư ngành nước	**Nút bịt nhựa**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2208	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2209	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2210	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2211	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2212	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
2213	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
2214	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100
2215	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
2216	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
2217	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2218	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300
2219	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300
2220	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800
2221	Vật tư ngành nước	**Tê cong nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2222	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100
2223	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100
2224	Vật tư ngành nước	**Ren trong nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2225	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2226	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
2227	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2228	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2229	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
2230	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
2231	Vật tư ngành nước	**Ren ngoài nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2232	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2233	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
2234	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2235	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
2236	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
2237	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
2238	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2239	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2240	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2241	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2242	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800
2243	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
2244	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
2245	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400
2246	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
2247	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2248	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
2249	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600
2250	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100
2251	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
2252	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
2253	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600
2254	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2255	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400
2256	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2257	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
2258	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800
2259	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2260	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
2261	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600
2262	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600
2263	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
2264	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500
2265	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100
2266	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900
2267	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300
2268	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
2269	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
2270	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000
2271	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400
2272	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000
2273	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600
2274	Vật tư ngành nước	Ø 160/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2275	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2276	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2277	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600
2278	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600
2279	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300
2280	Vật tư ngành nước	**Côn giảm nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2281	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2282	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
2283	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
2284	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
2285	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2286	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
2287	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2288	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
2289	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2290	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
2291	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
2292	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2293	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2294	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2295	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600
2296	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2297	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2298	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2299	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
2300	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400
2301	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2302	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
2303	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900
2304	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600
2305	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
2306	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
2307	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
2308	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
2309	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
2310	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300
2311	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
2312	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
2313	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100
2314	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300
2315	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400
2316	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800
2317	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900
2318	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600
2319	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300
2320	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100
2321	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400
2322	Vật tư ngành nước	Ø 225/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2323	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600
2324	Vật tư ngành nước	Ø 250/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100
2325	Vật tư ngành nước	Ø 250/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900
2326	Vật tư ngành nước	Ø 250/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600
2327	Vật tư ngành nước	Ø 315/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400
2328	Vật tư ngành nước	Ø 315/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100
2329	Vật tư ngành nước	Ø 315/250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600
2330	Vật tư ngành nước	**Bạc chuyển bậc**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2331	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2332	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2333	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2334	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2335	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
2336	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100
2337	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
2338	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
2339	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
2340	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400
2341	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900
2342	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300
2343	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2344	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
2345	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2346	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2347	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2348	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2349	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2350	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2351	Vật tư ngành nước	Ø 140/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2352	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
2353	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2354	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2355	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2356	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2357	Vật tư ngành nước	Ø 200/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2358	Vật tư ngành nước	Ø 200/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2359	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2360	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100
2361	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa 45°**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2362	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600
2363	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
2364	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2365	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400
2366	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400
2367	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600
2368	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300
2369	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500
2370	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600
2371	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
2372	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
2373	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600
2374	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300
2375	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
2376	Vật tư ngành nước	**Bít xả thông tắc**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2377	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300
2378	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300
2379	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000
2380	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
2381	Vật tư ngành nước	Ø125	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400
2382	Vật tư ngành nước	Ø140	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600
2383	Vật tư ngành nước	Ø160	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600
2384	Vật tư ngành nước	Ø200	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
2385	Vật tư ngành nước	**Xi phông (con thỏ)**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2386	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
2387	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900
2388	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400
2389	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
2390	Vật tư ngành nước	**Keo dán**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2391	Vật tư ngành nước	15g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
2392	Vật tư ngành nước	30g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
2393	Vật tư ngành nước	50g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
2394	Vật tư ngành nước	1000g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
2395	Vật tư ngành nước	**Hố ga**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2396	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
2397	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
2398	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu đứng tê cong 160/110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200
2399	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 200/cút 160	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100
2400	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900
2401	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800
2402	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 200 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
2403	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 225 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
2404	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 160 nhựa	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300
2405	Vật tư ngành nước	Nút bịt hố ga 110 nhựa	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500
2406	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2407	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439
2408	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763
2409	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595
2410	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515
2411	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286
2412	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328
2413	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139
2414	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425
2415	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929
2416	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
2417	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829
2418	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144
2419	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
2420	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477
2421	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006
2422	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607
2423	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048
2424	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009
2425	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561
2426	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508
2427	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2428	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510
2429	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120
2430	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663
2431	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369
2432	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461
2433	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563
2434	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 3.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
2435	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463
2436	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014
2437	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269
2438	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
2439	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774
2440	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871
2441	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271
2442	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274
2443	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279
2444	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485
2445	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791
2446	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 4.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491
2447	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551
2448	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2449	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 4.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657
2450	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248
2451	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 6.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756
2452	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 3.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473
2453	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359
2454	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057
2455	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 6.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799
2456	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351
2457	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345
2458	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292
2459	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 4.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951
2460	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 5.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829
2461	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732
2462	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 8.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119
2463	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210
2464	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 7.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503
2465	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076
2466	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 11.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622
2467	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 8.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168
2468	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 13.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697
2469	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 7.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2470	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 9.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495
2471	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 12.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532
2472	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 15.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246
2473	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 9.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644
2474	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 11.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186
2475	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941
2476	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636
2477	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 12.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522
2478	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916
2479	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925
2480	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 15.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970
2481	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 19.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912
2482	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 24.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713
2483	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D20 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D20 (PN12.5 x 1.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268	7.268
2484	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D20 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D20 (PN16 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920	7.920
2485	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D20 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D20 (PN20 x 2.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318	9.318
2486	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN10 x 1.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505	9.505
2487	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN12.5 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063	10.063
2488	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN16 x 2.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020
2489	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN20 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070	14.070
2490	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN8 x 1.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020	12.020

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2491	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN10 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512	13.512
2492	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN12.5 x 2.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493	16.493
2493	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN16 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288	19.288
2494	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN20 x 3.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202	23.202
2495	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN6 x 1.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748	15.748
2496	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN8 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052	17.052
2497	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN10 x 2.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593	20.593
2498	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN12.5 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880	24.880
2499	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN16 x 3.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912	29.912
2500	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN20 x 4.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502	35.502
2501	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN6 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270	22.270
2502	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN8 x 2.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463	26.463
2503	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN10 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588	31.588
2504	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN12.5 x 3.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018	38.018
2505	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN16 x 4.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405	46.405
2506	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN20 x 5.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884	54.884
2507	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN6 x 2.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757	34.757
2508	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN8 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093	41.093
2509	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN10 x 3.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505	50.505
2510	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN12.5 x 4.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220	61.220
2511	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN16 x 5.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962	72.962

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2512	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN20 x 7.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405	87.405
2513	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN6 x 2.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336	47.336
2514	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN8 x 3.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425	58.425
2515	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN10 x 4.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030	72.030
2516	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN12.5 x 5.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845	86.845
2517	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN16 x 6.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618	103.618
2518	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN20 x 8.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745	123.745
2519	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN6 x 3.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620	77.620
2520	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN8 x 4.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250	92.250
2521	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN10 x 5.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220	102.220
2522	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN12.5 x 6.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559	123.559
2523	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN16 x 8.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345	148.345
2524	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN20 x 10.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605	177.605
2525	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN6 x 4.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273	97.273
2526	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN8 x 5.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364	120.364
2527	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN10 x 6.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182	148.182
2528	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN12.5 x 8.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545	180.545
2529	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN16 x 10.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273	216.273
2530	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN20 x 12.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117	257.117
2531	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN6 x 4.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302	123.302
2532	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN8 x 6.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880	152.880

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2533	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN10 x 7.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912	186.912
2534	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN12.5 x 9.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981	216.981
2535	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN16 x 11.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360	276.360
2536	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN20 x 14.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548	329.548
2537	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN6 x 5.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909	157.909
2538	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN8 x 6.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388	190.388
2539	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN10 x 8.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329	233.329
2540	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN12.5 x 10.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597	282.597
2541	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN16 x 12.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643	342.643
2542	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN20 x 15.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134	412.134
2543	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN6 x 6.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909	206.909
2544	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN8 x 7.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989	249.989
2545	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN10 x 9.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651	306.651
2546	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN12.5 x 11.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748	368.748
2547	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN16 x 14.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117	453.117
2548	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN20 x 17.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603	540.603
2549	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN6 x 6.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545	258.545
2550	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN8 x 8.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758	314.758
2551	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN10 x 10.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031	386.031
2552	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN12.5 x 13.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132	470.132
2553	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN16 x 16.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003	570.003

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2554	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN20 x 20.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506	683.506
2555	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN6 x 7.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091	321.091
2556	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN8 x 9.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089	392.089
2557	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN10 x 11.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763	483.763
2558	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN12.5 x 14.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062	576.062
2559	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN16 x 18.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172	713.172
2560	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN20 x 22.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372	850.372
2561	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN6 x 8.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762	394.762
2562	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN8 x 10.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742	493.742
2563	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN10 x 13.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592	594.592
2564	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN12.5 x 16.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229	728.229
2565	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN16 x 20.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932	871.932
2566	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN20 x 25.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718	1.051.718
2567	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN6 x 9.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000	499.000
2568	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN8 x 11.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522	602.522
2569	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN10 x 14.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692	736.692
2570	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN12.5 x 18.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431	905.431
2571	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN16 x 22.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771	1.084.771
2572	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN20 x 27.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877	1.297.877
2573	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN6 x 10.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818	618.818
2574	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN8 x 13.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455	768.455

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2575	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN10 x 16.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903	917.903
2576	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN12.5 x 20.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197	1.135.197
2577	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN16 x 25.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528	1.359.528
2578	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN20 x 31.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818	1.658.818
2579	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN6 x 12.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091	789.091
2580	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN8 x 15.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806	962.806
2581	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN10 x 18.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872	1.168.872
2582	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN12.5 x 23.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818	1.448.818
2583	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN16 x 28.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545	1.749.545
2584	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN20 x 35.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727	2.112.727
2585	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN6 x 13.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273	1.002.273
2586	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN8 x 16.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455	1.235.455
2587	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN10 x 21.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727	1.515.727
2588	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN12.5 x 26.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545	1.837.545
2589	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN16 x 32.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000	2.220.000
2590	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN20 x 39.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727	2.680.727
2591	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN6 x 15.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455	1.264.455
2592	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN8 x 19.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909	1.556.909
2593	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN10 x 23.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000	1.926.000
2594	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN12.5 x 29.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364	2.326.364
2595	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN16 x 36.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455	2.817.455

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2596	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN20 x 44.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000	3.412.000
2597	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN6 x 17.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909	1.615.909
2598	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN8 x 21.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273	1.987.273
2599	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN10 x 26.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727	2.433.727
2600	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN12.5 x 33.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364	2.941.364
2601	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN16 x 40.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909	3.560.909
2602	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN20 x 50.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909	4.310.909
2603	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN6 x 19.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909	1.967.909
2604	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN8 x 23.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091	2.467.091
2605	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN10 x 29.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455	3.026.455
2606	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN12.5 x 36.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545	3.660.545
2607	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN16 x 45.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545	4.457.545
2608	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN20 x 55.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545	5.338.545
2609	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN6 x 21.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727	2.702.727
2610	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN8 x 26.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727	3.332.727
2611	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN10 x 33.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818	4.091.818
2612	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN12.5 x 41.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545	4.994.545
2613	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN16 x 50.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727	6.032.727
2614	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN6 x 24.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545	3.424.545
2615	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN8 x 30.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909	4.210.909
2616	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN10 x 37.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727	5.182.727

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2617	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN12.5 x 46.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727	6.312.727
2618	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN16 x 57.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273	7.167.273
2619	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN6 x 27.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000	4.360.000
2620	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN8 x 33.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091	5.369.091
2621	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN10 x 42.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364	6.586.364
2622	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN12.5 x 52.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818	8.031.818
2623	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN16 x 64.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636	9.723.636
2624	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN6 x 30.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818	5.521.818
2625	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN8 x 38.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455	6.805.455
2626	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN10 x 47.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818	8.351.818
2627	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN12.5 x 58.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182	8.578.182
2628	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN16 x 72.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909	12.330.909
2629	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN6 x 34.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636	6.983.636
2630	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN8 x 42.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909	8.610.909
2631	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN10 x 53.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545	10.564.545
2632	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN12.5 x 66.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273	12.907.273
2633	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN16 x 81.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091	15.609.091
2634	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN6 x 38.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273	8.617.273
2635	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN8 x 47.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091	10.639.091
2636	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN10 x 59.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364	13.056.364
2637	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN12.5 x 73.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909	15.720.909

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2638	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN16 x 90.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636	19.163.636
2639	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN6 x 45.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818	12.411.818
2640	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN8 x 57.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727	15.312.727
2641	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN10 x 71.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455	17.985.455
2642	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN12.5 x 88.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545	22.924.545
2643	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1000mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước đường hèm)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000	8.561.000
2644	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1250mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước vỉa hè)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000	8.741.000
2645	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1470mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước lòng đường)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000	8.921.000
2646	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCS 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B400x400-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.335.000	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963	3.087.963
2647	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.126.000	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444	2.894.444
2648	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300x300-H500-L1000mm (có gờ đỡ cáp)	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.660.000	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889	3.388.889
2649	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 3 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300x300-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852
2650	Bê tông đúc sẵn	Cấu kiện kè bê tông cốt sợi (BTCS) H=2,0m - L=2,0m, B=1,4m	cấu kiện	TCVN 11736:2017 & TC.VCA 009-2015	1,4mm	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000	13.254.000
2651	Bê tông đúc sẵn	Cấu kiện kè bê tông cốt sợi (BTCS) H=3,0m - L=2,0m, B=1,92m	cấu kiện	TCVN 11736:2017 & TC.VCA 009-2015	1,92mm	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 79/CV-KHCNVN ngày 07/09/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000	28.716.000
2652	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	bộ	- TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sigen	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 01B (BTCT M300): KT ngoài 840x440x1200mm, KT trong 700x300x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước SG-08 (nhựa PPR) kích thước 694x294x100	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
2653	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-02C	bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 02C (BTCT M300): KT ngoài 840x440x1200mm, KT trong 700x300x1130mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước SG-08 (nhựa PPR) kích thước 694x294x100	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000	10.800.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2654	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sigen	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 03B (BTCT M300): KT ngoài 840x440x540mm, KT trong 700x300x470mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 760x360x45mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
2655	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A	bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A (BTCT M300): KT ngoài 580x1000x670mm, KT trong 440x860x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 920x500x45mm - Tấm lọc nước SG-09 (nhựa PPR) kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000
2656	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) SIGEN-04A-BVHĐ (bó vỉa hè đứng)	bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A (BTCT M300): KT ngoài 580x1000x670mm, KT trong 440x860x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 920x360x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè đứng (gang cầu) kích thước 200x1000x160mm - Tấm lọc nước SG-09 (nhựa PPR) kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
2657	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A-BVHX (bó vỉa hè xiên)	bộ	- TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A (BTCT M300): KT ngoài 580x1000x670mm, KT trong 440x860x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 960x360x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè xiên (gang cầu) kích thước 300x1000x160mm - Tấm lọc nước SG-09 (nhựa PPR) kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
2658	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A	bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A (BTCT M300): KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 360x1170x45mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000	9.500.000
2659	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè đứng)	bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A (BTCT M300): KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 235x1170x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè đứng (gang cầu) kích thước 200x1240x160mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000
2660	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè xiên)	bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A (BTCT M300): KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 235x1170x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè xiên (gang cầu) kích thước 300x1240x160mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000
2661	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-04TNNM (NGT)	bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: 1200x 1200x75mm, nắp gang Ø940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2662	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-05TNNM (nắp gang vuông)	bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01:2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: 1200x 1200x75mm, nắp gang: 940x940mm, thông thủy 880x880, tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
2663	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M100R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	100R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.388.889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2664	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M150R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	150R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.435.185	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2665	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	200R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.481.481	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2666	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	250R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.527.778	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2667	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	300R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.574.074	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2668	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M350R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	350R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.620.370	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2669	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70	tấn	TCVN 13567-1:2022	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000	19.700.000
2670	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 PG64	tấn	TCVN 13567-1:2022 TCVN 13049-1:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000	19.900.000
2671	Nhựa đường	Nhựa đường ADCo 60/70 nhiệt 160 độ C (bitum bọt)	tấn	TCVN 13150-2:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000	20.200.000
2672	Nhựa đường	Nhựa đường 40/50	tấn	TCVN 13567-1:2022	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000	21.700.000
2673	Nhựa đường	Nhựa đường 40/50 PG 70	tấn	TCVN 13567-1:2022 TCVN 13049-1:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000	22.700.000
2674	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®I (PMB-I)	tấn	TCVN 11193:2021	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000	27.200.000
2675	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®III (PMB-III)	tấn	TCVN 11193:2021	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000	27.600.000
2676	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®PG76 (PMB-III PG76)	tấn	TCVN 11193:2021 TCVN 13048-2024	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000	27.800.000
2677	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®PG82 (PMB-III PG82)	tấn	TCVN 11193:2021	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000	28.200.000
2678	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex PA (PMB PA)	tấn	TCVN 13048:2024	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000	28.400.000
2679	Nhựa đường	Nhũ tương CRS-1	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000	15.600.000
2680	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000	16.900.000
2681	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1h	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000	17.200.000
2682	Nhựa đường	Nhũ tương CRS-2	tấn	TCVN 8817-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000	17.000.000
2683	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® (CRS-1P)	tấn	TCVN 8816:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000	22.600.000
2684	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® Plus (CRS-2P)	tấn	TCVN 8816:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000	23.500.000
2685	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® Ultra (Novaband®)	tấn	TCVN 12759-1:2019	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
2686	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC-70	tấn	TCVN 8818-1:2011	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000	31.700.000
2687	Nhựa đường	Nhũ tương thấm bám (EcoPrime®)	tấn	TCCS 27:2019/TCĐBVN	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
2688	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1h (EcoStab® cho công nghệ tái chế)	tấn	TCVN 13150-2:2020	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000
2689	Nhựa đường	Nhũ tương CQS-1hP (EcoGrip) cho công nghệ Micro Surfacing	tấn	TCVN 12316:2018	dạng xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000	30.900.000
2690	Nhựa đường	Phụ gia dùng cho công nghệ Micro Surfacing	tấn	TCVN 12316:2018	dạng phuy	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/09/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000	73.400.000
2691	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 9.5, CA 12.5	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.280.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2692	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 6.7	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.320.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2693	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	3.425.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2694	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1.870.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2695	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C16	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1.920.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2696	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1.970.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2697	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	2.010.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2698	Gỗ xây dựng	Cừ tràm L=3m, d_gốc (8-10)cm, d_ngọn >=3.5cm	cây			Phiếu khảo sát tại đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Chi nhánh công ty TNHH TMDV Quốc Tế Đại Lâm, Công ty TNHH phát triển TM DV Hoàn Mỹ	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.000	-	-	36.300	36.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2699	Gỗ xây dựng	Cừ tràm L=4m, d_gốc (8-10)cm, d_ngọn >=3.7cm	cây			Phiếu khảo sát tại đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Chi nhánh công ty TNHH TMDV Quốc Tế Đại Lâm, Công ty TNHH phát triển TM DV Hoàn Mỹ	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47.600	-	-	47.100	49.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2700	Gỗ xây dựng	Cừ tràm L=5m, d_gốc (8-10)cm, d_ngọn >=4.2cm	cây			Phiếu khảo sát tại đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Chi nhánh công ty TNHH TMDV Quốc Tế Đại Lâm, Công ty TNHH phát triển TM DV Hoàn Mỹ	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000	-	-	66.500	69.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2701	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5mn	cây		5)cm; L=5mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	58.000	58.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2702	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	54.000	54.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2703	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4mn	cây		5)cm; L=4mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	42.000	42.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2704	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2705	Gỗ xây dựng	Cây chống	cây			Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	37.000	37.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2706	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	45.455	45.455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2707	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	40.909	40.909	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2708	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4mn	cây		5)cm; L=4mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	33.636	33.636	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2709	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	25.455	25.455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2710	Gỗ xây dựng	Cừ dừa, L= 7m	cây		Đường kính gốc D:>=20cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2711	Gỗ xây dựng	Cừ dừa, L= 6m	cây		Đường kính gốc D:>=20cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	500.000	500.000	500.000	500.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2712	Gỗ xây dựng	Cừ Bạch Đàn, L= 7m	cây		Đường kính gốc D:>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	215.000	215.000	215.000	215.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2713	Gỗ xây dựng	Cừ Bạch Đàn, L= 6m	cây		Đường kính gốc D:>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	180.000	180.000	180.000	180.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2714	Gỗ xây dựng	Cừa tràm	cây		Đường kính gốc D:>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2715	Gỗ xây dựng	Cừa tràm	cây		Đường kính gốc D:>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	140.000	140.000	140.000	140.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2716	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	50.000	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2717	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	45.000	45.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2718	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4mn	cây		5)cm; L=4mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	37.000	37.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2719	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	28.000	28.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2720	Gỗ xây dựng	Cây chống	cây			Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	34.000	34.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2721	Vật liệu khác	Xăng sinh học E10 RON 95-V	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	28.080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2722	Vật liệu khác	Xăng sinh học E10 RON 95-III	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	27.080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2723	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	26.390															
2724	Vật liệu khác	Điêzen 0,001S-V	đồng/lít		0,001mm	Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	32.090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2725	Vật liệu khác	Điêzen 0,05S-II	đồng/lít		0,05mm	Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	30.490	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2726	Vật liệu khác	Dầu hỏa 2-K	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	30.020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2727	Vật liệu khác	Mazut N°2B (3,5S) - Giá bán buôn	đồng/kg			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	19.470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2728	Vật liệu khác	Mazut 180cst - 0,5S (RMG)- Giá bán buôn	đồng/kg			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 09 năm 2026 Thông cáo báo chí số 53/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	27.470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2729	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-50 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 250mm.X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530	162.530
2730	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-75 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778	230.778
2731	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-100 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917	311.917
2732	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	ô ngăn hình mạng neoweb 330-120 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264	389.264
2733	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-150 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951	451.951
2734	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-200 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023	641.023
2735	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-50 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189	154.189
2736	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	ô ngăn hình mạng neoweb 356-75 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408	217.408
2737	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-100 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257	297.257
2738	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-120 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560	370.560
2739	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-150 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466	430.466
2740	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-200 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754	593.754
2741	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-50 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước Ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001	137.001
2742	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-75 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051	212.051
2743	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-100 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133	263.133
2744	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-120 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852	328.852

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2745	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-150 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682	381.682
2746	Vật liệu khác	ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-200 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518	526.518
2747	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-50 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811	96.811
2748	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-75 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012	138.012
2749	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-100 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291	186.291
2750	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-120 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053	233.053
2751	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-150 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968	270.968
2752	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-200 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757	388.757
2753	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-50 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634	80.634
2754	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-75 Khoảng cách moi hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758	114.758
2755	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-100 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695	154.695
2756	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-120 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368	193.368
2757	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-150 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712	224.712
2758	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-200 Khoảng cách mối hàn 7l2mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137	309.137
2759	Vật liệu khác	Đầu neo clip	cái	TCVN 10544-1:2026	Sản xuất từ HDPE nguyên sinh	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435	5.435
2760	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2	GRI-GM13	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2761	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
2762	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2763	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
2764	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
2765	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 7.5SD - Cường độ chịu kéo 7.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
2766	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 9.5SD - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900
2767	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 11.5SD - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900
2768	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 13.5SD - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600
2769	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 15 SD - Cường độ chịu kéo 15kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
2770	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 19 SD - Cường độ chịu kéo 19kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
2771	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 21.5 SD - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
2772	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 24 SD - Cường độ chịu kéo 24kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200
2773	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 28 SD - Cường độ chịu kéo 28kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
2774	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x800	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
2775	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x400	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
2776	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x580 hoặc 5,3x450	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200
2777	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
2778	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x400 hoặc 5,3x350	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
2779	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2780	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x100 hoặc 5,3x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2781	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300 hoặc 5,3x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
2782	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
2783	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400
2784	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/300 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
2785	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/400 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x50	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2786	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400
2787	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
2788	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000
2789	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
2790	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 50/50 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700
2791	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
2792	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2793	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9844:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
2794	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9355:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700
2795	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
2796	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2797	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 9,42m2	m	TCVN 9355:2013	chu vi 9,42m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
2798	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 12,6m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 1,26m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000
2799	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G200 chu vi 15,7m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 15,7m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000
2800	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 13565:2022	0,8m*0,8m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400
2801	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013	1,5m*2,5m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000
2802	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
2803	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 10544:2014	H-150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
2804	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 660	m2	TCVN 10544:2014	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
2805	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.3mm	m2	GRI-GCL3	0,3mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2806	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.4mm	m2	GRI-GM13	0,4mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700
2807	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.5mm	m2	GRI-GM13	0.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
2808	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.75mm	m2	GRI-GM13	0.75mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200
2809	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m/8x50m(RxD) dày 1.0mm	m2	GRI-GM13	1.0mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200
2810	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x140m(RxD) dày 1.5mm	m2	GRI-GM13	1.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
2811	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x105(RxD) dày 2mm	m2	GRI-GM13	2mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200
2812	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 20 cường độ chịu kéo 9,5kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 250m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542	21.542
2813	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 30 cường độ chịu kéo 11,5kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 225m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434	24.434
2814	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 40 cường độ chịu kéo 13,5kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 200m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183	27.183
2815	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 50 cường độ chịu kéo 15,0kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 175m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658	30.658
2816	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 60 cường độ chịu kéo 19,0kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 135m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954	38.954
2817	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 65 cường độ chịu kéo 21,5kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 125m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862	40.862
2818	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 70 cường độ chịu kéo 24,0kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 100m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Dt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261	47.261

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)													
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2819	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 80 cường độ chịu kéo 28,0kN/m	m2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 90m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882	60.882
2820	Vật liệu khác	Ro và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm - Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317	50.317
2821	Vật liệu khác	Ro và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm- Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viền 3.0/4.0 mm	m2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621	53.621
2822	Vật liệu khác	Ro và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm- Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viền 3.4/4.4 mm	m2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019	63.019
2823	Vật liệu khác	Ro và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm - Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998	46.998
2824	Vật liệu khác	Ro và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm- Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414	50.414
2825	Vật liệu khác	Ro và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm- Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viền 3.4/4.4 mm	m2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453	55.453
2826	Cửa khung nhựa/nhôm	**CỬA ĐI, CỬA SỔ (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH),Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**				Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2827	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liên nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
2828	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liên nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
2829	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liên nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
2830	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liên nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2831	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp, đ	m2	TCVN 9366:2012	ộ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
2832	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
2833	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000
2834	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000
2835	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000
2836	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000
2837	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000
2838	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
2839	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000
2840	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000
2841	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000
2842	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000
2843	Cửa khung nhựa/nhôm	**HỆ VÁCH KÍNH ĐTT - 55 VÀ HỆ MẶT DỰNG ĐTT - 65 (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH). Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2844	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000
2845	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2846	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000
2847	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000
2848	Cửa khung nhựa/nhôm	**CỬA LÙA ĐTT - 93. Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2849	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh biến dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000
2850	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh biến dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000
2851	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 4 cánh biến dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
2852	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 4 cánh biến dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
2853	Cửa khung nhựa/nhôm	**CỬA ĐI, CỬA SỔ HỆ ĐTT - 55 tiêu chuẩn (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2854	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
2855	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
2856	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
2857	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
2858	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
2859	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
2860	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2861	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
2862	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,…)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
2863	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
2864	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tinh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,…)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
2865	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
2866	Cửa khung nhựa/nhôm	Lam nhôm hộp 200x500mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
2867	Cửa khung nhựa/nhôm	Lam nhôm hộp 200x600mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
2868	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 38 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700
2869	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700
2870	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
2871	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200
2872	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800
2873	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600
2874	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
2875	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2876	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800
2877	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
2878	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600
2879	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
2880	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
2881	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2882	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200
2883	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
2884	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300
2885	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
2886	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
2887	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500
2888	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500
2889	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
2890	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2891	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
2892	Vật liệu khác	Khung trần chìm Vạn Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh C 35 x 14.5 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
2893	Vật liệu khác	Khung trần chìm Vạn Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700
2894	Vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M70	thanh	ASTM C635	Thanh Xương Cá 25 x 18 x 3660 x 0.7	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100
2895	Vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M38	thanh	ASTM C635	Thanh U M38: 35 x 14.5 x 4000 x 0.38	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
2896	Vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Vạn Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 35 x 14 x 4000 x 0.32	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100
2897	Vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Vạn Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox 20 x 20 x 3600 x 0.27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100
2898	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900
2899	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500
2900	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
2901	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700
2902	Vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Vạn Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 44 x 16.5 x 3000 x 0.36	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600
2903	Vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Vạn Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700
2904	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sađo/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Dnaho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000	3.140.000
2905	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.8 mm. - Kính trắng cường lực Sađo/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Dnaho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2906	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.4 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương	Bổ sung mới	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000	2.920.000
2907	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.2 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000
2908	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, khung bao 100, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000	3.630.000
2909	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, khung bao 100, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.4 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000
2910	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 4 cánh – khung bao 2 ray, hệ NS-93, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000
2911	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 4 cánh – khung bao 2 ray, hệ NS-93, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.4 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000
2912	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 3 cánh / 6 cánh – khung bao 3 ray, hệ NS-93, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000
2913	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 3 cánh / 4 cánh / 6 cánh, 2 ray, hệ NS-95Plus, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.6-1.7 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000
2914	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi xếp lùa 3 cánh / 4 cánh / 5 cánh / 6 cánh, hệ NS-XL60 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.8 - 2.8 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000	3.170.000
2915	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ Vát cạnh NS-VC55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000
2916	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000
2917	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000
2918	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000
2919	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000	3.310.000
2920	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ Vát cạnh NS-VC55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2921	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Dnaho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000	2.810.000
2922	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Dnaho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000	2.710.000
2923	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ xếp gấp lên 2 cánh, hệ NS-XL60 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.8 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000
2924	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ trượt thẳng đứng, hệ NS-55 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000
2925	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-Lux AD65, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 8 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000	4.920.000
2926	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 4 cánh, 2 ray, hệ NS-Lux AS108, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 8 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000	4.460.000
2927	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 3 cánh / 6 cánh, 3 ray, hệ NS-Lux AS108, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 8 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000
2928	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa xếp lùa 3 cánh / 4 cánh / 5 cánh / 6 cánh, hệ NS-Lux AF80 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.8 - 2.0 mm. - Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 8 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000	5.430.000
2929	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-Lux AW65, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 8 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000
2930	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh / 4 cánh – khung bao 2 ray, hệ NS-Lux AW76 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 8 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000
2931	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm T-0.9 mm, Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000	1.990.000
2932	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 - 1.4mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000
2933	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm T-0.9 mm, Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
2934	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 - 1.4mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
2935	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1000, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 - 1.1mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2936	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1000, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 - 1.4mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000	2.560.000
2937	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ 1000, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 - 1.1mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000	2.540.000
2938	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ 1000, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 - 1.4mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000
2939	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh / 4 cánh, hệ 888, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 - 1.1mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000	2.230.000
2940	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh / 4 cánh, hệ 188, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 - 1.2mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
2941	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-380, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
2942	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-380, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000	2.530.000
2943	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-838, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000
2944	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-838, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000	2.830.000
2945	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1038, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 - 1.3mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000
2946	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1038, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 - 1.3mm. Kính trắng cường lực Sado/ tương đương dày 5 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000
2947	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000
2948	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.8 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000	3.190.000
2949	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.4 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000	3.020.000
2950	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.2 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2951	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, khung bao 100, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000	3.710.000
2952	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, khung bao 100, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000	3.380.000
2953	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 4 cánh – khung bao 2 ray, hệ NS-93, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000	2.690.000
2954	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 4 cánh – khung bao 2 ray, hệ NS-93, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.4 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000	2.260.000
2955	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 3 cánh / 6 cánh – khung bao 3 ray, hệ NS-93, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
2956	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 3 cánh / 4 cánh / 6 cánh, 2 ray, hệ NS-95Plus, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.6-1.7 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000	3.350.000
2957	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi xếp lùa 3 cánh / 4 cánh / 5 cánh / 6 cánh, hệ NS-XL60 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.8 - 2.8 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000	3.240.000
2958	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ Vát cạnh NS-VC55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000	2.840.000
2959	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000
2960	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000
2961	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000
2962	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-55, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000
2963	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ Vát cạnh NS-VC55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000	3.130.000
2964	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000	2.890.000
2965	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 1 cánh / 2 cánh / 4 cánh, hệ NS-55, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Kinlong/ Draho/ tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000	2.790.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2966	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ xếp gấp lên 2 cánh, hệ NS-XL60 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.8 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 10.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000	3.800.000
2967	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ trượt thẳng đứng, hệ NS-55 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 10.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000
2968	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-Lux AD65, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 8.76 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000	5.190.000
2969	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh / 4 cánh, 2 ray, hệ NS-Lux AS108, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 8.76 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000	4.820.000
2970	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 3 cánh / 6 cánh, 3 ray, hệ NS-Lux AS108, kèm chia đố giữa / ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 8.76 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000	5.210.000
2971	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa xếp lùa 3 cánh / 4 cánh / 5 cánh / 6 cánh, hệ NS-Lux AF80 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	- Độ dày nhôm 1.8 - 2.0 mm. - Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 8.76 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000	5.740.000
2972	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-Lux AW65, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 8.76 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000	4.870.000
2973	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh / 4 cánh – khung bao 2 ray, hệ NS-Lux AW76 Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 8.76 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Phụ kiện tiêu chuẩn: Cmech/Bogs/ Tương đương Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000
2974	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 0.9 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000	2.110.000
2975	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2-1.4 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
2976	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm T-0.9 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000
2977	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-700, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2-1.4 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000	2.490.000
2978	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1000, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0-1.1 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000	2.420.000
2979	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1000, kèm ô cố định / kính suốt Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2-1.4 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000
2980	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ 1000, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0-1.1 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000	2.610.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2981	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ 1000, kèm ô cố định / chia đố chữa lamri Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2-1.4 mm, Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000
2982	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh / 4 cánh, hệ 888, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.1 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000	2.370.000
2983	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh / 4 cánh, hệ 188, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.1 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000	2.330.000
2984	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-380, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000	2.910.000
2985	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-380, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.0 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000	2.650.000
2986	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-838, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000
2987	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-838, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000
2988	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở quay 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1038, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000
2989	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ mở hất 1 cánh / 2 cánh, hệ NS-1038, kèm ô cố định Màu thông dụng #265 trắng sữa, #922 Nâu cà phê, #925 Xám ghi	m2	TCVN 9366-2:2012	Độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng dán an toàn Sado/ tương đương dày 6.38 mm	Công ty TNHH Nhôm Nam Sung. Đc: : Lô N1-3, Đường số 2, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - Đt: 0788500008. Công văn đề nghị công bố giá số CB100826-003 ngày 01 tháng 09 năm 2026	Việt Nam	Tùy theo điều kiện đơn hàng	Đơn giá vận chuyển bằng đơn giá cửa + 30.000 vnd/m2 giao tại chân công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000

*** Ghi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Long An (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1 Khu vực Tân An (phường Long An, phường Tân An, phường Khánh Hậu)
2 Khu vực Tân Trụ (xã Vàm Cỏ, xã Tân Trụ, xã Nhựt Tảo)
3 Khu vực Châu Thành (xã An Lục Long, xã Tầm Vu, xã Vĩnh Công, xã Thuận Mỹ)
4 Khu vực Thủ Thừa (xã Mỹ An, xã Thủ Thừa,xã Mỹ Thạnh, xã Tân Long)
5 Khu vực Bến Lức (xã Thạnh Lợi, xã Bình Đức, xã Lương Hòa, xã Bến Lức,xã Mỹ Yên)
6 Khu vực Cần Giuộc (xã Phước Lý, xã Mỹ Lộc, xã Cần Giuộc, xã Phước Vĩnh Tây, xã Tân Lập)
7 Khu vực Cần Đước (xã Long Cang, xã Rạch Kiến, xã Mỹ Lệ, xã Tân Lân, xã Cần Đước, xã Long Hựu)
8 Khu vực Tân Thạnh (xã Hậu Thạnh, xã Nhơn Hòa Lập, xã Nhơn Ninh, xã Tân Thạnh)
9 Khu vực Thạnh Hóa (xã Thạnh Hóa, xã Tân Tây, xã Bình Thành, xã Thạnh Phước)
10 Khu vực Tân Hưng (xã Vĩnh Thạnh, xã Hưng Điền, xã Tân Hưng, xã Vĩnh Châu)
11 Khu vực Vĩnh Hưng (xã Tuyên Bình, xã Vĩnh Hưng, xã Khánh Hưng)
12 Khu vực Kiến Tường (xã Bình Hiệp, phường Kiến Tường, xã Tuyên Thạnh)
13 Khu vực Mộc Hóa (xã Bình Hòa, xã Mộc Hóa)
14 Khu vực Đức Hòa(xã Đức Hòa, xã Hòa Khánh, xã Hiệp Hòa, xã An Ninh, xã Hậu Nghĩa, xã Đức Lập, xã Mỹ Hạnh)
15 Khu vực Đức Huệ (xã Đức Huệ, xã Đông Thành,xã Mỹ Quý)

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 09/2026

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
2	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800
3	Xi măng	Xi măng Biceco	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
4	Xi măng	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp bền sunfat PCB40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
5	Xi măng	Xi măng Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800	85,800
6	Xi măng	Xi măng Prernium Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88,600	88,600	88,600	88,600	88,600	88,600	88,600	88,600	88,600
7	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
8	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB BFS40-HS xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000
9	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
10	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
11	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
12	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
13	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 50-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045
14	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 40-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045
15	Xi măng	Xi măng Fico PCB50 dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000
16	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 50	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500
17	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500
18	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045
19	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB50-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045	91,045
20	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	74,769	-	-	70,046	76,389	-	76,389	-	72,454
21	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	72,454	-	-	67,732	74,074	-	74,074	-	70,139
22	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	57,407	-	-	-	-	67,732
23	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	65,417	-	-	-	-	65,417
24	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	56,482	-	-	-	-	-
25	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	57,407	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	68,519	-	-	-	-	-
27	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	66,204	-	-	-	-	-
28	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	67,732	-	-	-	-	-
29	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	66,898	-	-	-	-	-
30	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	69,213	-	-	-	-	-
31	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	73,148	-	-	-	-	-	-	-	-
32	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	70,833	-	-	-	-	-	-	-	-
33	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	66,111	-	-	-	-	66,111
34	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	58,102	-	-	-	-	-	-	-	-
35	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	69,213	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Xi măng	Vicem Hà Tiên đa dụng PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	66,898	-	-	-	-	-	-	-	-
37	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	68,426	-	-	-	-	-	-	-	-

38	Xi măng	Vicem Hà Tiên đa dụng PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	67,593	-	-	-	-	-	-	-	-
39	Xi măng	Power Cement	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước, Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57,870	57,870	57,870	57,870	57,870	57,870	57,870	57,870	57,870
40	Xi măng	Hà Tiên 1	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148
41	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,407,407	-	-	-	-	-	-	-	-
42	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,384,259	-	-	-	-	-	-	-	-
43	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,407,407	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Xi măng	Xi măng Vicem gia cố nền	tấn	TCVN 4316:2007	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,324,074	-	-	-	-	-	-	-	-
45	Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	98,500	-	-	-
46	Xi măng	Xi măng Thăng Long	bao		50kg	Công ty VLXD TTNT Phú Quý (đc: ấp Tân Trung, Tân Phú, Tân Châu). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 17/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	88,000	-	-	-	-	-
47	Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	99,333	-	-	-	-	-
48	Xi măng	Xi măng Fico xanh lá	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	95,000	-	-	-	-	-
49	Xi măng	Xi măng Fico xanh dương	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	97,000	-	-	-	-	-
50	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	95,000	-	-	-	-	-
51	Xi măng	Xi măng đại bàng	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	90,000	-	-	-	-	-
52	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Vicem	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	96,000	-	-	-	-	-
53	Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
54	Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	dạng xá rời	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	1,670,000	1,670,000	1,670,000	1,670,000	1,670,000	1,670,000	1,670,000	1,670,000	1,670,000
55	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao PP (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
56	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao KPK (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778
57	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
58	Xi măng	Xi măng xây tô PCB40 (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (40kg ±0,4kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
59	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815
60	Xi măng	Xi măng PCB40 đa dụng (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926
61	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 (rời/xá)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519
62	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926
63	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815
64	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519
65	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên Taceco PCB40 Power - S (xanh)	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 13/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000
66	Xi măng	Xi măng bao Hà Tiên Taceco đa dụng	bao	PCB40	50kg/bao	Công ty xi măng Tây Đô. ĐC: Km 14, QL91, P.Phước Thới, TP.Cần Thơ - Đt: 0913 135 795. Công văn đề nghị công bố giá số 66/2026CV-XMTD ngày 24/07/2026	Cần Thơ		Đường thuỷ	Mức giá được thực hiện từ ngày 07/05/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
67	Cát xây dựng	Cát xây	m3	ISO 9001:2015 QCVN 16:2019		Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Châu, Tây Ninh: VLXD Quốc Toản, Cty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	398,500	-	-	-	-
68	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	540,000	-	-	-
69	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	423,333	-	-	-	-	-
70	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Trảng Bàng, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD TTNT Phát Đạt, DNTN Lê Thành Công.	Việt Nam	Không có thông tin	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	480,000	-	-	-	-	-	-	-
71	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Dương Minh Châu, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Minh Hoài,Cty TNHH TM DV Phú Quân, Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	331,512	-	-
72	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	765,000	-	-	-
73	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	790,000	-	-	-

74	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Trảng Bàng, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phát Đạt, DNTN Lê Thành Công.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	735,000	-	-	-	-	-	-	-	-
75	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	800,000
76	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	750,000	-	-	-
77	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Ctv TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	790,000	-	-	-	-	-	-
78	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	650,000
79	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	650,000
80	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	việt Nam	không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	725,000	-	-	-	-
81	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tông Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	650,000	-	-	-	-	-	-
82	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	600,000	-	-	-
83	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Cửa hàng VLXD Quốc Toản Đc: Tân Châu, Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	650,000	-	-	-	-	-
84	Đá xây dựng	Đá mi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tông Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	700,000	-	-	-	-	-	-
85	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	600,000	-	-	-
86	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát các cửa hàng tại khu vực Châu Thành, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Như Mai, cty TNHH khoáng sản Ngọc Phát Tài, Ctv TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 26/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	174,000	-	-	-	-
87	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH KTKS Bảy Ngọc. Đc: xã Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	68,000	-	-	-	-	-
88	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			VLXD Quốc Toản. Đc: Khu phố 3, Tân Châu, Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	350,000	-	-	-	-	-
89	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	300,000	-	-	-	-	-	-	-	-
90	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Công ty TNHH TM XNK Tân Hưng Cường. (Đc: Tổ 6, ấp Tân Tiến, Xã Tân Lập, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	178,500	-	-	-	-	-	-
91	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Thiện Phúc (Đc: Tổ 8, ấp B, Xã Bến Cầu, Tây Ninh - Đt: 0968.836.556)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, bao gồm cuốc lên xe	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	190,000	-	
92	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	350,000
93	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	350,000	-	-	-
94	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Ctv TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	766,667	-	-	-	-	-	-
95	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	600,000	-	-	-
96	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH KTKS Quốc Anh, Cty TNHH Tân Hưng Cường, Công ty TNHH MTV KTKS Phúc Phát Đạt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	67,333	-	-	-	-	-	-
97	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH MTV Nguyễn Thanh Cảnh. Xã Tân Đông, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ (ấp Tân Dũng, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, Tây Ninh),Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 17/06/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	168,000	-	-	-	-	-
98	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH KTKS Quốc Anh, Cty TNHH Tân Hưng Cường, Công ty TNHH MTV KTKS Phúc Phát Đạt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	168,667	-	-	-	-	-	-
99	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Phiếu khảo sát các cửa hàng tại khu vực Châu Thành, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Như Mai, cty TNHH khoáng sản Ngọc Phát Tài, Ctv TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 26/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	170,000	-	-	-	-
100	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cty TNHH MTV Đức Chi Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	305,000	-	-	-	-	-	-
101	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh:Cty TNHH MTV Như Mai, Cty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài, Ctv TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 26/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	66,333	-	-	-	-
102	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	271,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
103	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
104	Gạch xây	Gạch ống Hưng Thịnh	viên			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,600	-	-	-	-	-	-	-	-
105	Gạch xây	Gạch thẻ Lộc Giang	viên			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,600	-	-	-	-	-	-	-	-
106	Gạch xây	Gạch ống	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	Việt Nam	không có thông tin	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	1,400	-	-	-	-
107	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toán Tâm.	Việt Nam	không có thông tin	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	1,300	-	-	-	-
108	Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500
109	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500
110	Gạch xây	Gạch mi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	750
111	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Ctv TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	1,400	-	-	-	-	-	-
112	Gạch xây	Gạch ống	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Ctv TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	1,400	-	-	-	-	-	-
113	Gạch xây	Gạch Demi - Trung Dân	viên			Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	700	-	-	-	-	-	-
114	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	

115	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627
116	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325
117	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	190x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399
118	Gạch xây	Gạch đặc SUNKO-5S2010,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x50 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231
119	Gạch xây	Gạch block ngang 200,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x200x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974
120	Gạch xây	Gạch block ngang 100,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x100x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186
121	Gạch xây	Gạch block ngang 150,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x150x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450
122	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512
123	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408
124	Gạch xây	Gạch block ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525
125	Gạch xây	Gạch Demi block ngang 180, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	195x180x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387
126	Gạch xây	Gạch block demi bổ trụ ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367
127	Gạch xây	Gạch block ngang 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021
128	Gạch xây	Gạch block ngang 80, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730
129	Gạch xây	Gạch block ngang 250,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x250x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836
130	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085
131	Gạch xây	Gạch block ngang 120,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x120x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101
132	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640
133	Gạch xây	Gạch block ngang 100, đặc ,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x100x180 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119
134	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M45,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854
135	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M60,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181
136	Gạch xây	Gạch bông gió (trống cò),	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x260x80 mm - M20,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015
137	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24,350	24,350	24,350	24,350	24,350	24,350	24,350	24,350	24,350
138	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,850	23,850	23,850	23,850	23,850	23,850	23,850	23,850	23,850
139	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400
140	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 1 15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG33O2.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,050	23,050	23,050	23,050	23,050	23,050	23,050	23,050	23,050
141	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (ma không bông)	kg	JISG3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,350	25,350	25,350	25,350	25,350	25,350	25,350	25,350	25,350
142	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (ma không bông)	kg	JISG3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24,850	24,850	24,850	24,850	24,850	24,850	24,850	24,850	24,850

143	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400
144	Thép xây dựng	Thép dày mạ kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24,050	24,050	24,050	24,050	24,050	24,050	24,050	24,050	24,050
145	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260
146	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
147	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
148	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
149	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	27,160	27,160	27,160	27,160	27,160	27,160	27,160	27,160	27,160
150	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260
151	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
152	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
153	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
154	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260
155	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 33.5mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
156	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
157	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
158	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
159	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
160	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx1 .90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260
161	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
162	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
163	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
164	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
165	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
166	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260

167	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
168	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
169	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
170	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
171	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 48.1mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
172	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260	26,260
173	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
174	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
175	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
176	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
177	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HSO3:2O21	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
178	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
179	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
180	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
181	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
182	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
183	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
184	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460	25,460
185	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
186	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3nm.x2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
187	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
188	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
189	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
190	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160

191	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.20mmx6.0m	kg	CCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
192	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
193	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.00mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
194	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.50mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
195	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160	25,160
196	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360
197	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360
198	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360
199	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360	25,360
200	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190
201	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190
202	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: l3mmx26mmxl.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
203	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
204	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmxl4mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190
205	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmxl4mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190
206	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmxl4mmxl.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
207	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmxl4mmxl.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
208	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190
209	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
210	Thép xây dựng	Thép hộp mạkẽmZ080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
211	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmxl.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
212	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmxl.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
213	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190	22,190
214	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx25mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000

215	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
216	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
217	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080; 25mmx25mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
218	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790
219	Thép xây dựng	Thcp hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
220	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
221	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
222	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080. 20mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
223	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx50mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790
224	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25ni:nx50mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
225	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
226	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
227	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
228	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790
229	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080; 30mmx30mmx1 .00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
230	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
231	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
232	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
233	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790	21,790
234	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
235	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
236	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
237	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
238	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 30mmx60mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400

239	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx 1.1 ommx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
240	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
241	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
242	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx100mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
243	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
244	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
245	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
246	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
247	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 7.080: 40mmx80mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
248	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
249	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
250	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 40mmx80mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
251	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
252	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
253	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
254	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx50mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
255	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
256	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
257	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm ZC80: 50mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
258	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
259	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
260	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 60mmx120mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
261	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 60mmx120mmx2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
262	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 75mmx75mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400

263	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 75mmx75mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
264	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
265	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 90mmx90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
266	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 100mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
267	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 100mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
268	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
269	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
270	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
271	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
272	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
273	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
274	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
275	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
276	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
277	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
278	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
279	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
280	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
281	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx 1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
282	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
283	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z120: 90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
284	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 1 14mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
285	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm z 120: 114mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	20,810	20,810	20,810	20,810	20,810	20,810	20,810	20,810	20,810
286	Thép xây dựng	thép ống đen: độ dày 1.60mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	19,710	19,710	19,710	19,710	19,710	19,710	19,710	19,710	19,710

287	Thép xây dựng	Thép ống đen: độ dày > 1.80 - < 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	19,110	19,110	19,110	19,110	19,110	19,110	19,110	19,110	19,110
288	Thép xây dựng	Thép ống đen. độ dày > 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850
289	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 06 CB240-T	kg	JIS G3112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850	16,850
290	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 08 CB240-T	kg	JIS G3112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850
291	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 06 CB240-T	kg	JIS 03112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850	15,850
292	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB240-T	kg	JIS 03112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15,950	15,950	15,950	15,950	15,950	15,950	15,950	15,950	15,950
293	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB300	kg	JIS 03112	300.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16,370	16,370	16,370	16,370	16,370	16,370	16,370	16,370	16,370
294	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VAS D10 CB300, Grade 40	kg	JIS 03112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170
295	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VKS D12 CB300 Grade 40	kg	JIS 03112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170
296	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn THS D14 CB300/Grade 40	kg	IS G3112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170	16,170
297	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn VAS D16 CB300/Grade 40	kg	ISG3112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600
298	Thép xây dựng	Thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: .58mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000
299	Thép xây dựng	thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 0.75mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500
300	Thép xây dựng	Thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủCR: 0.95mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,150	23,150	23,150	23,150	23,150	23,150	23,150	23,150	23,150
301	Thép xây dựng	thép dày Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 1.15mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
302	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
303	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
304	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx80mmx1 ,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
305	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
306	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
307	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
308	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
309	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.40mmx6.0m TCI	kg	ASTM A5OO/A5OOM	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
310	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750

311	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
312	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
313	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
314	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
315	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
316	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
317	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
318	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mm.x1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
319	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
320	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
321	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
322	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx 1 40mm.x6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
323	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
324	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0mTC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
325	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
326	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
327	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
328	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1,20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
329	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
330	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080 30mmx60mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
331	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mm.x80mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
332	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
333	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 120mmx 1.40mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500
334	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield Z1M080: 14mmx 14mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500

335	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500
336	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500
337	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
338	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx0.80mmx6.0ni TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
339	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
340	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
341	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500
342	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500	23,500
343	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
344	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
345	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 14mmx 14mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
346	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
347	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
348	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
349	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
350	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
351	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
352	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.00mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
353	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
354	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
355	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
356	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
357	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
358	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750

359	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx 16mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
360	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.1 0mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
361	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
362	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 40mmx40mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
363	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
364	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.10mx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
365	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
366	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 4mmx14mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
367	Thép xây dựng	Thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 6mmx 16mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
368	Thép xây dựng	thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
369	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 5mmx25mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
370	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 10mmx40mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
371	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
372	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 3mmx26mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
373	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
374	Thép xây dựng	thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
375	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
376	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
377	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
378	Thép xây dựng	Thép Ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
379	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
380	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
381	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
382	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21 mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750

383	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
384	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
385	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
386	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 49mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
387	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
388	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
389	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
390	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
391	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
392	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750	22,750
393	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 42mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
394	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
395	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
396	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
397	Thép xây dựng	thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080 90mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350	22,350
398	Thép xây dựng	Kẽm cột	kg		1.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304,545	304,545	304,545	304,545	304,545	304,545	304,545	304,545	304,545
399	Thép xây dựng	Sắt Φ 6 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	6.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385,364	385,364	385,364	385,364	385,364	385,364	385,364	385,364	385,364
400	Thép xây dựng	Sắt Φ 8 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	8.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	475,636	475,636	475,636	475,636	475,636	475,636	475,636	475,636	475,636
401	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	575,364	575,364	575,364	575,364	575,364	575,364	575,364	575,364	575,364
402	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	749,091	749,091	749,091	749,091	749,091	749,091	749,091	749,091	749,091
403	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	108,091	108,091	108,091	108,091	108,091	108,091	108,091	108,091	108,091
404	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	301,455	301,455	301,455	301,455	301,455	301,455	301,455	301,455	301,455
405	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	263,455	263,455	263,455	263,455	263,455	263,455	263,455	263,455	263,455
406	Thép xây dựng	Sắt Φ 20 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	343,545	343,545	343,545	343,545	343,545	343,545	343,545	343,545	343,545
407	Thép xây dựng	Sắt Φ 22 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434,636	434,636	434,636	434,636	434,636	434,636	434,636	434,636	434,636
408	Thép xây dựng	Sắt Φ 25 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269,909	269,909	269,909	269,909	269,909	269,909	269,909	269,909	269,909

409	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật SD295	cây	JIS G 3112:2020	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	326,182	326,182	326,182	326,182	326,182	326,182	326,182	326,182	326,182
410	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật SD295	cây	JIS G 3112:2020	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,009	16,009	16,009	16,009	16,009	16,009	16,009	16,009	16,009
411	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,964	15,964	15,964	15,964	15,964	15,964	15,964	15,964	15,964
412	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101,091	101,091	101,091	101,091	101,091	101,091	101,091	101,091	101,091
413	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156,909	156,909	156,909	156,909	156,909	156,909	156,909	156,909	156,909
414	Thép xây dựng	Sắt Φ 20 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	218,182	218,182	218,182	218,182	218,182	218,182	218,182	218,182	218,182
415	Thép xây dựng	Sắt Φ 22 tron Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284,818	284,818	284,818	284,818	284,818	284,818	284,818	284,818	284,818
416	Thép xây dựng	Thép cuộn 6 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	6.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	360,545	360,545	360,545	360,545	360,545	360,545	360,545	360,545	360,545
417	Thép xây dựng	Thép cuộn 8 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	8.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	445,182	445,182	445,182	445,182	445,182	445,182	445,182	445,182	445,182
418	Thép xây dựng	Thép gân 10 Pomina SD295	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582
419	Thép xây dựng	Thép gân 12 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582	14,582
420	Thép xây dựng	Thép gân 14 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	71,909	71,909	71,909	71,909	71,909	71,909	71,909	71,909	71,909
421	Thép xây dựng	Thép gân 16 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	101,545	101,545	101,545	101,545	101,545	101,545	101,545	101,545	101,545
422	Thép xây dựng	Thép gân 18 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	131,818	131,818	131,818	131,818	131,818	131,818	131,818	131,818	131,818
423	Thép xây dựng	Thép gân 20 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818
424	Thép xây dựng	Sắt 6 Thiên thai	kg	TCVN 1651-1:2018	6.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573
425	Thép xây dựng	Sắt 8 Thiên thai	kg	TCVN 1651-1:2018	8.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718
426	Thép xây dựng	Sắt 10 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23,809	23,809	23,809	23,809	23,809	23,809	23,809	23,809	23,809
427	Thép xây dựng	Sắt 12 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	101,636	101,636	101,636	101,636	101,636	101,636	101,636	101,636	101,636
428	Thép xây dựng	Sắt 14 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000
429	Thép xây dựng	Sắt 16 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
430	Thép xây dựng	Dây mạ 3 ly	kg	TCVN 2053-1993	2.7*3mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573	23,573
431	Thép xây dựng	Kẽm gai	kg	JIS G 3533-1993	70*70mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718	23,718
432	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Pomina	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-
433	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Pomina	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-
434	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Pomina SD295	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-
435	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158,182	-	-	-	-	-	-	-	-	-
436	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-
437	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	283,636	-	-	-	-	-	-	-	-	-
438	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	359,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-
439	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444,545	-	-	-	-	-	-	-	-	-
440	Thép xây dựng	Sắt phi 22 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	536,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-

441	Thép xây dựng	Sắt phi 25 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	701,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
442	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Hoà Phát	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,636	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
443	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Hoà Phát	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,636	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
444	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Hoà Phát Gr40	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
445	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Hoà Phát Gr40	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	277,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
446	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158,182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
447	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	216,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
448	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
449	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	441,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
450	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Pomina (Ý)	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
451	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Pomina (Ý)	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
452	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
453	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
454	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	218,182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
455	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284,545	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
456	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
457	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444,545	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
458	Thép xây dựng	Sắt phi 22 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	536,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
459	Thép xây dựng	Sắt phi 25 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	701,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
460	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Nhật	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
461	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Nhật	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
462	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	119,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
463	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	170,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
464	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230,909	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
465	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
466	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	382,727	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
467	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
468	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53,636	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
469	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59,091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
470	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
471	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58,182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
472	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64,545	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
473	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52,727	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
474	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
475	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
476	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
477	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
478	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
479	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*180	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72,727	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
480	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*180	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80,909	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

481	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*200	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
482	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*200	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
483	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*200	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
484	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*200	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
485	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*250	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
486	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*250	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
487	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		30x30x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
488	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		30x30x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
489	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		40x80x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
490	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		40x80x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	345,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
491	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x50x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	245,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
492	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x50x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	285,900	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
493	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x100x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	373,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
494	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x100x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	433,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
495	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		100x100x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
496	Thép xây dựng	Thép cuộn 6mm (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2008		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510
497	Thép xây dựng	Thép cuộn 8mm (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2008		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510	15,510
498	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16,030	16,030	16,030	16,030	16,030	16,030	16,030	16,030	16,030	16,030
499	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-20mm (CB300V/Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15,830	15,830	15,830	15,830	15,830	15,830	15,830	15,830	15,830	15,830
500	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16,110	16,110	16,110	16,110	16,110	16,110	16,110	16,110	16,110	16,110
501	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-32mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15,910	15,910	15,910	15,910	15,910	15,910	15,910	15,910	15,910	15,910
502	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 36 - 40mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trọng lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16,210	16,210	16,210	16,210	16,210	16,210	16,210	16,210	16,210	16,210
503	Thép xây dựng	Sắt Việt Nhật 6-8	kg		8.0mm	DNTN Toàn Tâm. Đc: Tổ 10, ấp 4, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	không có thông tin	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	18,000	-	-	-	-
504	Thép xây dựng	Sắt 10 Việt Nhật	cây		10.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	không có thông tin	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	126,700	-	-	-	-
505	Thép xây dựng	Sắt 12 Việt Nhật	cây		12.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	không có thông tin	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	180,200	-	-	-	-
506	Thép xây dựng	Sắt 14 Việt Nhật	cây		14.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	không có thông tin	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	245,000	-	-	-	-
507	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	170,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
508	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
509	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
510	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x50x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	235,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
511	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x50x1.8	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	276,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
512	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 75x75x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	416,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
513	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 90x90x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	501,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
514	Thép xây dựng	Sắt hộp k100x100x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	557,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
515	Thép xây dựng	Sắt Φ 21x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	62,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
516	Thép xây dựng	Sắt Φ 21x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
517	Thép xây dựng	Sắt Φ 27x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
518	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x100x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	354,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
519	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x100x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	416,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
520	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 60x120x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	501,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

521	Thép xây dựng	Sắt Φ 60x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	203,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
522	Thép xây dựng	Sắt Φ 60x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	262,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
523	Thép xây dựng	Sắt Φ 76x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	333,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
524	Thép xây dựng	Sắt Φ 90x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	394,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
525	Thép xây dựng	Sắt Φ 114x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	501,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
526	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 Việt Úc	cây		10.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	90,000	-	-	-	-	-	-	-
527	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 Việt Úc	kg		12.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	135,000	-	-	-	-	-	-	-
528	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 Việt Úc	kg		14.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	126,000	-	-	-	-	-	-	-
529	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 Việt Úc	kg		16.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	120,000	-	-	-	-	-	-	-
530	Thép xây dựng	Thép Φ 6-8 Việt Úc CB300	kg		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	195,000	-	-	-	-	-	-	-
531	Thép xây dựng	Thép Φ 10 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	18,000	-	-	-	-	-	-	-
532	Thép xây dựng	Thép Φ 12 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	195,000	-	-	-	-	-	-	-
533	Thép xây dựng	Thép Φ 14 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	263,000	-	-	-	-	-	-	-
534	Thép xây dựng	Thép Φ 16 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	336,000	-	-	-	-	-	-	-
535	Thép xây dựng	Thép Φ 6-8 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	23,000	-	-	-	-	-	-	-
536	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	-
537	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	-
538	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	-
539	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	-
540	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	-
541	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	-
542	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	-
543	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	-
544	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	-
545	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	-
546	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	-
547	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	-
548	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	-
549	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	-
550	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	-

551	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
552	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ	viên	QCVN 16:2023/BXD	80x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1,545	-	-	-	-	-	-	-
553	Gạch xây	Gạch thẻ đặc	viên	QCVN 16:2023/BXD	40x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1,455	-	-	-	-	-	-	-
554	Gạch xây	Gạch xây dựng Block T10	viên	QCVN 16:2023/BXD	90x190x390 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	7,273	-	-	-	-	-	-	-
555	Gạch xây	Gạch xây dựng Block T20	viên	QCVN 16:2023/BXD	190x190x390 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	14,545	-	-	-	-	-	-	-
556	Gạch xây	Gạch 2 lỗ	viên	QCVN 16:2023/BXD	80x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1,364	-	-	-	-	-	-	-
557	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	77,273	-	-	-	-	-	-	-
558	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	81,818	-	-	-	-	-	-	-
559	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	100,000	-	-	-	-	-	-	-
560	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	104,545	-	-	-	-	-	-	-
561	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	100,000	-	-	-	-	-	-	-
562	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	104,545	-	-	-	-	-	-	-
563	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	300x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	86,364	-	-	-	-	-	-	-
564	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	300x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	90,909	-	-	-	-	-	-	-
565	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	127,273	-	-	-	-	-	-	-
566	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	136,364	-	-	-	-	-	-	-
567	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	163,636	-	-	-	-	-	-	-
568	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	145,455	-	-	-	-	-	-	-
569	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	154,545	-	-	-	-	-	-	-
570	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	172,727	-	-	-	-	-	-	-
571	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	145,455	-	-	-	-	-	-	-
572	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	154,545	-	-	-	-	-	-	-
573	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	181,818	-	-	-	-	-	-	-
574	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	254,545	-	-	-	-	-	-	-
575	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	272,727	-	-	-	-	-	-	-
576	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290,909	-	-	-	-	-	-	-
577	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	263,636	-	-	-	-	-	-	-
578	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290,909	-	-	-	-	-	-	-
579	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	318,182	-	-	-	-	-	-	-
580	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	263,636	-	-	-	-	-	-	-
581	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290,909	-	-	-	-	-	-	-
582	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	345,455	-	-	-	-	-	-	-
583	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 30x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x30	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Tho. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000

584	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 40x40cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	40x40	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000
585	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) 30x60cm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000
586	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
587	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000
588	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
589	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 80x80cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000
590	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
591	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000
592	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 120x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000
593	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000
594	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000
595	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000
596	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000
597	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000
598	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 120x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000
599	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kính P 60x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000
600	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kính P 60x60cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000
601	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kính P 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000
602	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kính P 80x80cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000
603	Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bóng - mờ	m2		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
604	Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bóng	m2		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
605	Gạch ốp lát	Gạch ốp men bóng	m2		40x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000
606	Gạch ốp lát	Gạch ốp men mờ	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000
607	Gạch ốp lát	Gạch ốp men bóng	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000
608	Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000	240,000
609	Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m2		80x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đền, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
610	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glossy	m2		300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000
611	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Matt	m2		300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000
612	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glue	m2		300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000
613	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Matt	m2		300x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000
614	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glitter	m2		300x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000	310,000
615	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2		200x1000	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000
616	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Rustic	m2		200x1000	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000	292,000
617	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2		600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000
618	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lusha nền: bề mặt Matt	m2		600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000
619	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2		600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000

620	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	328,000	328,000	328,000	328,000	328,000	328,000	328,000	328,000	328,000
621	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Special Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
622	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000
623	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000	294,000
624	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000
625	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000
626	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000	309,000
627	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	284,000	284,000	284,000	284,000	284,000	284,000	284,000	284,000	284,000
628	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	330,000	330,000	330,000	330,000	330,000	330,000	330,000	330,000	330,000
629	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000
630	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000
631	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4,710,000	4,710,000	4,710,000	4,710,000	4,710,000	4,710,000	4,710,000	4,710,000	4,710,000
632	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000
633	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000	380,000
634	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	455,000	455,000	455,000	455,000	455,000	455,000	455,000	455,000	455,000
635	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000
636	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000	423,000
637	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000
638	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x300	9,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000	480,000
639	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x300	8.9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000
640	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x600	9,3mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000
641	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8,7mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000
642	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000
643	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	10,3mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	175,000	175,000	175,000	175,000	175,000	175,000	175,000	175,000	175,000
644	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
645	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	421,000	421,000	421,000	421,000	421,000	421,000	421,000	421,000	421,000
646	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000
647	Gạch ốp lát	Gạch men Lustite thân	m2	400x800	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	215,000	215,000	215,000	215,000	215,000	215,000	215,000	215,000	215,000
648	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000
649	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	500x500	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000

650	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	500x500	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000
651	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000
652	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền .	m2	600x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000
653	Gạch ốp lát	Gạch men Lustlie thân	m2	400x800	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	245,000	245,000	245,000	245,000	245,000	245,000	245,000	245,000	245,000
654	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000
655	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000
656	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	800x800	9.4	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	239,000	239,000	239,000	239,000	239,000	239,000	239,000	239,000	239,000
657	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	800x800	10	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	219,000	219,000	219,000	219,000	219,000	219,000	219,000	219,000	219,000
658	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x1200	9.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000
659	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	198x900	9.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
660	Gạch ốp lát	Gạch xi măng bông gió Lustile Không chắn mưa	viên	190x190		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600
661	Gạch ốp lát	Gạch xi măng bông gió Lustile Có chắn mưa	viên	190x190		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700	28,700
662	Gạch ốp lát	Bán sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 200x200mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745 2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	313,720	313,720	313,720	313,720	313,720	313,720	313,720	313,720	313,720
663	Gạch ốp lát	Bán sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x800mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 16 2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0,96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	250,756	250,756	250,756	250,756	250,756	250,756	250,756	250,756	250,756
664	Gạch ốp lát	Bán sứ in KTS, khuôn mài cạnh men matt. 300x300mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0 99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000
665	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x400mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0 96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	155,190	155,190	155,190	155,190	155,190	155,190	155,190	155,190	155,190
666	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x800mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	190,741	190,741	190,741	190,741	190,741	190,741	190,741	190,741	190,741
667	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic in KTS, mài cạnh 300x600mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	170,930	170,930	170,930	170,930	170,930	170,930	170,930	170,930	170,930
668	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 500x860mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	175,740	175,740	175,740	175,740	175,740	175,740	175,740	175,740	175,740
669	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men bóng. Hiệu ứng Sinking 300x450mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	153,526	153,526	153,526	153,526	153,526	153,526	153,526	153,526	153,526
670	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS 500x500mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	141,480	141,480	141,480	141,480	141,480	141,480	141,480	141,480	141,480
671	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745 2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	147,222	147,222	147,222	147,222	147,222	147,222	147,222	147,222	147,222
672	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ in KTS 500x500mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1. 44m2)	Công ty cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
673	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic in KTS 500x800mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1 .44m2)	công ty cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	189,446	189,446	189,446	189,446	189,446	189,446	189,446	189,446	189,446
674	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS Men matt. 200x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 06 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	341,664	341,664	341,664	341,664	341,664	341,664	341,664	341,664	341,664
675	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 300x600mm- NHóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	236,944	236,944	236,944	236,944	236,944	236,944	236,944	236,944	236,944
676	Gạch ốp lát	Gạch Bán sứ in KTS 75x300 (mm)- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000
677	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS, Anti-slip/ Chống trơn 600x600mm- Nhóm Bla Xương 10mm	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	244,720	244,720	244,720	244,720	244,720	244,720	244,720	244,720	244,720
678	Gạch ốp lát	Gạch Granite in KTS 600x600mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	286,849	286,849	286,849	286,849	286,849	286,849	286,849	286,849	286,849
679	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 600x900mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 3 viên = 1 .62m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	287,666	287,666	287,666	287,666	287,666	287,666	287,666	287,666	287,666
680	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 800x800mm- NHóm Bla xương 11mm	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 3 viên = 1. 92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417
681	Gạch ốp lát	Gạch Granlte in KTS 800xx800mm- NHóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417	385,417
682	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS, xương mỏng 9.5mm 600x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 2 viên = 1 .44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	449,999	449,999	449,999	449,999	449,999	449,999	449,999	449,999	449,999
683	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 1000x1 OOOmm- Hiệu ứng Carving Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp-02viên-2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	664,444	664,444	664,444	664,444	664,444	664,444	664,444	664,444	664,444
684	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 1200x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp - 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	791,250	791,250	791,250	791,250	791,250	791,250	791,250	791,250	791,250
685	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 800x1600mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp - 02 viên =2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	802,575	802,575	802,575	802,575	802,575	802,575	802,575	802,575	802,575

686	Gạch ốp lát	Gạch ceramic Xương đỏ, mài cạnh 300x300mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	11 viên =0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,020	120,020	120,020	120,020	120,020	120,020	120,020	120,020	120,020
687	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh 600x600mm	m2	QCVN 162019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	155,400	155,400	155,400	155,400	155,400	155,400	155,400	155,400	155,400
688	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh 300x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	8 viên- 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	154,200	154,200	154,200	154,200	154,200	154,200	154,200	154,200	154,200
689	Gạch ốp lát	Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh 400x400mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	6 viên - 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200
690	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS.mài cạnh 400x400mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745 2009	6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	117,300	117,300	117,300	117,300	117,300	117,300	117,300	117,300	117,300
691	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS.mài cạnh 500x500mm	m2	QCVN 162019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.0m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000
692	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Blb 800x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2008	3 viên-1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800
693	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Blb 600x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	177,100	177,100	177,100	177,100	177,100	177,100	177,100	177,100	177,100
694	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Bib 300x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	8 viên -1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	186,200	186,200	186,200	186,200	186,200	186,200	186,200	186,200	186,200
695	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Bib 400x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2010	4 viên =1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800
696	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh 400x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	174,021	174,021	174,021	174,021	174,021	174,021	174,021	174,021	174,021
697	Gạch ốp lát	Bla, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 600, 601,..., 12, 15, 17,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000
698	Gạch ốp lát	Bla, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TSMT 601,602,... PTSMT 601,062,... PTSMT 601.602,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000
699	Gạch ốp lát	Bla, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 800, 801,..., 12, 15, 17,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	800x800 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000
700	Gạch ốp lát	BIII, Gạch ốp tường ceramic KTS: KQ, tron: UM, KS, SH, F, CL, AZ, SH 3600, KT, UM3601, 3602,.....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000
701	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát chống T, PT 360, 367, PF, PCL, PAZ, PSH 3600, 3601, 3602,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x300 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000
702	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát nền mài cạnh: GM, KM, CL, NQ301, 04, H.KQ, SH CE, CL CE 501, 502, 503, 505.. 3642, 3648, PUM, PKS, PNO301,04.... 3601, 3602,... 3611,..	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	500x500 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000
703	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	bộ	- TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 01B (BTCT M300): KT ngoài 840x440x1200mm, KT trong 700x300x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước SG-08 (nhựa PPR) kích thước 694x294x100	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
704	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-02C	bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 02C (BTCT M300): KT ngoài 840x440x1200mm, KT trong 700x300x1130mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước SG-08 (nhựa PPR) kích thước 694x294x100	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	10,800,000	10,800,000	10,800,000	10,800,000	10,800,000	10,800,000	10,800,000	10,800,000	10,800,000
705	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 03B (BTCT M300): KT ngoài 840x440x540mm, KT trong 700x300x470mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 760x360x45mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000
706	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A	bộ	-TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A (BTCT M300): KT ngoài 580x1000x670mm, KT trong 440x860x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 920x500x45mm - Tấm lọc nước SG-09 (nhựa PPR) kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	11,000,000	11,000,000	11,000,000	11,000,000	11,000,000	11,000,000	11,000,000	11,000,000	11,000,000
707	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) SIGEN-04A-BVHĐ (bó vỉa hè đứng)	bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A (BTCT M300): KT ngoài 580x1000x670mm, KT trong 440x860x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 920x360x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè đứng (gang cầu) kích thước 200x1000x160mm - Tấm lọc nước SG-09 (nhựa PPR) kích thước 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000

708	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A-BVHX (bó vỉa hè xiên)	bộ	- TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A (BTCT M300): KT ngoài 580x1000x670mm, KT trong 440x860x600mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08, nhựa ABS Kích thước ngoài 330x600x85mm Kích thước trong 230x465x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 960x360x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè xiên (gang cầu) kích thước 300x1000x160mm - Tấm lọc nước SG-09 (nhựa PPR) kích thước: 854x432x100mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000
709	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A	bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A (BTCT M300): KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 360x1170x45mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	9,500,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000	9,800,000
710	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè đứng)	bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A (BTCT M300): KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 235x1170x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè đứng (gang cầu) kích thước 200x1240x160mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	11,500,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000
711	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè xiên)	bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A (BTCT M300): KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS Kích thước ngoài 440x500x85mm Kích thước trong 330x400x80mmm - Song chắn rác không khung (gang cầu có khả năng chống trộm): KT 235x1170x45mm - Song chắn rác bó vỉa hè xiên (gang cầu) kích thước 300x1240x160mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	11,500,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000	11,800,000
712	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-04TNNM (NGT)	bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: 1200x 1200x75mm, nắp gang Ø940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12,500,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000
713	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-05TNNM (nắp gang vuông)	bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: 1200x 1200x75mm, nắp gang: 940x940mm, thông thủy 880x880, tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 104-TN/2026/CBG ngày 20/08/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao tại cơ sở sản xuất 780/11/10 Bình Giã, P.Phước Thắng, TP.HCM	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/08/2026 đến 31/12/2026.	Giá bán giảm	12,500,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000	12,800,000
714	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5 và 3m) Vỉa hè, mác 300, dày 5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000	275,000
715	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	343,000	343,000	343,000	343,000	343,000	343,000	343,000	343,000	343,000
716	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000
717	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	539,000	539,000	539,000	539,000	539,000	539,000	539,000	539,000	539,000
718	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	803,000	803,000	803,000	803,000	803,000	803,000	803,000	803,000	803,000
719	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 10 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,232,000	1,232,000	1,232,000	1,232,000	1,232,000	1,232,000	1,232,000	1,232,000	1,232,000
720	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,914,000	1,914,000	1,914,000	1,914,000	1,914,000	1,914,000	1,914,000	1,914,000	1,914,000
721	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) vỉa hè, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,695,000	2,695,000	2,695,000	2,695,000	2,695,000	2,695,000	2,695,000	2,695,000	2,695,000
722	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) vỉa hè, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,059,000	4,059,000	4,059,000	4,059,000	4,059,000	4,059,000	4,059,000	4,059,000	4,059,000
723	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	281,000	281,000	281,000	281,000	281,000	281,000	281,000	281,000	281,000
724	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
725	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	473,000	473,000	473,000	473,000	473,000	473,000	473,000	473,000	473,000
726	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	578,000	578,000	578,000	578,000	578,000	578,000	578,000	578,000	578,000
727	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000

728	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 10 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,375,000	1,375,000	1,375,000	1,375,000	1,375,000	1,375,000	1,375,000	1,375,000	1,375,000
729	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,222,000	2,222,000	2,222,000	2,222,000	2,222,000	2,222,000	2,222,000	2,222,000	2,222,000
730	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) H10-XB60, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,674,000	3,674,000	3,674,000	3,674,000	3,674,000	3,674,000	3,674,000	3,674,000	3,674,000
731	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) H10-XB60, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,566,000	5,566,000	5,566,000	5,566,000	5,566,000	5,566,000	5,566,000	5,566,000	5,566,000
732	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000
733	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000
734	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	495,000	495,000	495,000	495,000	495,000	495,000	495,000	495,000	495,000
735	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, via 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	594,000	594,000	594,000	594,000	594,000	594,000	594,000	594,000	594,000
736	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	983,000	983,000	983,000	983,000	983,000	983,000	983,000	983,000	983,000
737	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,401,000	1,401,000	1,401,000	1,401,000	1,401,000	1,401,000	1,401,000	1,401,000	1,401,000
738	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB80, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,277,000	2,277,000	2,277,000	2,277,000	2,277,000	2,277,000	2,277,000	2,277,000	2,277,000
739	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) H30-XB80, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,773,000	3,773,000	3,773,000	3,773,000	3,773,000	3,773,000	3,773,000	3,773,000	3,773,000
740	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) H30-XB80, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,709,000	5,709,000	5,709,000	5,709,000	5,709,000	5,709,000	5,709,000	5,709,000	5,709,000
741	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D300	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000
742	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D400	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000
743	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D500	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000	143,000
744	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D600	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000
745	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D800	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204,000	204,000	204,000	204,000	204,000	204,000	204,000	204,000	204,000
746	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.000	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000
747	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.200	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000
748	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.500	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	493,000	493,000	493,000	493,000	493,000	493,000	493,000	493,000	493,000
749	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D2.000	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	566,000	566,000	566,000	566,000	566,000	566,000	566,000	566,000	566,000
750	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D300	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000
751	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D400	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
752	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000
753	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D600	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000
754	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D800	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
755	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,000	90,000	90,000	90,000	90,000	90,000	90,000	90,000	90,000
756	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1200	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
757	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000

758	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D2000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000
759	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1000x1000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,700,000	3,700,000	3,700,000	3,700,000	3,700,000	3,700,000	3,700,000	3,700,000	3,700,000
760	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1200x1200mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,300,000	4,300,000	4,300,000	4,300,000	4,300,000	4,300,000	4,300,000	4,300,000	4,300,000
761	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1600x1600mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000
762	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 2000x2000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,700,000	10,700,000	10,700,000	10,700,000	10,700,000	10,700,000	10,700,000	10,700,000	10,700,000
763	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 2500x2500mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,700,000	15,700,000	15,700,000	15,700,000	15,700,000	15,700,000	15,700,000	15,700,000	15,700,000
764	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 3000x3000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,200,000	23,200,000	23,200,000	23,200,000	23,200,000	23,200,000	23,200,000	23,200,000	23,200,000
765	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1000x1000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
766	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1200x1200	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
767	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1600x1600	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000
768	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 2000x2000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
769	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 2500x2500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000
770	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 3000x3000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
771	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 6D7.1, thép đai: D3, Lcọc 12m; Bề dày thành: 60mm, Mặt bích: thép tấm dày 12mm, Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000
772	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 7D7.1, thép đai: D3; Lcọc 12m; Bề dày thành: 65mm; Mặt bích thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000
773	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D7.1, thép đai: D3, Lcọc 12m, Bề dày thành: 80mm, Mặt bích thép tấm dày 12mm, Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000
774	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 14D7.1, thép đai: D4, Lcọc 12m, Bề dày thành: 90mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 100mm, dày 2mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	780,000	780,000	780,000	780,000	780,000	780,000	780,000	780,000	780,000
775	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 18D7.1, thép đai: D4, Lcọc=12m; Bề dày thành: 100mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm, Manchon: cao 100mm, dày 2mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000
776	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D9.0, thép đai: D3; Lcọc=12m; Bề dày thành: 60mm, Mặt bích: thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000
777	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 12D9.0, thép đai: D3, Lcọc 12m, Bề dày thành: 65mm, Mặt bích thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000
778	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 15D9.0, thép đai: D4; Lcọc=12m, Bề dày thành: 80mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000
779	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 16D10.7, thép đai: D4, Lcọc 12m, Bề dày thành: 90mm, Mặt bích: thép tấm dày 16mm; Manchon: cao 150mm, dày 10mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	890,000	890,000	890,000	890,000	890,000	890,000	890,000	890,000	890,000
780	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 22D10.7, thép đai: D4; Lcọc=12m, Bề dày thành: 100mm, Mặt bích: thép tấm dày 18mm; Manchon: cao 150mm, dày 10mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000
781	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 200x200mm, Thép chủ: 4D14, thép đai: D6, Lcọc 8m, BT mác 300, thép tấm đầu cọc: (200x200x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	320,000	320,000	320,000	320,000	320,000	320,000	320,000	320,000	320,000
782	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm; Thép chủ: 4D16, thép đai: D6, Lcọc=8m; BT mác 300, Thép tấm đầu nối cọc: (250x250x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000	460,000

783	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm, Thép chủ 4D18, thép đai: D6, Lcọc 11.8m, BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (250x250x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000
784	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm, Thép chủ: 4D18, thép đai: D6, Lcọc=8m, BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (300x300x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000
785	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm, Thép chủ: 4D20, thép đai: D6; Lcọc 11.8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (300x300x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000
786	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm, Thép chủ: 4D20, thép đai: D6, Lcọc=8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (350x350x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	790,000	790,000	790,000	790,000	790,000	790,000	790,000	790,000	790,000
787	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm, Thép chủ: 4D22, thép đai: D6, Lcọc 11.8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (350x350x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000
788	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W350-A, Cấp cường độ cao: 14D12.7; Lcọc=12m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000	1,320,000
789	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-A, Cấp cường độ cao: 16D12.7, Lcọc 14m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,560,000	1,560,000	1,560,000	1,560,000	1,560,000	1,560,000	1,560,000	1,560,000	1,560,000
790	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-B, Cấp cường độ cao: 18D12.7, Lcọc 16m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,630,000	1,630,000	1,630,000	1,630,000	1,630,000	1,630,000	1,630,000	1,630,000	1,630,000
791	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-A, Cấp cường độ cao: 16D15.2, Lcọc 16m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,740,000	1,740,000	1,740,000	1,740,000	1,740,000	1,740,000	1,740,000	1,740,000	1,740,000
792	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-B, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc 18m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,920,000	1,920,000	1,920,000	1,920,000	1,920,000	1,920,000	1,920,000	1,920,000	1,920,000
793	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-A, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc=18m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
794	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-B, Cấp cường độ cao: 24D15.2; Lcọc 20m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000
795	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-A, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc 22m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,300,000	2,300,000	2,300,000	2,300,000	2,300,000	2,300,000	2,300,000	2,300,000	2,300,000
796	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-B, Cấp cường độ cao: 26D15.2, Lcọc=24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000	2,470,000
797	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W840-A, Cấp cường độ cao: 24D15.2, Lcọc 24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000
798	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W840-B, Cấp cường độ cao: 30D15.2, Lcọc 24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000
799	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T280 TT H8; L=6m-9m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000
800	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T400 TT H8; L=9-12m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000
801	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T280 TT 0.5HL93; L=6m-9m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,380,000	1,380,000	1,380,000	1,380,000	1,380,000	1,380,000	1,380,000	1,380,000	1,380,000
802	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T400 TT 0.5HL93; L=9-12m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,440,000	1,440,000	1,440,000	1,440,000	1,440,000	1,440,000	1,440,000	1,440,000	1,440,000
803	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T500 TT 0.5HL93; L=15m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000
804	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T650 TT 0.5HL93; L=18m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000
805	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (100x300x28)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000	230,000
806	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x39)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000	470,000
807	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x42)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000	490,000
808	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x44)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	505,000	505,000	505,000	505,000	505,000	505,000	505,000	505,000	505,000
809	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I550 TT HL93; L=12.5m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000	30,000,000
810	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I700 TT HL93; L=18.6m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000
811	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I24.54 TT HL93; L=24.54m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000
812	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I33 TT HL93; L=33m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150,000,000	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########

813	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL Super T L=38.2m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	340,000,000	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
814	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=15m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000
815	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=20m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000	70,000,000
816	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=25m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000	90,000,000
817	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93 L=33m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150,000,000	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
818	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø300 T (L=2.5-3.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	456,000	456,000	456,000	456,000	456,000	456,000	456,000	456,000	456,000
819	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 T (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	555,000	555,000	555,000	555,000	555,000	555,000	555,000	555,000	555,000
820	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 T (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000
821	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 T (L=2.5-3.0tn) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,368,000	1,368,000	1,368,000	1,368,000	1,368,000	1,368,000	1,368,000	1,368,000	1,368,000
822	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 T (L=2.5-3.0m) d 10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,995,000	1,995,000	1,995,000	1,995,000	1,995,000	1,995,000	1,995,000	1,995,000	1,995,000
823	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 T (L=2.5-3.0m) d 12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,290,000	3,290,000	3,290,000	3,290,000	3,290,000	3,290,000	3,290,000	3,290,000	3,290,000
824	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 T (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,942,000	4,942,000	4,942,000	4,942,000	4,942,000	4,942,000	4,942,000	4,942,000	4,942,000
825	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 T (L=2.5-3.0m) d155cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,122,000	6,122,000	6,122,000	6,122,000	6,122,000	6,122,000	6,122,000	6,122,000	6,122,000
826	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 T (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,376,000	7,376,000	7,376,000	7,376,000	7,376,000	7,376,000	7,376,000	7,376,000	7,376,000
827	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø300 TC (L=2.5-3.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462,000	462,000	462,000	462,000	462,000	462,000	462,000	462,000	462,000
828	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 TC (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m			Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000
829	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 TC (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	923,000	923,000	923,000	923,000	923,000	923,000	923,000	923,000	923,000
830	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 TC (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,504,000	1,504,000	1,504,000	1,504,000	1,504,000	1,504,000	1,504,000	1,504,000	1,504,000
831	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 TC (L=2.5-3.0m) d10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,323,000	2,323,000	2,323,000	2,323,000	2,323,000	2,323,000	2,323,000	2,323,000	2,323,000
832	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 TC (L=2.5-3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,624,000	3,624,000	3,624,000	3,624,000	3,624,000	3,624,000	3,624,000	3,624,000	3,624,000
833	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 TC (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,422,000	5,422,000	5,422,000	5,422,000	5,422,000	5,422,000	5,422,000	5,422,000	5,422,000
834	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 TC (L=2.5-3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,856,000	6,856,000	6,856,000	6,856,000	6,856,000	6,856,000	6,856,000	6,856,000	6,856,000
835	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 TC (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,771,000	8,771,000	8,771,000	8,771,000	8,771,000	8,771,000	8,771,000	8,771,000	8,771,000
836	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 c (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	590,000	590,000	590,000	590,000	590,000	590,000	590,000	590,000	590,000
837	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 c (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	963,000	963,000	963,000	963,000	963,000	963,000	963,000	963,000	963,000
838	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 c (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,707,000	1,707,000	1,707,000	1,707,000	1,707,000	1,707,000	1,707,000	1,707,000	1,707,000
839	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 c (L=2.5-3.0m) d10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,528,000	2,528,000	2,528,000	2,528,000	2,528,000	2,528,000	2,528,000	2,528,000	2,528,000
840	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 c (L=2.5-3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,782,000	3,782,000	3,782,000	3,782,000	3,782,000	3,782,000	3,782,000	3,782,000	3,782,000
841	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 c (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,582,000	5,582,000	5,582,000	5,582,000	5,582,000	5,582,000	5,582,000	5,582,000	5,582,000
842	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 c (L=2.5-3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,117,000	8,117,000	8,117,000	8,117,000	8,117,000	8,117,000	8,117,000	8,117,000	8,117,000
843	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 c (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,206,000	9,206,000	9,206,000	9,206,000	9,206,000	9,206,000	9,206,000	9,206,000	9,206,000
844	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø300 T (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	518,000	518,000	518,000	518,000	518,000	518,000	518,000	518,000	518,000
845	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 T (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627,000	627,000	627,000	627,000	627,000	627,000	627,000	627,000	627,000
846	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 T (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	928,000	928,000	928,000	928,000	928,000	928,000	928,000	928,000	928,000
847	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 T (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,475,000	1,475,000	1,475,000	1,475,000	1,475,000	1,475,000	1,475,000	1,475,000	1,475,000
848	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 T (L=4.0m) d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,245,000	2,245,000	2,245,000	2,245,000	2,245,000	2,245,000	2,245,000	2,245,000	2,245,000
849	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 T (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,744,000	3,744,000	3,744,000	3,744,000	3,744,000	3,744,000	3,744,000	3,744,000	3,744,000
850	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 T (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,526,000	5,526,000	5,526,000	5,526,000	5,526,000	5,526,000	5,526,000	5,526,000	5,526,000

851	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 T (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000
852	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 T (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,429,000	8,429,000	8,429,000	8,429,000	8,429,000	8,429,000	8,429,000	8,429,000	8,429,000
853	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø300 TC (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	525,000	525,000	525,000	525,000	525,000	525,000	525,000	525,000	525,000
854	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 TC (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000
855	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 TC (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,022,000	1,022,000	1,022,000	1,022,000	1,022,000	1,022,000	1,022,000	1,022,000	1,022,000
856	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 TC (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,618,000	1,618,000	1,618,000	1,618,000	1,618,000	1,618,000	1,618,000	1,618,000	1,618,000
857	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 TC (L=4.0m)d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,605,000	2,605,000	2,605,000	2,605,000	2,605,000	2,605,000	2,605,000	2,605,000	2,605,000
858	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 TC (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,093,000	4,093,000	4,093,000	4,093,000	4,093,000	4,093,000	4,093,000	4,093,000	4,093,000
859	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 TC (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,086,000	6,086,000	6,086,000	6,086,000	6,086,000	6,086,000	6,086,000	6,086,000	6,086,000
860	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 TC (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,531,000	8,531,000	8,531,000	8,531,000	8,531,000	8,531,000	8,531,000	8,531,000	8,531,000
861	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 TC (L=3.0m) d16crn	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,717,000	9,717,000	9,717,000	9,717,000	9,717,000	9,717,000	9,717,000	9,717,000	9,717,000
862	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 c (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000
863	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 c (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,117,000	1,117,000	1,117,000	1,117,000	1,117,000	1,117,000	1,117,000	1,117,000	1,117,000
864	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 c (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,832,000	1,832,000	1,832,000	1,832,000	1,832,000	1,832,000	1,832,000	1,832,000	1,832,000
865	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 c (L=4.0m) d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000
866	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 c (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,258,000	4,258,000	4,258,000	4,258,000	4,258,000	4,258,000	4,258,000	4,258,000	4,258,000
867	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 c (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,330,000	6,330,000	6,330,000	6,330,000	6,330,000	6,330,000	6,330,000	6,330,000	6,330,000
868	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 c (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,850,000	8,850,000	8,850,000	8,850,000	8,850,000	8,850,000	8,850,000	8,850,000	8,850,000
869	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 c (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,392,000	10,392,000	10,392,000	10,392,000	10,392,000	10,392,000	10,392,000	10,392,000	10,392,000
870	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.0 X 1.0 (L=1 .2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,197,000	5,197,000	5,197,000	5,197,000	5,197,000	5,197,000	5,197,000	5,197,000	5,197,000
871	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.2 X 1.2 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000
872	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.6 X 1.6 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,309,000	9,309,000	9,309,000	9,309,000	9,309,000	9,309,000	9,309,000	9,309,000	9,309,000
873	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2.0 X 2.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,843,000	13,843,000	13,843,000	13,843,000	13,843,000	13,843,000	13,843,000	13,843,000	13,843,000
874	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2.5 X 2.5 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,600,000	20,600,000	20,600,000	20,600,000	20,600,000	20,600,000	20,600,000	20,600,000	20,600,000
875	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 3.0 X 3.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,499,000	29,499,000	29,499,000	29,499,000	29,499,000	29,499,000	29,499,000	29,499,000	29,499,000
876	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(1.6 X 1.6) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,234,000	16,234,000	16,234,000	16,234,000	16,234,000	16,234,000	16,234,000	16,234,000	16,234,000
877	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(2.0 X 2.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,595,000	24,595,000	24,595,000	24,595,000	24,595,000	24,595,000	24,595,000	24,595,000	24,595,000
878	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(2.5 X 2.5) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,938,000	34,938,000	34,938,000	34,938,000	34,938,000	34,938,000	34,938,000	34,938,000	34,938,000
879	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(3.0 X 3.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48,654,000	48,654,000	48,654,000	48,654,000	48,654,000	48,654,000	48,654,000	48,654,000	48,654,000
880	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) -1.0 X 1.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000	5,957,000
881	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 1.2 X 1.2 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,802,000	6,802,000	6,802,000	6,802,000	6,802,000	6,802,000	6,802,000	6,802,000	6,802,000
882	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) -1.6 X 1.6 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,926,000	9,926,000	9,926,000	9,926,000	9,926,000	9,926,000	9,926,000	9,926,000	9,926,000
883	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2.0 X 2.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,795,000	15,795,000	15,795,000	15,795,000	15,795,000	15,795,000	15,795,000	15,795,000	15,795,000
884	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2.5 X 2.5 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,408,000	24,408,000	24,408,000	24,408,000	24,408,000	24,408,000	24,408,000	24,408,000	24,408,000
885	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 3.0 X 3.0 (L=1 ,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	31,534,000	31,534,000	31,534,000	31,534,000	31,534,000	31,534,000	31,534,000	31,534,000	31,534,000
886	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(1.6 X 1.6) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,651,000	18,651,000	18,651,000	18,651,000	18,651,000	18,651,000	18,651,000	18,651,000	18,651,000
887	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(2.0 X 2.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,146,000	29,146,000	29,146,000	29,146,000	29,146,000	29,146,000	29,146,000	29,146,000	29,146,000
888	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(2.5 X 2.5) (L=1 ,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44,315,000	44,315,000	44,315,000	44,315,000	44,315,000	44,315,000	44,315,000	44,315,000	44,315,000
889	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(3.0 X 3.0) (L=1,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,634,000	62,634,000	62,634,000	62,634,000	62,634,000	62,634,000	62,634,000	62,634,000	62,634,000
890	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	363,000	363,000	363,000	363,000	363,000	363,000	363,000	363,000	363,000

891	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	424,000	424,000	424,000	424,000	424,000	424,000	424,000	424,000	424,000
892	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000
893	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	408,000	408,000	408,000	408,000	408,000	408,000	408,000	408,000	408,000
894	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	475,000	475,000	475,000	475,000	475,000	475,000	475,000	475,000	475,000
895	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	554,000	554,000	554,000	554,000	554,000	554,000	554,000	554,000	554,000
896	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	547,000	547,000	547,000	547,000	547,000	547,000	547,000	547,000	547,000
897	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000	670,000
898	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	718,000	718,000	718,000	718,000	718,000	718,000	718,000	718,000	718,000
899	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	811,000	811,000	811,000	811,000	811,000	811,000	811,000	811,000	811,000
900	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	958,000	958,000	958,000	958,000	958,000	958,000	958,000	958,000	958,000
901	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,085,000	1,085,000	1,085,000	1,085,000	1,085,000	1,085,000	1,085,000	1,085,000	1,085,000
902	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,054,000	1,054,000	1,054,000	1,054,000	1,054,000	1,054,000	1,054,000	1,054,000	1,054,000
903	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,302,000	1,302,000	1,302,000	1,302,000	1,302,000	1,302,000	1,302,000	1,302,000	1,302,000
904	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,469,000	1,469,000	1,469,000	1,469,000	1,469,000	1,469,000	1,469,000	1,469,000	1,469,000
905	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373,000	373,000	373,000	373,000	373,000	373,000	373,000	373,000	373,000
906	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	432,000	432,000	432,000	432,000	432,000	432,000	432,000	432,000	432,000
907	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000
908	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	429,000	429,000	429,000	429,000	429,000	429,000	429,000	429,000	429,000
909	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	496,000	496,000	496,000	496,000	496,000	496,000	496,000	496,000	496,000
910	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	573,000	573,000	573,000	573,000	573,000	573,000	573,000	573,000	573,000
911	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000	576,000
912	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701,000	701,000	701,000	701,000	701,000	701,000	701,000	701,000	701,000
913	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	746,000	746,000	746,000	746,000	746,000	746,000	746,000	746,000	746,000
914	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	845,000	845,000	845,000	845,000	845,000	845,000	845,000	845,000	845,000
915	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992,000	992,000	992,000	992,000	992,000	992,000	992,000	992,000	992,000
916	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,120,000	1,120,000	1,120,000	1,120,000	1,120,000	1,120,000	1,120,000	1,120,000	1,120,000
917	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,099,000	1,099,000	1,099,000	1,099,000	1,099,000	1,099,000	1,099,000	1,099,000	1,099,000
918	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,349,000	1,349,000	1,349,000	1,349,000	1,349,000	1,349,000	1,349,000	1,349,000	1,349,000
919	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,517,000	1,517,000	1,517,000	1,517,000	1,517,000	1,517,000	1,517,000	1,517,000	1,517,000
920	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø300-460x250x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
921	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 400 - 520x250x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000
922	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø600-680x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266,000	266,000	266,000	266,000	266,000	266,000	266,000	266,000	266,000
923	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 800-880x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362,000	362,000	362,000	362,000	362,000	362,000	362,000	362,000	362,000
924	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø1000 - 1050x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	464,000	464,000	464,000	464,000	464,000	464,000	464,000	464,000	464,000
925	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 1200 - 1300x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730,000	730,000	730,000	730,000	730,000	730,000	730,000	730,000	730,000
926	Bê tông đúc sẵn	Gốirungép Ø 1500-1540x300x180	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	984,000	984,000	984,000	984,000	984,000	984,000	984,000	984,000	984,000
927	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 1800- 1840x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000
928	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 2000 - 2050x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000
929	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 300-460x400x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000
930	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 400 - 520x400x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000

931	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 600 - 680x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349,000	349,000	349,000	349,000	349,000	349,000	349,000	349,000	349,000
932	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 800-880x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000
933	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1000 - 1050x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000	610,000
934	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1200 - 1300x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	920,000	920,000	920,000	920,000	920,000	920,000	920,000	920,000	920,000
935	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1500 - 1540x400x180	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,256,000	1,256,000	1,256,000	1,256,000	1,256,000	1,256,000	1,256,000	1,256,000	1,256,000
936	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1800 - 1840x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000	1,691,000
937	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø2000 - 2050x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000	1,941,000
938	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø300	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000
939	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø400	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000
940	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø600	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000
941	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø800	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000
942	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1000	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000
943	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1200	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000
944	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1500	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	307,000	307,000	307,000	307,000	307,000	307,000	307,000	307,000	307,000
945	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø1800	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365,000	365,000	365,000	365,000	365,000	365,000	365,000	365,000	365,000
946	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø2000	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	403,000	403,000	403,000	403,000	403,000	403,000	403,000	403,000	403,000
947	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.0 X 1.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	246,000	246,000	246,000	246,000	246,000	246,000	246,000	246,000	246,000
948	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.2 X 1.2 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	288,000	288,000	288,000	288,000	288,000	288,000	288,000	288,000	288,000
949	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.6 X 1.6 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	382,000	382,000	382,000	382,000	382,000	382,000	382,000	382,000	382,000
950	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp - 2.0 X 2.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000	478,000
951	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2.5 X 2.5 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000
952	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 3.0 X 3.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000
953	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(1.6 X 1.6) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	571,000	571,000	571,000	571,000	571,000	571,000	571,000	571,000	571,000
954	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(2.0 x 2.0) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000	709,000
955	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(2.5 X 2.5) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	842,000	842,000	842,000	842,000	842,000	842,000	842,000	842,000	842,000
956	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(3.0 X 3.0) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,008,000	1,008,000	1,008,000	1,008,000	1,008,000	1,008,000	1,008,000	1,008,000	1,008,000
957	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
958	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,45mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
959	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	128,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-
960	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	108,900	-	-	-	-	-	-	-	-	-
961	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,45 mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	119,900	-	-	-	-	-	-	-	-	-
962	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	132,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
963	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114,950	-	-	-	-	-	-	-	-	-
964	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,45 mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-
965	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	141,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-
966	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn máng xối xanh dương K598	m		598.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	80,000	-	-	-	-	-	-	-
967	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh rộng 1.1x0.25 - Đại Thiên Lộc	m		25.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	62,000	-	-	-	-	-	-	-
968	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh rộng 1.07x0.4 - Hoà Phat	m		4.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	98,000	-	-	-	-	-	-	-
969	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màu rộng 1.07x0.45 - Hoà Phát	m		45.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	110,000	-	-	-	-	-	-	-
970	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh ngọc 1.07x0.5 - Hoà Phát	m		5.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	120,000	-	-	-	-	-	-	-
971	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh ngọc 1.07x0.35 - Hoà Phát	m		35.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	89,000	-	-	-	-	-	-	-
972	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn kẽm Phương Nam Việt Nhật 2.0 zem	m		1.8-1.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52,727	-	-	-	-	-	-	-	-	-
973	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn nhôm 6.3 zem	m		2.0-2.1 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	237,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-
974	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn nhôm 6.5 zem	m		2.1-2.2 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-
975	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh trắng đông á 4.5 zem	m		3.9-4.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,909	-	-	-	-	-	-	-	-	-

976	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tím/nâu đất/xám lông chuột/trắng sữa Hoa Sen 4.5 zem	m		3.9-4.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101,818	-	-	-	-	-	-	-	-	-
977	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trắng sữa Hoa Sen 4.0 zem	m		3.4-3.5 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,909	-	-	-	-	-	-	-	-	-
978	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tím Nam Kim 3.0 zem	m		2.4-2.5 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-
979	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tươi/ xám khói Nam Kim 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-
980	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tươi/ xám lông chuột Đông Á 5.0 zem	m		4.3-4.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	106,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-
981	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương đậm BLUE01 AZ100 Phương Nam 3.5 zem	m		2.9-3.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88,182	-	-	-	-	-	-	-	-	-
982	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương đậm BLUE01 AZ100 Phương Nam 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102,727	-	-	-	-	-	-	-	-	-
983	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn vàng kem/ xám sáng Đông Á 4.0 zem	m		3.3-3.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88,182	-	-	-	-	-	-	-	-	-
984	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Hoa Sen 5.0 zem	m		4.3-4.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114,545	-	-	-	-	-	-	-	-	-
985	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm/vàng kem/xanh dương tím đông Á 4.5zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-
986	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 3.5 zem	m		2.9-3.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77,273	-	-	-	-	-	-	-	-	-
987	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 4.0 zem	m		3.3-3.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86,364	-	-	-	-	-	-	-	-	-
988	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-
989	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.25mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000
990	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.30mmxl200mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000
991	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.3 5 mm.x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500
992	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.40mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500
993	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.4 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000
994	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.50mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000
995	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.2 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000	72,000
996	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.30mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000
997	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500	90,500
998	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.40mmx 1200mm G55O	m	TCCS O1:2O15/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500	101,500
999	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000
1000	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000	123,000
1001	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.30mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
1002	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500
1003	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500
1004	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000
1005	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.50mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000
1006	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCSOL2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
1007	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500
1008	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.40mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500	104,500

1009	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.45mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000
1010	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000	126,000
1011	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.25mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	76,500	76,500	76,500	76,500	76,500	76,500	76,500	76,500	76,500
1012	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCS 02;2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000
1013	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.35mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000
1014	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40munx 1200mm G550	m	TCCS 02.2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
1015	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmxl200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000
1016	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	134,500	134,500	134,500	134,500	134,500	134,500	134,500	134,500	134,500
1017	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn HOA SEN GOLD màu: 0.50mmx 1200mm	m	ASTM A755M	1200.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000
1018	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.30mmx 1070mm G550	m	TCCS 0L2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	154,000	154,000	154,000	154,000	154,000	154,000	154,000	154,000	154,000
1019	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.35mmxl070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000
1020	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pu 16mm: 0.40mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	174,000	174,000	174,000	174,000	174,000	174,000	174,000	174,000	174,000
1021	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000
1022	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	194,000	194,000	194,000	194,000	194,000	194,000	194,000	194,000	194,000
1023	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pl' ÏSmm. 0.30mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000
1024	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .35mmxl070mm G55O	m	rccs 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000
1025	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: ,40mmx 1070mm G550 .	m	rccs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	176,000	176,000	176,000	176,000	176,000	176,000	176,000	176,000	176,000
1026	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLÍ 18mm: .45mmxl070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000	186,000
1027	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .50mmxl070mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	196,000	196,000	196,000	196,000	196,000	196,000	196,000	196,000	196,000
1028	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: .30mmxl070mm G550	m	rccs 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000
1029	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu I6mm:).35mmxl070mm G55O	m	rccs 02:2017/HSG	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000
1030	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	181,000	181,000	181,000	181,000	181,000	181,000	181,000	181,000	181,000
1031	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	191,000	191,000	191,000	191,000	191,000	191,000	191,000	191,000	191,000
1032	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000	201,000
1033	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: D.30mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	163,000	163,000	163,000	163,000	163,000	163,000	163,000	163,000	163,000
1034	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000
1035	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000
1036	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000
1037	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.5()mmxl070mm G55O	m	TCCS 02:2017/HSG	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000
1038	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chính Lustime màu thường sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500

1039	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chính Lustime màu coban sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
1040	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói nóc Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300
1041	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối nóc Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
1042	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói rìa Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700
1043	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối rìa Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68,700	68,700	68,700	68,700	68,700	68,700	68,700	68,700	68,700
1044	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chạc 3 Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	162,400	162,400	162,400	162,400	162,400	162,400	162,400	162,400	162,400
1045	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối mái Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300
1046	Sơn	Bột trét nội thất mịn VETONIC	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,125	8,125	8,125	8,125	8,125	8,125	8,125	8,125	8,125
1047	Sơn	Bột trét ngoại thất chống thấm VETONIC	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,450	10,450	10,450	10,450	10,450	10,450	10,450	10,450	10,450
1048	Sơn	Bột trét cao cấp nội thất ZURIK CHỐNG NẤM MỐC TỐI ƯU	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500
1049	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại thất ZURIK CHỐNG THẤM	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,650	10,650	10,650	10,650	10,650	10,650	10,650	10,650	10,650
1050	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại và nội thất ENRIC ĐA NĂNG	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
1051	Sơn	Sơn nội thất Lavender mịn Eco	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47,600	47,600	47,600	47,600	47,600	47,600	47,600	47,600	47,600
1052	Sơn	Sơn nội thất Lavender đa dụng	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64,333	64,333	64,333	64,333	64,333	64,333	64,333	64,333	64,333
1053	Sơn	Sơn nội thất Lavender đa dụng	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64,278	64,278	64,278	64,278	64,278	64,278	64,278	64,278	64,278
1054	Sơn	Sơn nội thất Vego bóng mờ cổ điển	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333
1055	Sơn	Sơn nội thất Vego bóng mờ cổ điển	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333	96,333
1056	Sơn	Sơn nội thất Vego lau chùi vượt trội	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143,467	143,467	143,467	143,467	143,467	143,467	143,467	143,467	143,467
1057	Sơn	Sơn nội thất Vego lau chùi vượt trội	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143,444	143,444	143,444	143,444	143,444	143,444	143,444	143,444	143,444
1058	Sơn	Sơn nội thất Venic cao cấp sạch hoàn hảo	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2028	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	148,667	148,667	148,667	148,667	148,667	148,667	148,667	148,667	148,667
1059	Sơn	Sơn nội thất ENRIC HOÀN HẢO SẠCH KHÔNG KHÍ	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2035	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000	171,000
1060	Sơn	Sơn nội thất ZURRIK DỄ LAU CHÙI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2030	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191,600	191,600	191,600	191,600	191,600	191,600	191,600	191,600	191,600
1061	Sơn	Sơn nội thất ZURRIK DỄ LAU CHÙI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2031	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191,611	191,611	191,611	191,611	191,611	191,611	191,611	191,611	191,611
1062	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ENRIC CHỐNG BẨM BẨN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2033	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217,167	217,167	217,167	217,167	217,167	217,167	217,167	217,167	217,167
1063	Sơn	Sơn nội thất siêu cao cấp ENRIC BÓNG NGỌC TRAI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2033	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227,867	227,867	227,867	227,867	227,867	227,867	227,867	227,867	227,867
1064	Sơn	Sơn ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200
1065	Sơn	Sơn ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2017	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113,222	113,222	113,222	113,222	113,222	113,222	113,222	113,222	113,222
1066	Sơn	Sơn ngoại thất VEGO BÓNG MỜ CỔ ĐIỂN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177,800	177,800	177,800	177,800	177,800	177,800	177,800	177,800	177,800
1067	Sơn	Sơn ngoại thất VEGO BÓNG MỜ CỔ ĐIỂN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177,833	177,833	177,833	177,833	177,833	177,833	177,833	177,833	177,833
1068	Sơn	Sơn ngoại thất ZURIK NGOẠI THẤT BÓNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251,733	251,733	251,733	251,733	251,733	251,733	251,733	251,733	251,733
1069	Sơn	Sơn ngoại thất ZURIK NGOẠI THẤT BÓNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251,667	251,667	251,667	251,667	251,667	251,667	251,667	251,667	251,667
1070	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp VENIC MƯA LÀ MỜI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282,067	282,067	282,067	282,067	282,067	282,067	282,067	282,067	282,067
1071	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp ENRIC MÁT LẠNH	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	lon 5lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	310,800	310,800	310,800	310,800	310,800	310,800	310,800	310,800	310,800
1072	Sơn	Sơn ngoại thất siêu cao cấp ENRIC HOÀN HẢO	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	322,800	322,800	322,800	322,800	322,800	322,800	322,800	322,800	322,800
1073	Sơn	Sơn lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129,933	129,933	129,933	129,933	129,933	129,933	129,933	129,933	129,933
1074	Sơn	Sơn lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2017	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129,944	129,944	129,944	129,944	129,944	129,944	129,944	129,944	129,944
1075	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NỘI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Dt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067

1076	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NỘI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056
1077	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất ENRIC KHÁNG KIỀM ĐA NĂNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,267	153,267	153,267	153,267	153,267	153,267	153,267	153,267	153,267
1078	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất ENRIC KHÁNG KIỀM ĐA NĂNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,278	153,278	153,278	153,278	153,278	153,278	153,278	153,278	153,278
1079	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NGOẠI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067	122,067
1080	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NGOẠI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056	122,056
1081	Sơn	Sơn lót cách nhiệt ngoại thất siêu cao cấp ENRIC HEAT INSULATION	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2028	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212,500	212,500	212,500	212,500	212,500	212,500	212,500	212,500	212,500
1082	Sơn	Chống thấm thẩm thấu cho tường đứng - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667
1083	Sơn	Chống thấm thẩm thấu cho tường đứng - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667	107,667
1084	Sơn	Chống thấm 2 thành phần - pha xi măng - ENRIC CHỐNG THẤM 2:1	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133,133	133,133	133,133	133,133	133,133	133,133	133,133	133,133	133,133
1085	Sơn	Chống thấm 2 thành phần - pha xi măng - ENRIC CHỐNG THẤM 2:1	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133,111	133,111	133,111	133,111	133,111	133,111	133,111	133,111	133,111
1086	Sơn	ENRIC CHỐNG THẤM ĐA MÀU SẮC (Chống thấm pha màu - hiệu ứng lá sen)	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169,467	169,467	169,467	169,467	169,467	169,467	169,467	169,467	169,467
1087	Sơn	Chống thấm pha màu - hiệu ứng lá sen - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA MÀU SẮC	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169,444	169,444	169,444	169,444	169,444	169,444	169,444	169,444	169,444
1088	Sơn	Chống thấm WC & sân thượng ENRIC CHUYÊN DỤNG 7117	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	01bộ: 5lít & 15kg	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41,550	41,550	41,550	41,550	41,550	41,550	41,550	41,550	41,550
1089	Sơn	Lớp lót chống nóng & chống thấm chuyên dụng Sân Thượng ENRIC PRIMER	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15kg	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,200	110,200	110,200	110,200	110,200	110,200	110,200	110,200	110,200
1090	Sơn	Lớp phủ sợi thuỷ tinh gia cường siêu bền, chống nóng & chống thấm chuyên dụng Sân Thượng ENRIC SEAL	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15kg	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297,067	297,067	297,067	297,067	297,067	297,067	297,067	297,067	297,067
1091	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296
1092	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407
1093	Sơn	Bột trét nội thất KOVA DX	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296
1094	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Sàn	thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593
1095	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Tường	thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556
1096	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT-11A PU Sàn mái	thùng	TCCS262:2024/ KOVANANOPRO	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000
1097	Sơn	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185
1098	Sơn	Chất phụ gia chống thấm KOVA CT11B	thùng	TCCS 15:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704
1099	Sơn	Mastic dẻo KOVA Đa năng	thùng	TCCS204:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444
1100	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sàn	bộ	TCCS75:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593
1101	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK-6	bộ	TCCS86:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741
1102	Sơn	Keo KOVA Clear Nano	lon	TCCS221:2024/ KOVANANOPRO	Lon 1L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000
1103	Sơn	Keo KOVA Clear	thùng	TCCS203:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 5L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333
1104	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185
1105	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường kháng khuẩn	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000
1106	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185
1107	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn kháng khuẩn	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000
1108	Sơn	Sơn lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-levelling - Màu nhạt	bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148
1109	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Nóng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370
1110	Sơn	sơn chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS79:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370
1111	Sơn	Sơn Đá Nghệ Thuật KOVA Art stone	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519
1112	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519
1113	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963
1114	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-109	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185

1115	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16.-2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074
1116	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Thấm	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889
1117	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519
1118	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-261 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000
1119	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2Ü20/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037
1120	Sơn	Sơn nghệ thuật KOVA Art Metallic	lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Lon 1kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000
1121	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407
1122	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185
1123	Sơn	Sơn nội thất KOVA FIT	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296
1124	Sơn	Sơn nội thất KOVA Fix Up	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08.-2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852
1125	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481
1126	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296
1127	Sơn	Sơn nội thất KOVA VISTA++	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333
1128	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Che Lấp vết Nứt	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963
1129	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Tự Làm Sạch	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444
1130	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037
1131	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective 2inl	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148
1132	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dặm Phủ	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370
1133	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Mịn Màng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593
1134	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Tiện Lợi	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259
1135	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926
1136	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111
1137	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407
1138	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037
1139	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815
1140	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148
1141	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556
1142	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556
1143	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) -Màu Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,340,741	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
1144	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) -Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,415,741	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
1145	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185
1146	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667
1147	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) -Trắng/Đen/Vàng/Đỏ	thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,145,370	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
1148	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Đỏ; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313
1149	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Trắng; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,482,813	2,482,813	2,482,813	2,482,813	2,482,813	2,482,813	2,482,813	2,482,813	2,482,813
1150	Sơn	Sơn lót giao thông KOVA KL-M (dùng làm sơn lót cho sơn vạch kẻ đường)	can	QCVN 08:2020/BCT TCCS83:2018/KOVANAN OPRO	Can 24 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,335,500	2,335,500	2,335,500	2,335,500	2,335,500	2,335,500	2,335,500	2,335,500	2,335,500
1151	Sơn	Hạt phản quang	Bao	TCCS267:2025/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597,813	597,813	597,813	597,813	597,813	597,813	597,813	597,813	597,813
1152	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	607,813	607,813	607,813	607,813	607,813	607,813	607,813	607,813	607,813
1153	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	632,813	632,813	632,813	632,813	632,813	632,813	632,813	632,813	632,813
1154	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917,813	917,813	917,813	917,813	917,813	917,813	917,813	917,813	917,813

1155	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955,313	955,313	955,313	955,313	955,313	955,313	955,313	955,313	955,313
1156	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Trắng, dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2027	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,107,813	1,107,813	1,107,813	1,107,813	1,107,813	1,107,813	1,107,813	1,107,813	1,107,813
1157	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2028	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,145,313	1,145,313	1,145,313	1,145,313	1,145,313	1,145,313	1,145,313	1,145,313	1,145,313
1158	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TN các chỉ tiêu kỹ thuật theo công văn số 4718/GTVT-KHCN về tiêu chuẩn vạch kẻ Đường nhiệt dẻo của Bộ GTVT	04kg/lon 18kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94,100	94,100	94,100	94,100	94,100	94,100	94,100	94,100	94,100
1159	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100
1160	Sơn	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
1161	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100
1162	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,500	46,500	46,500	46,500	46,500	46,500	46,500	46,500	46,500
1163	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen) (JOWAY)	kg	TCVN 8791:2011	05 kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000
1164	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ) (JOWAY)	kg	TCVN 8791:2011	05 kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190,500	190,500	190,500	190,500	190,500	190,500	190,500	190,500	190,500
1165	Sơn	Sơn clear phản quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000
1166	Sơn	Hạt phản quang	kg	ASSHTOM247-13(2022)-Loại II	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000
1167	Sơn	Jothiner Joway	kg	TCVN 8787:2011	05lit/lon 01 lit/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000
1168	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178,500	178,500	178,500	178,500	178,500	178,500	178,500	178,500	178,500
1169	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100
1170	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000
1171	Sơn	Matis gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000
1172	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427,500	427,500	427,500	427,500	427,500	427,500	427,500	427,500	427,500
1173	Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300	5,755,300
1174	Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000	2,855,000
1175	Sơn	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000	597,000
1176	Sơn	Sơn phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800	2,792,800
1177	Sơn	Sơn lót (PROSIN Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500	1,786,500
1178	Sơn	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000
1179	Sơn	Bột trét nội thất SP. FILLER Siêu trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	331,000	331,000	331,000	331,000	331,000	331,000	331,000	331,000	331,000
1180	Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000
1181	Sơn	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000
1182	Sơn	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285,500	285,500	285,500	285,500	285,500	285,500	285,500	285,500	285,500
1183	Sơn	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500
1184	Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000	1,782,000

1185	son	Son nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	534,000	534,000	534,000	534,000	534,000	534,000	534,000	534,000	534,000
1186	son	Son nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973,000	973,000	973,000	973,000	973,000	973,000	973,000	973,000	973,000
1187	son	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000
1188	son	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500	1,266,500
1189	son	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302,000	302,000	302,000	302,000	302,000	302,000	302,000	302,000	302,000
1190	Son	Son nước ngoại thất JONY	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000
1191	son	Son nước thoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867,500	867,500	867,500	867,500	867,500	867,500	867,500	867,500	867,500
1192	son	Son chất thấm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000	1,693,000
1193	son	Son chất thấm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500	2,539,500
1194	son	Son sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000	4,843,000
1195	son	Son sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000
1196	son	Son sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217,500	217,500	217,500	217,500	217,500	217,500	217,500	217,500	217,500
1197	son	Son sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000
1198	Son	Bột trét ngoại thất Nippon WeatherGard Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
1199	Son	Bột trét ngoại thất Nippon Exterior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700
1200	Son	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000
1201	Son	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700
1202	Son	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000
1203	Son	Son lót nội thất cao cấp Nippon Odour-less Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400
1204	Son	Son lót nội thất Nippon Easy Wash Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800
1205	Son	Son lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000
1206	Son	Son lót nội thất Nippon Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800
1207	Son	Son lót ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 17L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200
1208	Son	Son lót ngoại thất chống nứt Nippon Weatherbond Flex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000
1209	Son	Son lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000
1210	Son	Son lót ngoại thất Nippon Super Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600
1211	Son	Son phủ nội thất kinh tế Nippon Vatex	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 4,8kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200
1212	Son	Son phủ nội thất Nippon Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000
1213	Son	Son phủ nội thất Nippon Matex Sắc Màu Dịu Mát	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
1214	Son	Son phủ nội thất Nippon Easy Wash lau chùi dễ dàng	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800

1215	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Trắng Trần Toàn Diện	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800
1216	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less Bóng sang trọng	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200
1217	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less chùi rửa vượt trội & kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800
1218	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Spot-less Plus	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400
1219	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800
1220	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng Siêu Bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200
1221	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
1222	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Matex Light	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
1223	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chùi chùi rửa vượt trội Nippon Super Easy Wash	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000
1224	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chống bám bẩn kháng khuẩn Nippon Spot-Less Perfect	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000
1225	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600
1226	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Gard	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400
1227	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Hitex	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800
1228	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Plux +	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400
1229	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Siêu Bóng	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000
1230	Sơn	Sơn phủ ngoại thất kinh tế Nippon Super Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000
1231	Sơn	Sơn phủ ngoại thất chống rêu mốc, chống bong tróc Nippon Superbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000
1232	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp màng sơn bóng mờ, bền màu Nippon Weatherbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
1233	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp, che phủ vết nứt Nippon Weatherbond Flex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000
1234	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp kháng kiềm và độ đàn hồi cao Nippon Weatherbond CoastPro	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000
1235	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Expert	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000
1236	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200	kg	QCVN 16:2023 BXD	20kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600
1237	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Plus	kg	QCVN 16:2023 BXD	18kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000
1238	Sơn	Bột bả nội thất Eco Skimcoat For Interior	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074
1239	Sơn	Bột trét tường nội ngoại thất Eco Skimcoat for All	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296
1240	Sơn	Bột bả nội thất Smart Skimcoat	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074	374,074
1241	Sơn	Bột trét tường nội ngoại thất Extra Skimcoat	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296	471,296
1242	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000
1243	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,833,333	2,833,333	2,833,333	2,833,333	2,833,333	2,833,333	2,833,333	2,833,333	2,833,333
1244	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481
1245	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	850,926	850,926	850,926	850,926	850,926	850,926	850,926	850,926	850,926
1246	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,435,185	2,435,185	2,435,185	2,435,185	2,435,185	2,435,185	2,435,185	2,435,185	2,435,185

1247	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	thùng	TCVN 8652:2012	I8L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,768,519	2,768,519	2,768,519	2,768,519	2,768,519	2,768,519	2,768,519	2,768,519	2,768,519
1248	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng Eco-Green Primer	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704	1,203,704
1249	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng Eco-Green Primer	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852
1250	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,416,667	1,416,667	1,416,667	1,416,667	1,416,667	1,416,667	1,416,667	1,416,667	1,416,667
1251	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,062,963	4,062,963	4,062,963	4,062,963	4,062,963	4,062,963	4,062,963	4,062,963	4,062,963
1252	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,451,852	4,451,852	4,451,852	4,451,852	4,451,852	4,451,852	4,451,852	4,451,852	4,451,852
1253	Sơn	Sơn lót chống kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,481,481	1,481,481	1,481,481	1,481,481	1,481,481	1,481,481	1,481,481	1,481,481	1,481,481
1254	Sơn	Sơn lót chàng kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,240,741	4,240,741	4,240,741	4,240,741	4,240,741	4,240,741	4,240,741	4,240,741	4,240,741
1255	Sơn	Sơn lót chống kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,567,593	4,567,593	4,567,593	4,567,593	4,567,593	4,567,593	4,567,593	4,567,593	4,567,593
1256	Sơn	Sơn lót ngoại thất đặc biệt Nano Sealer	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,722,222	1,722,222	1,722,222	1,722,222	1,722,222	1,722,222	1,722,222	1,722,222	1,722,222
1257	Sơn	Sơn lót ngoại that đặc biệt Nano Sealer	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5,657,407	5,657,407	5,657,407	5,657,407	5,657,407	5,657,407	5,657,407	5,657,407	5,657,407
1258	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	4L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	240,741	240,741	240,741	240,741	240,741	240,741	240,741	240,741	240,741
1259	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	304,630	304,630	304,630	304,630	304,630	304,630	304,630	304,630	304,630
1260	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	888,889	888,889	888,889	888,889	888,889	888,889	888,889	888,889	888,889
1261	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	thùng	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667
1262	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	956,481	956,481	956,481	956,481	956,481	956,481	956,481	956,481	956,481
1263	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,801,852	2,801,852	2,801,852	2,801,852	2,801,852	2,801,852	2,801,852	2,801,852	2,801,852
1264	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố váng Idecor	thùng	QCVN 16:2O19/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,203,704	3,203,704	3,203,704	3,203,704	3,203,704	3,203,704	3,203,704	3,203,704	3,203,704
1265	Sơn	Sơn siêu trang chống ố vàng Smart White	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667	916,667
1266	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Smart White	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,601,852	2,601,852	2,601,852	2,601,852	2,601,852	2,601,852	2,601,852	2,601,852	2,601,852
1267	Sơn	Sơn siêu trắng chống 0 vàng Smart White	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,977,778	2,977,778	2,977,778	2,977,778	2,977,778	2,977,778	2,977,778	2,977,778	2,977,778
1268	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	607,407	607,407	607,407	607,407	607,407	607,407	607,407	607,407	607,407
1269	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000
1270	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
1271	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	656,481	656,481	656,481	656,481	656,481	656,481	656,481	656,481	656,481
1272	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	lon	QCVN 16-:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,937,963	1,937,963	1,937,963	1,937,963	1,937,963	1,937,963	1,937,963	1,937,963	1,937,963
1273	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,166,667	2,166,667	2,166,667	2,166,667	2,166,667	2,166,667	2,166,667	2,166,667	2,166,667
1274	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	lon	QCVN 16:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,762,037	1,762,037	1,762,037	1,762,037	1,762,037	1,762,037	1,762,037	1,762,037	1,762,037
1275	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,922,222	4,922,222	4,922,222	4,922,222	4,922,222	4,922,222	4,922,222	4,922,222	4,922,222
1276	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5,625,000	5,625,000	5,625,000	5,625,000	5,625,000	5,625,000	5,625,000	5,625,000	5,625,000
1277	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	lon	QCVN I6:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,324,074	1,324,074	1,324,074	1,324,074	1,324,074	1,324,074	1,324,074	1,324,074	1,324,074
1278	Sơn	Sơn nội thất đê lau chùi Idecor 5	lon	QCVN 16:2O8/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444
1279	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,287,037	4,287,037	4,287,037	4,287,037	4,287,037	4,287,037	4,287,037	4,287,037	4,287,037
1280	Sơn	Sơn nội thất siêu bóng Smart 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,898,148	1,898,148	1,898,148	1,898,148	1,898,148	1,898,148	1,898,148	1,898,148	1,898,148
1281	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,805,556	1,805,556	1,805,556	1,805,556	1,805,556	1,805,556	1,805,556	1,805,556	1,805,556
1282	Sơn	Sơn nội thất siêu chúi rửa Idecor 7	lon	QCVN 1612019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5,370,370	5,370,370	5,370,370	5,370,370	5,370,370	5,370,370	5,370,370	5,370,370	5,370,370
1283	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6,148,148	6,148,148	6,148,148	6,148,148	6,148,148	6,148,148	6,148,148	6,148,148	6,148,148
1284	Sơn	Sơn nội thất Nano siêu chai cứng Idecor 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,398,148	2,398,148	2,398,148	2,398,148	2,398,148	2,398,148	2,398,148	2,398,148	2,398,148
1285	Sơn	Sơn nội thất thanh lọc không khí Idecor 9	lon	QCVN I6:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,675,926	2,675,926	2,675,926	2,675,926	2,675,926	2,675,926	2,675,926	2,675,926	2,675,926
1286	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,370,370	1,370,370	1,370,370	1,370,370	1,370,370	1,370,370	1,370,370	1,370,370	1,370,370

1287	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,120,370	4,120,370	4,120,370	4,120,370	4,120,370	4,120,370	4,120,370	4,120,370	4,120,370
1288	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,611,111	4,611,111	4,611,111	4,611,111	4,611,111	4,611,111	4,611,111	4,611,111	4,611,111
1289	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,267,593	1,267,593	1,267,593	1,267,593	1,267,593	1,267,593	1,267,593	1,267,593	1,267,593
1290	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,625,000	3,625,000	3,625,000	3,625,000	3,625,000	3,625,000	3,625,000	3,625,000	3,625,000
1291	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148
1292	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,527,778	2,527,778	2,527,778	2,527,778	2,527,778	2,527,778	2,527,778	2,527,778	2,527,778
1293	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6,527,778	6,527,778	6,527,778	6,527,778	6,527,778	6,527,778	6,527,778	6,527,778	6,527,778
1294	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7,394,444	7,394,444	7,394,444	7,394,444	7,394,444	7,394,444	7,394,444	7,394,444	7,394,444
1295	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshield 6	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,250,000	2,250,000	2,250,000	2,250,000	2,250,000	2,250,000	2,250,000	2,250,000	2,250,000
1296	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshicld 6	lon	QCVN I6:2O19/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6,740,741	6,740,741	6,740,741	6,740,741	6,740,741	6,740,741	6,740,741	6,740,741	6,740,741
1297	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshield 6	thùng	QCVN 16:20I9/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7,148,148	7,148,148	7,148,148	7,148,148	7,148,148	7,148,148	7,148,148	7,148,148	7,148,148
1298	Sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp Extra 9	lon	QCVN 16:2019/8X0	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,950,000	2,950,000	2,950,000	2,950,000	2,950,000	2,950,000	2,950,000	2,950,000	2,950,000
1299	Sơn	Sơn ngoại that báo vệ tối đa Xshield 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481	3,231,481
1300	Sơn	Sơn ngoại thất báo vệ tối đa Xshield 8	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8,564,815	8,564,815	8,564,815	8,564,815	8,564,815	8,564,815	8,564,815	8,564,815	8,564,815
1301	Sơn	Sơn ngoại thất siêu hạng Xshield 12	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,694,444	3,694,444	3,694,444	3,694,444	3,694,444	3,694,444	3,694,444	3,694,444	3,694,444
1302	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	4 KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,157,407	1,157,407	1,157,407	1,157,407	1,157,407	1,157,407	1,157,407	1,157,407	1,157,407
1303	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	I5KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,083,333	4,083,333	4,083,333	4,083,333	4,083,333	4,083,333	4,083,333	4,083,333	4,083,333
1304	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	20KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,805,556	4,805,556	4,805,556	4,805,556	4,805,556	4,805,556	4,805,556	4,805,556	4,805,556
1305	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,574,074	1,574,074	1,574,074	1,574,074	1,574,074	1,574,074	1,574,074	1,574,074	1,574,074
1306	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000	4,500,000
1307	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	thùng	QCVN I6:20I9/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5,148,148	5,148,148	5,148,148	5,148,148	5,148,148	5,148,148	5,148,148	5,148,148	5,148,148
1308	Sơn	Sơn chống thâm pha xi măng Extra Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	5KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,270,370	1,270,370	1,270,370	1,270,370	1,270,370	1,270,370	1,270,370	1,270,370	1,270,370
1309	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Exira Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	15KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,638,889	3,638,889	3,638,889	3,638,889	3,638,889	3,638,889	3,638,889	3,638,889	3,638,889
1310	Sơn	Sơn chông thâm pha xi măng Extra Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148	4,148,148
1311	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Extra Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,518,519	1,518,519	1,518,519	1,518,519	1,518,519	1,518,519	1,518,519	1,518,519	1,518,519
1312	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Extra Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,342,593	4,342,593	4,342,593	4,342,593	4,342,593	4,342,593	4,342,593	4,342,593	4,342,593
1313	Sơn	Sơn chong thấm một thành phần Extra Shield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,975,000	4,975,000	4,975,000	4,975,000	4,975,000	4,975,000	4,975,000	4,975,000	4,975,000
1314	Sơn	Sơn lót Nội Thất Matex Sealer	thùng		17 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,986,000	1,986,000	1,986,000	1,986,000	1,986,000	1,986,000	1,986,000	1,986,000	1,986,000
1315	Sơn	Sơn lót ngoài trời Super Latex Sealer	thùng		17 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,223,000	3,223,000	3,223,000	3,223,000	3,223,000	3,223,000	3,223,000	3,223,000	3,223,000
1316	Sơn	Sơn lót nội thất Odour-less Sealer	thùng		18 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,694,000	3,694,000	3,694,000	3,694,000	3,694,000	3,694,000	3,694,000	3,694,000	3,694,000
1317	Sơn	Sơn lót ngoại thất WeatherGard Sealer	thùng		18 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000
1318	Sơn	Sơn nước Nippon weather grand plase	thùng		5 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,581,000	1,581,000	1,581,000	1,581,000	1,581,000	1,581,000	1,581,000	1,581,000	1,581,000
1319	Sơn	Bột trét Nippon Exterior Putty	bao		40 kg	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	485,000	485,000	485,000	485,000	485,000	485,000	485,000	485,000	485,000
1320	Sơn	Bột trét Nippon Interior Putty	bao		40kg	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiên Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000	369,000
1321	Sơn	Bột trét tường ngoại thất MORICHI	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	591,000	591,000	591,000	591,000	591,000	591,000	591,000	591,000	591,000
1322	Sơn	Bột trét tường nội thất MORICHI	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000
1323	Sơn	Sơn ngoại thất MORICHI	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	05 lít/ lon	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000	494,000
1324	Sơn	Sơn nội thất MORICHI	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	05 lít/ lon	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	376,000	376,000	376,000	376,000	376,000	376,000	376,000	376,000	376,000
1325	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp MORICHI GARNET kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	18 lít/ thùng	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000
1326	Sơn	Sơn chống thấm đa năng MORICHI LOCK	kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	20kg/ thùng	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	231,000	231,000	231,000	231,000	231,000	231,000	231,000	231,000	231,000

1327	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	lon	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
1328	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	lon	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000
1329	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	lon	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000	166,000
1330	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	lon	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000
1331	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHA1 1TP màu nhũ vàng	lon	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000
1332	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	lon	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	381,000	381,000	381,000	381,000	381,000	381,000	381,000	381,000	381,000
1333	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	lon	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	445,000	445,000	445,000	445,000	445,000	445,000	445,000	445,000	445,000
1334	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	lon	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	564,000	564,000	564,000	564,000	564,000	564,000	564,000	564,000	564,000
1335	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	lon	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000	370,000
1336	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT 'NHAI ITP màu nhũ vàng	lon	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	548,000	548,000	548,000	548,000	548,000	548,000	548,000	548,000	548,000
1337	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	lon	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,347,000	2,347,000	2,347,000	2,347,000	2,347,000	2,347,000	2,347,000	2,347,000	2,347,000
1338	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	lon	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,735,000	2,735,000	2,735,000	2,735,000	2,735,000	2,735,000	2,735,000	2,735,000	2,735,000
1339	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	lon	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3,477,000	3,477,000	3,477,000	3,477,000	3,477,000	3,477,000	3,477,000	3,477,000	3,477,000
1340	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	lon	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,279,000	2,279,000	2,279,000	2,279,000	2,279,000	2,279,000	2,279,000	2,279,000	2,279,000
1341	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI IIP màu nhũ vàng	lon	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3,376,000	3,376,000	3,376,000	3,376,000	3,376,000	3,376,000	3,376,000	3,376,000	3,376,000
1342	Sơn	Sơn xịt Acrylic LUSCOAT CNAER hệ niêu thường (không bao gồm màu bạc)	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
1343	Sơn	Sơn xịt Acrylic LUSCOAT CNAER hệ màu bạc	lon	0.4L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000
1344	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng sàn LUSCOAT VNDON: 5Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000
1345	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng tường LUSCOAT VNDON: 5Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000	500,000
1346	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng sàn LUSCOAT VNDON: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
1347	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng tường LUSCOAT VNDON: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
1348	Sơn	Chống thấm màu trắng sứ LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000
1349	Sơn	Chống thấm màu xám đậm LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000
1350	Sơn	Chống thấm màu xám nhạt LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000	650,000

1351	Sơn	Chống thấm màu trắng sứ LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
1352	Sơn	Chống thấm màu xám đậm LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
1353	Sơn	Chống thấm màu xám nhạt LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000
1354	Sơn	Sơn Nội Thất Ilka Mykolor Touch Ilka	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117,980	117,980	117,980	117,980	117,980	117,980	117,980	117,980	117,980
1355	Sơn	Sơn Nội thất Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Touch Cleankot	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187,424	187,424	187,424	187,424	187,424	187,424	187,424	187,424	187,424
1356	Sơn	Sơn Nội Thất Bóng Mờ Cao Cấp Mykolor Touch Neo Matte For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	263,636	263,636	263,636	263,636	263,636	263,636	263,636	263,636	263,636
1357	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Semi Mykolor Touch Semigloss For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250,202	250,202	250,202	250,202	250,202	250,202	250,202	250,202	250,202
1358	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Shiny	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	271,919	271,919	271,919	271,919	271,919	271,919	271,919	271,919	271,919
1359	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Semi Mykolor Touch Semigloss For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	349,747	349,747	349,747	349,747	349,747	349,747	349,747	349,747	349,747
1360	Sơn	Sơn Chống Thấm Màng Dẻo Chuyên Dụng Trực Tiếp Tường Mykolor Touch Water Seal T1000	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818
1361	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Màu Ghi Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Terraced House Edition For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204,545	204,545	204,545	204,545	204,545	204,545	204,545	204,545	204,545
1362	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Touch Alkali Seal For Int	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	175,657	175,657	175,657	175,657	175,657	175,657	175,657	175,657	175,657
1363	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Alkali Seal For Ext	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	245,404	245,404	245,404	245,404	245,404	245,404	245,404	245,404	245,404
1364	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp Mykolor Touch Soft Putty For Int	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,864	8,864	8,864	8,864	8,864	8,864	8,864	8,864	8,864
1365	Sơn	Bột Trét Tường Nội Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Powder Putty For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,591	10,591	10,591	10,591	10,591	10,591	10,591	10,591	10,591
1366	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Mờ Sang Trọng Mykolor Nana Bronze For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116,919	116,919	116,919	116,919	116,919	116,919	116,919	116,919	116,919
1367	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bền Đẹp Mykolor Nana Silver For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185,808	185,808	185,808	185,808	185,808	185,808	185,808	185,808	185,808
1368	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bóng, Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Nana Titan For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247,626	247,626	247,626	247,626	247,626	247,626	247,626	247,626	247,626
1369	Sơn	Sơn Nội Thất Siêu Trắng Trần Mykolor Nana Ceiling For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183,384	183,384	183,384	183,384	183,384	183,384	183,384	183,384	183,384
1370	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Bền ĐẹpMykolor Nana Silver For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269,192	269,192	269,192	269,192	269,192	269,192	269,192	269,192	269,192
1371	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Bóng, Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Nana Titan For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	346,313	346,313	346,313	346,313	346,313	346,313	346,313	346,313	346,313
1372	Sơn	Sơn Chống Thấm Trực Tiếp Tường Cao Cấp Mykolor Nana HardSeal N01	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818	251,818
1373	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Màu Ghi Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana TownHouse Element For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	207,152	207,152	207,152	207,152	207,152	207,152	207,152	207,152	207,152
1374	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Nana Sealer For Interior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179,343	179,343	179,343	179,343	179,343	179,343	179,343	179,343	179,343

1375	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana Sealer For Exterior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250,404	250,404	250,404	250,404	250,404	250,404	250,404	250,404	250,404
1376	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp Mykolor Nana FILLER For Int	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,341	9,341	9,341	9,341	9,341	9,341	9,341	9,341	9,341
1377	Sơn	Bột Trét Tường Nội Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana FILLER For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,841	10,841	10,841	10,841	10,841	10,841	10,841	10,841	10,841
1378	Sơn	Sơn Nội Thất Dự Án Bóng Mờ Sang Trọng Mykolor Walcare Matt For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350
1379	Sơn	Sơn Nội Thất Bóng Nhẹ Cao Cấp Mykolor Walcare Low - Sheen For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074
1380	Sơn	Sơn Ngoại Thất Dự Án Mịn Mâng Mykolor Walcare Matt For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074
1381	Sơn	Sơn Ngoại Thất Dự Án Bóng Cao Cấp Mykolor Walcare Semigloss For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415
1382	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Mykolor Walcare Alkali For Interior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148
1383	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Mykolor Walcare Alkali For Exterior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232
1384	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội Thất Mykolor Walcare Filler For Interior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014
1385	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội & Ngoại ThấtMykolor W e Filler For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231
1386	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Grand Quartz Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121,605	121,605	121,605	121,605	121,605	121,605	121,605	121,605	121,605
1387	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Grand Garnet Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185,905	185,905	185,905	185,905	185,905	185,905	185,905	185,905	185,905
1388	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Cao Cấp Mykolor Grand Pearl Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	257,922	257,922	257,922	257,922	257,922	257,922	257,922	257,922	257,922
1389	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Mờ Cao Cấp Mykolor Grand Jade Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275,494	275,494	275,494	275,494	275,494	275,494	275,494	275,494	275,494
1390	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Láng Cao Cấp Mykolor Grand Ruby Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	378,025	378,025	378,025	378,025	378,025	378,025	378,025	378,025	378,025
1391	Sơn	Sơn Chống Thấm Cao Cấp Trực Tiếp tường Mykolor Grand Water Proofer G100	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	244,547	244,547	244,547	244,547	244,547	244,547	244,547	244,547	244,547
1392	Sơn	Sơn Chống Thấm Tuyệt Hảo, Pha Màu Tự Chọn Mykolor Grand Water Proofer G200	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278,025	278,025	278,025	278,025	278,025	278,025	278,025	278,025	278,025
1393	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Cao Cấp Mykolor Grand Terraced House Exclusive For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195,247	195,247	195,247	195,247	195,247	195,247	195,247	195,247	195,247
1394	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Hoàn Thiện Mykolor Grand Alkali Filter For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162,469	162,469	162,469	162,469	162,469	162,469	162,469	162,469	162,469
1395	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Hoàn Thiện Mykolor Grand Alkali Filter For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225,802	225,802	225,802	225,802	225,802	225,802	225,802	225,802	225,802
1396	Sơn	Bột Trét Nội Thất Hoàn Hảo, Dễ Thi Công Mykolor Grand Crystal Feel For Int	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778
1397	Sơn	Bột Trét Tường Nội & Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Grand Marble Feel For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,042	11,042	11,042	11,042	11,042	11,042	11,042	11,042	11,042
1398	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Passion Softsilk	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099

1399	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mịn Hoàn Hảo Mykolor Passion Cashmere	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181,893	181,893	181,893	181,893	181,893	181,893	181,893	181,893	181,893
1400	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Cao Cấp, Lau Chùi Hoàn Hảo Mykolor Passion Silky For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	252,984	252,984	252,984	252,984	252,984	252,984	252,984	252,984	252,984
1401	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Passion Chiffon	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256,790	256,790	256,790	256,790	256,790	256,790	256,790	256,790	256,790
1402	Sơn	Sơn Ngoại Thất Bóng Mịn, Chùi Rửa Tuyệt Hảo Mykolor Passion Silky For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	370,556	370,556	370,556	370,556	370,556	370,556	370,556	370,556	370,556
1403	Sơn	Sơn Chống Thấm Chuyên Dụng, Trực Tiếp Tường Mykolor Passion Water Lock P01	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	252,963	252,963	252,963	252,963	252,963	252,963	252,963	252,963	252,963
1404	Sơn	Sơn Chống Thấm Tuyệt Hảo, Pha Màu Tự Chọn Mykolor Passion Water Seal	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285,247	285,247	285,247	285,247	285,247	285,247	285,247	285,247	285,247
1405	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Cao Cấp Mykolor Passion Townhouse Dynamic For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	192,840	192,840	192,840	192,840	192,840	192,840	192,840	192,840	192,840
1406	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Passion Alkali Primer For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162,284	162,284	162,284	162,284	162,284	162,284	162,284	162,284	162,284
1407	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Passion Alkali Primer For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	261,790	261,790	261,790	261,790	261,790	261,790	261,790	261,790	261,790
1408	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Hoàn Hảo Mykolor Passion Fast Filler For Interior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778	7,778
1409	Sơn	Bột Trét Tường Nội Và Ngoại Thất Mykolor Passion Putty For Interior & Exterior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,255	10,255	10,255	10,255	10,255	10,255	10,255	10,255	10,255
1410	Sơn	Sơn Nội Thất Láng Mịn Bền Đẹp Mykolor Bisi Low-Satin For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350	46,350
1411	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bảo Vệ Tối Đa Mykolor Bisi Mid-Satin Silk For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074
1412	Sơn	Sơn Ngoại Thất Láng Mịn Bền Đẹp Mykolor Bisi Low-Satin For Exterior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074	90,074
1413	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Bisi Hi-Satin For Exterior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415	134,415
1414	Sơn	Sơn Lót Nội Thất Chống Kiềm Cao Cấp Mykolor Bisi Alkali Seal For Interior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148	53,148
1415	Sơn	Sơn Lót Ngoại Thất Chống Kiềm Cao Cấp Mykolor Bisi Alkali Seal For Exterior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232	91,232
1416	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội Thất Mykolor Bisi Hi-Filler For Interior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014	6,014
1417	Sơn	Bột Trét Dự Án Ngoại Thất Mykolor Bisi Hi-Filler For Exterior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thọ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231	7,231
1418	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981
1419	Sơn	SOGUN: Sơn mịn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933
1420	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất lau chùi hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511
1421	Sơn	SOGUN: Sơn siêu trắng trần	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398
1422	Sơn	SOGUN: Sơn bóng nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511
1423	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm nội thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456
1424	Sơn	SOGUN: Sơn mịn ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056
1425	Sơn	SOGUN: Sơn bóng mờ ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000

1426	Sơn	SOGUN: Sơn bóng ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667
1427	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm trong suốt	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533
1428	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm hệ xi măng đa năng	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482
1429	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm màu hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511
1430	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778
1431	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất nano	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222
1432	Sơn	Bột bả nội thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867
1433	Sơn	Bột bả ngoại thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Dt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378
1434	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng bóng cao cấp KN S8-99A	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000
1435	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng KN S8-68B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000
1436	Sơn	tương Sơn phủ Nano đa năng Bóng mờ KN S8-68M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000
1437	Sơn	Sơn phủ Nano chống thấm pha màu KN S8-88N	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000
1438	Sơn	Sơn phủ Nano kháng khuẩn Bóng mờ KN S8-26BM	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000
1439	Sơn	Sơn phủ nano đa năng Bóng Nội thất KN S8-99B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000
1440	Sơn	Sơn phủ Nano lau chùi Nội thất KN S8-66E	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000
1441	Sơn	Sơn phủ Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S8-22M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000
1442	Sơn	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng - Matit Nano Cao cấp Ngoại thất KN MT-01	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000
1443	Sơn	Matit Nano Cao cấp Nội thất KN MT-02	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000
1444	Sơn	Mastic dẻo Kova Nano Đa năng KN-D3	thùng		thùng 25 kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000
1445	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-S	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000
1446	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-T	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000
1447	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt KN CT-16A CLEAR	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000
1448	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt Đặc biệt KN CT-16A CLEAR- DB	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000
1449	Sơn	Sơn lót Nano đa năng KN- SIĐN	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000
1450	Sơn	Sơn lót Nano chống kiềm đa năng KN S1-LCK	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000
1451	Sơn	Sơn lót Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN SI-TC	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000
1452	Sơn	Sơn phủ Nano chống nóng- Hệ nước 1 thành phần dùng cho mái tole & tường nhà xưởng KN S6	kg		bộ 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000
1453	Sơn	Keo epoxy nano Mastic KL5-01	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000
1454	Sơn	Sơn lót Nano Epoxy tự dàn trải KL5-02	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000
1455	Sơn	Sơn lót Nano chống gỉ Epoxy dành cho bề mặt Sắt, Thép Kim loại KL5-04	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000
1456	Sơn	Sơn phủ Nano Epoxy kim loại & tàu biển KL5-05	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000
1457	Sơn	Sơn Nano giao thông không phản quang KN-GT02 (vàng, đỏ)	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000

1458	Sơn	Sơn Nano viết bảng KN-WB	kg		Thùng 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000
1459	Sơn	Sơn Phủ nano Kháng khuẩn KN DB-KK	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000
1460	Sơn	Sơn phủ Nano Tự làm sạch KN DB-TLS	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000
1461	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
1462	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
1463	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
1464	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
1465	Sơn	Sơn giao thông hệ nước W02 (thân hiệu SIC)	kg	TCVN 8786:2011	thùng 5kg, 20kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
1466	Sơn	Keo lốt cho sơn kẻ đường (nhãn hiệu SIC)	kg	TCVN 8787:2011	thùng 16 kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
1467	Sơn	Bột trét tường nội thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
1468	Sơn	Bột trét tường ngoại thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
1469	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000
1470	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000
1471	Sơn	Sơn nước nội thất S-Light chống nấm mốc	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
1472	Sơn	Sơn nước nội thất cao cấp SIC INTERIOR dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
1473	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC EXTERIOR che phủ vết nứt	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000
1474	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC SUPER EXTERIOR sạch vượt trội	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
1475	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC WEATHER SHIELD bền màu tối ưu	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000
1476	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp J01	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300
1477	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp J02	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900
1478	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp N800	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400
1479	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất lau chùi cao cấp J67	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500
1480	Sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp J68	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200
1481	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 7 in 1 men sứ J69	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000
1482	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất cao cấp J66	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100
1483	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp N810	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800
1484	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp J35	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900
1485	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 8 in 1 men sứ J86	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800
1486	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả ngoại thất cao cấp J87	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 15 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200
1487	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng J11A	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700
1488	Sơn	Sơn chống thấm pha màu cao cấp J11M	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100
1489	Sơn	Sơn lót nội thất siêu mịn cao cấp N500	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200
1490	Sơn	Sơn lót ngoại thất siêu mịn cao cấp N805	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000

1491	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp J65	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700
1492	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp J85	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400
1493	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333
1494	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148
1495	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407
1496	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852
1497	Sơn	Bột trét ngoại thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556
1498	Sơn	Bột trét nội thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519
1499	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148
1500	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
1501	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704
1502	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481
1503	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO DÃN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963
1504	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO DÃN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000
1505	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO DÃN 300%	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296
1506	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815
1507	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185
1508	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333
1509	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704
1510	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778
1511	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444
1512	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185
1513	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667
1514	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296
1515	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630
1516	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370
1517	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815
1518	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296
1519	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296
1520	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963
1521	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481
1522	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148
1523	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667
1524	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000
1525	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963
1526	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333
1527	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000
1528	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704
1529	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Son Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519

1530	Son	Son Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Dt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630
1531	Son	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Dt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296
1532	Son	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Dt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963
1533	Son	Chống thấm màu RINGO	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Dt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444
1534	Son	Chống thấm màu RINGO	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bày Hiền, TP.HCM - Dt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481
1535	Son	SƠN NỘI THẤT ĐẸP-LBI	lit	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	486,111	486,111	486,111	486,111	486,111	486,111	486,111	486,111	486,111
1536	Son	SƠN NỘI THẤT ĐẸP-LBI	lit	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,227,778	1,227,778	1,227,778	1,227,778	1,227,778	1,227,778	1,227,778	1,227,778	1,227,778
1537	Son	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lit	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,101,852	1,101,852	1,101,852	1,101,852	1,101,852	1,101,852	1,101,852	1,101,852	1,101,852
1538	Son	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lit	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,655,556	2,655,556	2,655,556	2,655,556	2,655,556	2,655,556	2,655,556	2,655,556	2,655,556
1539	Son	SƠN NỘI THẤT NGỌC TRAI SANG TRỌNG-LEI	lit		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	257,407	257,407	257,407	257,407	257,407	257,407	257,407	257,407	257,407
1540	Son	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,151,852	1,151,852	1,151,852	1,151,852	1,151,852	1,151,852	1,151,852	1,151,852	1,151,852
1541	Son	SƠN NỘI THẤT LAU CHÙI TỐI ƯU-LVI	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,162,963	3,162,963	3,162,963	3,162,963	3,162,963	3,162,963	3,162,963	3,162,963	3,162,963
1542	Son	SƠN NỘI THẤT ĐẸP HOÀN HẢO - CAO CẤP BÓNG-LPI	lit		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	329,630	329,630	329,630	329,630	329,630	329,630	329,630	329,630	329,630
1543	Son	SƠN NỘI THẤT ĐẸP HOÀN HẢO - CAO CẤP BÓNG-LPI	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,474,074	1,474,074	1,474,074	1,474,074	1,474,074	1,474,074	1,474,074	1,474,074	1,474,074
1544	Son	SƠN NỘI THẤT ĐẸP HOÀN HẢO - CAO CẤP BÓNG-LPI	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444	3,944,444
1545	Son	SƠN NGOẠI THẤT ĐẸP-LBE	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	822,222	822,222	822,222	822,222	822,222	822,222	822,222	822,222	822,222
1546	Son	SƠN NGOẠI THẤT ĐẸP-LBE	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,279,630	2,279,630	2,279,630	2,279,630	2,279,630	2,279,630	2,279,630	2,279,630	2,279,630
1547	Son	SƠN NGOẠI THẤT CHE VẾT NỨT-LVE	lit		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	322,222	322,222	322,222	322,222	322,222	322,222	322,222	322,222	322,222
1548	Son	SƠN NGOẠI THẤT CHE VẾT NỨT-LVE	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,409,259	1,409,259	1,409,259	1,409,259	1,409,259	1,409,259	1,409,259	1,409,259	1,409,259
1549	Son	SƠN NGOẠI THẤT CHE VẾT NỨT-LVE	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,164,815	4,164,815	4,164,815	4,164,815	4,164,815	4,164,815	4,164,815	4,164,815	4,164,815
1550	Son	SƠN NGOẠI THẤT BÓNG NGỌC TRAI-LEE	lit		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	357,407	357,407	357,407	357,407	357,407	357,407	357,407	357,407	357,407
1551	Son	SƠN NGOẠI THẤT BÓNG NGỌC TRAI-LEE	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,792,593	1,792,593	1,792,593	1,792,593	1,792,593	1,792,593	1,792,593	1,792,593	1,792,593
1552	Son	SƠN NGOẠI THẤT BÓNG NGỌC TRAI-LEE	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,255,556	5,255,556	5,255,556	5,255,556	5,255,556	5,255,556	5,255,556	5,255,556	5,255,556
1553	Son	SƠN NGOẠI THẤT CAO CẤP BÓNG ĐẸP HOÀN HẢO - LPE	lit		1 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	477,778	477,778	477,778	477,778	477,778	477,778	477,778	477,778	477,778
1554	Son	SƠN NGOẠI THẤT CAO CẤP BÓNG ĐẸP HOÀN HẢO - LPE	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,385,185	2,385,185	2,385,185	2,385,185	2,385,185	2,385,185	2,385,185	2,385,185	2,385,185
1555	Son	SƠN NGOẠI THẤT CAO CẤP BÓNG ĐẸP HOÀN HẢO - LPE	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,468,519	6,468,519	6,468,519	6,468,519	6,468,519	6,468,519	6,468,519	6,468,519	6,468,519
1556	Son	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM HIỆU QUẢ - LAL	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	572,222	572,222	572,222	572,222	572,222	572,222	572,222	572,222	572,222
1557	Son	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM HIỆU QUẢ - LAL	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,592,593	1,592,593	1,592,593	1,592,593	1,592,593	1,592,593	1,592,593	1,592,593	1,592,593
1558	Son	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NỘI & NGOẠI THẤT - LAR	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	891,667	891,667	891,667	891,667	891,667	891,667	891,667	891,667	891,667
1559	Son	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NỘI & NGOẠI THẤT - LAR	lit		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,484,259	2,484,259	2,484,259	2,484,259	2,484,259	2,484,259	2,484,259	2,484,259	2,484,259
1560	Son	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NGOẠI THẤT - LAP	lit		5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Dt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,009,259	1,009,259	1,009,259	1,009,259	1,009,259	1,009,259	1,009,259	1,009,259	1,009,259

1561	Sơn	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM CAO CẤP NGOẠI THẤT - LAP	lít		15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,805,556	2,805,556	2,805,556	2,805,556	2,805,556	2,805,556	2,805,556	2,805,556	2,805,556
1562	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT THỜI TIẾT KHÁC NGHIỆT - LAB	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	5 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,079,630	1,079,630	1,079,630	1,079,630	1,079,630	1,079,630	1,079,630	1,079,630	1,079,630
1563	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT THỜI TIẾT KHÁC NGHIỆT - LAB	lít	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	15 L	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,014,815	3,014,815	3,014,815	3,014,815	3,014,815	3,014,815	3,014,815	3,014,815	3,014,815
1564	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHO TƯỜNG - CT2KW	kg	TCCS	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,263,889	1,263,889	1,263,889	1,263,889	1,263,889	1,263,889	1,263,889	1,263,889	1,263,889
1565	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHO TƯỜNG - CT2KW	kg	TCCS	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,458,611	3,458,611	3,458,611	3,458,611	3,458,611	3,458,611	3,458,611	3,458,611	3,458,611
1566	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHUYÊN DỤNG CHO SÀN - CT2KF	kg	TCCS	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,339,815	1,339,815	1,339,815	1,339,815	1,339,815	1,339,815	1,339,815	1,339,815	1,339,815
1567	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM PHA XI MĂNG CHUYÊN DỤNG CHO SÀN - CT2KF	kg	TCCS	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,755,556	3,755,556	3,755,556	3,755,556	3,755,556	3,755,556	3,755,556	3,755,556	3,755,556
1568	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM MÀU CHO TƯỜNG - CT1K	kg	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,320,093	1,320,093	1,320,093	1,320,093	1,320,093	1,320,093	1,320,093	1,320,093	1,320,093
1569	Sơn	CHẤT CHỐNG THẤM MÀU CHO TƯỜNG - CT1K	kg	QCVN 16:2023/BXD; QCVN 08:2020/BCT; Số: 05-26 (LAN01-CNLĐ-2026); Số: 06-26-(LAN01-CNLĐ-2026)	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,680,556	3,680,556	3,680,556	3,680,556	3,680,556	3,680,556	3,680,556	3,680,556	3,680,556
1570	Sơn	LỚP PHỦ CHỐNG THẤM PU CAO CẤP - CTPU	kg	TCCS	6 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,544,444	1,544,444	1,544,444	1,544,444	1,544,444	1,544,444	1,544,444	1,544,444	1,544,444
1571	Sơn	LỚP PHỦ CHỐNG THẤM PU CAO CẤP - CTPU	kg	TCCS	18 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,462,037	4,462,037	4,462,037	4,462,037	4,462,037	4,462,037	4,462,037	4,462,037	4,462,037
1572	Sơn	BỘT TRÉT CAO CẤP NỘI NGOẠI THẤT - S-PUTTY	kg		40 KG	Công ty TNHH LANOVINA. Đc: Nhà số B2, Làng chuyên gia The Oasis 1, đường R5, Khu phố 4, P.An Phú, TP.HCM - Đt: 0914.588.868. Công văn đề nghị công bố giá số 001/CV-CBGVLXD-TN ngày 24/8/2026	Việt Nam		Giao đến chân Công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 24/08/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	408,333	408,333	408,333	408,333	408,333	408,333	408,333	408,333	408,333
1573	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 6m dày 3mm Đường kính đáy: D150, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000
1574	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 7m dày 3mm Đường kính đáy: D160, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000
1575	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 8m dày 4mm Đường kính đáy: D170, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000
1576	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 9m dày 4mm Đường kính đáy: D180, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000
1577	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 10m dày 4mmĐường kính đáy: D190, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000
1578	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000
1579	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000
1580	Vật tư ngành điện	Cần đèn ba cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000
1581	Vật tư ngành điện	Cột 14m: Cột đa giác xà bắt đèn pha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000
1582	Vật tư ngành điện	Cột 17m: Cột đa giác + giàn đi động nâng hạ	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000
1583	Vật tư ngành điện	Cột 20m: Cột đa giác động nâng hạ (20m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2003		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000
1584	Vật tư ngành điện	Cột 30m: Cột đa giác động nâng hạ (30m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2004		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000
1585	Vật tư ngành điện	ĐÈN LED MDC LACHONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000
1586	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000

1587	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000
1588	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000
1589	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000
1590	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000
1591	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000
1592	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000
1593	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000
1594	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000
1595	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000
1596	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 806x320x106mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000
1597	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000
1598	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000
1599	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000
1600	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000
1601	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000
1602	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000
1603	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000
1604	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000
1605	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S01	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000
1606	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S03	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000
1607	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT - 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000
1608	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 60W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000
1609	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000
1610	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000

1611	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 36W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
1612	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 50W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000
1613	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 56W-90AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000
1614	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 70W-140AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000
1615	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 80W-160AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000
1616	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 100W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000
1617	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 120W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Dt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000
1618	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630
1619	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870
1620	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963
1621	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722
1622	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x28W 1m2,ánh sáng trắng (T) GT3-120T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741
1623	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222
1624	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852
1625	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630
1626	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	864,352	97,407	97,407	97,407	97,407	97,407	97,407	97,407	97,407
1627	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630
1628	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019
1629	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148
1630	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926
1631	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x18W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-120T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685
1632	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x9W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-60T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037
1633	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x16W Ø120 x 38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-16T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259
1634	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x24W Ø173x38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-24T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093

1635	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019
1636	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426
1637	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48W thân nhựa BN2-48T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148
1638	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167
1639	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519
1640	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907
1641	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630
1642	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222
1643	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370
1644	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630
1645	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833
1646	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870
1647	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907
1648	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333
1649	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148
1650	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 25W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278
1651	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630
1652	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111
1653	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-36T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130
1654	Vật tư ngành điện	Led hightbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056
1655	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574
1656	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 320N A9016L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574
1657	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 320N A9020L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296
1658	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 320N A9025L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185

1659	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 320N A9032L	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481
1660	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 750N A9016	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815
1661	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 750N A9020	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148
1662	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 750N A9025	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556
1663	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 750N A9032	ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204
1664	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D16 màu trắng A9016CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dân hồi màu trắng Ø16	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056
1665	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D20 màu trắng A9020CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dân hồi màu trắng Ø20	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241
1666	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D25 màu trắng A9025CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dân hồi màu trắng Ø25	40m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944
1667	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D32 màu trắng A9032CT	cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dân hồi màu trắng Ø32	25m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444
1668	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,301	-	-	-	-	-	-	-	-
1669	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,002	-	-	-	-	-	-	-	-
1670	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,971	-	-	-	-	-	-	-	-
1671	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,300	-	-	-	-	-	-	-	-
1672	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 3.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21,956	-	-	-	-	-	-	-	-
1673	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 4.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24,700	-	-	-	-	-	-	-	-
1674	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 6.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36,266	-	-	-	-	-	-	-	-
1675	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 8.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48,708	-	-	-	-	-	-	-	-
1676	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 10.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60,080	-	-	-	-	-	-	-	-
1677	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-1.5 (1x30/0.25)- 450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,200	8,200	8,200	8,200	8,200	8,200	8,200	8,200	8,200
1678	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-2.5 (1x50/0,25)- 450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,000	13,000	13,000	13,000	13,000	13,000	13,000	13,000	13,000
1679	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,300	10,300	10,300	10,300	10,300	10,300	10,300	10,300	10,300
1680	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xLO (2x32/0,2)' 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
1681	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xl.5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
1682	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x2,5 (2x50/0,25) - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100
1683	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x4,0 (2x56/0,3) 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100
1684	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x6,0 (2x84/0,3) 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800
1685	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.5 (2x16/0.2) 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
1686	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa PVC - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.75 (2x24/0,2)-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700
1687	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2xl (2x32/0,2)- 0,6/ikV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200
1688	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2xl,5 (2x30/0,25)-0,6/IkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
1689	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x2,5 (2x50/0,25)-0,6/IkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
1690	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800
1691	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xl (2x32/0,2)- 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400
1692	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xl,5 (2x30/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700
1693	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x2,5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900
1694	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43,700	43,700	43,700	43,700	43,700	43,700	43,700	43,700	43,700
1695	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x6 (2x84/0.3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700
1696	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x0,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600
1697	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x1 (2x32/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
1698	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3xl,5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
1699	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x2.5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800
1700	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61,100	61,100	61,100	61,100	61,100	61,100	61,100	61,100	61,100
1701	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700
1702	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700
1703	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xl (2x32/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700
1704	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xl,5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33,500	33,500	33,500	33,500	33,500	33,500	33,500	33,500	33,500

1705	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựaPVC-VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x2,5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52,800	52,800	52,800	52,800	52,800	52,800	52,800	52,800	52,800
1706	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
1707	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120,600	120,600	120,600	120,600	120,600	120,600	120,600	120,600	120,600
1708	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế-0,6/1kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-1,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300
1709	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha the-0,6/ikV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-2,5 -0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,500	13,500	13,500	13,500	13,500	13,500	13,500	13,500	13,500
1710	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-06/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-4-0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400
1711	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-6-0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000
1712	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-10 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700
1713	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75,700	75,700	75,700	75,700	75,700	75,700	75,700	75,700	75,700
1714	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-25 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700
1715	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-35 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000
1716	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-Ô,6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100
1717	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	cvv-2x 1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
1718	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700
1719	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-2x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56,200	56,200	56,200	56,200	56,200	56,200	56,200	56,200	56,200
1720	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x6 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77,500	77,500	77,500	77,500	77,500	77,500	77,500	77,500	77,500
1721	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-2X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200	125,200
1722	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi. ruột đồng. cách điện PVC. vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3X1.5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34,200	34,200	34,200	34,200	34,200	34,200	34,200	34,200	34,200
1723	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x2.5 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600
1724	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-3x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200
1725	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x6 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105,700	105,700	105,700	105,700	105,700	105,700	105,700	105,700	105,700
1726	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-3.X10 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100
1727	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-4x1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600
1728	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-4x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800
1729	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,900	96,900	96,900	96,900	96,900	96,900	96,900	96,900	96,900
1730	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 3OO/5OOV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4XÔ - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800
1731	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600
1732	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-1.5 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200	11,200
1733	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. Vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2,5 - 0.6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800
1734	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,900	23,900	23,900	23,900	23,900	23,900	23,900	23,900	23,900
1735	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. Vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33,700	33,700	33,700	33,700	33,700	33,700	33,700	33,700	33,700
1736	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế -0,6/lkV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-10 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300
1737	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79,800	79,800	79,800	79,800	79,800	79,800	79,800	79,800	79,800
1738	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-25 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123,900	123,900	123,900	123,900	123,900	123,900	123,900	123,900	123,900
1739	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-35 -0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169,700	169,700	169,700	169,700	169,700	169,700	169,700	169,700	169,700
1740	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230,400	230,400	230,400	230,400	230,400	230,400	230,400	230,400	230,400
1741	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2x50 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	492,400	492,400	492,400	492,400	492,400	492,400	492,400	492,400	492,400
1742	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-3x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714,200	714,200	714,200	714,200	714,200	714,200	714,200	714,200	714,200
1743	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/lkV (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	941,600	941,600	941,600	941,600	941,600	941,600	941,600	941,600	941,600
1744	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế có giáp bảo vệ - 0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-2x16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000	212,000
1745	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế có giáp bảo vệ - 0,6/lkV (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. giáo băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-3X16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290,200	290,200	290,200	290,200	290,200	290,200	290,200	290,200	290,200
1746	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế có giáp bảo vệ - 0,6/lkV (4 lõi. ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-4X16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700
1747	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0.6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
1748	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0.6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000
1749	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0,6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-70 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36,500	36,500	36,500	36,500	36,500	36,500	36,500	36,500	36,500
1750	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế - 0.6/lkV (2 lõi. ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-2X16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100
1751	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn ha thế - 0,6/1 kv (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-3X16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
1752	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn ha thế-0,6/1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x50 - 0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97,400	97,400	97,400	97,400	97,400	97,400	97,400	97,400	97,400
1753	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn ha thế - 0,6/lkV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x95 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179,700	179,700	179,700	179,700	179,700	179,700	179,700	179,700	179,700
1754	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE.vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-50/8 - 12.7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800
1755	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn ruột dẫn. cách điện XLPE. vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-70/11 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100
1756	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn ruột dẫn. cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-95/16 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	139,900	139,900	139,900	139,900	139,900	139,900	139,900	139,900	139,900
1757	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo • 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, băn dẫn ruột dẫn. cách điện XLPE.VỎ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-240/32 - 12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	260,700	260,700	260,700	260,700	260,700	260,700	260,700	260,700	260,700
1758	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0.6/lkV (1 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR- PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-1,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700

1759	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy -0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-2.5 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200
1760	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-4 - 0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
1761	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/lkV (1 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-6 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200
1762	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1 1EC 60332 3 CAT c. BS6387 CATC	CXV/FR-2X1.5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,300	46,300	46,300	46,300	46,300	46,300	46,300	46,300	46,300
1763	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CATC	CXV/FR-2x2.5 - 0.6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57,500	57,500	57,500	57,500	57,500	57,500	57,500	57,500	57,500
1764	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CATC	CXV/FR-2x4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77,700	77,700	77,700	77,700	77,700	77,700	77,700	77,700	77,700
1765	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, võFR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CXV/FR-2x6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98,900	98,900	98,900	98,900	98,900	98,900	98,900	98,900	98,900
1766	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-50/8	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,800	23,800	23,800	23,800	23,800	23,800	23,800	23,800	23,800
1767	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-70/11	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300
1768	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-95/16	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,200	46,200	46,200	46,200	46,200	46,200	46,200	46,200	46,200
1769	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-120/19	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000
1770	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:c	m		C-25	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000	111,000
1771	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:c	m		C-50	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	224,900	224,900	224,900	224,900	224,900	224,900	224,900	224,900	224,900
1772	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1.5kV	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-4- 1.5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000
1773	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5kV	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-6- 1.5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300
1774	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/lkV (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x4 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41,600	41,600	41,600	41,600	41,600	41,600	41,600	41,600	41,600
1775	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/lkV (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x6 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60,600	60,600	60,600	60,600	60,600	60,600	60,600	60,600	60,600
1776	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng. cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x10 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500
1777	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 80W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722- 2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000
1778	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 85W - IQ5W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000
1779	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) HOW - 125W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000
1780	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 130W-155W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008)TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050(chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000
1781	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 160W-185W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000
1782	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 100W-250W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000
1783	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 300W - 350W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM8Q, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000
1784	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt tròi Nikkon RA365 30W -Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFeP 04 SẠC ĐẦY VỚI 6H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000
1785	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt tròi Nikkon RA365 60W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000
1786	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt tròi Nikkon RA365 80 w - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000
1787	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt tròi Nikkon RA365 120W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000
1788	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 60W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000
1789	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 90W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000
1790	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 120W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA I0KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000
1791	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 150W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA I0KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000
1792	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L) 180W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000
1793	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L)200W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000
1794	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng LCU	cái	*EN55015, EN60598-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN6l547, EN61347-1, EN61347-2-11, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI EN300328, ETSI EN303413, ETSI EN301489-1*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK09*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000
1795	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh DCU	tủ	*EN55022, EN55024, EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI 300328*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động 1K08 Lắp đặt tùy chọn Tủ điều khiển IP54*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000
1796	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến thời tiết	bộ	*ETSI EN 303413 V1. 1.1 ETSI EN 300328 V2.1.1 ETSI EN 301489-1 V2.1.1*	*Bảo vệ sự xâm nhập 1P65 Bảo vệ tác động IK08*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000

1797	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến phân tích giao thông	bộ	*UNI11248*	#NAME?	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000
1798	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 3 pha	tủ	*EN55022, EN55024,EN61326-1. EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007- 2014, ETSI 300328*	*Nguồn điện 100-305 VAC50760Hz Dòng cắt ngắn mạch 6kA -50 kA Dòng điện tối đa 10A - 630 A , Cấp bảo vệ IP43 - IP55 Độ tăng nhiệt tối đa: 50 độ c. Công suất tiêu thụ < 12W*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000
1799	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000
1800	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000
1801	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D200 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP 55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000
1802	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000
1803	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT nhắc lại DI00 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000
1804	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000
1805	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000
1806	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi vuông 500x600 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000
1807	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2pha	tủ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000
1808	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT Thông minh	tủ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000
1809	Vật tư ngành điện	Dù che tủ điều khiển	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000
1810	Vật tư ngành điện	Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Dt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000
1811	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI LIGHT KMC 30W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000
1812	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAIL1GHT KMC 40W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000

1813	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 50W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091
1814	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 60W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000
1815	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 70W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091

1816	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 80W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000
1817	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 90W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000
1818	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 100W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000

1819	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1L1GHT KMC 120W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000
1820	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 140W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000
1821	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUH AI LIGHT KMC 150W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909

1822	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 180W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- Vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000
1823	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 200VV	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu;	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091
1824	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 40W; MPPT charge controllers 12V, 80W 18V solar panel, 45AH 12,8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; -CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch....	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000
1825	Vật tư ngành điện	MFUHA1L1GHT SOLAR E-KMC 60W; MPPT charge controllers 12V, 120W 18V solar panel, 75AH 12.8 V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; -CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch....	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000
1826	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC SOW; MPPT charge controllers I2V, 160W 18V solar panel, 90AH 12.8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; -CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch....	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000

1827	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC IOOW, MPPT charge controllers 24V, 200W 36V solar panel, 60AH 25.6V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0.95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch....	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 14/09/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000
1828	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-3T LUSCOM CNYAN: 3W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
1829	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-3V LUSCOM CNYAN: 3W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
1830	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-5T LUSCOM CNYAN: 5W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
1831	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-5V LUSCOM CNYAN: 5W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000	22,000
1832	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-7T LUSCOM CNYAN: 7W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000
1833	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-7V LUSCOM CNYAN: 7W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000
1834	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-9T LUSCOM CNYAN: 9W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
1835	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-9V LUSCOM CNYAN: 9W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
1836	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-12T LUSCOM CNYAN: 12W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000
1837	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-12V LUSCOM CNYAN: 12W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000
1838	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-15T LUSCOM CNYAN: 15W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
1839	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-15V LUSCOM CNYAN: 15W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
1840	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-20T LUSCOM CNYAN: 20W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000
1841	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-20V LUSCOM CNYAN: 20W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000
1842	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-30T LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000
1843	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-30V LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000
1844	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-40T LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
1845	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-40V LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
1846	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-50T LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000
1847	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-50V LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000
1848	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-30T LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000
1849	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-30V LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000
1850	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-40T LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000
1851	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-40V LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000
1852	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-50T LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000

1853	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-50V LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
1854	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-60T LUSCOM CNYAN: 60W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000
1855	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-80T LUSCOM CNYAN: 80W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	366,000	366,000	366,000	366,000	366,000	366,000	366,000	366,000	366,000
1856	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-7CC LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000	100,000
1857	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-9CC LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
1858	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-12CC LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
1859	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-7CC/G LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
1860	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-9CC/G LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
1861	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-12CC/G LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
1862	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-7CC/S LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
1863	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-9CC/S LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
1864	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-12CC/S LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
1865	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-7V LUSCOM CNTWI: 7W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
1866	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-7T LUSCOM CNTWI: 7W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
1867	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-9V LUSCOM CNTWI: 9W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
1868	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-9T LUSCOM CNTWI: 9W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
1869	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-12V LUSCOM CNTWI: 12W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000
1870	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-12T LUSCOM CNTWI: 12W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000
1871	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều (nút lớn) MCTV11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	49,000	49,000	49,000	49,000	49,000	49,000	49,000	49,000	49,000
1872	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
1873	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều (nút lớn, 1 vào, 2 ra) MCTV2112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000
1874	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000
1875	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều (nút lớn, 2 vào, 2 ra) MCTV2122 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000
1876	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 1 chiều (nút lớn) MCTV31 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000
1877	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV32 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000
1878	Vật tư ngành điện	Mặt công tắc chuông cửa MVCC LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000
1879	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc MF (đèn) MOC3CTN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	62,000	62,000	62,000	62,000	62,000	62,000	62,000	62,000	62,000
1880	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 3 chấu 2 chấu, 1 công tắc MF (đèn) MOC3-2CTN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000
1881	Vật tư ngành điện	Ổ cắm TV MVTV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000
1882	Vật tư ngành điện	Ổ cắm mạng MVOI LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	79,000	79,000	79,000	79,000	79,000	79,000	79,000	79,000	79,000

1883	Vật tư ngành điện	Nút điều chỉnh quạt (cao cấp) MVDF LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000
1884	Vật tư ngành điện	Nút điều chỉnh đèn led MVDL LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000
1885	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều ACT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
1886	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 2 chiều ACT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000
1887	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều ACT21 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000
1888	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều, 1 công tắc 2 chiều ACT1112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
1889	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều ACT22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000
1890	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 1 chiều ACT31 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
1891	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều, 1 công tắc 2 chiều ACT2112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000
1892	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều, 1 công tắc 1 chiều ACT2211 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000
1893	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 2 chấu AOC22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	55,000	55,000	55,000	55,000	55,000	55,000	55,000	55,000	55,000
1894	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 3 chấu AOC23 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000	61,000
1895	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 ổ cắm 3 chấu đa năng AOC1213 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000
1896	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC22CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000
1897	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 ổ cắm TV AOC121TV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000
1898	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC12CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
1899	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 2 chiều AOC12CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000
1900	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC13CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000
1901	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc 2 chiều AOC13CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000
1902	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 2 công tắc 1 chiều AOC12CT21 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
1903	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 2 công tắc 2 chiều AOC12CT22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
1904	Vật tư ngành điện	Công tắc đơn 1 chiều CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
1905	Vật tư ngành điện	Công tắc đơn 2 chiều CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
1906	Vật tư ngành điện	Công tắc đảo chiều CT13 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000
1907	Vật tư ngành điện	Chuông cửa DB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
1908	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 2 chấu nhỏ OC2 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	23,000	23,000	23,000	23,000	23,000	23,000	23,000	23,000	23,000
1909	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 3 chấu nhỏ OC3 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000
1910	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 3 chấu đa năng nhỏ OC3ĐN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
1911	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 3 chấu OC23 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000	58,000
1912	Vật tư ngành điện	Mặt 1 thiết bị vừa MCN1TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000

1913	Vật tư ngành điện	Mặt 1 thiết bị nhỏ MCN1TBN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000
1914	Vật tư ngành điện	Mặt 2 thiết bị nhỏ MCN2TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000
1915	Vật tư ngành điện	Mặt 3 thiết bị nhỏ MCN3TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000	14,000
1916	Vật tư ngành điện	Đế âm vuông DAV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000
1917	Vật tư ngành điện	Đế nổi vuông DNV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
1918	Vật tư ngành điện	Đế âm chữ nhật DACN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000
1919	Vật tư ngành điện	Đế nổi chữ nhật DNCN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000
1920	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000
1921	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000
1922	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000
1923	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000
1924	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000
1925	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000
1926	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500
1927	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500
1928	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000
1929	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000
1930	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000
1931	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000
1932	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500
1933	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX -100W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500
1934	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000
1935	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500
1936	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500
1937	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000
1938	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000
1939	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố C-WIN -150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000
1940	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố D-WIN -150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000
1941	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500
1942	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500

1943	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500
1944	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500
1945	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000
1946	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000
1947	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500
1948	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800
1949	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000
1950	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000
1951	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500
1952	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500
1953	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500
1954	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000
1955	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN 19/2019/BKHCN)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000
1956	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500
1957	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN 19/2019/BKHCN)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500
1958	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500
1959	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000
1960	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000
1961	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000
1962	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000
1963	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000
1964	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000
1965	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500
1966	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000
1967	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000
1968	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000
1969	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000
1970	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000
1971	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000

1972	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000
1973	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000
1974	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000
1975	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000
1976	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000
1977	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000
1978	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB05-200w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250
1979	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-250w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000
1980	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-300w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200
1981	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650
1982	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-500w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650
1983	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB03-600w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000
1984	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB04-800w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550
1985	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550
1986	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000
1987	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500
1988	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700
1989	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000
1990	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500
1991	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000
1992	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000
1993	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000
1994	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000
1995	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000
1996	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000
1997	Vật tư ngành điện	Đế gang DP03 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400
1998	Vật tư ngành điện	Đế DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800
1999	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang củ tỏi DP04 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000
2000	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DP02 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600
2001	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang PINE cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000
2002	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800
2003	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC05 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600
2004	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC01 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000
2005	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang BANIAN cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600

2006	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang NOUVO cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600
2007	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC02 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200
2008	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200
2009	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400
2010	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200
2011	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600
2012	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800
2013	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600
2014	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800
2015	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400
2016	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH08 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200
2017	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800
2018	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200
2019	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH12 cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460
2020	Vật tư ngành điện	Đèn Jupiter	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400
2021	Vật tư ngành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400
2022	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB01-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800
2023	Vật tư ngành điện	Cần kép MB01-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000
2024	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB02-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400
2025	Vật tư ngành điện	Cần kép MB02-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000
2026	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB06-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400
2027	Vật tư ngành điện	Cần kép MB06-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200
2028	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB03-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600
2029	Vật tư ngành điện	Cần kép MB03-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600
2030	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB04-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200
2031	Vật tư ngành điện	Cần kép MB04-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800
2032	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 3m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000
2033	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000
2034	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 5m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200
2035	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 6m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400
2036	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200
2037	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400
2038	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200
2039	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600
2040	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000
2041	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200

2042	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 10m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800
2043	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 11m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800
2044	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 12m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600
2045	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 4m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000
2046	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 5, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
2047	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 6m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000
2048	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800
2049	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800
2050	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200
2051	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400
2052	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200
2053	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000
2054	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600
2055	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200
2056	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao11m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000
2057	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200
2058	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 12m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000
2059	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 17m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000
2060	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 20m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000
2061	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 25m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000
2062	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 30m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000
2063	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 35m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000
2064	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 13m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000
2065	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 14m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000
2066	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 15m, thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000
2067	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 16m thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400
2068	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 17m thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000
2069	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 18m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000
2070	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 19m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000
2071	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000

2072	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000
2073	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000
2074	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000
2075	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000
2076	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000
2077	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000
2078	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000
2079	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000
2080	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000
2081	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000
2082	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000
2083	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000
2084	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000
2085	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang KT: (900x900)mm, D700 tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000
2086	Vật tư ngành điện	Nắp thăm thu kết hợp CPS, KT: (1050x745)mm, Tải trọng 12,5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000
2087	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m, dày 5mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000
2088	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000
2089	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 3.3m, dày 4mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000
2090	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000
2091	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 5.6m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000
2092	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000
2093	Vật tư ngành điện	Thanh giá treo đèn D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000
2094	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 2.5m, dày 3mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000
2095	Vật tư ngành điện	Đèn LED cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000
2096	Vật tư ngành điện	Đèn LED 3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400
2097	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D100, 3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000
2098	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D200, 3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000
2099	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D300, 3 màu xanh, đỏ, vàng, D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000
2100	Vật tư ngành điện	Đèn LED mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000
2101	Vật tư ngành điện	Đèn LED chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000
2102	Vật tư ngành điện	Đèn LED Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000
2103	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000
2104	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000

2105	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000
2106	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ 2 x D200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000
2107	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000
2108	Vật tư ngành điện	Trụ tủ điều khiển tín hiệu giao thông 03 pha, ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000
2109	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển tín hiệu giao thông 02 pha, ổn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000
2110	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 30A-32A-40A-50A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000
2111	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất 60A-63A-75A-80A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000
2112	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất 100A-150A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000
2113	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000
2114	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000
2115	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 250A-300A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260903TN/CV-MB ngày 03/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000
2116	Vật tư ngành điện	Đà sắt U80x40x4,2-3000mm	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	724,733	724,733	724,733	724,733	724,733	724,733	724,733	724,733	724,733
2117	Vật tư ngành điện	Thanh giằng chống gió L75x75x8-3000mm	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	970,900	970,900	970,900	970,900	970,900	970,900	970,900	970,900	970,900
2118	Vật tư ngành điện	Thanh giằng chống gió L75x75x8-2150mm	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	720,133	720,133	720,133	720,133	720,133	720,133	720,133	720,133	720,133
2119	Vật tư ngành điện	Sắt potelet L63x63x6 dài 2m	thanh			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	490,700	490,700	490,700	490,700	490,700	490,700	490,700	490,700	490,700
2120	Vật tư ngành điện	Bộ đà lắp TBA giàn (gồm: 2 Đà Đỡ MBA U200x70x4,8-3m, 2 Đà cố định MBA U120x52x4,8-0,85m, 2 bộ Cổ đê 100x10x320)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	6,171,533	6,171,533	6,171,533	6,171,533	6,171,533	6,171,533	6,171,533	6,171,533	6,171,533
2121	Vật tư ngành điện	Bộ kẹp TU	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	266,900	266,900	266,900	266,900	266,900	266,900	266,900	266,900	266,900
2122	Vật tư ngành điện	Giá đỡ MBA cấp nguồn	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900
2123	Vật tư ngành điện	Giá đỡ thùng điện kế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	254,200	254,200	254,200	254,200	254,200	254,200	254,200	254,200	254,200
2124	Vật tư ngành điện	Giá đỡ tụ bù trung thế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,398,000	2,398,000	2,398,000	2,398,000	2,398,000	2,398,000	2,398,000	2,398,000	2,398,000
2125	Vật tư ngành điện	Giá đỡ tụ bù hạ thế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	42,650	42,650	42,650	42,650	42,650	42,650	42,650	42,650	42,650
2126	Vật tư ngành điện	Giá đỡ cáp chữ E (cộng 6 kẹp)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	363,100	363,100	363,100	363,100	363,100	363,100	363,100	363,100	363,100
2127	Vật tư ngành điện	Gông treo cáp chữ D	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	334,550	334,550	334,550	334,550	334,550	334,550	334,550	334,550	334,550
2128	Vật tư ngành điện	Collier 3x30x240+2 boulon VRS 10x100	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	54,050	54,050	54,050	54,050	54,050	54,050	54,050	54,050	54,050
2129	Vật tư ngành điện	Collier 3x30x280+ 2 boulon VRS 10x100	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	68,350	68,350	68,350	68,350	68,350	68,350	68,350	68,350	68,350
2130	Vật tư ngành điện	Collier vis siết inox loại 7/8	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900
2131	Vật tư ngành điện	Cách điện đứng polymer 24KV	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	555,900	555,900	555,900	555,900	555,900	555,900	555,900	555,900	555,900
2132	Vật tư ngành điện	Hộp composite 1 điện kế 3 pha + phụ kiện	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	589,550	589,550	589,550	589,550	589,550	589,550	589,550	589,550	589,550
2133	Vật tư ngành điện	Hộp PP điện 6 CB rỗng	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	418,200	418,200	418,200	418,200	418,200	418,200	418,200	418,200	418,200
2134	Vật tư ngành điện	Hộp PP 06 cực +06CB 63A	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,352,000	1,352,000	1,352,000	1,352,000	1,352,000	1,352,000	1,352,000	1,352,000	1,352,000
2135	Vật tư ngành điện	Hộp PP điện 9 CB rỗng	hộp			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	461,733	461,733	461,733	461,733	461,733	461,733	461,733	461,733	461,733
2136	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đơn góc	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000	144,000
2137	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đơn	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	115,100	115,100	115,100	115,100	115,100	115,100	115,100	115,100	115,100
2138	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đôi góc	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300
2139	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đôi thẳng	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	205,933	205,933	205,933	205,933	205,933	205,933	205,933	205,933	205,933
2140	Vật tư ngành điện	Nắp chụp sứ dao cắt tụ	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	185,500	185,500	185,500	185,500	185,500	185,500	185,500	185,500	185,500
2141	Vật tư ngành điện	Nắp chụp bát sứ TI trung thế	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	271,700	271,700	271,700	271,700	271,700	271,700	271,700	271,700	271,700
2142	Vật tư ngành điện	Ống co nhiệt trung thế 24kV - Ø50	m			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	110,833	110,833	110,833	110,833	110,833	110,833	110,833	110,833	110,833

2143	Vật tư ngành điện	Ống co nhiệt trung thế 24kV - Ø85	m			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	164,633	164,633	164,633	164,633	164,633	164,633	164,633	164,633	164,633
2144	Vật tư ngành điện	Ống co nhiệt trung thế 24kV - Ø100	m			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	209,700	209,700	209,700	209,700	209,700	209,700	209,700	209,700	209,700
2145	Vật tư ngành điện	Đầu cosse ép đồng pin rỗng 4mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	12,567	12,567	12,567	12,567	12,567	12,567	12,567	12,567	12,567
2146	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 50mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	35,800	35,800	35,800	35,800	35,800	35,800	35,800	35,800	35,800
2147	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 70mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	44,650	44,650	44,650	44,650	44,650	44,650	44,650	44,650	44,650
2148	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 95mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	51,175	51,175	51,175	51,175	51,175	51,175	51,175	51,175	51,175
2149	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 120mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300
2150	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 150mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	97,725	97,725	97,725	97,725	97,725	97,725	97,725	97,725	97,725
2151	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 185mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	119,025	119,025	119,025	119,025	119,025	119,025	119,025	119,025	119,025
2152	Vật tư ngành điện	Ống nối lèo cáp nhôm 240mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	144,275	144,275	144,275	144,275	144,275	144,275	144,275	144,275	144,275
2153	Vật tư ngành điện	Cosse ép đồng 16 mm²	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	56,800	56,800	56,800	56,800	56,800	56,800	56,800	56,800	56,800
2154	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 35-50 (2/0 loại ty)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	287,725	287,725	287,725	287,725	287,725	287,725	287,725	287,725	287,725
2155	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 70-95 (loại ty)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	321,150	321,150	321,150	321,150	321,150	321,150	321,150	321,150	321,150
2156	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 120-150 (loại ty)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	327,725	327,725	327,725	327,725	327,725	327,725	327,725	327,725	327,725
2157	Vật tư ngành điện	Kẹp quai A 185-240 (loại ty)	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	330,225	330,225	330,225	330,225	330,225	330,225	330,225	330,225	330,225
2158	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 1 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 120mm² (OD) (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,109,075	3,109,075	3,109,075	3,109,075	3,109,075	3,109,075	3,109,075	3,109,075	3,109,075
2159	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 1 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 150mm² (OD) (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,243,225	3,243,225	3,243,225	3,243,225	3,243,225	3,243,225	3,243,225	3,243,225	3,243,225
2160	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 1 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 185mm² (OD) (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,455,475	3,455,475	3,455,475	3,455,475	3,455,475	3,455,475	3,455,475	3,455,475	3,455,475
2161	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 50mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	6,778,100	6,778,100	6,778,100	6,778,100	6,778,100	6,778,100	6,778,100	6,778,100	6,778,100
2162	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 95mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	744,900	744,900	744,900	744,900	744,900	744,900	744,900	744,900	744,900
2163	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 120mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8,234,050	8,234,050	8,234,050	8,234,050	8,234,050	8,234,050	8,234,050	8,234,050	8,234,050
2164	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 150mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8,462,950	8,462,950	8,462,950	8,462,950	8,462,950	8,462,950	8,462,950	8,462,950	8,462,950
2165	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 240mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8,950,550	8,950,550	8,950,550	8,950,550	8,950,550	8,950,550	8,950,550	8,950,550	8,950,550
2166	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 240mm² (trong nhà)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8,082,275	8,082,275	8,082,275	8,082,275	8,082,275	8,082,275	8,082,275	8,082,275	8,082,275
2167	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 300mm² (ngoài trời)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9,403,700	9,403,700	9,403,700	9,403,700	9,403,700	9,403,700	9,403,700	9,403,700	9,403,700
2168	Vật tư ngành điện	Đầu cáp ngầm 3 pha 24kV - cosse ép 2 lỗ - 300mm² (trong nhà)	bộ			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh, Cty TNHH MTV Việt Trường, Cty TNH Năng lượng Minh Tuấn	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	8,523,925	8,523,925	8,523,925	8,523,925	8,523,925	8,523,925	8,523,925	8,523,925	8,523,925
2169	Vật tư ngành điện	Bột Bentonite	kg			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	61,500	61,500	61,500	61,500	61,500	61,500	61,500	61,500	61,500
2170	Vật tư ngành điện	Cần khoan Robbin	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500
2171	Vật tư ngành điện	Lưỡi khoan	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	4,612,500	4,612,500	4,612,500	4,612,500	4,612,500	4,612,500	4,612,500	4,612,500	4,612,500
2172	Vật tư ngành điện	Đầu nong 400mm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500	7,687,500
2173	Vật tư ngành điện	Đầu nong 500mm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000
2174	Vật tư ngành điện	Đầu nong 600mm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000	12,300,000
2175	Vật tư ngành điện	Cọc bê tông cảnh báo cáp ngầm	cái			Cty TNHH Điện Nam Việt, Cty TNHH ĐT PT SX Mai Anh	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,082,400	1,082,400	1,082,400	1,082,400	1,082,400	1,082,400	1,082,400	1,082,400	1,082,400
2176	Vật tư ngành điện	Dao cách ly (DS) 1 pha 24kV-630A, cách điện polymer (dòng rò 25mm/kV)	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	11,842,000	11,842,000	11,842,000	11,842,000	11,842,000	11,842,000	11,842,000	11,842,000	11,842,000
2177	Vật tư ngành điện	Bộ Dao cắt tụ bù ứng động (có kết nối SCADA), gồm: 3 Dao cắt tụ 1 Pha (gồm 6 kẹp cực đấu nối); tủ điều khiển, hộp đấu dây trung gian, bộ cáp điều khiển; cảm biến dòng chân sứ, biến điện áp cấp nguồn.	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	368,284,586	368,284,586	368,284,586	368,284,586	368,284,586	368,284,586	368,284,586	368,284,586	368,284,586
2178	Vật tư ngành điện	Bộ Dao cắt tụ bù ứng động, gồm: 3 Dao cắt tụ 1 Pha (gồm 6 kẹp cực đấu nối); tủ điều khiển, hộp đấu dây trung gian, bộ cáp điều khiển; cảm biến dòng chân sứ, biến điện áp cấp nguồn.	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	324,934,586	324,934,586	324,934,586	324,934,586	324,934,586	324,934,586	324,934,586	324,934,586	324,934,586
2179	Vật tư ngành điện	Tụ bù trung áp 13,4kV-50kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13,350,000	13,350,000	13,350,000	13,350,000	13,350,000	13,350,000	13,350,000	13,350,000	13,350,000
2180	Vật tư ngành điện	Tụ bù trung áp 13,4kV - 100kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15,275,000	15,275,000	15,275,000	15,275,000	15,275,000	15,275,000	15,275,000	15,275,000	15,275,000

2181	Vật tư ngành điện	Tụ bù trung áp 13,4kV - 200kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	20,085,000	20,085,000	20,085,000	20,085,000	20,085,000	20,085,000	20,085,000	20,085,000	20,085,000
2182	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 1 pha ngoài trời - 2,5kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	685,162	685,162	685,162	685,162	685,162	685,162	685,162	685,162	685,162
2183	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 1 pha ngoài trời - 5kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	999,172	999,172	999,172	999,172	999,172	999,172	999,172	999,172	999,172
2184	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 1 pha ngoài trời - 10kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,372,065	1,372,065	1,372,065	1,372,065	1,372,065	1,372,065	1,372,065	1,372,065	1,372,065
2185	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 5kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	723,426	723,426	723,426	723,426	723,426	723,426	723,426	723,426	723,426
2186	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 10kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,076,965	1,076,965	1,076,965	1,076,965	1,076,965	1,076,965	1,076,965	1,076,965	1,076,965
2187	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 15kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,286,014	1,286,014	1,286,014	1,286,014	1,286,014	1,286,014	1,286,014	1,286,014	1,286,014
2188	Vật tư ngành điện	Tụ bù hạ áp 3 pha ngoài trời - 20kVAr	cái			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,606,605	1,606,605	1,606,605	1,606,605	1,606,605	1,606,605	1,606,605	1,606,605	1,606,605
2189	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x100kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	17,082,950	17,082,950	17,082,950	17,082,950	17,082,950	17,082,950	17,082,950	17,082,950	17,082,950
2190	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x160kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	19,183,256	19,183,256	19,183,256	19,183,256	19,183,256	19,183,256	19,183,256	19,183,256	19,183,256
2191	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x250kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	26,927,000	26,927,000	26,927,000	26,927,000	26,927,000	26,927,000	26,927,000	26,927,000	26,927,000
2192	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x320kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	31,211,900	31,211,900	31,211,900	31,211,900	31,211,900	31,211,900	31,211,900	31,211,900	31,211,900
2193	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x400kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	31,737,500	31,737,500	31,737,500	31,737,500	31,737,500	31,737,500	31,737,500	31,737,500	31,737,500
2194	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x560kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	56,263,585	56,263,585	56,263,585	56,263,585	56,263,585	56,263,585	56,263,585	56,263,585	56,263,585
2195	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x630kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp, 2 lộ ra)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	102,792,750	102,792,750	102,792,750	102,792,750	102,792,750	102,792,750	102,792,750	102,792,750	102,792,750
2196	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 1x750kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp, 2 lộ ra)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	114,633,900	114,633,900	114,633,900	114,633,900	114,633,900	114,633,900	114,633,900	114,633,900	114,633,900
2197	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x25kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13,910,000	13,910,000	13,910,000	13,910,000	13,910,000	13,910,000	13,910,000	13,910,000	13,910,000
2198	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x37,5kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15,117,520	15,117,520	15,117,520	15,117,520	15,117,520	15,117,520	15,117,520	15,117,520	15,117,520
2199	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x50kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15,937,379	15,937,379	15,937,379	15,937,379	15,937,379	15,937,379	15,937,379	15,937,379	15,937,379
2200	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 3 pha 3x75kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23,313,622	23,313,622	23,313,622	23,313,622	23,313,622	23,313,622	23,313,622	23,313,622	23,313,622
2201	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x25kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13,439,112	13,439,112	13,439,112	13,439,112	13,439,112	13,439,112	13,439,112	13,439,112	13,439,112
2202	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x37,5kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	14,522,250	14,522,250	14,522,250	14,522,250	14,522,250	14,522,250	14,522,250	14,522,250	14,522,250
2203	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x50kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13,993,175	13,993,175	13,993,175	13,993,175	13,993,175	13,993,175	13,993,175	13,993,175	13,993,175
2204	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x75kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	18,432,736	18,432,736	18,432,736	18,432,736	18,432,736	18,432,736	18,432,736	18,432,736	18,432,736
2205	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P2D 1x100kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23,210,000	23,210,000	23,210,000	23,210,000	23,210,000	23,210,000	23,210,000	23,210,000	23,210,000
2206	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x37,5kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	12,862,313	12,862,313	12,862,313	12,862,313	12,862,313	12,862,313	12,862,313	12,862,313	12,862,313
2207	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x50kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	13,762,748	13,762,748	13,762,748	13,762,748	13,762,748	13,762,748	13,762,748	13,762,748	13,762,748
2208	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x75kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15,086,000	15,086,000	15,086,000	15,086,000	15,086,000	15,086,000	15,086,000	15,086,000	15,086,000
2209	Vật tư ngành điện	Tủ điện hạ thế tổng TBA 1P3D 1x100kVA (Vỏ tủ bằng tole, bao gồm TI hạ áp)	bộ			Cty CP Kỹ thuật - Thương mại E.E, Công ty CP ứng dụng và Phát triển công nghệ thông tin	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	15,132,950	15,132,950	15,132,950	15,132,950	15,132,950	15,132,950	15,132,950	15,132,950	15,132,950
2210	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 7,5m - 300kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,358,500	2,358,500	2,358,500	2,358,500	2,358,500	2,358,500	2,358,500	2,358,500	2,358,500
2211	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 8,5m - 300kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,746,500	2,746,500	2,746,500	2,746,500	2,746,500	2,746,500	2,746,500	2,746,500	2,746,500
2212	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 10m - 350kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,793,000	3,793,000	3,793,000	3,793,000	3,793,000	3,793,000	3,793,000	3,793,000	3,793,000
2213	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 12m - 720kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7,115,000	7,115,000	7,115,000	7,115,000	7,115,000	7,115,000	7,115,000	7,115,000	7,115,000
2214	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 14m - 850kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9,327,000	9,327,000	9,327,000	9,327,000	9,327,000	9,327,000	9,327,000	9,327,000	9,327,000
2215	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 16m - 1100kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	20,361,000	20,361,000	20,361,000	20,361,000	20,361,000	20,361,000	20,361,000	20,361,000	20,361,000
2216	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 18m - 1100kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23,015,000	23,015,000	23,015,000	23,015,000	23,015,000	23,015,000	23,015,000	23,015,000	23,015,000
2217	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 20m - 1300kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	28,718,000	28,718,000	28,718,000	28,718,000	28,718,000	28,718,000	28,718,000	28,718,000	28,718,000
2218	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 22m - 1400kgf	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	35,635,000	35,635,000	35,635,000	35,635,000	35,635,000	35,635,000	35,635,000	35,635,000	35,635,000
2219	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 7,5m - 300kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,494,500	2,494,500	2,494,500	2,494,500	2,494,500	2,494,500	2,494,500	2,494,500	2,494,500
2220	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DƯL 8,5m - 300kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiến Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,897,500	2,897,500	2,897,500	2,897,500	2,897,500	2,897,500	2,897,500	2,897,500	2,897,500

2221	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DUL 10m - 350kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,953,600	3,953,600	3,953,600	3,953,600	3,953,600	3,953,600	3,953,600	3,953,600	3,953,600
2222	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DUL 12m - 720kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	7,294,500	7,294,500	7,294,500	7,294,500	7,294,500	7,294,500	7,294,500	7,294,500	7,294,500
2223	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DUL 14m - 850kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	9,533,500	9,533,500	9,533,500	9,533,500	9,533,500	9,533,500	9,533,500	9,533,500	9,533,500
2224	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DUL 16m - 1100kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	20,633,500	20,633,500	20,633,500	20,633,500	20,633,500	20,633,500	20,633,500	20,633,500	20,633,500
2225	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DUL 18m - 1100kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	23,134,500	23,134,500	23,134,500	23,134,500	23,134,500	23,134,500	23,134,500	23,134,500	23,134,500
2226	Vật tư ngành điện	Trụ BTLT DUL 20m - 1300kgf (TĐ)	trụ			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,913,400	2,913,400	2,913,400	2,913,400	2,913,400	2,913,400	2,913,400	2,913,400	2,913,400
2227	Vật tư ngành điện	Đà cán 1,2 m	cái			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000
2228	Vật tư ngành điện	Đà cán 1,5 m	cái			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000
2229	Vật tư ngành điện	Móng neo 600x1500	cái			Công ty CP BT ly tâm Thủ Đức, công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500
2230	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D800-80 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000	2,500,000
2231	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D1000-100 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,850,000	3,850,000	3,850,000	3,850,000	3,850,000	3,850,000	3,850,000	3,850,000	3,850,000
2232	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D1200-100 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	4,885,000	4,885,000	4,885,000	4,885,000	4,885,000	4,885,000	4,885,000	4,885,000	4,885,000
2233	Vật tư ngành điện	Ống cống bê tông D1500-120 dài 1.0m	cái			Công ty TNHH SX Trụ điện và Cơ khí Tiên Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000	5,180,000
2234	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn 600V 12/10	m		0.6/1KV V 1X12/10SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	5,750	5,750	5,750	5,750	5,750	5,750	5,750	5,750	5,750
2235	Vật tư ngành điện	Dây đồng cách điện PVC hạ áp 0,6/1kV [CV]6	m		0.6/1KV V 1X6SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	29,450	29,450	29,450	29,450	29,450	29,450	29,450	29,450	29,450
2236	Vật tư ngành điện	Dây đồng cách điện PVC hạ áp 0,6/1kV [CV]10	m		0.6/1KV V 1X10SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	48,750	48,750	48,750	48,750	48,750	48,750	48,750	48,750	48,750
2237	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuAV 2x16mm2 (nhôm)	m		0.6/1kV Dup-CV 2x16SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	92,150	92,150	92,150	92,150	92,150	92,150	92,150	92,150	92,150
2238	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-25 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x25SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	152,950	152,950	152,950	152,950	152,950	152,950	152,950	152,950	152,950
2239	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-35 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x35SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000	203,000
2240	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-50 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	276,250	276,250	276,250	276,250	276,250	276,250	276,250	276,250	276,250
2241	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-70 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	381,250	381,250	381,250	381,250	381,250	381,250	381,250	381,250	381,250
2242	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-95 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	520,800	520,800	520,800	520,800	520,800	520,800	520,800	520,800	520,800
2243	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-120 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x120SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	654,150	654,150	654,150	654,150	654,150	654,150	654,150	654,150	654,150
2244	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-150 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1X150SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	832,450	832,450	832,450	832,450	832,450	832,450	832,450	832,450	832,450
2245	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-185 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x185SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	994,050	994,050	994,050	994,050	994,050	994,050	994,050	994,050	994,050
2246	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-240 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x240SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,301,100	1,301,100	1,301,100	1,301,100	1,301,100	1,301,100	1,301,100	1,301,100	1,301,100
2247	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CXH-300 mm2 - 12,7/22(24)kV	m		12.7/22KV CE-PW 1x300SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,622,950	1,622,950	1,622,950	1,622,950	1,622,950	1,622,950	1,622,950	1,622,950	1,622,950
2248	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x50mm2	m		AL-ABC 3x50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	69,100	69,100	69,100	69,100	69,100	69,100	69,100	69,100	69,100
2249	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x70mm2	m		AL-ABC 3x70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300
2250	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x95mm2	m		AL-ABC 3x95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	132,850	132,850	132,850	132,850	132,850	132,850	132,850	132,850	132,850
2251	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 3x120mm2	m		AL-ABC 3x120SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	165,650	165,650	165,650	165,650	165,650	165,650	165,650	165,650	165,650
2252	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép /CXV/SEhh/DSTA1-3x50 mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,355,300	1,355,300	1,355,300	1,355,300	1,355,300	1,355,300	1,355,300	1,355,300	1,355,300
2253	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép /CXV/SEhh/DSTA1-3x70mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,778,800	1,778,800	1,778,800	1,778,800	1,778,800	1,778,800	1,778,800	1,778,800	1,778,800
2254	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép /CXV/SEhh/DSTA1-3x95mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,333,950	2,333,950	2,333,950	2,333,950	2,333,950	2,333,950	2,333,950	2,333,950	2,333,950
2255	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép /CXV/SEhh/DSTA1-3x120mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X120SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,827,050	2,827,050	2,827,050	2,827,050	2,827,050	2,827,050	2,827,050	2,827,050	2,827,050
2256	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép /CXV/SEhh/DSTA1-3x150mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X150SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	3,464,250	3,464,250	3,464,250	3,464,250	3,464,250	3,464,250	3,464,250	3,464,250	3,464,250
2257	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép /CXV/SEhh/DSTA1-3x185 mm2	m		12.7/22KV CWSVVTAV 3X185SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	4,141,250	4,141,250	4,141,250	4,141,250	4,141,250	4,141,250	4,141,250	4,141,250	4,141,250

2258	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép (CXV/SEhh/DSTA)-3x240 mm2	m		12.7/22kV CWSVTAV 3X240SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	5,096,950	5,096,950	5,096,950	5,096,950	5,096,950	5,096,950	5,096,950	5,096,950	5,096,950
2259	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép (CXV/SEhh/DSTA)-3x300 mm2	m		12.7/22kV CWSVVTAV 3X300SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	6,056,950	6,056,950	6,056,950	6,056,950	6,056,950	6,056,950	6,056,950	6,056,950	6,056,950
2260	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x50+1x25mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X50SQ+1X25SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	837,700	837,700	837,700	837,700	837,700	837,700	837,700	837,700	837,700
2261	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x70+1x35mm2	m		0.6/1KV CVTAV-TW 3X70SQ+1X35SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,197,200	1,197,200	1,197,200	1,197,200	1,197,200	1,197,200	1,197,200	1,197,200	1,197,200
2262	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x95+1x50mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X95SQ+1X50SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	1,658,150	1,658,150	1,658,150	1,658,150	1,658,150	1,658,150	1,658,150	1,658,150	1,658,150
2263	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x120+1x70mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X120SQ+1X70SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,123,300	2,123,300	2,123,300	2,123,300	2,123,300	2,123,300	2,123,300	2,123,300	2,123,300
2264	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 0,6/1kV ruột đồng CXV/DSTA 3x150+1x95mm2	m		0.6/1KV CVTAV 3X150SQ+1X95SQ	Công ty CP dây cáp điện và Hệ thống LS-VINA, Công ty TNHH Đại Long	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	2,687,600	2,687,600	2,687,600	2,687,600	2,687,600	2,687,600	2,687,600	2,687,600	2,687,600
2265	Vật tư ngành điện	Máy biến áp phân phối 3 pha 22/0,4kV, 630kVA	máy			Công ty CP SX biến thế HBT Việt Nam, Công ty CP thiết bị điện	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	421,325,000	421,325,000	421,325,000	421,325,000	421,325,000	421,325,000	421,325,000	421,325,000	421,325,000
2266	Vật tư ngành điện	Máy biến áp phân phối 3 pha 22/0,4kV, 750kVA	máy			Công ty CP SX biến thế HBT Việt Nam, Công ty CP thiết bị điện	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tại kho bên mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 23/08/2026 đến ngày 30/03/2027	Bổ sung mới	469,925,000	469,925,000	469,925,000	469,925,000	469,925,000	469,925,000	469,925,000	469,925,000	469,925,000
2267	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300
2268	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600
2269	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400
2270	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000
2271	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700
2272	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
2273	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
2274	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
2275	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700
2276	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500
2277	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000
2278	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600
2279	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900
2280	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100
2281	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200
2282	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
2283	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700
2284	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600
2285	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300
2286	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100
2287	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100
2288	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200

2289	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500
2290	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600
2291	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300
2292	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800
2293	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300
2294	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200
2295	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300
2296	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600
2297	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900
2298	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
2299	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700
2300	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100
2301	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
2302	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
2303	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600
2304	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900
2305	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
2306	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100
2307	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300
2308	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600
2309	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700
2310	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800
2311	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800
2312	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200
2313	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800

2314	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900
2315	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800
2316	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400
2317	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 200 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø200 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900
2318	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 300 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø300 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700
2319	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300
2320	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900
2321	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,444,000	1,444,000	1,444,000	1,444,000	1,444,000	1,444,000	1,444,000	1,444,000	1,444,000
2322	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,723,300	1,723,300	1,723,300	1,723,300	1,723,300	1,723,300	1,723,300	1,723,300	1,723,300
2323	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	cái	TCVN 12755:2020	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300
2324	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 500gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 500gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400
2325	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 1000gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 1000gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000
2326	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 21	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 21	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500
2327	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 27	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 27	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200
2328	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 34	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 34	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700
2329	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
2330	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200
2331	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500
2332	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900
2333	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200
2334	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800
2335	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400
2336	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000
2337	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900
2338	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800
2339	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000
2340	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400
2341	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000
2342	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200

2343	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200
2344	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100
2345	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400
2346	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900
2347	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200
2348	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700
2349	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200
2350	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400
2351	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000
2352	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 17,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400
2353	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 19,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200
2354	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 21,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300
2355	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 24,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800
2356	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 27,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700
2357	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600
2358	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900
2359	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200
2360	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400
2361	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300
2362	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700
2363	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600
2364	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400
2365	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900
2366	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 20,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500
2367	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 23,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600
2368	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 26,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200
2369	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 29,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600
2370	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200
2371	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
2372	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600

2373	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000
2374	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
2375	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
2376	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300
2377	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700
2378	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700
2379	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600
2380	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900
2381	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100
2382	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
2383	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
2384	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400
2385	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800
2386	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900
2387	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100
2388	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100
2389	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500
2390	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800
2391	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
2392	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
2393	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
2394	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600
2395	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100
2396	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000
2397	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ750mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700
2398	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000
2399	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300
2400	Vật tư ngành nước	Tê Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
2401	Vật tư ngành nước	Tê Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300
2402	Vật tư ngành nước	Tê Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800

2403	Vật tư ngành nước	Tê Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900
2404	Vật tư ngành nước	Tê Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500
2405	Vật tư ngành nước	Tê Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400
2406	Vật tư ngành nước	Tê Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900
2407	Vật tư ngành nước	Tê Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000
2408	Vật tư ngành nước	Tê Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900
2409	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
2410	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
2411	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300
2412	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300
2413	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600
2414	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700
2415	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200
2416	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500
2417	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300
2418	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
2419	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900
2420	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500
2421	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100
2422	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600
2423	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100
2424	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100
2425	Vật tư ngành nước	Bịt Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
2426	Vật tư ngành nước	Bịt Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700
2427	Vật tư ngành nước	Bịt Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
2428	Vật tư ngành nước	Bịt Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200
2429	Vật tư ngành nước	Bịt Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
2430	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400
2431	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200
2432	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500

2433	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600
2434	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200
2435	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600
2436	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800
2437	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100
2438	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900
2439	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoái 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
2440	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoái 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700
2441	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoái 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300
2442	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoái 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300
2443	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100
2444	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000
2445	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500
2446	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200
2447	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700
2448	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500
2449	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600
2450	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoái Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900
2451	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoái Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900
2452	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoái Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200
2453	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoái Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700
2454	Vật tư ngành nước	Măng sông re ngoái Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200
2455	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoái Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200
2456	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoái Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300
2457	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300
2458	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500
2459	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400
2460	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoái Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700
2461	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoái Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600
2462	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoái Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700

2463	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000
2464	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900
2465	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200
2466	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200
2467	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300
2468	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600
2469	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800
2470	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600
2471	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800
2472	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900
2473	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500
2474	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900
2475	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500
2476	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100
2477	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900
2478	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100
2479	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800
2480	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900
2481	Vật tư ngành nước	**Van bi tay ba cạnh**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2482	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400
2483	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600
2484	Vật tư ngành nước	**Van bi nhựa**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2485	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700
2486	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900
2487	Vật tư ngành nước	**Rắc co**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2488	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800
2489	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500
2490	Vật tư ngành nước	Ø32 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400
2491	Vật tư ngành nước	Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900
2492	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600

2493	Vật tư ngành nước	**Bộ máy hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2494	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000
2495	Vật tư ngành nước	Ø63 mm - Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000
2496	Vật tư ngành nước	**Đầu hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2497	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
2498	Vật tư ngành nước	Ø32 mm - Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
2499	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000
2500	Vật tư ngành nước	Ø63 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000
2501	Vật tư ngành nước	Ø75 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000
2502	Vật tư ngành nước	Ø90 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000
2503	Vật tư ngành nước	Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000
2504	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN8**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2505	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100
2506	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000
2507	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100
2508	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700
2509	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300
2510	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300
2511	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500
2512	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700
2513	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600
2514	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900
2515	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100
2516	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800
2517	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100
2518	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500
2519	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500
2520	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700
2521	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 19,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600
2522	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - dt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700

2523	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100
2524	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700
2525	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 30,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700
2526	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800
2527	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 38,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,058,900	11,058,900	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2528	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,992,700	13,992,700	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2529	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,216,600	21,216,600	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2530	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,883,200	24,883,200	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2531	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN10**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2532	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480
2533	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090
2534	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520
2535	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570
2536	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870
2537	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630
2538	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890
2539	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430
2540	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590
2541	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110
2542	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410
2543	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040
2544	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430
2545	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630
2546	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830
2547	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930
2548	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630
2549	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500
2550	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130
2551	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060
2552	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820

2553	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 37,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430
2554	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42.1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960
2555	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,439,820	10,439,820	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2556	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 53,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,205,650	13,205,650	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2557	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 59,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,320,460	16,320,460	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2558	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 67,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,481,850	22,481,850	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2559	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN12,5**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2560	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
2561	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100
2562	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500
2563	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300
2564	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000
2565	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700
2566	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800
2567	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300
2568	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700
2569	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600
2570	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500
2571	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500
2572	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300
2573	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600
2574	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400
2575	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300
2576	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300
2577	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000
2578	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300
2579	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700
2580	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300
2581	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 41,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100
2582	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 46,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,258,200	10,258,200	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########

2583	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 52,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,051,800	13,051,800	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2584	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 58,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,939,500	13,939,500	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2585	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 66,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,974,300	20,974,300	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2586	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,546,400	25,546,400	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2587	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 88,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,252,500	37,252,500	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2588	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN16**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2589	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
2590	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
2591	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600
2592	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400
2593	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500
2594	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700
2595	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300
2596	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200
2597	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300
2598	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300
2599	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200
2600	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300
2601	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200
2602	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500
2603	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800
2604	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700
2605	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300
2606	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 28,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500
2607	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 32,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500
2608	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700
2609	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 40,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400
2610	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 45,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500
2611	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200
2612	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,646,800	11,646,800	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########

2613	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 64,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,800,900	15,800,900	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2614	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,161,800	20,161,800	##########	##########	##########	##########	##########	##########	##########
2615	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN20**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2616	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
2617	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300
2618	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800
2619	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300
2620	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000
2621	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500
2622	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200
2623	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500
2624	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300
2625	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500
2626	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300
2627	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 17,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400
2628	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400
2629	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000
2630	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900
2631	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 27,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100
2632	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 31,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600
2633	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 35,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900
2634	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 39,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200
2635	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 44,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000
2636	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600
2637	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 55,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100
2638	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa PVC dán keo**		TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2639	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 21 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
2640	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 21 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600
2641	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 21 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
2642	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 21 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600

2643	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 21 dầy 2.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
2644	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 27 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800
2645	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 27 dầy 1.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300
2646	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 27 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
2647	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 27 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
2648	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 27 dầy 3.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600
2649	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 34 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
2650	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 34 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
2651	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 34 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
2652	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 34 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100
2653	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 34 dầy 2.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100
2654	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 34 dầy 3.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300
2655	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 42 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900
2656	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 42 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100
2657	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 42 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900
2658	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 42 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300
2659	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 42 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300
2660	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 42 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100
2661	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 42 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400
2662	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 48 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100
2663	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 48 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
2664	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 48 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600
2665	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 48 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100
2666	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 48 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300
2667	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 48 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800
2668	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 48 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300
2669	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 60 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800
2670	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 60 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400
2671	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 60 dầy 1.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900
2672	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 60 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800

2673	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 60 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000
2674	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 60 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000
2675	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 60 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900
2676	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 75 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300
2677	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 75 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
2678	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 75 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300
2679	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 75 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400
2680	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 75 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000
2681	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 75 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100
2682	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 75 dầy 5.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500
2683	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 90 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100
2684	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 90 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100
2685	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 90 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800
2686	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 90 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000
2687	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 90 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600
2688	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 90 dầy 4.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800
2689	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 90 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800
2690	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 110 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300
2691	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 110 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
2692	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 110 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900
2693	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 110 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400
2694	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 110 dầy 4.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000
2695	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 110 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800
2696	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 110 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500
2697	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 125 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000
2698	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 125 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400
2699	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 125 dầy 3.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000
2700	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 125 dầy 3.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400
2701	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 125 dầy 4.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900
2702	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 125 dầy 6.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100

2703	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 125 dầy 7.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900
2704	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 140 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000
2705	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 140 dầy 2.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500
2706	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 140 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300
2707	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 140 dầy 4.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300
2708	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 140 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500
2709	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 140 dầy 6.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900
2710	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 140 dầy 8.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000
2711	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 160 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100
2712	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 160 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600
2713	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 160 dầy 4.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
2714	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 160 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900
2715	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 160 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600
2716	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 160 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900
2717	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 160 dầy 9.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100
2718	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 200 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900
2719	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 200 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800
2720	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 200 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500
2721	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 200 dầy 5.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300
2722	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 200 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300
2723	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 200 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400
2724	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 200 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100
2725	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 225 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400
2726	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 225 dầy 4.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000
2727	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 225 dầy 5.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800
2728	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 225 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100
2729	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 225 dầy 8.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600
2730	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 225 dầy 10.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800
2731	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 225 dầy 13.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800
2732	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 250 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300

2733	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 250 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300
2734	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 250 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500
2735	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 250 dầy 7.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900
2736	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 250 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400
2737	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 250 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400
2738	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 250 dầy 14.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500
2739	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 315 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900
2740	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 315 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900
2741	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 315 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400
2742	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 315 dầy 9.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300
2743	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 315 dầy 12.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600
2744	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 315 dầy 15.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600
2745	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 315 dầy 18.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500
2746	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 355 dầy 7.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100
2747	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 355 dầy 8.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900
2748	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 355 dầy 10.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600
2749	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 355 dầy 13.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500
2750	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 355 dầy 16.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800
2751	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 355 dầy 21.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500
2752	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 400 dầy 7.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400
2753	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 400 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600
2754	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 400 dầy 11.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800
2755	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 400 dầy 15.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500
2756	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 400 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900
2757	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 400 dầy 23.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000
2758	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 450 dầy 8.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100
2759	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 450 dầy 11.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400
2760	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 450 dầy 13.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400
2761	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 450 dầy 17.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000
2762	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 450 dầy 21.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500

2763	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 500 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600
2764	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 500 dầy 12.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400
2765	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 500 dầy 14.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800
2766	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 500 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300
2767	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 500 dầy 23.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800
2768	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 500 dầy 29.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500
2769	Vật tư ngành nước	**Phụ kiện nhựa dán keo**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2770	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 90^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2771	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
2772	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
2773	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900
2774	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400
2775	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000
2776	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
2777	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400
2778	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
2779	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800
2780	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800
2781	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900
2782	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600
2783	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600
2784	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
2785	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100
2786	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400
2787	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300
2788	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500
2789	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500
2790	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300
2791	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000
2792	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000

2793	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500
2794	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500
2795	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 90^{0}**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2796	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
2797	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
2798	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900
2799	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400
2800	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
2801	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800
2802	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800
2803	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600
2804	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600
2805	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400
2806	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
2807	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600
2808	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300
2809	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900
2810	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900
2811	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500
2812	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800
2813	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900
2814	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100
2815	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400
2816	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100
2817	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600
2818	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800
2819	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400
2820	Vật tư ngành nước	**Măng sông nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2821	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
2822	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000

2823	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
2824	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900
2825	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
2826	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600
2827	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800
2828	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100
2829	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400
2830	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100
2831	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300
2832	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400
2833	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500
2834	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900
2835	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400
2836	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500
2837	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100
2838	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500
2839	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900
2840	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100
2841	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400
2842	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100
2843	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 45^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2844	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
2845	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
2846	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
2847	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900
2848	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800
2849	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
2850	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800
2851	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900
2852	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000

2853	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
2854	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800
2855	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800
2856	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800
2857	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300
2858	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300
2859	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300
2860	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900
2861	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500
2862	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300
2863	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400
2864	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100
2865	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500
2866	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300
2867	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600
2868	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 45^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới			-	-	-	-	-	-	-
2869	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400
2870	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300
2871	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900
2872	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800
2873	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400
2874	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300
2875	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600
2876	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500
2877	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800
2878	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500
2879	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100
2880	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900
2881	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100
2882	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500

2883	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000
2884	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100
2885	Vật tư ngành nước	**Nút bịt nhựa**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2886	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
2887	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900
2888	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100
2889	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
2890	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800
2891	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
2892	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100
2893	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900
2894	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500
2895	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900
2896	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300
2897	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300
2898	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800
2899	Vật tư ngành nước	**Tê cong nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2900	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100
2901	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100
2902	Vật tư ngành nước	**Ren trong nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2903	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
2904	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900
2905	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
2906	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
2907	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800
2908	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600
2909	Vật tư ngành nước	**Ren ngoài nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2910	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
2911	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900
2912	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400

2913	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
2914	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800
2915	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800
2916	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2917	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
2918	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
2919	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
2920	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800
2921	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400
2922	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800
2923	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400
2924	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500
2925	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000
2926	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
2927	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600
2928	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100
2929	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
2930	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900
2931	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600
2932	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900
2933	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400
2934	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
2935	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600
2936	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800
2937	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800
2938	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500
2939	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600
2940	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600
2941	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600
2942	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500

2943	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100
2944	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900
2945	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300
2946	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000
2947	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800
2948	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000
2949	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400
2950	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000
2951	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600
2952	Vật tư ngành nước	Ø 160/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
2953	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
2954	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
2955	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600
2956	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600
2957	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300
2958	Vật tư ngành nước	**Côn giảm nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	-	-	-	-	-	-	-
2959	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
2960	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
2961	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800
2962	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
2963	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
2964	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600
2965	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
2966	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500
2967	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
2968	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
2969	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
2970	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
2971	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
2972	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300

2973	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600
2974	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2975	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2976	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2977	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
2978	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400
2979	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600
2980	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800
2981	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900
2982	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600
2983	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100
2984	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100
2985	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100
2986	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300
2987	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
2988	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300
2989	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100
2990	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900
2991	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100
2992	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300
2993	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400
2994	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800
2995	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900
2996	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600
2997	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300
2998	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100
2999	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400
3000	Vật tư ngành nước	Ø 225/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400
3001	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600
3002	Vật tư ngành nước	Ø 250/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100

3003	Vật tư ngành nước	Ø 250/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900
3004	Vật tư ngành nước	Ø 250/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600
3005	Vật tư ngành nước	Ø 315/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400
3006	Vật tư ngành nước	Ø 315/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100
3007	Vật tư ngành nước	Ø 315/250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600
3008	Vật tư ngành nước	**Bạc chuyển bậc**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3009	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
3010	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
3011	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
3012	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
3013	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
3014	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100
3015	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000
3016	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400
3017	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300
3018	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400
3019	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900
3020	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300
3021	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600
3022	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800
3023	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300
3024	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300
3025	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300
3026	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
3027	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
3028	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
3029	Vật tư ngành nước	Ø 140/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
3030	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300
3031	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500
3032	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500

3033	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500
3034	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
3035	Vật tư ngành nước	Ø 200/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
3036	Vật tư ngành nước	Ø 200/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
3037	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
3038	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100
3039	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa 45°**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3040	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600
3041	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900
3042	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300
3043	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400
3044	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400
3045	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600
3046	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300
3047	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500
3048	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600
3049	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000
3050	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000
3051	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600
3052	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300
3053	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
3054	Vật tư ngành nước	**Bít xả thông tắc**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	-	-	-	-	-	-	-
3055	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300
3056	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300
3057	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000
3058	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300
3059	Vật tư ngành nước	Ø125	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400
3060	Vật tư ngành nước	Ø140	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600
3061	Vật tư ngành nước	Ø160	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600
3062	Vật tư ngành nước	Ø200	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300

3063	Vật tư ngành nước	**Xi phông (con thỏ)**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3064	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000
3065	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900
3066	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400
3067	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100
3068	Vật tư ngành nước	**Keo dán**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3069	Vật tư ngành nước	15g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
3070	Vật tư ngành nước	30g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600
3071	Vật tư ngành nước	50g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400
3072	Vật tư ngành nước	1000g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000
3073	Vật tư ngành nước	**Hố ga**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3074	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800
3075	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800
3076	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu đứng tê cong 160/110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200
3077	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 200/cút 160	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100
3078	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900
3079	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800
3080	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 200 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300
3081	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 225 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300
3082	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 160 nhựa	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300
3083	Vật tư ngành nước	Nút bịt hố ga 110 nhựa	cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500
3084	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 21 x 1.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21x1.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200
3085	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 21 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
3086	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 27 x 1.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x1.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,300	14,300	14,300	14,300	14,300	14,300	14,300	14,300	14,300
3087	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 27 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400
3088	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 34 x 2.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x2.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100
3089	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 34 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,400	28,400	28,400	28,400	28,400	28,400	28,400	28,400	28,400
3090	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 42 x 2.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x2.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500

3091	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 42 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900
3092	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 49 x 2.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x2.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700
3093	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 49 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900
3094	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 2.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800
3095	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 2.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x2.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,500	43,500	43,500	43,500	43,500	43,500	43,500	43,500	43,500
3096	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400
3097	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x4.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200
3098	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 4.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x4.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900
3099	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 76 x 3.0mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700
3100	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 76 x 4.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x4.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112,600	112,600	112,600	112,600	112,600	112,600	112,600	112,600	112,600
3101	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100
3102	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x3.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500
3103	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x4.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500
3104	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 5.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x5.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	155,800	155,800	155,800	155,800	155,800	155,800	155,800	155,800	155,800
3105	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	114,600	114,600	114,600	114,600	114,600	114,600	114,600	114,600	114,600
3106	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 5.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x5.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	168,400	168,400	168,400	168,400	168,400	168,400	168,400	168,400	168,400
3107	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 7.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x7.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	247,000	247,000	247,000	247,000	247,000	247,000	247,000	247,000	247,000
3108	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 3.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200
3109	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 5.0mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x5.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	229,000	229,000	229,000	229,000	229,000	229,000	229,000	229,000	229,000
3110	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 7.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x7.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	338,000	338,000	338,000	338,000	338,000	338,000	338,000	338,000	338,000
3111	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 4.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x4.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	227,700	227,700	227,700	227,700	227,700	227,700	227,700	227,700	227,700
3112	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 7.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x7.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	354,600	354,600	354,600	354,600	354,600	354,600	354,600	354,600	354,600
3113	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 9.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x9.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	495,700	495,700	495,700	495,700	495,700	495,700	495,700	495,700	495,700

3114	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 220 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x6.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200
3115	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 220 x 8.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x8.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	572,000	572,000	572,000	572,000	572,000	572,000	572,000	572,000	572,000
3116	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 121 x 6.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	121x6.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	245,400	245,400	245,400	245,400	245,400	245,400	245,400	245,400	245,400
3117	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 177 x 9.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	177x9.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	518,200	518,200	518,200	518,200	518,200	518,200	518,200	518,200	518,200
3118	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 222 x 9.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	222x9.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	662,000	662,000	662,000	662,000	662,000	662,000	662,000	662,000	662,000
3119	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 222 x 11.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	222x11.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	771,700	771,700	771,700	771,700	771,700	771,700	771,700	771,700	771,700
3120	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 75 x 2.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x2.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
3121	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 75 x 3.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x3.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400
3122	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 2.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x2.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200
3123	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 2.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x2.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	68,400	68,400	68,400	68,400	68,400	68,400	68,400	68,400	68,400
3124	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	89,600	89,600	89,600	89,600	89,600	89,600	89,600	89,600	89,600
3125	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 4.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x4.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400
3126	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 5.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x5.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	138,400	138,400	138,400	138,400	138,400	138,400	138,400	138,400	138,400
3127	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 2.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x2.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100
3128	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 3.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x3.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	100,300	100,300	100,300	100,300	100,300	100,300	100,300	100,300	100,300
3129	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 4.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x4.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	140,400	140,400	140,400	140,400	140,400	140,400	140,400	140,400	140,400
3130	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 5.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x5.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	168,100	168,100	168,100	168,100	168,100	168,100	168,100	168,100	168,100
3131	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x6.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	207,500	207,500	207,500	207,500	207,500	207,500	207,500	207,500	207,500
3132	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200	136,200
3133	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 4.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x4.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	160,500	160,500	160,500	160,500	160,500	160,500	160,500	160,500	160,500
3134	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 5.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x5.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	214,700	214,700	214,700	214,700	214,700	214,700	214,700	214,700	214,700
3135	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 6.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x6.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	262,700	262,700	262,700	262,700	262,700	262,700	262,700	262,700	262,700
3136	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 8.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x8.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	323,100	323,100	323,100	323,100	323,100	323,100	323,100	323,100	323,100

3137	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x4.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
3138	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 4.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x4.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	207,800	207,800	207,800	207,800	207,800	207,800	207,800	207,800	207,800
3139	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 6.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x6.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	268,700	268,700	268,700	268,700	268,700	268,700	268,700	268,700	268,700
3140	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x7.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	341,000	341,000	341,000	341,000	341,000	341,000	341,000	341,000	341,000
3141	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 9.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x9.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	418,600	418,600	418,600	418,600	418,600	418,600	418,600	418,600	418,600
3142	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 4.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x4.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	280,400	280,400	280,400	280,400	280,400	280,400	280,400	280,400	280,400
3143	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 5.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x5.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	326,100	326,100	326,100	326,100	326,100	326,100	326,100	326,100	326,100
3144	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x7.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	416,100	416,100	416,100	416,100	416,100	416,100	416,100	416,100	416,100
3145	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 9.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x9.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	533,200	533,200	533,200	533,200	533,200	533,200	533,200	533,200	533,200
3146	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 11.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x11.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	657,100	657,100	657,100	657,100	657,100	657,100	657,100	657,100	657,100
3147	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 5.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x5.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	341,800	341,800	341,800	341,800	341,800	341,800	341,800	341,800	341,800
3148	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x6.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	405,100	405,100	405,100	405,100	405,100	405,100	405,100	405,100	405,100
3149	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 8.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x8.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	526,100	526,100	526,100	526,100	526,100	526,100	526,100	526,100	526,100
3150	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 10.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x10.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	674,800	674,800	674,800	674,800	674,800	674,800	674,800	674,800	674,800
3151	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 13.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x13.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	834,100	834,100	834,100	834,100	834,100	834,100	834,100	834,100	834,100
3152	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 6.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x6.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	449,600	449,600	449,600	449,600	449,600	449,600	449,600	449,600	449,600
3153	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 7.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x7.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	524,600	524,600	524,600	524,600	524,600	524,600	524,600	524,600	524,600
3154	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 9.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x9.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	678,100	678,100	678,100	678,100	678,100	678,100	678,100	678,100	678,100
3155	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 11.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x11.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	857,200	857,200	857,200	857,200	857,200	857,200	857,200	857,200	857,200
3156	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 14.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x14.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,061,600	1,061,600	1,061,600	1,061,600	1,061,600	1,061,600	1,061,600	1,061,600	1,061,600
3157	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 6.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x6.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600
3158	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 8.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x8.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	629,800	629,800	629,800	629,800	629,800	629,800	629,800	629,800	629,800
3159	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 10.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x10.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	809,100	809,100	809,100	809,100	809,100	809,100	809,100	809,100	809,100

3160	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 13.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x13.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,109,700	1,109,700	1,109,700	1,109,700	1,109,700	1,109,700	1,109,700	1,109,700	1,109,700
3161	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 16.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x16.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,273,900	1,273,900	1,273,900	1,273,900	1,273,900	1,273,900	1,273,900	1,273,900	1,273,900
3162	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x7.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	670,900	670,900	670,900	670,900	670,900	670,900	670,900	670,900	670,900
3163	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 9.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x9.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	804,900	804,900	804,900	804,900	804,900	804,900	804,900	804,900	804,900
3164	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 12.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x12.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,011,200	1,011,200	1,011,200	1,011,200	1,011,200	1,011,200	1,011,200	1,011,200	1,011,200
3165	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 15.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x15.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000
3166	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 18.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x18.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,613,300	1,613,300	1,613,300	1,613,300	1,613,300	1,613,300	1,613,300	1,613,300	1,613,300
3167	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 8.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355x8.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500
3168	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 10.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355x10.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,042,700	1,042,700	1,042,700	1,042,700	1,042,700	1,042,700	1,042,700	1,042,700	1,042,700
3169	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 13.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355x13.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,353,200	1,353,200	1,353,200	1,353,200	1,353,200	1,353,200	1,353,200	1,353,200	1,353,200
3170	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 16.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355x16.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,663,900	1,663,900	1,663,900	1,663,900	1,663,900	1,663,900	1,663,900	1,663,900	1,663,900
3171	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 9.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400x9.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,113,800	1,113,800	1,113,800	1,113,800	1,113,800	1,113,800	1,113,800	1,113,800	1,113,800
3172	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 11.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400x11.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,324,600	1,324,600	1,324,600	1,324,600	1,324,600	1,324,600	1,324,600	1,324,600	1,324,600
3173	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 15.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400x15.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,715,000	1,715,000	1,715,000	1,715,000	1,715,000	1,715,000	1,715,000	1,715,000	1,715,000
3174	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 19.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400x19.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,118,500	2,118,500	2,118,500	2,118,500	2,118,500	2,118,500	2,118,500	2,118,500	2,118,500
3175	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 11.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450x11.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,407,900	1,407,900	1,407,900	1,407,900	1,407,900	1,407,900	1,407,900	1,407,900	1,407,900
3176	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 13.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450x13.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,679,800	1,679,800	1,679,800	1,679,800	1,679,800	1,679,800	1,679,800	1,679,800	1,679,800
3177	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 17.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450x17.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,169,000	2,169,000	2,169,000	2,169,000	2,169,000	2,169,000	2,169,000	2,169,000	2,169,000
3178	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 21.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450x21.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,687,000	2,687,000	2,687,000	2,687,000	2,687,000	2,687,000	2,687,000	2,687,000	2,687,000
3179	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 12.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500x12.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,777,900	1,777,900	1,777,900	1,777,900	1,777,900	1,777,900	1,777,900	1,777,900	1,777,900
3180	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 14.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500x14.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000
3181	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 23.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500x23.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,281,400	3,281,400	3,281,400	3,281,400	3,281,400	3,281,400	3,281,400	3,281,400	3,281,400
3182	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 560 x 17.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	560x17.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,792,000	2,792,000	2,792,000	2,792,000	2,792,000	2,792,000	2,792,000	2,792,000	2,792,000

3183	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 560 x 26.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	560x26.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,256,700	4,256,700	4,256,700	4,256,700	4,256,700	4,256,700	4,256,700	4,256,700	4,256,700
3184	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 630 x 18.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	630x18.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,297,600	3,297,600	3,297,600	3,297,600	3,297,600	3,297,600	3,297,600	3,297,600	3,297,600
3185	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 630 x 30.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	630x30.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,212,800	5,212,800	5,212,800	5,212,800	5,212,800	5,212,800	5,212,800	5,212,800	5,212,800
3186	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 1.8mm	m	ISO 4427:2007	20x1.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
3187	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	20x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700	8,700
3188	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 2.3mm	m	ISO 4427:2007	20x2.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200	10,200
3189	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	25x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
3190	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 2.3mm	m	ISO 4427:2007	25x2.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
3191	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	25x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400
3192	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	32x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
3193	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	32x2.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
3194	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	32x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,200	21,200	21,200	21,200	21,200	21,200	21,200	21,200	21,200
3195	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 3.6mm	m	ISO 4427:2007	32x3.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
3196	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	40x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,800	18,800	18,800	18,800	18,800	18,800	18,800	18,800	18,800
3197	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	40x2.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600
3198	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	40x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300
3199	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 3.7mm	m	ISO 4427:2007	40x3.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,800	32,800	32,800	32,800	32,800	32,800	32,800	32,800	32,800
3200	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 4.5mm	m	ISO 4427:2007	40x4.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000	39,000
3201	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	50x2.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100	29,100
3202	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	50x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700
3203	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 3.7mm	m	ISO 4427:2007	50x3.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	41,700	41,700	41,700	41,700	41,700	41,700	41,700	41,700	41,700
3204	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 4.6mm	m	ISO 4427:2007	50x4.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900
3205	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 5.6mm	m	ISO 4427:2007	50x5.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	60,200	60,200	60,200	60,200	60,200	60,200	60,200	60,200	60,200

3206	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	63x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100
3207	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 3.8mm	m	ISO 4427:2007	63x3.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400
3208	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 4.7mm	m	ISO 4427:2007	63x4.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200
3209	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 5.8mm	m	ISO 4427:2007	63x5.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100	80,100
3210	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 7.1mm	m	ISO 4427:2007	63x7.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	95,900	95,900	95,900	95,900	95,900	95,900	95,900	95,900	95,900
3211	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 3.6mm	m	ISO 4427:2007	75x3.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200
3212	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 4.5mm	m	ISO 4427:2007	75x4.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100
3213	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 5.6mm	m	ISO 4427:2007	75x5.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	95,300	95,300	95,300	95,300	95,300	95,300	95,300	95,300	95,300
3214	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 6.8mm	m	ISO 4427:2007	75x6.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700
3215	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 8.4mm	m	ISO 4427:2007	75x8.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	135,800	135,800	135,800	135,800	135,800	135,800	135,800	135,800	135,800
3216	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 4.3mm	m	ISO 4427:2007	90x4.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700
3217	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 5.4mm	m	ISO 4427:2007	90x5.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
3218	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 6.7mm	m	ISO 4427:2007	90x6.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	135,600	135,600	135,600	135,600	135,600	135,600	135,600	135,600	135,600
3219	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 8.2mm	m	ISO 4427:2007	90x8.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	162,800	162,800	162,800	162,800	162,800	162,800	162,800	162,800	162,800
3220	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 10.1mm	m	ISO 4427:2007	90x10.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	194,900	194,900	194,900	194,900	194,900	194,900	194,900	194,900	194,900
3221	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 4.2mm	m	ISO 4427:2007	110x4.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	109,400	109,400	109,400	109,400	109,400	109,400	109,400	109,400	109,400
3222	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 5.3mm	m	ISO 4427:2007	110x5.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900
3223	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 6.6mm	m	ISO 4427:2007	110x6.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
3224	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 8.1mm	m	ISO 4427:2007	110x8.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	203,100	203,100	203,100	203,100	203,100	203,100	203,100	203,100	203,100
3225	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 10.0mm	m	ISO 4427:2007	110x10.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	245,300	245,300	245,300	245,300	245,300	245,300	245,300	245,300	245,300
3226	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 12.3mm	m	ISO 4427:2007	110x12.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	295,200	295,200	295,200	295,200	295,200	295,200	295,200	295,200	295,200
3227	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 4.8mm	m	ISO 4427:2007	125x4.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	141,600	141,600	141,600	141,600	141,600	141,600	141,600	141,600	141,600
3228	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 6.0mm	m	ISO 4427:2007	125x6.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500

3229	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 7.4mm	m	ISO 4427:2007	125x7.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600
3230	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 9.2mm	m	ISO 4427:2007	125x9.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	261,500	261,500	261,500	261,500	261,500	261,500	261,500	261,500	261,500
3231	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 11.4mm	m	ISO 4427:2007	125x11.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	317,300	317,300	317,300	317,300	317,300	317,300	317,300	317,300	317,300
3232	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 14.0mm	m	ISO 4427:2007	125x14.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	378,300	378,300	378,300	378,300	378,300	378,300	378,300	378,300	378,300
3233	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 5.4mm	m	ISO 4427:2007	140x5.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	177,600	177,600	177,600	177,600	177,600	177,600	177,600	177,600	177,600
3234	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 6.7mm	m	ISO 4427:2007	140x6.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	218,600	218,600	218,600	218,600	218,600	218,600	218,600	218,600	218,600
3235	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 8.3mm	m	ISO 4427:2007	140x8.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900
3236	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 10.3mm	m	ISO 4427:2007	140x10.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400
3237	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 12.7mm	m	ISO 4427:2007	140x12.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	393,300	393,300	393,300	393,300	393,300	393,300	393,300	393,300	393,300
3238	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 15.7mm	m	ISO 4427:2007	140x15.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	473,100	473,100	473,100	473,100	473,100	473,100	473,100	473,100	473,100
3239	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 6.2mm	m	ISO 4427:2007	160x6.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	232,800	232,800	232,800	232,800	232,800	232,800	232,800	232,800	232,800
3240	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 7.7mm	m	ISO 4427:2007	160x7.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000
3241	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 9.5mm	m	ISO 4427:2007	160x9.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
3242	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 11.8mm	m	ISO 4427:2007	160x11.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	423,300	423,300	423,300	423,300	423,300	423,300	423,300	423,300	423,300
3243	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 14.6mm	m	ISO 4427:2007	160x14.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	520,200	520,200	520,200	520,200	520,200	520,200	520,200	520,200	520,200
3244	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 17.9mm	m	ISO 4427:2007	160x17.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600
3245	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 6.9mm	m	ISO 4427:2007	180x6.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	290,800	290,800	290,800	290,800	290,800	290,800	290,800	290,800	290,800
3246	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 8.6mm	m	ISO 4427:2007	180x8.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	361,300	361,300	361,300	361,300	361,300	361,300	361,300	361,300	361,300
3247	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 10.7mm	m	ISO 4427:2007	180x10.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100
3248	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 13.3mm	m	ISO 4427:2007	180x13.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	539,700	539,700	539,700	539,700	539,700	539,700	539,700	539,700	539,700
3249	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 16.4mm	m	ISO 4427:2007	180x16.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	654,300	654,300	654,300	654,300	654,300	654,300	654,300	654,300	654,300
3250	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 7.7mm	m	ISO 4427:2007	200x7.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200
3251	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 9.6mm	m	ISO 4427:2007	200x9.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100

3252	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 11.9mm	m	ISO 4427:2007	200x11.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300
3253	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 14.7mm	m	ISO 4427:2007	200x14.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	661,400	661,400	661,400	661,400	661,400	661,400	661,400	661,400	661,400
3254	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 18.2mm	m	ISO 4427:2007	200x18.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	818,700	818,700	818,700	818,700	818,700	818,700	818,700	818,700	818,700
3255	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 22.4mm	m	ISO 4427:2007	200x22.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200
3256	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 8.6mm	m	ISO 4427:2007	225x8.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	453,200	453,200	453,200	453,200	453,200	453,200	453,200	453,200	453,200
3257	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 10.8mm	m	ISO 4427:2007	225x10.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	566,900	566,900	566,900	566,900	566,900	566,900	566,900	566,900	566,900
3258	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 13.4mm	m	ISO 4427:2007	225x13.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600
3259	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 16.6mm	m	ISO 4427:2007	225x16.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	836,000	836,000	836,000	836,000	836,000	836,000	836,000	836,000	836,000
3260	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 20.5mm	m	ISO 4427:2007	225x20.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,000,900	1,000,900	1,000,900	1,000,900	1,000,900	1,000,900	1,000,900	1,000,900	1,000,900
3261	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 9.6mm	m	ISO 4427:2007	250x9.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	561,400	561,400	561,400	561,400	561,400	561,400	561,400	561,400	561,400
3262	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 11.9mm	m	ISO 4427:2007	250x11.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	691,700	691,700	691,700	691,700	691,700	691,700	691,700	691,700	691,700
3263	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 14.8mm	m	ISO 4427:2007	250x14.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700
3264	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 18.4mm	m	ISO 4427:2007	250x18.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,039,400	1,039,400	1,039,400	1,039,400	1,039,400	1,039,400	1,039,400	1,039,400	1,039,400
3265	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 22.7mm	m	ISO 4427:2007	250x22.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,245,300	1,245,300	1,245,300	1,245,300	1,245,300	1,245,300	1,245,300	1,245,300	1,245,300
3266	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 10.7mm	m	ISO 4427:2007	280x10.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	696,200	696,200	696,200	696,200	696,200	696,200	696,200	696,200	696,200
3267	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 13.4mm	m	ISO 4427:2007	280x13.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	882,300	882,300	882,300	882,300	882,300	882,300	882,300	882,300	882,300
3268	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 16.6mm	m	ISO 4427:2007	280x16.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800
3269	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 20.6mm	m	ISO 4427:2007	280x20.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,303,200	1,303,200	1,303,200	1,303,200	1,303,200	1,303,200	1,303,200	1,303,200	1,303,200
3270	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 25.4mm	m	ISO 4427:2007	280x25.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,560,700	1,560,700	1,560,700	1,560,700	1,560,700	1,560,700	1,560,700	1,560,700	1,560,700
3271	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 12.1mm	m	ISO 4427:2007	315x12.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	887,700	887,700	887,700	887,700	887,700	887,700	887,700	887,700	887,700
3272	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 15.0mm	m	ISO 4427:2007	315x15.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,105,300	1,105,300	1,105,300	1,105,300	1,105,300	1,105,300	1,105,300	1,105,300	1,105,300
3273	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 18.7mm	m	ISO 4427:2007	315x18.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800
3274	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 23.2mm	m	ISO 4427:2007	315x23.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,629,900	1,629,900	1,629,900	1,629,900	1,629,900	1,629,900	1,629,900	1,629,900	1,629,900

3275	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 28.6mm	m	ISO 4427:2007	315x28.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,975,500	1,975,500	1,975,500	1,975,500	1,975,500	1,975,500	1,975,500	1,975,500	1,975,500
3276	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 13.6mm	m	ISO 4427:2007	355x13.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,127,600	1,127,600	1,127,600	1,127,600	1,127,600	1,127,600	1,127,600	1,127,600	1,127,600
3277	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 16.9mm	m	ISO 4427:2007	355x16.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,389,900	1,389,900	1,389,900	1,389,900	1,389,900	1,389,900	1,389,900	1,389,900	1,389,900
3278	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 21.1mm	m	ISO 4427:2007	355x21.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200
3279	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 26.1mm	m	ISO 4427:2007	355x26.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,067,200	2,067,200	2,067,200	2,067,200	2,067,200	2,067,200	2,067,200	2,067,200	2,067,200
3280	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 32.2mm	m	ISO 4427:2007	355x32.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,507,900	2,507,900	2,507,900	2,507,900	2,507,900	2,507,900	2,507,900	2,507,900	2,507,900
3281	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 15.3mm	m	ISO 4427:2007	400x15.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,422,500	1,422,500	1,422,500	1,422,500	1,422,500	1,422,500	1,422,500	1,422,500	1,422,500
3282	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 19.1mm	m	ISO 4427:2007	400x19.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,782,400	1,782,400	1,782,400	1,782,400	1,782,400	1,782,400	1,782,400	1,782,400	1,782,400
3283	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 23.7mm	m	ISO 4427:2007	400x23.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800
3284	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 29.4mm	m	ISO 4427:2007	400x29.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,617,200	2,617,200	2,617,200	2,617,200	2,617,200	2,617,200	2,617,200	2,617,200	2,617,200
3285	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 36.3mm	m	ISO 4427:2007	400x36.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,196,200	3,196,200	3,196,200	3,196,200	3,196,200	3,196,200	3,196,200	3,196,200	3,196,200
3286	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 17.2mm	m	ISO 4427:2007	450x17.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,817,900	1,817,900	1,817,900	1,817,900	1,817,900	1,817,900	1,817,900	1,817,900	1,817,900
3287	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 21.5mm	m	ISO 4427:2007	450x21.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,237,300	2,237,300	2,237,300	2,237,300	2,237,300	2,237,300	2,237,300	2,237,300	2,237,300
3288	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 26.7mm	m	ISO 4427:2007	450x26.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,737,900	2,737,900	2,737,900	2,737,900	2,737,900	2,737,900	2,737,900	2,737,900	2,737,900
3289	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 33.1mm	m	ISO 4427:2007	450x33.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,309,000	3,309,000	3,309,000	3,309,000	3,309,000	3,309,000	3,309,000	3,309,000	3,309,000
3290	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 40.9mm	m	ISO 4427:2007	450x40.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,045,400	4,045,400	4,045,400	4,045,400	4,045,400	4,045,400	4,045,400	4,045,400	4,045,400
3291	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 19.1mm	m	ISO 4427:2007	500x19.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,213,900	2,213,900	2,213,900	2,213,900	2,213,900	2,213,900	2,213,900	2,213,900	2,213,900
3292	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 23.9mm	m	ISO 4427:2007	500x23.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,775,500	2,775,500	2,775,500	2,775,500	2,775,500	2,775,500	2,775,500	2,775,500	2,775,500
3293	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 29.7mm	m	ISO 4427:2007	500x29.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800
3294	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 36.8mm	m	ISO 4427:2007	500x36.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,118,100	4,118,100	4,118,100	4,118,100	4,118,100	4,118,100	4,118,100	4,118,100	4,118,100
3295	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 45.4mm	m	ISO 4427:2007	500x45.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,014,700	5,014,700	5,014,700	5,014,700	5,014,700	5,014,700	5,014,700	5,014,700	5,014,700
3296	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 21.4mm	m	ISO 4427:2007	560x21.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,040,600	3,040,600	3,040,600	3,040,600	3,040,600	3,040,600	3,040,600	3,040,600	3,040,600
3297	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 26.7mm	m	ISO 4427:2007	560x26.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,749,300	3,749,300	3,749,300	3,749,300	3,749,300	3,749,300	3,749,300	3,749,300	3,749,300

3298	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 33.2mm	m	ISO 4427:2007	560x33.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,603,400	4,603,400	4,603,400	4,603,400	4,603,400	4,603,400	4,603,400	4,603,400	4,603,400
3299	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 41.2mm	m	ISO 4427:2007	560x41.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,618,800	5,618,800	5,618,800	5,618,800	5,618,800	5,618,800	5,618,800	5,618,800	5,618,800
3300	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 50.8mm	m	ISO 4427:2007	560x50.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,786,800	6,786,800	6,786,800	6,786,800	6,786,800	6,786,800	6,786,800	6,786,800	6,786,800
3301	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 24.1mm	m	ISO 4427:2007	630x24.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,852,600	3,852,600	3,852,600	3,852,600	3,852,600	3,852,600	3,852,600	3,852,600	3,852,600
3302	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 30.0mm	m	ISO 4427:2007	630x30.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,737,300	4,737,300	4,737,300	4,737,300	4,737,300	4,737,300	4,737,300	4,737,300	4,737,300
3303	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 37.4mm	m	ISO 4427:2007	630x37.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,830,600	5,830,600	5,830,600	5,830,600	5,830,600	5,830,600	5,830,600	5,830,600	5,830,600
3304	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 46.3mm	m	ISO 4427:2007	630x46.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,101,800	7,101,800	7,101,800	7,101,800	7,101,800	7,101,800	7,101,800	7,101,800	7,101,800
3305	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 57.2mm	m	ISO 4427:2007	630x57.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,672,800	8,672,800	8,672,800	8,672,800	8,672,800	8,672,800	8,672,800	8,672,800	8,672,800
3306	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 27.2mm	m	ISO 4427:2007	710x27.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,905,000	4,905,000	4,905,000	4,905,000	4,905,000	4,905,000	4,905,000	4,905,000	4,905,000
3307	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 33.9mm	m	ISO 4427:2007	710x33.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,040,200	6,040,200	6,040,200	6,040,200	6,040,200	6,040,200	6,040,200	6,040,200	6,040,200
3308	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 42.1mm	m	ISO 4427:2007	710x42.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,409,700	7,409,700	7,409,700	7,409,700	7,409,700	7,409,700	7,409,700	7,409,700	7,409,700
3309	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 52.2mm	m	ISO 4427:2007	710x52.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,035,900	9,035,900	9,035,900	9,035,900	9,035,900	9,035,900	9,035,900	9,035,900	9,035,900
3310	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 30.6mm	m	ISO 4427:2007	800x30.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,212,100	6,212,100	6,212,100	6,212,100	6,212,100	6,212,100	6,212,100	6,212,100	6,212,100
3311	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 38.1mm	m	ISO 4427:2007	800x38.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,656,200	7,656,200	7,656,200	7,656,200	7,656,200	7,656,200	7,656,200	7,656,200	7,656,200
3312	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 47.4mm	m	ISO 4427:2007	800x47.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,395,900	9,395,900	9,395,900	9,395,900	9,395,900	9,395,900	9,395,900	9,395,900	9,395,900
3313	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 58.8mm	m	ISO 4427:2007	800x58.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,476,000	11,476,000	11,476,000	11,476,000	11,476,000	11,476,000	11,476,000	11,476,000	11,476,000
3314	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 34.4mm	m	ISO 4427:2007	900x34.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,856,600	7,856,600	7,856,600	7,856,600	7,856,600	7,856,600	7,856,600	7,856,600	7,856,600
3315	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 42.9mm	m	ISO 4427:2007	900x42.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,687,300	9,687,300	9,687,300	9,687,300	9,687,300	9,687,300	9,687,300	9,687,300	9,687,300
3316	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 53.3mm	m	ISO 4427:2007	900x53.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,885,100	11,885,100	11,885,100	11,885,100	11,885,100	11,885,100	11,885,100	11,885,100	11,885,100
3317	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 38.2mm	m	ISO 4427:2007	1000x38.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,694,400	9,694,400	9,694,400	9,694,400	9,694,400	9,694,400	9,694,400	9,694,400	9,694,400
3318	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 47.7mm	m	ISO 4427:2007	1000x47.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,969,000	11,969,000	11,969,000	11,969,000	11,969,000	11,969,000	11,969,000	11,969,000	11,969,000
3319	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 59.3mm	m	ISO 4427:2007	1000x59.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400
3320	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 45.9mm	m	ISO 4427:2007	1200x45.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,963,400	13,963,400	13,963,400	13,963,400	13,963,400	13,963,400	13,963,400	13,963,400	13,963,400

3321	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 57.2mm	m	ISO 4427:2007	1200x57.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,226,800	17,226,800	17,226,800	17,226,800	17,226,800	17,226,800	17,226,800	17,226,800	17,226,800
3322	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 67.9mm	m	ISO 4427:2007	1200x67.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,233,700	20,233,700	20,233,700	20,233,700	20,233,700	20,233,700	20,233,700	20,233,700	20,233,700
3323	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 2.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20x2.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,200	16,200	16,200	16,200	16,200	16,200	16,200	16,200	16,200
3324	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 2.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20x2.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
3325	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 3.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20x3.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100
3326	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 2.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25x2.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000
3327	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 3.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300
3328	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 4.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25x4.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200
3329	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 2.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32x2.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600
3330	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 4.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32x4.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200
3331	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 5.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32x5.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800
3332	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 3.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40x3.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,400	50,400	50,400	50,400	50,400	50,400	50,400	50,400	50,400
3333	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 5.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40x5.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200
3334	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 6.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40x6.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
3335	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 4.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50x4.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900
3336	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 6.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50x6.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300	97,300
3337	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 8.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50x8.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700
3338	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 5.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63x5.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400
3339	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 8.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63x8.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	152,900	152,900	152,900	152,900	152,900	152,900	152,900	152,900	152,900
3340	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 10.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63x10.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600
3341	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 6.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75x6.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	163,300	163,300	163,300	163,300	163,300	163,300	163,300	163,300	163,300
3342	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 10.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75x10.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	208,400	208,400	208,400	208,400	208,400	208,400	208,400	208,400	208,400
3343	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 12.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75x12.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300

3344	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 8.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90x8.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	238,300	238,300	238,300	238,300	238,300	238,300	238,300	238,300	238,300
3345	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 12.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90x12.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	291,800	291,800	291,800	291,800	291,800	291,800	291,800	291,800	291,800
3346	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 15.0mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90x15.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100
3347	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 10.0mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110x10.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	381,400	381,400	381,400	381,400	381,400	381,400	381,400	381,400	381,400
3348	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 15.1mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110x15.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	444,600	444,600	444,600	444,600	444,600	444,600	444,600	444,600	444,600
3349	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 18.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110x18.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100
3350	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 11.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125x11.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	472,400	472,400	472,400	472,400	472,400	472,400	472,400	472,400	472,400
3351	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 17.1mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125x17.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	576,600	576,600	576,600	576,600	576,600	576,600	576,600	576,600	576,600
3352	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 20.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125x20.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200
3353	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 12.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140x12.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900
3354	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 19.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140x19.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	701,600	701,600	701,600	701,600	701,600	701,600	701,600	701,600	701,600
3355	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 23.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140x23.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500
3356	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 14.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160x14.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	795,400	795,400	795,400	795,400	795,400	795,400	795,400	795,400	795,400
3357	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 21.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160x21.9	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	972,600	972,600	972,600	972,600	972,600	972,600	972,600	972,600	972,600
3358	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 26.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160x26.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600
3359	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 18.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200x18.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,520,600	1,520,600	1,520,600	1,520,600	1,520,600	1,520,600	1,520,600	1,520,600	1,520,600
3360	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 27.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200x27.4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,154,900	2,154,900	2,154,900	2,154,900	2,154,900	2,154,900	2,154,900	2,154,900	2,154,900
3361	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 33.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200x33.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800
3362	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
3363	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700
3364	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
3365	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500
3366	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700

3367	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
3368	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900
3369	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000
3370	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700
3371	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,400	39,400	39,400	39,400	39,400	39,400	39,400	39,400	39,400
3372	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700
3373	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300
3374	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100
3375	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	85,900	85,900	85,900	85,900	85,900	85,900	85,900	85,900	85,900
3376	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600
3377	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	330,100	330,100	330,100	330,100	330,100	330,100	330,100	330,100	330,100
3378	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500
3379	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	722,900	722,900	722,900	722,900	722,900	722,900	722,900	722,900	722,900
3380	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900
3381	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
3382	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
3383	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
3384	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300
3385	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200
3386	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900
3387	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
3388	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	41,800	41,800	41,800	41,800	41,800	41,800	41,800	41,800	41,800
3389	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	69,900	69,900	69,900	69,900	69,900	69,900	69,900	69,900	69,900

3390	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
3391	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500
3392	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
3393	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600
3394	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
3395	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400
3396	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30,100	30,100	30,100	30,100	30,100	30,100	30,100	30,100	30,100
3397	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000
3398	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,900	67,900	67,900	67,900	67,900	67,900	67,900	67,900	67,900
3399	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 21 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500
3400	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 27 x RT 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
3401	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 34 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900
3402	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 21 x RN 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500
3403	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 21 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700
3404	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 27 x RN 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,700	2,700	2,700	2,700	2,700	2,700	2,700	2,700	2,700
3405	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 27 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700
3406	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 34 x RN 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100
3407	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 42 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
3408	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500
3409	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
3410	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900
3411	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300
3412	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700

3413	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
3414	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
3415	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,800	8,800	8,800	8,800	8,800	8,800	8,800	8,800	8,800
3416	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,200	9,200	9,200	9,200	9,200	9,200	9,200	9,200	9,200
3417	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400
3418	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800
3419	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000
3420	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
3421	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,800	13,800	13,800	13,800	13,800	13,800	13,800	13,800	13,800
3422	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200
3423	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900
3424	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
3425	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900
3426	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,500	16,500	16,500	16,500	16,500	16,500	16,500	16,500	16,500
3427	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900
3428	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100
3429	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 76 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,100	9,100	9,100	9,100	9,100	9,100	9,100	9,100	9,100
3430	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
3431	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,500	32,500	32,500	32,500	32,500	32,500	32,500	32,500	32,500
3432	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
3433	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 49 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700	32,700
3434	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200
3435	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000

3436	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900
3437	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
3438	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700	64,700
3439	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	65,600	65,600	65,600	65,600	65,600	65,600	65,600	65,600	65,600
3440	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400
3441	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400
3442	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
3443	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600
3444	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	167,200	167,200	167,200	167,200	167,200	167,200	167,200	167,200	167,200
3445	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	251,600	251,600	251,600	251,600	251,600	251,600	251,600	251,600	251,600
3446	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	251,200	251,200	251,200	251,200	251,200	251,200	251,200	251,200	251,200
3447	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	103,900	103,900	103,900	103,900	103,900	103,900	103,900	103,900	103,900
3448	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000	304,000
3449	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	553,600	553,600	553,600	553,600	553,600	553,600	553,600	553,600	553,600
3450	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	675,200	675,200	675,200	675,200	675,200	675,200	675,200	675,200	675,200
3451	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500
3452	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600
3453	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
3454	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
3455	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800
3456	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100
3457	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700
3458	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300	6,300

3459	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29,700	29,700	29,700	29,700	29,700	29,700	29,700	29,700	29,700
3460	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800
3461	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000
3462	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300
3463	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600
3464	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400
3465	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
3466	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	58,400	58,400	58,400	58,400	58,400	58,400	58,400	58,400	58,400
3467	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	554,100	554,100	554,100	554,100	554,100	554,100	554,100	554,100	554,100
3468	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	177,400	177,400	177,400	177,400	177,400	177,400	177,400	177,400	177,400
3469	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	957,200	957,200	957,200	957,200	957,200	957,200	957,200	957,200	957,200
3470	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	551,500	551,500	551,500	551,500	551,500	551,500	551,500	551,500	551,500
3471	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
3472	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300
3473	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
3474	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100	5,100
3475	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700	6,700
3476	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
3477	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 x RN 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900	6,900
3478	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400
3479	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100
3480	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600
3481	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300

3482	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong uPVC 21 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
3483	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong uPVC 27 x RT 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
3484	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong uPVC 27 x RT 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
3485	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,100	3,100	3,100	3,100	3,100	3,100	3,100	3,100	3,100
3486	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
3487	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
3488	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200
3489	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400
3490	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
3491	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,600	15,600	15,600	15,600	15,600	15,600	15,600	15,600	15,600
3492	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
3493	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000	24,000
3494	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
3495	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,600	48,600	48,600	48,600	48,600	48,600	48,600	48,600	48,600
3496	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400
3497	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500
3498	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400
3499	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000
3500	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700
3501	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	389,500	389,500	389,500	389,500	389,500	389,500	389,500	389,500	389,500
3502	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	154,300	154,300	154,300	154,300	154,300	154,300	154,300	154,300	154,300
3503	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	703,600	703,600	703,600	703,600	703,600	703,600	703,600	703,600	703,600
3504	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	411,000	411,000	411,000	411,000	411,000	411,000	411,000	411,000	411,000

3505	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600
3506	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600
3507	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000
3508	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200
3509	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200
3510	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600
3511	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
3512	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300
3513	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,100	19,100	19,100	19,100	19,100	19,100	19,100	19,100	19,100
3514	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
3515	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
3516	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300
3517	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100
3518	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200
3519	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29,400	29,400	29,400	29,400	29,400	29,400	29,400	29,400	29,400
3520	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200
3521	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700	14,700
3522	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500
3523	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900
3524	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900	72,900
3525	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,200	73,200	73,200	73,200	73,200	73,200	73,200	73,200	73,200
3526	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 49 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400	73,400
3527	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800

3528	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,900	27,900	27,900	27,900	27,900	27,900	27,900	27,900	27,900
3529	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900	40,900
3530	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200	113,200
3531	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000
3532	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900	43,900
3533	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	157,800	157,800	157,800	157,800	157,800	157,800	157,800	157,800	157,800
3534	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400
3535	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900	275,900
3536	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	282,000	282,000	282,000	282,000	282,000	282,000	282,000	282,000	282,000
3537	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	511,100	511,100	511,100	511,100	511,100	511,100	511,100	511,100	511,100
3538	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700
3539	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	528,400	528,400	528,400	528,400	528,400	528,400	528,400	528,400	528,400
3540	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	228,100	228,100	228,100	228,100	228,100	228,100	228,100	228,100	228,100
3541	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	900,500	900,500	900,500	900,500	900,500	900,500	900,500	900,500	900,500
3542	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,372,600	1,372,600	1,372,600	1,372,600	1,372,600	1,372,600	1,372,600	1,372,600	1,372,600
3543	Vật tư ngành nước	Y uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200	3,200
3544	Vật tư ngành nước	Y uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
3545	Vật tư ngành nước	Y uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600
3546	Vật tư ngành nước	Y uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400
3547	Vật tư ngành nước	Y uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000
3548	Vật tư ngành nước	Y uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	61,400	61,400	61,400	61,400	61,400	61,400	61,400	61,400	61,400
3549	Vật tư ngành nước	Y uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
3550	Vật tư ngành nước	Y uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	76,200	76,200	76,200	76,200	76,200	76,200	76,200	76,200	76,200

3551	Vật tư ngành nước	Y uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,100	16,100	16,100	16,100	16,100	16,100	16,100	16,100	16,100
3552	Vật tư ngành nước	Y uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	101,400	101,400	101,400	101,400	101,400	101,400	101,400	101,400	101,400
3553	Vật tư ngành nước	Y uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800
3554	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000
3555	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500
3556	Vật tư ngành nước	Y uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	261,300	261,300	261,300	261,300	261,300	261,300	261,300	261,300	261,300
3557	Vật tư ngành nước	Y uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300
3558	Vật tư ngành nước	Y uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	762,900	762,900	762,900	762,900	762,900	762,900	762,900	762,900	762,900
3559	Vật tư ngành nước	Y uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	333,100	333,100	333,100	333,100	333,100	333,100	333,100	333,100	333,100
3560	Vật tư ngành nước	Y uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,016,500	2,016,500	2,016,500	2,016,500	2,016,500	2,016,500	2,016,500	2,016,500	2,016,500
3561	Vật tư ngành nước	Y uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,024,900	1,024,900	1,024,900	1,024,900	1,024,900	1,024,900	1,024,900	1,024,900	1,024,900
3562	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700	66,700
3563	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600
3564	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,300	11,300	11,300	11,300	11,300	11,300	11,300	11,300	11,300
3565	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
3566	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 76 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600	24,600
3567	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
3568	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	121,900	121,900	121,900	121,900	121,900	121,900	121,900	121,900	121,900
3569	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200
3570	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 76 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300
3571	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	204,900	204,900	204,900	204,900	204,900	204,900	204,900	204,900	204,900
3572	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700
3573	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	241,300	241,300	241,300	241,300	241,300	241,300	241,300	241,300	241,300

3574	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600
3575	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	271,300	271,300	271,300	271,300	271,300	271,300	271,300	271,300	271,300
3576	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	402,800	402,800	402,800	402,800	402,800	402,800	402,800	402,800	402,800
3577	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900
3578	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	466,200	466,200	466,200	466,200	466,200	466,200	466,200	466,200	466,200
3579	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	201,700	201,700	201,700	201,700	201,700	201,700	201,700	201,700	201,700
3580	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	656,900	656,900	656,900	656,900	656,900	656,900	656,900	656,900	656,900
3581	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500
3582	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100
3583	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,228,100	1,228,100	1,228,100	1,228,100	1,228,100	1,228,100	1,228,100	1,228,100	1,228,100
3584	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220x168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,535,900	1,535,900	1,535,900	1,535,900	1,535,900	1,535,900	1,535,900	1,535,900	1,535,900
3585	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
3586	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
3587	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200	12,200
3588	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
3589	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
3590	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
3591	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700
3592	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
3593	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400
3594	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
3595	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	76,300	76,300	76,300	76,300	76,300	76,300	76,300	76,300	76,300
3596	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600

3597	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	101,700	101,700	101,700	101,700	101,700	101,700	101,700	101,700	101,700
3598	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,400	45,400	45,400	45,400	45,400	45,400	45,400	45,400	45,400
3599	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	207,700	207,700	207,700	207,700	207,700	207,700	207,700	207,700	207,700
3600	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	74,500	74,500	74,500	74,500	74,500	74,500	74,500	74,500	74,500
3601	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	744,800	744,800	744,800	744,800	744,800	744,800	744,800	744,800	744,800
3602	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500	256,500
3603	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,262,100	1,262,100	1,262,100	1,262,100	1,262,100	1,262,100	1,262,100	1,262,100	1,262,100
3604	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	767,700	767,700	767,700	767,700	767,700	767,700	767,700	767,700	767,700
3605	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300
3606	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500
3607	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	78,500	78,500	78,500	78,500	78,500	78,500	78,500	78,500	78,500
3608	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300
3609	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	169,100	169,100	169,100	169,100	169,100	169,100	169,100	169,100	169,100
3610	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	434,700	434,700	434,700	434,700	434,700	434,700	434,700	434,700	434,700
3611	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	444,700	444,700	444,700	444,700	444,700	444,700	444,700	444,700	444,700
3612	Vật tư ngành nước	Tứ thông uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	72,600	72,600	72,600	72,600	72,600	72,600	72,600	72,600	72,600
3613	Vật tư ngành nước	Tứ thông uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000	153,000
3614	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200	67,200
3615	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
3616	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	133,900	133,900	133,900	133,900	133,900	133,900	133,900	133,900	133,900
3617	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700
3618	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	322,900	322,900	322,900	322,900	322,900	322,900	322,900	322,900	322,900
3619	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	93,000	93,000	93,000	93,000	93,000	93,000	93,000	93,000	93,000

3620	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,100,100	1,100,100	1,100,100	1,100,100	1,100,100	1,100,100	1,100,100	1,100,100	1,100,100
3621	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	391,000	391,000	391,000	391,000	391,000	391,000	391,000	391,000	391,000
3622	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300
3623	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 90 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100
3624	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500
3625	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700	167,700
3626	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	76,900	76,900	76,900	76,900	76,900	76,900	76,900	76,900	76,900
3627	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	260,100	260,100	260,100	260,100	260,100	260,100	260,100	260,100	260,100
3628	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
3629	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	309,200	309,200	309,200	309,200	309,200	309,200	309,200	309,200	309,200
3630	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	536,400	536,400	536,400	536,400	536,400	536,400	536,400	536,400	536,400
3631	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	189,900	189,900	189,900	189,900	189,900	189,900	189,900	189,900	189,900
3632	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	665,700	665,700	665,700	665,700	665,700	665,700	665,700	665,700	665,700
3633	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400
3634	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	814,400	814,400	814,400	814,400	814,400	814,400	814,400	814,400	814,400
3635	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168x114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	236,400	236,400	236,400	236,400	236,400	236,400	236,400	236,400	236,400
3636	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200
3637	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 21 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300
3638	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
3639	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 27 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,700	1,700	1,700	1,700	1,700	1,700	1,700	1,700	1,700
3640	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
3641	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
3642	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600

3643	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800
3644	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500
3645	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100
3646	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,200	14,200	14,200	14,200	14,200	14,200	14,200	14,200	14,200
3647	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400
3648	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600	27,600
3649	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,400	33,400	33,400	33,400	33,400	33,400	33,400	33,400	33,400
3650	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,200	27,200	27,200	27,200	27,200	27,200	27,200	27,200	27,200
3651	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300
3652	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200	33,200
3653	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	283,400	283,400	283,400	283,400	283,400	283,400	283,400	283,400	283,400
3654	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500
3655	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	519,400	519,400	519,400	519,400	519,400	519,400	519,400	519,400	519,400
3656	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	207,000	207,000	207,000	207,000	207,000	207,000	207,000	207,000	207,000
3657	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,400	1,400	1,400	1,400	1,400	1,400	1,400	1,400	1,400
3658	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200
3659	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
3660	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500
3661	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
3662	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200
3663	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
3664	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
3665	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000

3666	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,500	50,500	50,500	50,500	50,500	50,500	50,500	50,500	50,500
3667	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 90 D*	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	82,300	82,300	82,300	82,300	82,300	82,300	82,300	82,300	82,300
3668	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	130,900	130,900	130,900	130,900	130,900	130,900	130,900	130,900	130,900
3669	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	384,600	384,600	384,600	384,600	384,600	384,600	384,600	384,600	384,600
3670	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	738,300	738,300	738,300	738,300	738,300	738,300	738,300	738,300	738,300
3671	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 49	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500
3672	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	77,100	77,100	77,100	77,100	77,100	77,100	77,100	77,100	77,100
3673	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	123,700	123,700	123,700	123,700	123,700	123,700	123,700	123,700	123,700
3674	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200
3675	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 90 x 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200
3676	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 90 x 76	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,100	39,100	39,100	39,100	39,100	39,100	39,100	39,100	39,100
3677	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000
3678	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 76	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,300	48,300	48,300	48,300	48,300	48,300	48,300	48,300	48,300
3679	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,500	49,500	49,500	49,500	49,500	49,500	49,500	49,500	49,500
3680	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 60 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	144,900	144,900	144,900	144,900	144,900	144,900	144,900	144,900	144,900
3681	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 60 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	151,600	151,600	151,600	151,600	151,600	151,600	151,600	151,600	151,600
3682	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 90 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	165,100	165,100	165,100	165,100	165,100	165,100	165,100	165,100	165,100
3683	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 90 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	168,700	168,700	168,700	168,700	168,700	168,700	168,700	168,700	168,700
3684	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 114 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	177,900	177,900	177,900	177,900	177,900	177,900	177,900	177,900	177,900
3685	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 114 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114x34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	186,700	186,700	186,700	186,700	186,700	186,700	186,700	186,700	186,700
3686	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500
3687	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100	28,100
3688	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,200	48,200	48,200	48,200	48,200	48,200	48,200	48,200	48,200

3689	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100
3690	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700
3691	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400
3692	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 140	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
3693	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 165	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	165	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900
3694	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 168	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900	48,900
3695	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 216	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	216	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400
3696	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 220	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900
3697	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 267	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	267	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
3698	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 318	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	318	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	137,900	137,900	137,900	137,900	137,900	137,900	137,900	137,900	137,900
3699	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 75 D	hộp	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,700	36,700	36,700	36,700	36,700	36,700	36,700	36,700	36,700
3700	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
3701	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600
3702	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900
3703	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800
3704	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900	29,900
3705	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112,500	112,500	112,500	112,500	112,500	112,500	112,500	112,500	112,500
3706	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,500	67,500	67,500	67,500	67,500	67,500	67,500	67,500	67,500
3707	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000
3708	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000	99,000
3709	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	271,800	271,800	271,800	271,800	271,800	271,800	271,800	271,800	271,800
3710	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800
3711	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	519,800	519,800	519,800	519,800	519,800	519,800	519,800	519,800	519,800

3712	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	765,000	765,000	765,000	765,000	765,000	765,000	765,000	765,000	765,000
3713	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,013,700	1,013,700	1,013,700	1,013,700	1,013,700	1,013,700	1,013,700	1,013,700	1,013,700
3714	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,415,300	1,415,300	1,415,300	1,415,300	1,415,300	1,415,300	1,415,300	1,415,300	1,415,300
3715	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300
3716	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,400	63,400	63,400	63,400	63,400	63,400	63,400	63,400	63,400
3717	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300
3718	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700
3719	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
3720	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	121,500	121,500	121,500	121,500	121,500	121,500	121,500	121,500	121,500
3721	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000
3722	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	257,300	257,300	257,300	257,300	257,300	257,300	257,300	257,300	257,300
3723	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200	194,200
3724	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	358,500	358,500	358,500	358,500	358,500	358,500	358,500	358,500	358,500
3725	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200
3726	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	815,700	815,700	815,700	815,700	815,700	815,700	815,700	815,700	815,700
3727	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	539,500	539,500	539,500	539,500	539,500	539,500	539,500	539,500	539,500
3728	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,067,700	1,067,700	1,067,700	1,067,700	1,067,700	1,067,700	1,067,700	1,067,700	1,067,700
3729	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,964,300	1,964,300	1,964,300	1,964,300	1,964,300	1,964,300	1,964,300	1,964,300	1,964,300
3730	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,531,300	2,531,300	2,531,300	2,531,300	2,531,300	2,531,300	2,531,300	2,531,300	2,531,300
3731	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,645,000	3,645,000	3,645,000	3,645,000	3,645,000	3,645,000	3,645,000	3,645,000	3,645,000
3732	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,700	27,700	27,700	27,700	27,700	27,700	27,700	27,700	27,700
3733	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800
3734	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100	31,100

3735	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600	26,600
3736	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600
3737	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,500	27,500	27,500	27,500	27,500	27,500	27,500	27,500	27,500
3738	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	99,700	99,700	99,700	99,700	99,700	99,700	99,700	99,700	99,700
3739	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,500	40,500	40,500	40,500	40,500	40,500	40,500	40,500	40,500
3740	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	134,800	134,800	134,800	134,800	134,800	134,800	134,800	134,800	134,800
3741	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200
3742	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	384,800	384,800	384,800	384,800	384,800	384,800	384,800	384,800	384,800
3743	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	141,200	141,200	141,200	141,200	141,200	141,200	141,200	141,200	141,200
3744	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	535,800	535,800	535,800	535,800	535,800	535,800	535,800	535,800	535,800
3745	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200
3746	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	571,700	571,700	571,700	571,700	571,700	571,700	571,700	571,700	571,700
3747	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500	876,500
3748	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,282,500	1,282,500	1,282,500	1,282,500	1,282,500	1,282,500	1,282,500	1,282,500	1,282,500
3749	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400
3750	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,500	47,500	47,500	47,500	47,500	47,500	47,500	47,500	47,500
3751	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
3752	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71,800	71,800	71,800	71,800	71,800	71,800	71,800	71,800	71,800
3753	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
3754	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700
3755	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100
3756	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	216,000	216,000	216,000	216,000	216,000	216,000	216,000	216,000	216,000
3757	Vật tư ngành nước	Co 90° uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300	141,300

3758	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	378,000	378,000	378,000	378,000	378,000	378,000	378,000	378,000	378,000
3759	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700
3760	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	507,500	507,500	507,500	507,500	507,500	507,500	507,500	507,500	507,500
3761	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300
3762	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	750,500	750,500	750,500	750,500	750,500	750,500	750,500	750,500	750,500
3763	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	436,000	436,000	436,000	436,000	436,000	436,000	436,000	436,000	436,000
3764	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,642,500	1,642,500	1,642,500	1,642,500	1,642,500	1,642,500	1,642,500	1,642,500	1,642,500
3765	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700
3766	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,984,500	1,984,500	1,984,500	1,984,500	1,984,500	1,984,500	1,984,500	1,984,500	1,984,500
3767	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 280 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	978,800	978,800	978,800	978,800	978,800	978,800	978,800	978,800	978,800
3768	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,949,800	2,949,800	2,949,800	2,949,800	2,949,800	2,949,800	2,949,800	2,949,800	2,949,800
3769	Vật tư ngành nước	Co 90º uPVC 315 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,667,300	1,667,300	1,667,300	1,667,300	1,667,300	1,667,300	1,667,300	1,667,300	1,667,300
3770	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300
3771	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900
3772	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500
3773	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,300	49,300	49,300	49,300	49,300	49,300	49,300	49,300	49,300
3774	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600
3775	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500
3776	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,400	49,400	49,400	49,400	49,400	49,400	49,400	49,400	49,400
3777	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400
3778	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	97,200	97,200	97,200	97,200	97,200	97,200	97,200	97,200	97,200
3779	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	212,700	212,700	212,700	212,700	212,700	212,700	212,700	212,700	212,700
3780	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900	156,900

3781	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	383,700	383,700	383,700	383,700	383,700	383,700	383,700	383,700	383,700
3782	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500
3783	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	556,400	556,400	556,400	556,400	556,400	556,400	556,400	556,400	556,400
3784	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	337,500	337,500	337,500	337,500	337,500	337,500	337,500	337,500	337,500
3785	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000	810,000
3786	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	513,000	513,000	513,000	513,000	513,000	513,000	513,000	513,000	513,000
3787	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,579,500	1,579,500	1,579,500	1,579,500	1,579,500	1,579,500	1,579,500	1,579,500	1,579,500
3788	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 280 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	707,900	707,900	707,900	707,900	707,900	707,900	707,900	707,900	707,900
3789	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,272,500	2,272,500	2,272,500	2,272,500	2,272,500	2,272,500	2,272,500	2,272,500	2,272,500
3790	Vật tư ngành nước	Co 45º uPVC 315 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,039,500	1,039,500	1,039,500	1,039,500	1,039,500	1,039,500	1,039,500	1,039,500	1,039,500
3791	Vật tư ngành nước	Y uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000
3792	Vật tư ngành nước	Y uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	92,100	92,100	92,100	92,100	92,100	92,100	92,100	92,100	92,100
3793	Vật tư ngành nước	Y uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700
3794	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000	131,000
3795	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300
3796	Vật tư ngành nước	Y uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800
3797	Vật tư ngành nước	Y uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	110,700	110,700	110,700	110,700	110,700	110,700	110,700	110,700	110,700
3798	Vật tư ngành nước	Y uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300
3799	Vật tư ngành nước	Y uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	258,500	258,500	258,500	258,500	258,500	258,500	258,500	258,500	258,500
3800	Vật tư ngành nước	Y uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	598,500	598,500	598,500	598,500	598,500	598,500	598,500	598,500	598,500
3801	Vật tư ngành nước	Y uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	349,400	349,400	349,400	349,400	349,400	349,400	349,400	349,400	349,400
3802	Vật tư ngành nước	Y uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,110,500	1,110,500	1,110,500	1,110,500	1,110,500	1,110,500	1,110,500	1,110,500	1,110,500
3803	Vật tư ngành nước	Y uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	801,500	801,500	801,500	801,500	801,500	801,500	801,500	801,500	801,500

3804	Vật tư ngành nước	Y uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,559,300	1,559,300	1,559,300	1,559,300	1,559,300	1,559,300	1,559,300	1,559,300	1,559,300
3805	Vật tư ngành nước	Y uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	868,400	868,400	868,400	868,400	868,400	868,400	868,400	868,400	868,400
3806	Vật tư ngành nước	Y uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,394,000	2,394,000	2,394,000	2,394,000	2,394,000	2,394,000	2,394,000	2,394,000	2,394,000
3807	Vật tư ngành nước	Y uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,377,000	1,377,000	1,377,000	1,377,000	1,377,000	1,377,000	1,377,000	1,377,000	1,377,000
3808	Vật tư ngành nước	Y uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,756,300	2,756,300	2,756,300	2,756,300	2,756,300	2,756,300	2,756,300	2,756,300	2,756,300
3809	Vật tư ngành nước	Y uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,230,000	4,230,000	4,230,000	4,230,000	4,230,000	4,230,000	4,230,000	4,230,000	4,230,000
3810	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,600	32,600	32,600	32,600	32,600	32,600	32,600	32,600	32,600
3811	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	42,700	42,700	42,700	42,700	42,700	42,700	42,700	42,700	42,700
3812	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 90 D*'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	69,600	69,600	69,600	69,600	69,600	69,600	69,600	69,600	69,600
3813	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	109,700	109,700	109,700	109,700	109,700	109,700	109,700	109,700	109,700
3814	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	200,200	200,200	200,200	200,200	200,200	200,200	200,200	200,200	200,200
3815	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	321,300	321,300	321,300	321,300	321,300	321,300	321,300	321,300	321,300
3816	Vật tư ngành nước	Bít xã uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573,600	573,600	573,600	573,600	573,600	573,600	573,600	573,600	573,600
3817	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	131,700	131,700	131,700	131,700	131,700	131,700	131,700	131,700	131,700
3818	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	145,200	145,200	145,200	145,200	145,200	145,200	145,200	145,200	145,200
3819	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800	204,800
3820	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000
3821	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	445,500	445,500	445,500	445,500	445,500	445,500	445,500	445,500	445,500
3822	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	787,500	787,500	787,500	787,500	787,500	787,500	787,500	787,500	787,500
3823	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	830,300	830,300	830,300	830,300	830,300	830,300	830,300	830,300	830,300
3824	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,085,600	1,085,600	1,085,600	1,085,600	1,085,600	1,085,600	1,085,600	1,085,600	1,085,600
3825	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000
3826	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,721,300	1,721,300	1,721,300	1,721,300	1,721,300	1,721,300	1,721,300	1,721,300	1,721,300

3827	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000	81,000
3828	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000	161,000
3829	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	91,800	91,800	91,800	91,800	91,800	91,800	91,800	91,800	91,800
3830	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	453,500	453,500	453,500	453,500	453,500	453,500	453,500	453,500	453,500
3831	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700
3832	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	391,500	391,500	391,500	391,500	391,500	391,500	391,500	391,500	391,500
3833	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300
3834	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000	486,000
3835	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	803,300	803,300	803,300	803,300	803,300	803,300	803,300	803,300	803,300
3836	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,053,000	1,053,000	1,053,000	1,053,000	1,053,000	1,053,000	1,053,000	1,053,000	1,053,000
3837	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	156,400	156,400	156,400	156,400	156,400	156,400	156,400	156,400	156,400
3838	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
3839	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700
3840	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700
3841	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	270,700	270,700	270,700	270,700	270,700	270,700	270,700	270,700	270,700
3842	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	321,800	321,800	321,800	321,800	321,800	321,800	321,800	321,800	321,800
3843	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000	184,000
3844	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300
3845	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	200,500	200,500	200,500	200,500	200,500	200,500	200,500	200,500	200,500
3846	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	523,200	523,200	523,200	523,200	523,200	523,200	523,200	523,200	523,200
3847	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 225 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300
3848	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 225 x 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	669,500	669,500	669,500	669,500	669,500	669,500	669,500	669,500	669,500
3849	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 250 x 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800

3850	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 75 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800
3851	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
3852	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 49 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
3853	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500
3854	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300
3855	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000
3856	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400
3857	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100
3858	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400	66,400
3859	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
3860	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	114,800	114,800	114,800	114,800	114,800	114,800	114,800	114,800	114,800
3861	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700
3862	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200
3863	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	58,500	58,500	58,500	58,500	58,500	58,500	58,500	58,500	58,500
3864	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	133,200	133,200	133,200	133,200	133,200	133,200	133,200	133,200	133,200
3865	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71,600	71,600	71,600	71,600	71,600	71,600	71,600	71,600	71,600
3866	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	157,500	157,500	157,500	157,500	157,500	157,500	157,500	157,500	157,500
3867	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400	77,400
3868	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	191,300	191,300	191,300	191,300	191,300	191,300	191,300	191,300	191,300
3869	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700	81,700
3870	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	233,000	233,000	233,000	233,000	233,000	233,000	233,000	233,000	233,000
3871	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400	160,400
3872	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500

3873	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500
3874	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500	247,500
3875	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700	185,700
3876	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	607,500	607,500	607,500	607,500	607,500	607,500	607,500	607,500	607,500
3877	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800
3878	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	749,300	749,300	749,300	749,300	749,300	749,300	749,300	749,300	749,300
3879	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	769,500	769,500	769,500	769,500	769,500	769,500	769,500	769,500	769,500
3880	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 280 x 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800
3881	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 315 x 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,346,700	1,346,700	1,346,700	1,346,700	1,346,700	1,346,700	1,346,700	1,346,700	1,346,700
3882	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 315 x 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315x280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500
3883	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 75 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100	44,100
3884	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000
3885	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 49 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500	63,500
3886	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	72,800	72,800	72,800	72,800	72,800	72,800	72,800	72,800	72,800
3887	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71,900	71,900	71,900	71,900	71,900	71,900	71,900	71,900	71,900
3888	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	93,200	93,200	93,200	93,200	93,200	93,200	93,200	93,200	93,200
3889	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	114,200	114,200	114,200	114,200	114,200	114,200	114,200	114,200	114,200
3890	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700
3891	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700	128,700
3892	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	54,800	54,800	54,800	54,800	54,800	54,800	54,800	54,800	54,800
3893	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	253,200	253,200	253,200	253,200	253,200	253,200	253,200	253,200	253,200
3894	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	306,000	306,000	306,000	306,000	306,000	306,000	306,000	306,000	306,000
3895	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	141,800	141,800	141,800	141,800	141,800	141,800	141,800	141,800	141,800

3896	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	360,000	360,000	360,000	360,000	360,000	360,000	360,000	360,000	360,000
3897	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000	414,000
3898	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200
3899	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000	450,000
3900	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	726,700	726,700	726,700	726,700	726,700	726,700	726,700	726,700	726,700
3901	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	354,500	354,500	354,500	354,500	354,500	354,500	354,500	354,500	354,500
3902	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	789,800	789,800	789,800	789,800	789,800	789,800	789,800	789,800	789,800
3903	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	850,500	850,500	850,500	850,500	850,500	850,500	850,500	850,500	850,500
3904	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300	425,300
3905	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,026,000	1,026,000	1,026,000	1,026,000	1,026,000	1,026,000	1,026,000	1,026,000	1,026,000
3906	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800	1,068,800
3907	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,175,700	1,175,700	1,175,700	1,175,700	1,175,700	1,175,700	1,175,700	1,175,700	1,175,700
3908	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500	1,389,500
3909	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,710,000	1,710,000	1,710,000	1,710,000	1,710,000	1,710,000	1,710,000	1,710,000	1,710,000
3910	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 250 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,912,500	1,912,500	1,912,500	1,912,500	1,912,500	1,912,500	1,912,500	1,912,500	1,912,500
3911	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 75	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	120,200	120,200	120,200	120,200	120,200	120,200	120,200	120,200	120,200
3912	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 90 *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	129,500	129,500	129,500	129,500	129,500	129,500	129,500	129,500	129,500
3913	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 110	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	174,500	174,500	174,500	174,500	174,500	174,500	174,500	174,500	174,500
3914	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 90 *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500
3915	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 110	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,300	47,300	47,300	47,300	47,300	47,300	47,300	47,300	47,300
3916	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 63	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
3917	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 90	cái		90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700	19,700
3918	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 110	cái		110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400	25,400

3919	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 121	cái		121	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
3920	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 140	cái		140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
3921	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 160	cái		160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800
3922	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 177	cái		177	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800
3923	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 200	cái		200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400
3924	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 220	cái		220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900	60,900
3925	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 222	cái		222	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	60,800	60,800	60,800	60,800	60,800	60,800	60,800	60,800	60,800
3926	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 225	cái		225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
3927	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 250	cái		250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800	101,800
3928	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 280	cái		280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	123,400	123,400	123,400	123,400	123,400	123,400	123,400	123,400	123,400
3929	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 315	cái		315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200
3930	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 355	cái		355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	220,300	220,300	220,300	220,300	220,300	220,300	220,300	220,300	220,300
3931	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 400	cái		400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	267,300	267,300	267,300	267,300	267,300	267,300	267,300	267,300	267,300
3932	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 450	cái		450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200	361,200
3933	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 500	cái		500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	488,000	488,000	488,000	488,000	488,000	488,000	488,000	488,000	488,000
3934	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 630	cái		630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	817,000	817,000	817,000	817,000	817,000	817,000	817,000	817,000	817,000
3935	Vật tư ngành nước	Keo dán uPVC Đệ Nhất 1Kg/Lon	cái			Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000
3936	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	74,700	74,700	74,700	74,700	74,700	74,700	74,700	74,700	74,700
3937	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500
3938	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	112,100	112,100	112,100	112,100	112,100	112,100	112,100	112,100	112,100
3939	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 76 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200	138,200
3940	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	108,300	108,300	108,300	108,300	108,300	108,300	108,300	108,300	108,300
3941	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300

3942	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	152,100	152,100	152,100	152,100	152,100	152,100	152,100	152,100	152,100
3943	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500
3944	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300
3945	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200	190,200
3946	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
3947	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000
3948	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500	175,500
3949	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000	324,000
3950	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	183,200	183,200	183,200	183,200	183,200	183,200	183,200	183,200	183,200
3951	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	351,000	351,000	351,000	351,000	351,000	351,000	351,000	351,000	351,000
3952	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000
3953	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000
3954	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	248,700	248,700	248,700	248,700	248,700	248,700	248,700	248,700	248,700
3955	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800	573,800
3956	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	310,500	310,500	310,500	310,500	310,500	310,500	310,500	310,500	310,500
3957	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500
3958	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	428,700	428,700	428,700	428,700	428,700	428,700	428,700	428,700	428,700
3959	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	975,500	975,500	975,500	975,500	975,500	975,500	975,500	975,500	975,500
3960	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	506,300	506,300	506,300	506,300	506,300	506,300	506,300	506,300	506,300
3961	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,002,500	1,002,500	1,002,500	1,002,500	1,002,500	1,002,500	1,002,500	1,002,500	1,002,500
3962	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	585,000	585,000	585,000	585,000	585,000	585,000	585,000	585,000	585,000
3963	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,044,000	1,044,000	1,044,000	1,044,000	1,044,000	1,044,000	1,044,000	1,044,000	1,044,000
3964	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,188,000	1,188,000	1,188,000	1,188,000	1,188,000	1,188,000	1,188,000	1,188,000	1,188,000

3965	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,314,000	1,314,000	1,314,000	1,314,000	1,314,000	1,314,000	1,314,000	1,314,000	1,314,000
3966	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,661,400	1,661,400	1,661,400	1,661,400	1,661,400	1,661,400	1,661,400	1,661,400	1,661,400
3967	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	891,000	891,000	891,000	891,000	891,000	891,000	891,000	891,000	891,000
3968	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,680,800	1,680,800	1,680,800	1,680,800	1,680,800	1,680,800	1,680,800	1,680,800	1,680,800
3969	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,045,300	2,045,300	2,045,300	2,045,300	2,045,300	2,045,300	2,045,300	2,045,300	2,045,300
3970	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250x225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000	1,215,000
3971	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 280 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280x225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,016,300	4,016,300	4,016,300	4,016,300	4,016,300	4,016,300	4,016,300	4,016,300	4,016,300
3972	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800
3973	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,200	4,200	4,200	4,200	4,200	4,200	4,200	4,200	4,200
3974	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800
3975	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800
3976	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400
3977	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400
3978	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300	5,300
3979	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500
3980	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
3981	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
3982	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
3983	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	67,800	67,800	67,800	67,800	67,800	67,800	67,800	67,800	67,800
3984	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 25 x 20	cái	ISO 4427:2007	25x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600
3985	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 32 x 25	cái	ISO 4427:2007	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,700	5,700	5,700	5,700	5,700	5,700	5,700	5,700	5,700
3986	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 40 x 32	cái	ISO 4427:2007	40x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500	8,500
3987	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 25	cái	ISO 4427:2007	50x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700

3988	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 32	cái	ISO 4427:2007	50x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300
3989	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 40	cái	ISO 4427:2007	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300
3990	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 25	cái	ISO 4427:2007	63x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
3991	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 32	cái	ISO 4427:2007	63x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000
3992	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 40	cái	ISO 4427:2007	63x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
3993	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 50	cái	ISO 4427:2007	63x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600	21,600
3994	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100
3995	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,800	44,800	44,800	44,800	44,800	44,800	44,800	44,800	44,800
3996	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000	37,000
3997	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600
3998	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900
3999	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	137,600	137,600	137,600	137,600	137,600	137,600	137,600	137,600	137,600
4000	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900	45,900
4001	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	57,100	57,100	57,100	57,100	57,100	57,100	57,100	57,100	57,100
4002	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100	52,100
4003	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800	64,800
4004	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500
4005	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	176,800	176,800	176,800	176,800	176,800	176,800	176,800	176,800	176,800
4006	Vật tư ngành nước	Co 90° ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800
4007	Vật tư ngành nước	Co 90° ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600
4008	Vật tư ngành nước	Co 90° ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,900	39,900	39,900	39,900	39,900	39,900	39,900	39,900	39,900
4009	Vật tư ngành nước	Co 90° ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100
4010	Vật tư ngành nước	Co 90° ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200

4011	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	161,600	161,600	161,600	161,600	161,600	161,600	161,600	161,600	161,600
4012	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
4013	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400
4014	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
4015	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
4016	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800
4017	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 63 hàn lắp ngoài	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000	51,000
4018	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
4019	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900
4020	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700
4021	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300
4022	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
4023	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 63 hàn lắp ngoài	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	35,100	35,100	35,100	35,100	35,100	35,100	35,100	35,100	35,100
4024	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 25 x 20	cái	ISO 4427:2007	25x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
4025	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 32 x 25	cái	ISO 4427:2007	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600	13,600
4026	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 40 x 32	cái	ISO 4427:2007	40x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
4027	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 20	cái	ISO 4427:2007	50x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23,200	23,200	23,200	23,200	23,200	23,200	23,200	23,200	23,200
4028	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 25	cái	ISO 4427:2007	50x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700	24,700
4029	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 32	cái	ISO 4427:2007	50x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800
4030	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 40	cái	ISO 4427:2007	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400
4031	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 25	cái	ISO 4427:2007	63x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	42,400	42,400	42,400	42,400	42,400	42,400	42,400	42,400	42,400
4032	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 32	cái	ISO 4427:2007	63x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600
4033	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 40	cái	ISO 4427:2007	63x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	48,400	48,400	48,400	48,400	48,400	48,400	48,400	48,400	48,400

4034	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 50	cái	ISO 4427:2007	63x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900
4035	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300	43,300
4036	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,700	53,700	53,700	53,700	53,700	53,700	53,700	53,700	53,700
4037	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600
4038	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900
4039	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300
4040	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	164,800	164,800	164,800	164,800	164,800	164,800	164,800	164,800	164,800
4041	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200
4042	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
4043	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900	58,900
4044	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,300	66,300	66,300	66,300	66,300	66,300	66,300	66,300	66,300
4045	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700
4046	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	198,900	198,900	198,900	198,900	198,900	198,900	198,900	198,900	198,900
4047	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100
4048	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700	55,700
4049	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400
4050	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	61,700	61,700	61,700	61,700	61,700	61,700	61,700	61,700	61,700
4051	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300	83,300
4052	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100
4053	Vật tư ngành nước	Co 90° HDPE 63 hàn đối đầu	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,200	44,200	44,200	44,200	44,200	44,200	44,200	44,200	44,200
4054	Vật tư ngành nước	Co 90° HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100
4055	Vật tư ngành nước	Co 90° HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	116,300	116,300	116,300	116,300	116,300	116,300	116,300	116,300	116,300
4056	Vật tư ngành nước	Co 90° HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	169,200	169,200	169,200	169,200	169,200	169,200	169,200	169,200	169,200

4057	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	242,300	242,300	242,300	242,300	242,300	242,300	242,300	242,300	242,300
4058	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	355,300	355,300	355,300	355,300	355,300	355,300	355,300	355,300	355,300
4059	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	423,100	423,100	423,100	423,100	423,100	423,100	423,100	423,100	423,100
4060	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	610,300	610,300	610,300	610,300	610,300	610,300	610,300	610,300	610,300
4061	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100
4062	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,068,200	1,068,200	1,068,200	1,068,200	1,068,200	1,068,200	1,068,200	1,068,200	1,068,200
4063	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,119,000	1,119,000	1,119,000	1,119,000	1,119,000	1,119,000	1,119,000	1,119,000	1,119,000
4064	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,807,000	1,807,000	1,807,000	1,807,000	1,807,000	1,807,000	1,807,000	1,807,000	1,807,000
4065	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,943,500	1,943,500	1,943,500	1,943,500	1,943,500	1,943,500	1,943,500	1,943,500	1,943,500
4066	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,669,600	2,669,600	2,669,600	2,669,600	2,669,600	2,669,600	2,669,600	2,669,600	2,669,600
4067	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,939,800	3,939,800	3,939,800	3,939,800	3,939,800	3,939,800	3,939,800	3,939,800	3,939,800
4068	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,399,500	6,399,500	6,399,500	6,399,500	6,399,500	6,399,500	6,399,500	6,399,500	6,399,500
4069	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,181,200	8,181,200	8,181,200	8,181,200	8,181,200	8,181,200	8,181,200	8,181,200	8,181,200
4070	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,999,100	11,999,100	11,999,100	11,999,100	11,999,100	11,999,100	11,999,100	11,999,100	11,999,100
4071	Vật tư ngành nước	Co 90º HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,307,700	17,307,700	17,307,700	17,307,700	17,307,700	17,307,700	17,307,700	17,307,700	17,307,700
4072	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 63 hàn đối đầu	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	41,400	41,400	41,400	41,400	41,400	41,400	41,400	41,400	41,400
4073	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,500	64,500	64,500	64,500	64,500	64,500	64,500	64,500	64,500
4074	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	90,600	90,600	90,600	90,600	90,600	90,600	90,600	90,600	90,600
4075	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	126,900	126,900	126,900	126,900	126,900	126,900	126,900	126,900	126,900
4076	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800	198,800
4077	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000
4078	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	338,500	338,500	338,500	338,500	338,500	338,500	338,500	338,500	338,500
4079	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	569,100	569,100	569,100	569,100	569,100	569,100	569,100	569,100	569,100

4080	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	608,000	608,000	608,000	608,000	608,000	608,000	608,000	608,000	608,000
4081	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	810,500	810,500	810,500	810,500	810,500	810,500	810,500	810,500	810,500
4082	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	839,000	839,000	839,000	839,000	839,000	839,000	839,000	839,000	839,000
4083	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,338,800	1,338,800	1,338,800	1,338,800	1,338,800	1,338,800	1,338,800	1,338,800	1,338,800
4084	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,384,400	1,384,400	1,384,400	1,384,400	1,384,400	1,384,400	1,384,400	1,384,400	1,384,400
4085	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,862,400	1,862,400	1,862,400	1,862,400	1,862,400	1,862,400	1,862,400	1,862,400	1,862,400
4086	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,779,500	2,779,500	2,779,500	2,779,500	2,779,500	2,779,500	2,779,500	2,779,500	2,779,500
4087	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,285,500	4,285,500	4,285,500	4,285,500	4,285,500	4,285,500	4,285,500	4,285,500	4,285,500
4088	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,389,300	5,389,300	5,389,300	5,389,300	5,389,300	5,389,300	5,389,300	5,389,300	5,389,300
4089	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,417,700	7,417,700	7,417,700	7,417,700	7,417,700	7,417,700	7,417,700	7,417,700	7,417,700
4090	Vật tư ngành nước	Co 45º HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,908,400	10,908,400	10,908,400	10,908,400	10,908,400	10,908,400	10,908,400	10,908,400	10,908,400
4091	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	106,300	106,300	106,300	106,300	106,300	106,300	106,300	106,300	106,300
4092	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	152,400	152,400	152,400	152,400	152,400	152,400	152,400	152,400	152,400
4093	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	219,300	219,300	219,300	219,300	219,300	219,300	219,300	219,300	219,300
4094	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	321,500	321,500	321,500	321,500	321,500	321,500	321,500	321,500	321,500
4095	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	492,200	492,200	492,200	492,200	492,200	492,200	492,200	492,200	492,200
4096	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000
4097	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	799,900	799,900	799,900	799,900	799,900	799,900	799,900	799,900	799,900
4098	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,038,200	1,038,200	1,038,200	1,038,200	1,038,200	1,038,200	1,038,200	1,038,200	1,038,200
4099	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,396,900	1,396,900	1,396,900	1,396,900	1,396,900	1,396,900	1,396,900	1,396,900	1,396,900
4100	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,425,400	1,425,400	1,425,400	1,425,400	1,425,400	1,425,400	1,425,400	1,425,400	1,425,400
4101	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,377,500	2,377,500	2,377,500	2,377,500	2,377,500	2,377,500	2,377,500	2,377,500	2,377,500
4102	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,516,500	2,516,500	2,516,500	2,516,500	2,516,500	2,516,500	2,516,500	2,516,500	2,516,500

4103	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,629,000	3,629,000	3,629,000	3,629,000	3,629,000	3,629,000	3,629,000	3,629,000	3,629,000
4104	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,863,700	4,863,700	4,863,700	4,863,700	4,863,700	4,863,700	4,863,700	4,863,700	4,863,700
4105	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,437,800	10,437,800	10,437,800	10,437,800	10,437,800	10,437,800	10,437,800	10,437,800	10,437,800
4106	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,887,100	25,887,100	25,887,100	25,887,100	25,887,100	25,887,100	25,887,100	25,887,100	25,887,100
4107	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 40	cái	ISO 4427:2007	75x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600	73,600
4108	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 50	cái	ISO 4427:2007	75x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	81,600	81,600	81,600	81,600	81,600	81,600	81,600	81,600	81,600
4109	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 63	cái	ISO 4427:2007	75x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	94,200	94,200	94,200	94,200	94,200	94,200	94,200	94,200	94,200
4110	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 40	cái	ISO 4427:2007	90x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	102,000	102,000	102,000	102,000	102,000	102,000	102,000	102,000	102,000
4111	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 50	cái	ISO 4427:2007	90x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	113,400	113,400	113,400	113,400	113,400	113,400	113,400	113,400	113,400
4112	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 63	cái	ISO 4427:2007	90x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	118,500	118,500	118,500	118,500	118,500	118,500	118,500	118,500	118,500
4113	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 75	cái	ISO 4427:2007	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	139,700	139,700	139,700	139,700	139,700	139,700	139,700	139,700	139,700
4114	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 50	cái	ISO 4427:2007	110x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	146,600	146,600	146,600	146,600	146,600	146,600	146,600	146,600	146,600
4115	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 63	cái	ISO 4427:2007	110x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	147,300	147,300	147,300	147,300	147,300	147,300	147,300	147,300	147,300
4116	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 75	cái	ISO 4427:2007	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	174,300	174,300	174,300	174,300	174,300	174,300	174,300	174,300	174,300
4117	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 90	cái	ISO 4427:2007	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000	183,000
4118	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 140 x 110	cái	ISO 4427:2007	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	461,500	461,500	461,500	461,500	461,500	461,500	461,500	461,500	461,500
4119	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 63	cái	ISO 4427:2007	160x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	396,100	396,100	396,100	396,100	396,100	396,100	396,100	396,100	396,100
4120	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 75	cái	ISO 4427:2007	160x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000	400,000
4121	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 90	cái	ISO 4427:2007	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	415,300	415,300	415,300	415,300	415,300	415,300	415,300	415,300	415,300
4122	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 110	cái	ISO 4427:2007	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200
4123	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 125	cái	ISO 4427:2007	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	683,900	683,900	683,900	683,900	683,900	683,900	683,900	683,900	683,900
4124	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 180 x 125	cái	ISO 4427:2007	180x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,035,600	1,035,600	1,035,600	1,035,600	1,035,600	1,035,600	1,035,600	1,035,600	1,035,600
4125	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 63	cái	ISO 4427:2007	200x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	653,700	653,700	653,700	653,700	653,700	653,700	653,700	653,700	653,700

4126	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 75	cái	ISO 4427:2007	200x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	661,500	661,500	661,500	661,500	661,500	661,500	661,500	661,500	661,500
4127	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 90	cái	ISO 4427:2007	200x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	761,400	761,400	761,400	761,400	761,400	761,400	761,400	761,400	761,400
4128	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 110	cái	ISO 4427:2007	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100	769,100
4129	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 125	cái	ISO 4427:2007	200x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,162,700	1,162,700	1,162,700	1,162,700	1,162,700	1,162,700	1,162,700	1,162,700	1,162,700
4130	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 160	cái	ISO 4427:2007	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,086,900	1,086,900	1,086,900	1,086,900	1,086,900	1,086,900	1,086,900	1,086,900	1,086,900
4131	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 125	cái	ISO 4427:2007	225x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,319,700	1,319,700	1,319,700	1,319,700	1,319,700	1,319,700	1,319,700	1,319,700	1,319,700
4132	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 160	cái	ISO 4427:2007	225x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	953,700	953,700	953,700	953,700	953,700	953,700	953,700	953,700	953,700
4133	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 250 x 160	cái	ISO 4427:2007	250x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,606,500	1,606,500	1,606,500	1,606,500	1,606,500	1,606,500	1,606,500	1,606,500	1,606,500
4134	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 250 x 110	cái	ISO 4427:2007	250x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	777,700	777,700	777,700	777,700	777,700	777,700	777,700	777,700	777,700
4135	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 225	cái	ISO 4427:2007	280x225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,086,300	1,086,300	1,086,300	1,086,300	1,086,300	1,086,300	1,086,300	1,086,300	1,086,300
4136	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 160	cái	ISO 4427:2007	280x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	905,500	905,500	905,500	905,500	905,500	905,500	905,500	905,500	905,500
4137	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 110	cái	ISO 4427:2007	280x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,567,500	2,567,500	2,567,500	2,567,500	2,567,500	2,567,500	2,567,500	2,567,500	2,567,500
4138	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 180	cái	ISO 4427:2007	225x180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,895,300	1,895,300	1,895,300	1,895,300	1,895,300	1,895,300	1,895,300	1,895,300	1,895,300
4139	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 110	cái	ISO 4427:2007	225x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,430,600	1,430,600	1,430,600	1,430,600	1,430,600	1,430,600	1,430,600	1,430,600	1,430,600
4140	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 315 x 160	cái	ISO 4427:2007	315x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,561,100	1,561,100	1,561,100	1,561,100	1,561,100	1,561,100	1,561,100	1,561,100	1,561,100
4141	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 315 x 110	cái	ISO 4427:2007	315x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,317,300	1,317,300	1,317,300	1,317,300	1,317,300	1,317,300	1,317,300	1,317,300	1,317,300
4142	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000
4143	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700	52,700
4144	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	69,300	69,300	69,300	69,300	69,300	69,300	69,300	69,300	69,300
4145	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	118,600	118,600	118,600	118,600	118,600	118,600	118,600	118,600	118,600
4146	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	142,400	142,400	142,400	142,400	142,400	142,400	142,400	142,400	142,400
4147	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	205,500	205,500	205,500	205,500	205,500	205,500	205,500	205,500	205,500
4148	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	290,700	290,700	290,700	290,700	290,700	290,700	290,700	290,700	290,700

4149	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400
4150	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300
4151	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	440,200	440,200	440,200	440,200	440,200	440,200	440,200	440,200	440,200
4152	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	456,200	456,200	456,200	456,200	456,200	456,200	456,200	456,200	456,200
4153	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	745,700	745,700	745,700	745,700	745,700	745,700	745,700	745,700	745,700
4154	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	712,100	712,100	712,100	712,100	712,100	712,100	712,100	712,100	712,100
4155	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200	976,200
4156	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,418,400	1,418,400	1,418,400	1,418,400	1,418,400	1,418,400	1,418,400	1,418,400	1,418,400
4157	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,839,900	1,839,900	1,839,900	1,839,900	1,839,900	1,839,900	1,839,900	1,839,900	1,839,900
4158	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,763,600	2,763,600	2,763,600	2,763,600	2,763,600	2,763,600	2,763,600	2,763,600	2,763,600
4159	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,418,100	3,418,100	3,418,100	3,418,100	3,418,100	3,418,100	3,418,100	3,418,100	3,418,100
4160	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,072,400	4,072,400	4,072,400	4,072,400	4,072,400	4,072,400	4,072,400	4,072,400	4,072,400
4161	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 710	cái	ISO 4427:2007	710	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,981,400	6,981,400	6,981,400	6,981,400	6,981,400	6,981,400	6,981,400	6,981,400	6,981,400
4162	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 800	cái	ISO 4427:2007	800	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,017,500	9,017,500	9,017,500	9,017,500	9,017,500	9,017,500	9,017,500	9,017,500	9,017,500
4163	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 900	cái	ISO 4427:2007	900	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,709,300	13,709,300	13,709,300	13,709,300	13,709,300	13,709,300	13,709,300	13,709,300	13,709,300
4164	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 1000	cái	ISO 4427:2007	1000	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,251,300	19,251,300	19,251,300	19,251,300	19,251,300	19,251,300	19,251,300	19,251,300	19,251,300
4165	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 1200	cái	ISO 4427:2007	1200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	37,802,400	37,802,400	37,802,400	37,802,400	37,802,400	37,802,400	37,802,400	37,802,400	37,802,400
4166	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 40	cái	ISO 4427:2007	90x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600	39,600
4167	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 50	cái	ISO 4427:2007	90x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000
4168	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 63	cái	ISO 4427:2007	90x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900	50,900
4169	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 75	cái	ISO 4427:2007	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900	53,900
4170	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 50	cái	ISO 4427:2007	110x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	69,200	69,200	69,200	69,200	69,200	69,200	69,200	69,200	69,200
4171	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 63	cái	ISO 4427:2007	110x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	73,100	73,100	73,100	73,100	73,100	73,100	73,100	73,100	73,100

4172	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 75	cái	ISO 4427:2007	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000
4173	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 90	cái	ISO 4427:2007	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	84,600	84,600	84,600	84,600	84,600	84,600	84,600	84,600	84,600
4174	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 140 x 110	cái	ISO 4427:2007	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400
4175	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 63	cái	ISO 4427:2007	160x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	195,500	195,500	195,500	195,500	195,500	195,500	195,500	195,500	195,500
4176	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 75	cái	ISO 4427:2007	160x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	200,100	200,100	200,100	200,100	200,100	200,100	200,100	200,100	200,100
4177	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 90	cái	ISO 4427:2007	160x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	218,100	218,100	218,100	218,100	218,100	218,100	218,100	218,100	218,100
4178	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 110	cái	ISO 4427:2007	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	239,300	239,300	239,300	239,300	239,300	239,300	239,300	239,300	239,300
4179	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 125	cái	ISO 4427:2007	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800
4180	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 140	cái	ISO 4427:2007	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	325,800	325,800	325,800	325,800	325,800	325,800	325,800	325,800	325,800
4181	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 63	cái	ISO 4427:2007	200x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	304,900	304,900	304,900	304,900	304,900	304,900	304,900	304,900	304,900
4182	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 75	cái	ISO 4427:2007	200x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	328,900	328,900	328,900	328,900	328,900	328,900	328,900	328,900	328,900
4183	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 90	cái	ISO 4427:2007	200x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	336,600	336,600	336,600	336,600	336,600	336,600	336,600	336,600	336,600
4184	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 110	cái	ISO 4427:2007	200x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	346,000	346,000	346,000	346,000	346,000	346,000	346,000	346,000	346,000
4185	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 160	cái	ISO 4427:2007	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	415,700	415,700	415,700	415,700	415,700	415,700	415,700	415,700	415,700
4186	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 180 x 125	cái	ISO 4427:2007	180x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	340,000	340,000	340,000	340,000	340,000	340,000	340,000	340,000	340,000
4187	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 225 x 125	cái	ISO 4427:2007	225x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	567,200	567,200	567,200	567,200	567,200	567,200	567,200	567,200	567,200
4188	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 225 x 180	cái	ISO 4427:2007	225x180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	611,600	611,600	611,600	611,600	611,600	611,600	611,600	611,600	611,600
4189	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 450 x 315	cái	ISO 4427:2007	450x315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800	2,221,800
4190	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 630 x 315	cái	ISO 4427:2007	630x315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,320,500	4,320,500	4,320,500	4,320,500	4,320,500	4,320,500	4,320,500	4,320,500	4,320,500
4191	Vật tư ngành nước	Tứ thông HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	580,200	580,200	580,200	580,200	580,200	580,200	580,200	580,200	580,200
4192	Vật tư ngành nước	Tứ thông HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,048,800	1,048,800	1,048,800	1,048,800	1,048,800	1,048,800	1,048,800	1,048,800	1,048,800
4193	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
4194	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600

4195	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600	5,600
4196	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,900	8,900	8,900	8,900	8,900	8,900	8,900	8,900	8,900
4197	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
4198	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
4199	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600
4200	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700	90,700
4201	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100
4202	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 125	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900
4203	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 140	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	403,800	403,800	403,800	403,800	403,800	403,800	403,800	403,800	403,800
4204	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 160	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	565,700	565,700	565,700	565,700	565,700	565,700	565,700	565,700	565,700
4205	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 25 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
4206	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 32 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
4207	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 32 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
4208	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
4209	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
4210	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
4211	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
4212	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
4213	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
4214	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
4215	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
4216	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
4217	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500

4218	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
4219	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
4220	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400
4221	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300	52,300
4222	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400
4223	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400
4224	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,700	63,700	63,700	63,700	63,700	63,700	63,700	63,700	63,700
4225	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	65,700	65,700	65,700	65,700	65,700	65,700	65,700	65,700	65,700
4226	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700
4227	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700	83,700
4228	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	127,600	127,600	127,600	127,600	127,600	127,600	127,600	127,600	127,600
4229	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700
4230	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200
4231	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700	171,700
4232	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 125 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	273,300	273,300	273,300	273,300	273,300	273,300	273,300	273,300	273,300
4233	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 140 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900
4234	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 140 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	318,100	318,100	318,100	318,100	318,100	318,100	318,100	318,100	318,100
4235	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	582,400	582,400	582,400	582,400	582,400	582,400	582,400	582,400	582,400
4236	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	408,900	408,900	408,900	408,900	408,900	408,900	408,900	408,900	408,900
4237	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160x140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	590,900	590,900	590,900	590,900	590,900	590,900	590,900	590,900	590,900
4238	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 200 x 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	826,800	826,800	826,800	826,800	826,800	826,800	826,800	826,800	826,800
4239	Vật tư ngành nước	Tê PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
4240	Vật tư ngành nước	Tê PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300

4241	Vật tư ngành nước	Tê PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100
4242	Vật tư ngành nước	Tê PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700	18,700
4243	Vật tư ngành nước	Tê PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900
4244	Vật tư ngành nước	Tê PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	92,400	92,400	92,400	92,400	92,400	92,400	92,400	92,400	92,400
4245	Vật tư ngành nước	Tê PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800
4246	Vật tư ngành nước	Tê PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400	215,400
4247	Vật tư ngành nước	Tê PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	333,500	333,500	333,500	333,500	333,500	333,500	333,500	333,500	333,500
4248	Vật tư ngành nước	Tê PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800	708,800
4249	Vật tư ngành nước	Tê PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500	759,500
4250	Vật tư ngành nước	Tê PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,299,500	1,299,500	1,299,500	1,299,500	1,299,500	1,299,500	1,299,500	1,299,500	1,299,500
4251	Vật tư ngành nước	Tê PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000	2,226,000
4252	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000
4253	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
4254	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600
4255	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000
4256	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000
4257	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	212,100	212,100	212,100	212,100	212,100	212,100	212,100	212,100	212,100
4258	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	295,300	295,300	295,300	295,300	295,300	295,300	295,300	295,300	295,300
4259	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	439,200	439,200	439,200	439,200	439,200	439,200	439,200	439,200	439,200
4260	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000	955,000
4261	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400	26,400
4262	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	38,900	38,900	38,900	38,900	38,900	38,900	38,900	38,900	38,900
4263	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000

4264	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300
4265	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	96,600	96,600	96,600	96,600	96,600	96,600	96,600	96,600	96,600
4266	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	223,700	223,700	223,700	223,700	223,700	223,700	223,700	223,700	223,700
4267	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400	10,400
4268	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,500	19,500	19,500	19,500	19,500	19,500	19,500	19,500	19,500
4269	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400
4270	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000
4271	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100	53,100
4272	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,100	64,100	64,100	64,100	64,100	64,100	64,100	64,100	64,100
4273	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	94,700	94,700	94,700	94,700	94,700	94,700	94,700	94,700	94,700
4274	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x11/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400	275,400
4275	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x11/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	344,300	344,300	344,300	344,300	344,300	344,300	344,300	344,300	344,300
4276	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	583,400	583,400	583,400	583,400	583,400	583,400	583,400	583,400	583,400
4277	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400	36,400
4278	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400	44,400
4279	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,600	49,600	49,600	49,600	49,600	49,600	49,600	49,600	49,600
4280	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900
4281	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x11/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400	200,400
4282	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x11/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	265,900	265,900	265,900	265,900	265,900	265,900	265,900	265,900	265,900
4283	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	538,000	538,000	538,000	538,000	538,000	538,000	538,000	538,000	538,000
4284	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900	56,900
4285	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300	64,300
4286	Vật tư ngành nước	Co 90° ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000

4287	Vật tư ngành nước	Co 90º ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000
4288	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400	40,400
4289	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000	46,000
4290	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	61,800	61,800	61,800	61,800	61,800	61,800	61,800	61,800	61,800
4291	Vật tư ngành nước	Co 90º ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	114,300	114,300	114,300	114,300	114,300	114,300	114,300	114,300	114,300
4292	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
4293	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400
4294	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,100	8,100	8,100	8,100	8,100	8,100	8,100	8,100	8,100
4295	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
4296	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600
4297	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200	70,200
4298	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	107,900	107,900	107,900	107,900	107,900	107,900	107,900	107,900	107,900
4299	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500
4300	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	223,800	223,800	223,800	223,800	223,800	223,800	223,800	223,800	223,800
4301	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	398,300	398,300	398,300	398,300	398,300	398,300	398,300	398,300	398,300
4302	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600	534,600
4303	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	620,900	620,900	620,900	620,900	620,900	620,900	620,900	620,900	620,900
4304	Vật tư ngành nước	Co 45º PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,408,300	1,408,300	1,408,300	1,408,300	1,408,300	1,408,300	1,408,300	1,408,300	1,408,300
4305	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 25 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
4306	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 32 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
4307	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 32 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
4308	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300
4309	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300

4310	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300
4311	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700
4312	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700
4313	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700
4314	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700	49,700
4315	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300
4316	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300
4317	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300
4318	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300
4319	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300	87,300
4320	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500
4321	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500
4322	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500
4323	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500
4324	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	184,700	184,700	184,700	184,700	184,700	184,700	184,700	184,700	184,700
4325	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600	187,600
4326	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500
4327	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	221,700	221,700	221,700	221,700	221,700	221,700	221,700	221,700	221,700
4328	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	127,100	127,100	127,100	127,100	127,100	127,100	127,100	127,100	127,100
4329	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600
4330	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600
4331	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600	319,600
4332	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 140 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	596,300	596,300	596,300	596,300	596,300	596,300	596,300	596,300	596,300

4333	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 140 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	662,600	662,600	662,600	662,600	662,600	662,600	662,600	662,600	662,600
4334	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 160 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160x110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	796,600	796,600	796,600	796,600	796,600	796,600	796,600	796,600	796,600
4335	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 160 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	888,000	888,000	888,000	888,000	888,000	888,000	888,000	888,000	888,000
4336	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100	4,100
4337	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400	5,400
4338	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400
4339	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,300	15,300	15,300	15,300	15,300	15,300	15,300	15,300	15,300
4340	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	26,900	26,900	26,900	26,900	26,900	26,900	26,900	26,900	26,900
4341	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100
4342	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	107,200	107,200	107,200	107,200	107,200	107,200	107,200	107,200	107,200
4343	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	165,300	165,300	165,300	165,300	165,300	165,300	165,300	165,300	165,300
4344	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	336,900	336,900	336,900	336,900	336,900	336,900	336,900	336,900	336,900
4345	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	546,100	546,100	546,100	546,100	546,100	546,100	546,100	546,100	546,100
4346	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	728,100	728,100	728,100	728,100	728,100	728,100	728,100	728,100	728,100
4347	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,092,100	1,092,100	1,092,100	1,092,100	1,092,100	1,092,100	1,092,100	1,092,100	1,092,100
4348	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,123,600	2,123,600	2,123,600	2,123,600	2,123,600	2,123,600	2,123,600	2,123,600	2,123,600
4349	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
4350	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500	3,500
4351	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500
4352	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800
4353	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
4354	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	62,600	62,600	62,600	62,600	62,600	62,600	62,600	62,600	62,600
4355	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	111,200	111,200	111,200	111,200	111,200	111,200	111,200	111,200	111,200

4356	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	125,100	125,100	125,100	125,100	125,100	125,100	125,100	125,100	125,100
4357	Vật tư ngành nước	Nút bít PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	137,500	137,500	137,500	137,500	137,500	137,500	137,500	137,500	137,500
4358	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	142,500	142,500	142,500	142,500	142,500	142,500	142,500	142,500	142,500
4359	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	193,200	193,200	193,200	193,200	193,200	193,200	193,200	193,200	193,200
4360	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800	222,800
4361	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	345,200	345,200	345,200	345,200	345,200	345,200	345,200	345,200	345,200
4362	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	588,100	588,100	588,100	588,100	588,100	588,100	588,100	588,100	588,100
4363	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	733,300	733,300	733,300	733,300	733,300	733,300	733,300	733,300	733,300
4364	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	191,200	191,200	191,200	191,200	191,200	191,200	191,200	191,200	191,200
4365	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000
4366	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	315,600	315,600	315,600	315,600	315,600	315,600	315,600	315,600	315,600
4367	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	531,200	531,200	531,200	531,200	531,200	531,200	531,200	531,200	531,200
4368	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	828,400	828,400	828,400	828,400	828,400	828,400	828,400	828,400	828,400
4369	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	129,300	129,300	129,300	129,300	129,300	129,300	129,300	129,300	129,300
4370	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500
4371	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	316,700	316,700	316,700	316,700	316,700	316,700	316,700	316,700	316,700
4372	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x11/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	469,900	469,900	469,900	469,900	469,900	469,900	469,900	469,900	469,900
4373	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x11/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	829,400	829,400	829,400	829,400	829,400	829,400	829,400	829,400	829,400
4374	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,121,900	1,121,900	1,121,900	1,121,900	1,121,900	1,121,900	1,121,900	1,121,900	1,121,900
4375	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	121,200	121,200	121,200	121,200	121,200	121,200	121,200	121,200	121,200
4376	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100
4377	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	284,500	284,500	284,500	284,500	284,500	284,500	284,500	284,500	284,500
4378	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x11/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	445,800	445,800	445,800	445,800	445,800	445,800	445,800	445,800	445,800

4379	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50x11/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	776,500	776,500	776,500	776,500	776,500	776,500	776,500	776,500	776,500
4380	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63x2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,034,800	1,034,800	1,034,800	1,034,800	1,034,800	1,034,800	1,034,800	1,034,800	1,034,800
4381	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200	50,200
4382	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	54,500	54,500	54,500	54,500	54,500	54,500	54,500	54,500	54,500
4383	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	66,000	66,000	66,000	66,000	66,000	66,000	66,000	66,000	66,000
4384	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	138,600	138,600	138,600	138,600	138,600	138,600	138,600	138,600	138,600
4385	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800	40,800
4386	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25x1/2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600	43,600
4387	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 25 x 3/4"	m	TCVN 7979:2009	25x3/4	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,600	63,600	63,600	63,600	63,600	63,600	63,600	63,600	63,600
4388	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 32 x 1"	m	TCVN 7979:2009	32x1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800	138,800
4389	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 32 x 25	m	TCVN 7979:2009	32x25x1.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
4390	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 40 x 30	m	TCVN 7979:2009	40x30x1.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900
4391	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 50 x 40	m	TCVN 7979:2009	50x40x1.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	24,200	24,200	24,200	24,200	24,200	24,200	24,200	24,200	24,200
4392	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 65 x 50	m	TCVN 7979:2009	65x50x1.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	33,100	33,100	33,100	33,100	33,100	33,100	33,100	33,100	33,100
4393	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 85 x 65	m	TCVN 7979:2009	85x65x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900	47,900
4394	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 90 x 70	m	TCVN 7979:2009	90x70x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000
4395	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 105 x 80	m	TCVN 7979:2009	105x80x2.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
4396	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 110 x 90	m	TCVN 7979:2009	110x90x2.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	65,900	65,900	65,900	65,900	65,900	65,900	65,900	65,900	65,900
4397	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 130 x 100	m	TCVN 7979:2009	130x100x2.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000
4398	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 160 x 125	m	TCVN 7979:2009	160x125x2.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	136,700	136,700	136,700	136,700	136,700	136,700	136,700	136,700	136,700
4399	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 195 x 150	m	TCVN 7979:2009	195x150x2.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	186,600	186,600	186,600	186,600	186,600	186,600	186,600	186,600	186,600
4400	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 210 x 160	m	TCVN 7979:2009	210x160x3.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	208,200	208,200	208,200	208,200	208,200	208,200	208,200	208,200	208,200
4401	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 230 x 175	m	TCVN 7979:2009	230x175x3.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	278,100	278,100	278,100	278,100	278,100	278,100	278,100	278,100	278,100

4402	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 260 x 200	cái	TCVN 7979:2009	260x200x4.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	332,500	332,500	332,500	332,500	332,500	332,500	332,500	332,500	332,500
4403	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 320 x 250	cái	TCVN 7979:2009	320x250x4.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	658,200	658,200	658,200	658,200	658,200	658,200	658,200	658,200	658,200
4404	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 32 x 25	cái	TCVN 7979:2009	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600
4405	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 40 x 30	cái	TCVN 7979:2009	40x30	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900
4406	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 50 x 40	cái	TCVN 7979:2009	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700
4407	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 65 x 50	cái	TCVN 7979:2009	65x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800
4408	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 85 x 65	cái	TCVN 7979:2009	85x65	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100
4409	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 105 x 80	cái	TCVN 7979:2009	105x80	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
4410	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 110 x 90	cái	TCVN 7979:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900
4411	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 130 x 100	cái	TCVN 7979:2009	130x100	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500
4412	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 160 x 125	cái	TCVN 7979:2009	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900
4413	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 195 x 150	cái	TCVN 7979:2009	195x150	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300
4414	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 210 x 160	cái	TCVN 7979:2009	210x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100
4415	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 230 x 175	cái	TCVN 7979:2009	230x175	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200
4416	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 260 x 200	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	260x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400
4417	Vật tư ngành nước	Nắp bít HDPE gân xoắn 320 x 250	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	320x250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300
4418	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 32 x 25	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600
4419	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 40 x 30	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	40x30	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900	9,900
4420	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 50 x 40	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700
4421	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 65 x 50	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	65x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800	15,800
4422	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 85 x 65	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	85x65	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100
4423	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 105 x 80	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	105x80	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
4424	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 110 x 90	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900

4425	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 130 x 100	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	130x100	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500
4426	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 160 x 125	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900	49,900
4427	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 195 x 150	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	195x150	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300	71,300
4428	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 210 x 160	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	210x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100	79,100
4429	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 230 x 175	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	230x175	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200	91,200
4430	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 260 x 200	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	260x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400
4431	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 320 x 250	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	320x250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300	119,300
4432	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.1 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16x1.1	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400
4433	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.2 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20x1.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300	27,300
4434	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 1.3 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25x1.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	37,200	37,200	37,200	37,200	37,200	37,200	37,200	37,200	37,200
4435	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 1.6 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32x1.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000	63,000
4436	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.3 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16x1.3	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400	22,400
4437	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.5 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20x1.5	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000	31,000
4438	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 1.7 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25x1.7	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500
4439	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 2.0 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500	75,500
4440	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.6 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16x1.6	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200
4441	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.8 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20x1.8	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300	38,300
4442	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 2.0 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25x2.0	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	54,700	54,700	54,700	54,700	54,700	54,700	54,700	54,700	54,700
4443	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 2.2 x 2.92	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32x2.2	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500
4444	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188	1,188
4445	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,296	1,296	1,296	1,296	1,296	1,296	1,296	1,296	1,296
4446	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,944	1,944	1,944	1,944	1,944	1,944	1,944	1,944	1,944
4447	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808

4448	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808
4449	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,916	2,916	2,916	2,916	2,916	2,916	2,916	2,916	2,916
4450	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780
4451	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048
4452	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,292	5,292	5,292	5,292	5,292	5,292	5,292	5,292	5,292
4453	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,020	7,020	7,020	7,020	7,020	7,020	7,020	7,020	7,020
4454	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,504	9,504	9,504	9,504	9,504	9,504	9,504	9,504	9,504
4455	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,664	11,664	11,664	11,664	11,664	11,664	11,664	11,664	11,664
4456	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048
4457	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532
4458	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	10,692	10,692	10,692	10,692	10,692	10,692	10,692	10,692	10,692
4459	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	13,608	13,608	13,608	13,608	13,608	13,608	13,608	13,608	13,608
4460	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780	3,780
4461	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	5,184	5,184	5,184	5,184	5,184	5,184	5,184	5,184	5,184
4462	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,640	8,640	8,640	8,640	8,640	8,640	8,640	8,640	8,640
4463	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	12,528	12,528	12,528	12,528	12,528	12,528	12,528	12,528	12,528
4464	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212
4465	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048	6,048
4466	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	9,720	9,720	9,720	9,720	9,720	9,720	9,720	9,720	9,720
4467	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	14,148	14,148	14,148	14,148	14,148	14,148	14,148	14,148	14,148
4468	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,512	1,512	1,512	1,512	1,512	1,512	1,512	1,512	1,512
4469	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,728	1,728	1,728	1,728	1,728	1,728	1,728	1,728	1,728
4470	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808

4471	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,240	3,240	3,240	3,240	3,240	3,240	3,240	3,240	3,240
4472	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236
4473	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560
4474	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532
4475	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988
4476	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236
4477	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 20	cái	TCVN 12755: 2020	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560
4478	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 25	cái	TCVN 12755: 2020	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532
4479	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 32	cái	TCVN 12755: 2020	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988
4480	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 16	cái	TCVN 12755: 2020	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236	7,236
4481	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 20	cái	TCVN 12755: 2020	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560
4482	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 25	cái	TCVN 12755: 2020	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532
4483	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 32	cái	TCVN 12755: 2020	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988
4484	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 20 x 16	cái	TCVN 12755: 2020	20x16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808	2,808
4485	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 25 x 20	cái	TCVN 12755: 2020	25x20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	3,672	3,672	3,672	3,672	3,672	3,672	3,672	3,672	3,672
4486	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 32 x 25	cái	TCVN 12755: 2020	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212	4,212
4487	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 20	cái	TCVN 12755: 2020	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560
4488	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 25	cái	TCVN 12755: 2020	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532
4489	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 32	cái	TCVN 12755: 2020	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988
4490	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 20	cái	TCVN 12755: 2020	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560	7,560
4491	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 25	cái	TCVN 12755: 2020	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532	8,532
4492	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 32	cái	TCVN 12755: 2020	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988	11,988
4493	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật 4 nhánh ngang 90° 110 x 160 - 200	cái	TCVN 12755: 2020	110x160-200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,283,000	1,283,000	1,283,000	1,283,000	1,283,000	1,283,000	1,283,000	1,283,000	1,283,000

4494	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật 2 nhánh ngang 160 - 200	cái	TCVN 12755: 2020	160-200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	787,000	787,000	787,000	787,000	787,000	787,000	787,000	787,000	787,000
4495	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật 2 nhánh đứng 90° 110 - 160	cái	TCVN 12755: 2020	110-160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	300,000	300,000	300,000	300,000	300,000	300,000	300,000	300,000	300,000
4496	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật 2 nhánh ngang lệch tâm 110 - 225	cái	TCVN 12755: 2020	110-225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	710,000	710,000	710,000	710,000	710,000	710,000	710,000	710,000	710,000
4497	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật 2 nhánh ngang 90° 160 - 200	cái	TCVN 12755: 2020	160-200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	1,129,000	1,129,000	1,129,000	1,129,000	1,129,000	1,129,000	1,129,000	1,129,000	1,129,000
4498	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga 160	cái	TCVN 12755: 2020	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	755,000	755,000	755,000	755,000	755,000	755,000	755,000	755,000	755,000
4499	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga 200	cái	TCVN 12755: 2020	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	912,000	912,000	912,000	912,000	912,000	912,000	912,000	912,000	912,000
4500	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN đứng: 5000L-1700mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11,471,000	11,471,000	11,471,000	11,471,000	11,471,000	11,471,000	11,471,000	11,471,000	11,471,000
4501	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 500L-775mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,605,000	1,605,000	1,605,000	1,605,000	1,605,000	1,605,000	1,605,000	1,605,000	1,605,000
4502	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 1000L-1010mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,210,000	2,210,000	2,210,000	2,210,000	2,210,000	2,210,000	2,210,000	2,210,000	2,210,000
4503	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 1500L-1215mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3,255,000	3,255,000	3,255,000	3,255,000	3,255,000	3,255,000	3,255,000	3,255,000	3,255,000
4504	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 2000L-1310mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000	4,330,000
4505	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 3000L-1490mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,410,000	6,410,000	6,410,000	6,410,000	6,410,000	6,410,000	6,410,000	6,410,000	6,410,000
4506	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 5000L-1750mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11,890,000	11,890,000	11,890,000	11,890,000	11,890,000	11,890,000	11,890,000	11,890,000	11,890,000
4507	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 500L-790mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,997,000	1,997,000	1,997,000	1,997,000	1,997,000	1,997,000	1,997,000	1,997,000	1,997,000
4508	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 1000L-960mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3,520,000	3,520,000	3,520,000	3,520,000	3,520,000	3,520,000	3,520,000	3,520,000	3,520,000
4509	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 2000L-1280mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,492,000	7,492,000	7,492,000	7,492,000	7,492,000	7,492,000	7,492,000	7,492,000	7,492,000
4510	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE ngang: 500L-780mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,945,000	1,945,000	1,945,000	1,945,000	1,945,000	1,945,000	1,945,000	1,945,000	1,945,000
4511	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE ngang: 1000L-960mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000	3,200,000
4512	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 12 ống: 130L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5,060,000	5,060,000	5,060,000	5,060,000	5,060,000	5,060,000	5,060,000	5,060,000	5,060,000
4513	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 15 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,220,000	6,220,000	6,220,000	6,220,000	6,220,000	6,220,000	6,220,000	6,220,000	6,220,000
4514	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,380,000	7,380,000	7,380,000	7,380,000	7,380,000	7,380,000	7,380,000	7,380,000	7,380,000
4515	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8,160,000	8,160,000	8,160,000	8,160,000	8,160,000	8,160,000	8,160,000	8,160,000	8,160,000
4516	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9,760,000	9,760,000	9,760,000	9,760,000	9,760,000	9,760,000	9,760,000	9,760,000	9,760,000

4517	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12,100,000	12,100,000	12,100,000	12,100,000	12,100,000	12,100,000	12,100,000	12,100,000	12,100,000
4518	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 12 ống: 130L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000
4519	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 15 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,610,000	6,610,000	6,610,000	6,610,000	6,610,000	6,610,000	6,610,000	6,610,000	6,610,000
4520	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,790,000	7,790,000	7,790,000	7,790,000	7,790,000	7,790,000	7,790,000	7,790,000	7,790,000
4521	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8,660,000	8,660,000	8,660,000	8,660,000	8,660,000	8,660,000	8,660,000	8,660,000	8,660,000
4522	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 12 ống: 120L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4,672,000	4,672,000	4,672,000	4,672,000	4,672,000	4,672,000	4,672,000	4,672,000	4,672,000
4523	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 14 ống: 140L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5,239,000	5,239,000	5,239,000	5,239,000	5,239,000	5,239,000	5,239,000	5,239,000	5,239,000
4524	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 16 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5,982,000	5,982,000	5,982,000	5,982,000	5,982,000	5,982,000	5,982,000	5,982,000	5,982,000
4525	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,735,000	6,735,000	6,735,000	6,735,000	6,735,000	6,735,000	6,735,000	6,735,000	6,735,000
4526	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,477,000	7,477,000	7,477,000	7,477,000	7,477,000	7,477,000	7,477,000	7,477,000	7,477,000
4527	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8,972,000	8,972,000	8,972,000	8,972,000	8,972,000	8,972,000	8,972,000	8,972,000	8,972,000
4528	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11,210,000	11,210,000	11,210,000	11,210,000	11,210,000	11,210,000	11,210,000	11,210,000	11,210,000
4529	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 12 ống: 120L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4,815,000	4,815,000	4,815,000	4,815,000	4,815,000	4,815,000	4,815,000	4,815,000	4,815,000
4530	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 14 ống: 140L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5,618,000	5,618,000	5,618,000	5,618,000	5,618,000	5,618,000	5,618,000	5,618,000	5,618,000
4531	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 16 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,420,000	6,420,000	6,420,000	6,420,000	6,420,000	6,420,000	6,420,000	6,420,000	6,420,000
4532	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,223,000	7,223,000	7,223,000	7,223,000	7,223,000	7,223,000	7,223,000	7,223,000	7,223,000
4533	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8,025,000	8,025,000	8,025,000	8,025,000	8,025,000	8,025,000	8,025,000	8,025,000	8,025,000
4534	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9,630,000	9,630,000	9,630,000	9,630,000	9,630,000	9,630,000	9,630,000	9,630,000	9,630,000
4535	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống đầu 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12,038,000	12,038,000	12,038,000	12,038,000	12,038,000	12,038,000	12,038,000	12,038,000	12,038,000
4536	Vật tư ngành nước	Ống năng lượng máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI: Ø58	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000	180,000
4537	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu trắng LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
4538	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu trắng trong LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
4539	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu đen LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
4540	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu xám xingfa LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000

4541	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu trắng LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
4542	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu trắng trong LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
4543	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu đen LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
4544	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu xám xingfa LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
4545	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082
4546	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439
4547	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763
4548	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595
4549	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515
4550	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286
4551	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328
4552	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139
4553	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425
4554	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929
4555	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096
4556	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829
4557	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144
4558	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096
4559	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477
4560	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006
4561	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607
4562	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048
4563	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009
4564	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561
4565	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508
4566	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739
4567	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510
4568	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120
4569	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663
4570	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369
4571	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461
4572	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563
4573	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 3.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022
4574	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463
4575	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014
4576	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269
4577	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022

4578	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774
4579	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871
4580	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271
4581	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274
4582	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279
4583	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485
4584	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791
4585	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 4.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491
4586	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551
4587	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483
4588	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 4.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657
4589	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248
4590	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 6.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756
4591	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 3.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473
4592	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359
4593	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057
4594	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 6.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799
4595	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351
4596	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345
4597	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292
4598	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 4.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951
4599	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 5.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829
4600	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732
4601	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 8.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119
4602	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210
4603	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 7.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503
4604	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076
4605	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 11.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622
4606	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 8.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168
4607	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 13.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697
4608	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 7.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392
4609	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 9.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495
4610	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 12.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532
4611	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 15.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246
4612	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 9.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644
4613	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 11.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186
4614	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941
4615	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636
4616	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 12.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522
4617	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916

4618	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925
4619	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 15.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970
4620	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 19.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912
4621	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 24.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713
4622	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 9.5, CA 12.5	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4,379,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4623	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 6.7	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4,419,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4624	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thạnh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGD ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	3,524,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4625	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,705,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4626	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,755,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4627	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,810,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4628	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	1,663,889	-
4629	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	1,635,185	-
4630	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	1,605,556	-
4631	Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 4kg	bình			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4632	Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 8kg	bình			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4633	Thiết bị PCCC	Kệ đựng bình chữa cháy	bộ			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4634	Thiết bị PCCC	Tủ PCCC nhỏ	cái			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4635	Thiết bị PCCC	Rìu cứu nạn	cái		Trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4636	Thiết bị PCCC	Xà beo	cái		Một đầu nhọn, một đầu dẹt, dài 100cm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4637	Thiết bị PCCC	Xà cầy 60cm	cái		Một đầu nhọn, một đầu móc nhỏ đỉnh	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4638	Thiết bị PCCC	Búa tạ	cái		Thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50cm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4639	Thiết bị PCCC	Kìm cộng lực	cái		Dài 60cm, tài cắt 60kg	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4640	Thiết bị PCCC	Cáng cứu thương màu cam	cái		Model: KTVN-TT150 gấp 2 khúc, có túi quai xách in TT150	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,500,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4641	Thiết bị PCCC	Mặt nạ lọc độc 40p	cái	QCVN 10:2012/BLĐTBXH	Mã KT-40	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	550,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4642	Thiết bị PCCC	Lăng phun chữa cháy Tomoken D50	cái		50.0mm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4643	Thiết bị PCCC	Trang phục chữa cháy TT150	bộ		150.0mm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 20/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950,000	-	-	-	-	-	-	-	-

4644	Bê tông thương phẩm	Bê tông M100	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,220,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4645	Bê tông thương phẩm	Bê tông M150	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,270,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4646	Bê tông thương phẩm	Bê tông M200	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,320,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4647	Bê tông thương phẩm	Bê tông M250	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,370,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4648	Bê tông thương phẩm	Bê tông M300	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,420,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4649	Bê tông thương phẩm	Bê tông M350	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,470,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4650	Bê tông thương phẩm	Bê tông M400	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ấ 148, KHP.Hoà Hội, P.Tràng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Tràng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1,520,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4651	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 1,4 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt,..)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000
4652	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 2 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt,..)	m2			Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000
4653	Cửa khung nhựa/nhôm	**CỬA ĐI, CỬA SỔ (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**				Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4654	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
4655	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000
4656	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
4657	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000
4658	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp, đ	m2	TCVN 9366:2012	ộ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000
4659	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000
4660	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000
4661	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000

4662	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000
4663	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000
4664	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000
4665	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000
4666	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000
4667	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000
4668	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000
4669	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000
4670	Cửa khung nhựa/nhôm	**HỆ VÁCH KÍNH ĐTT - 55 VÀ HỆ MẶT DỰNG ĐTT - 65 (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH). Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4671	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000
4672	Cửa khung nhựa/nhôm	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000
4673	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000
4674	Cửa khung nhựa/nhôm	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000
4675	Cửa khung nhựa/nhôm	**CỬA LÙA ĐTT - 93. Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4676	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000
4677	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000
4678	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000
4679	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000
4680	Cửa khung nhựa/nhôm	**CỬA ĐI, CỬA SỔ Hệ ĐTT - 55 tiêu chuẩn (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4681	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000

4682	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000
4683	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
4684	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000
4685	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
4686	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000
4687	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
4688	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000
4689	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
4690	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000
4691	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000
4692	Cửa khung nhựa/nhôm	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000
4693	Cửa khung nhựa/nhôm	Lam nhôm hộp 200x500mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000
4694	Cửa khung nhựa/nhôm	Lam nhôm hộp 200x600mm (bao gồm cả công lắp dựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000
4695	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 20x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4696	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 25x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4697	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 30x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 25/09/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4698	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2	GRI-GM13	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
4699	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
4700	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800
4701	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000
4702	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600
4703	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 7.5SD - Cường độ chịu kéo 7.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400
4704	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 9.5SD - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900
4705	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 11.5SD - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900

4706	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 13.5SD - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600
4707	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 15 SD - Cường độ chịu kéo 15kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400
4708	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 19 SD - Cường độ chịu kéo 19kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000
4709	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 21.5 SD - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000
4710	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 24 SD - Cường độ chịu kéo 24kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200
4711	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 28 SD - Cường độ chịu kéo 28kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000
4712	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x800	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800
4713	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x400	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000
4714	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x580 hoặc 5,3x450	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200
4715	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
4716	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x400 hoặc 5,3x350	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000
4717	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000
4718	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x100 hoặc 5,3x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
4719	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300 hoặc 5,3x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000
4720	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
4721	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400
4722	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/300 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000
4723	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/400 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x50	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
4724	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400
4725	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000
4726	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000
4727	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
4728	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 50/50 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700
4729	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
4730	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
4731	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9844:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600
4732	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9355:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700
4733	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300
4734	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
4735	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 9,42m2	m	TCVN 9355:2013	chu vi 9,42m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000

4736	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 12,6m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 1,26m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000
4737	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G200 chu vi 15,7m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 15,7m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000
4738	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 13565:2022	0,8m*0,8m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400
4739	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013	1,5m*2,5m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000
4740	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
4741	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 10544:2014	H-150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
4742	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 660	m2	TCVN 10544:2014	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
4743	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.3mm	m2	GRI-GCL3	0,3mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000
4744	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.4mm	m2	GRI-GM13	0,4mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700
4745	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.5mm	m2	GRI-GM13	0.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000
4746	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.75mm	m2	GRI-GM13	0.75mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200
4747	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m/8x50m(RxD) dày 1.0mm	m2	GRI-GM13	1.0mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200
4748	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x140m(RxD) dày 1.5mm	m2	GRI-GM13	1.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000
4749	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x105(RxD) dày 2mm	m2	GRI-GM13	2mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200
4750	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB- xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330:** khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160,783	160,783	160,783	160,783	160,783	160,783	160,783	160,783	160,783
4751	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB- xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	228,297	228,297	228,297	228,297	228,297	228,297	228,297	228,297	228,297
4752	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB- xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308,563	308,563	308,563	308,563	308,563	308,563	308,563	308,563	308,563
4753	Vật liệu khác	**Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB- xuất xứ ISRAEL**- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 **- Neoweb 330-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385,078	385,078	385,078	385,078	385,078	385,078	385,078	385,078	385,078
4754	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB- xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - Neoweb 330-150	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	447,091	447,091	447,091	447,091	447,091	447,091	447,091	447,091	447,091
4755	Vật liệu khác	**Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-** xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	634,130	634,130	634,130	634,130	634,130	634,130	634,130	634,130	634,130
4756	Vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	152,531	152,531	152,531	152,531	152,531	152,531	152,531	152,531	152,531

4757	Vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026- **Neoweb 356-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215,070	215,070	215,070	215,070	215,070	215,070	215,070	215,070	215,070
4758	Vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	294,060	294,060	294,060	294,060	294,060	294,060	294,060	294,060	294,060
4759	Vật liệu khác	**Neoweb 356**: khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	366,575	366,575	366,575	366,575	366,575	366,575	366,575	366,575	366,575
4760	Vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	425,838	425,838	425,838	425,838	425,838	425,838	425,838	425,838	425,838
4761	Vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	587,370	587,370	587,370	587,370	587,370	587,370	587,370	587,370	587,370
4762	Vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135,528	135,528	135,528	135,528	135,528	135,528	135,528	135,528	135,528
4763	Vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	209,771	209,771	209,771	209,771	209,771	209,771	209,771	209,771	209,771
4764	Vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,603,036	2,603,036	2,603,036	2,603,036	2,603,036	2,603,036	2,603,036	2,603,036	2,603,036
4765	Vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325,316	325,316	325,316	325,316	325,316	325,316	325,316	325,316	325,316
4766	Vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	377,577	377,577	377,577	377,577	377,577	377,577	377,577	377,577	377,577
4767	Vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	520,857	520,857	520,857	520,857	520,857	520,857	520,857	520,857	520,857
4768	Vật liệu khác	**Neoweb 660**: khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95,770	95,770	95,770	95,770	95,770	95,770	95,770	95,770	95,770
4769	Vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136,528	136,528	136,528	136,528	136,528	136,528	136,528	136,528	136,528
4770	Vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	184,288	184,288	184,288	184,288	184,288	184,288	184,288	184,288	184,288
4771	Vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230,547	230,547	230,547	230,547	230,547	230,547	230,547	230,547	230,547
4772	Vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268,055	268,055	268,055	268,055	268,055	268,055	268,055	268,055	268,055
4773	Vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	384,576	384,576	384,576	384,576	384,576	384,576	384,576	384,576	384,576
4774	Vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79,767	79,767	79,767	79,767	79,767	79,767	79,767	79,767	79,767
4775	Vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113,524	113,524	113,524	113,524	113,524	113,524	113,524	113,524	113,524
4776	Vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,031	153,031	153,031	153,031	153,031	153,031	153,031	153,031	153,031

4777	Vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191,289	191,289	191,289	191,289	191,289	191,289	191,289	191,289	191,289
4778	Vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222,296	222,296	222,296	222,296	222,296	222,296	222,296	222,296	222,296
4779	Vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305,813	305,813	305,813	305,813	305,813	305,813	305,813	305,813	305,813
4780	Vật liệu khác	Đầu neo clip sử dụng với cọc neo để định vị hệ thống neoweb trên mái (sản xuất từ HDPE nguyên sinh)	cái	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,376	5,376	5,376	5,376	5,376	5,376	5,376	5,376	5,376
4781	Vật liệu khác	Tường chống ồn hấp thụ âm bao gồm: - Tấm chống ồn: Tấm mặt trước hợp kim nhôm, tấm mặt sau thép mạ kẽm. Vật liệu hấp thụ âm: polyester. - Cột thép hình H125x125x6,5x9 bao gồm tấm đế và sườn tăng cứng chân cột (mạ kẽm nhúng nóng). - Dây cáp an toàn cho tấm và cột D5.5 (bọc PVC). - Phụ kiện khóa cáp, tấm chèn, bulon M10, bulon M20 (SUS304, cấp 5.6).	m2	TCCS45:2022/TCĐBVN - Hợp kim nhôm theo tiêu chuẩn: 3003-H24-GB/T 3880-2012 hoặc tương đương - Thép mạ kẽm: DX51D-Z275-BS EN10346:2015 hoặc tương đương - Thép hình: SS400-JIS G3101; ASTM A123; Q355GB/T 1591	Hiệu quả giảm độ ồn, theo tiêu chuẩn ISO 10140 hoặc tương đương: Tại 500 Hz: 25 dB hoặc hơn Tại 1000 Hz: 30dB hoặc hơn Tỉ lệ hấp thụ âm của các tấm Panel ở trạng thái sản phẩm hoàn thiện, tỉ lệ hấp thụ âm trung bình là trên 70% đối với các âm tần 250 Hz, 500 Hz, 1000 Hz, 2000 Hz. Hệ số hấp thụ âm thanh aw>= 0.9 G3289phân loại mức độ hấp thụ loại A theo tiêu chuẩn EN ISO 11654.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,920,000	6,920,000	6,920,000	6,920,000	6,920,000	6,920,000	6,920,000	6,920,000	6,920,000
4782	Vật liệu khác	Cọc vít có cánh (mạ kẽm nhúng nóng)	cọc	SS400-JIS G3101; Q355-GB/T 1591	D75,6x3,2mm, L=2,1m, cánh xoắn D200 bao gồm bích cột	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	892,500	892,500	892,500	892,500	892,500	892,500	892,500	892,500	892,500
4783	Vật liệu khác	Cọc vít có cánh (mạ kẽm nhúng nóng)	cọc	SS400-JIS G3101; Q355-GB/T 1591	D113.5x3,5-L-2,1m, cánh xoắn D300 bao gồm bích cột	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,505,000	1,505,000	1,505,000	1,505,000	1,505,000	1,505,000	1,505,000	1,505,000	1,505,000
4784	Vật liệu khác	Gối chậu cố định VHB-1.2FX	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22,000,000	22,000,000	22,000,000	22,000,000	22,000,000	22,000,000	22,000,000	22,000,000	22,000,000
4785	Vật liệu khác	Gối chậu di động đơn hướng VHB-1.2GS	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000	25,000,000
4786	Vật liệu khác	Gối chậu di động song hướng VHB-1.2FS	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000
4787	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C50	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 50mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000	12,500,000
4788	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C60	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 60mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000
4789	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C80	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 80mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14,000,000	14,000,000	14,000,000	14,000,000	14,000,000	14,000,000	14,000,000	14,000,000	14,000,000
4790	Vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C100	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun phủ bằng cách phun nhiệt hợp kim Al-Mg (Al 95% và Mg5%), dày 100µm + sơn Epoxy dày 80µm.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 100mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15,500,000	15,500,000	15,500,000	15,500,000	15,500,000	15,500,000	15,500,000	15,500,000	15,500,000
4791	Vật liệu khác	Neo thép D25 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng; bao gồm đai ốc	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	124,000	124,000	124,000	124,000	124,000	124,000	124,000	124,000	124,000
4792	Vật liệu khác	Neo thép D32 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng; bao gồm đai ốc	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	206,000	206,000	206,000	206,000	206,000	206,000	206,000	206,000	206,000
4793	Vật liệu khác	Lưới sức kháng cao, khoảng cách cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,205,000	1,205,000	1,205,000	1,205,000	1,205,000	1,205,000	1,205,000	1,205,000	1,205,000
4794	Vật liệu khác	Lưới thép sức kháng cao bọc Polyme, khoảng cách giữa các sợi cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,462,800	1,462,800	1,462,800	1,462,800	1,462,800	1,462,800	1,462,800	1,462,800	1,462,800
4795	Vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 100cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	876,830	876,830	876,830	876,830	876,830	876,830	876,830	876,830	876,830
4796	Vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 200cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	752,000	752,000	752,000	752,000	752,000	752,000	752,000	752,000	752,000
4797	Vật liệu khác	Tấm đế neo	cái	EN 10025	Bảo vệ chống ăn mòn bằng mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày tối thiểu 85µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	384,000	384,000	384,000	384,000	384,000	384,000	384,000	384,000	384,000
4798	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D8	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000	54,000
4799	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D12	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000
4800	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D16	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	259,000	259,000	259,000	259,000	259,000	259,000	259,000	259,000	259,000

4801	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Thiết bị liên kết các tấm lưới	cái	EN 13411-5	Cấu tạo từ sợi thép cường độ cao cấp 1770 MPa, D=4mm. Kích thước danh định: 50x20mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
4802	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Cáp biên D12 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D12	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000	112,000
4803	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Cáp biên D16 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000
4804	Vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Lưới địa kỹ thuật 3 trục gốc Polyme	m2	Vật liệu Polypropylene, có cấu trúc đa chiều... khối lượng riêng 490g/m2, điểm cháy 160 độ C, kháng tia UV, bền trong đất tự nhiên. tuổi thọ cao	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000
4805	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Cột thép tròn ø 114.3 mm, dày 5 mm, thép S235JRH (EN 10219-1)	- Hệ lưới chính: các vòng thép ø350mm, sợi tạo vòng 3mm, lực kéo Min 1380Mpa, mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9,490,000	9,490,000	9,490,000	9,490,000	9,490,000	9,490,000	9,490,000	9,490,000	9,490,000
4806	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1500 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	10,500,840	10,500,840	10,500,840	10,500,840	10,500,840	10,500,840	10,500,840	10,500,840	10,500,840
4807	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 2000 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11,957,000	11,957,000	11,957,000	11,957,000	11,957,000	11,957,000	11,957,000	11,957,000	11,957,000
4808	Vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 3000 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13,652,000	13,652,000	13,652,000	13,652,000	13,652,000	13,652,000	13,652,000	13,652,000	13,652,000
4809	Vật liệu khác	Mũi khoan D51	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000	850,000
4810	Vật liệu khác	Mũi khoan D76	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000	800,000
4811	Vật liệu khác	Mũi khoan D91	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,100,000	1,100,000	1,100,000	1,100,000	1,100,000	1,100,000	1,100,000	1,100,000	1,100,000
4812	Vật liệu khác	Quả đập khí nén D51	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000
4813	Vật liệu khác	Quả đập khí nén D76	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000
4814	Vật liệu khác	Cần khoan L=1m	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000
4815	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 30	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài có khía cạnh. Cấp 30: Lực kéo đứt 30 kN - Bề rộng dải 83mm	TCVN 11823-2017	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4816	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 40	m	Cấp 40: Lực kéo đứt 40 kN - Bề rộng dải 83mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
4817	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 50	m	Cấp 50: Lực kéo đứt 50 kN - Bề rộng dải 87mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000
4818	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 75	m	Cấp 75: Lực kéo đứt 75 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000
4819	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 85	m	Cấp 85: Lực kéo đứt 85 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000
4820	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 100	m	Cấp 100: Lực kéo đứt 100 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
4821	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt- Móc câu	cái	D10mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000
4822	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Tấm đệm EPDM	cái	EPDM 150x70x22mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4823	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Hốc neo nhẹ	cái	Vật liệu HDPE	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
4824	Vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Hốc neo nặng	cái	Vật liệu HDPE	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Dường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000
4825	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0001: 1 mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
4826	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0002: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
4827	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0003: 1 mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
4828	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0004:2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
4829	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0005: lmx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000	185,000

4830	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0006: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000	190,000
4831	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0007: lmx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000	75,000
4832	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0008:2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
4833	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0009: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4834	Vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0010: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4835	Vật liệu khác	Ván sàn	m2	182mmx 1220mm	5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000	286,000
4836	Vật liệu khác	Phào chân tường	thanh	80mmx2400mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
4837	Vật liệu khác	NẹpT	thanh	45mmx2400mm	7mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4838	Vật liệu khác	Nẹp kết thúc	thanh	35mmx2400mm	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4839	Vật liệu khác	Phào góc âm	thanh	28mmx2400mm	15mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000
4840	Vật liệu khác	Tấm ốp tường Nano	m2	400mmx3000mm	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000	120,000
4841	Vật liệu khác	Tấm ốp lam 3 sóng	m2	210mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000	214,000
4842	Vật liệu khác	Tấm ốp lam 4 sóng	m2	160mmx3000mm	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	224,000	224,000	224,000	224,000	224,000	224,000	224,000	224,000	224,000
4843	Vật liệu khác	Nẹp cổ trần ốp tường	thanh	100mmx3000mm	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000	107,000
4844	Vật liệu khác	Nẹp góc ngoài ốp tường	thanh	30mmx3000mm	30mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000
4845	Vật liệu khác	Nẹp góc trong ốp tường	thanh	33mmx3000mm	14mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
4846	Vật liệu khác	Nẹp kết thúc ốp tường	thanh	25mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
4847	Vật liệu khác	Nẹp nối chữ H ốp tường	thanh	25mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000	32,000
4848	Vật liệu khác	Pass inox ốp tường	cái	3mmx45mm		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
4849	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	278,000	278,000	278,000	278,000	278,000	278,000	278,000	278,000	278,000
4850	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000
4851	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmxl4.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000
4852	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmx 1220mmx 16.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	708,000	708,000	708,000	708,000	708,000	708,000	708,000	708,000	708,000
4853	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmxl 8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	825,000	825,000	825,000	825,000	825,000	825,000	825,000	825,000	825,000
4854	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000
4855	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx1220mmx8. OOnm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000
4856	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx1220mmx 10. OOmm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000
4857	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSVVELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx 12.00 mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000
4858	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx 14.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000
4859	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl220mmxl 6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000

4860	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl 220mmxl 8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000
4861	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx20.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000
4862	Vật liệu khác	Tấm xi măng Ccmboard Lu SWELL IDTRI: 2440mmxl 220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000
4863	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmxl 220mmx8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000	371,000
4864	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL IDTRI: 2440mmx 1220mmx 10.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000	451,000
4865	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL IDTRI: 2440mmxl220mmxl2.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000	541,000
4866	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmx 1220mmx 14.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000	640,000
4867	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmx 1220mmx 16.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000	725,000
4868	Vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTR1: 2440mmx 1220mmx 18.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000
4869	Vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 45mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800
4870	Vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 50mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900
4871	Vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 68mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
4872	Vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 45mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,150	1,150	1,150	1,150	1,150	1,150	1,150	1,150	1,150
4873	Vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 50mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,250	1,250	1,250	1,250	1,250	1,250	1,250	1,250	1,250
4874	Vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 68mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,450	1,450	1,450	1,450	1,450	1,450	1,450	1,450	1,450
4875	Vật liệu khác	Vít ngói LUSWELL CNHEB: 65mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	460	460	460	460	460	460	460	460	460
4876	Vật liệu khác	Vít bắn tấm xi măng LUSWELL CNHEB: 30mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	260	260	260	260	260	260	260	260	260
4877	Vật liệu khác	Vít bắn tấm xi măng 1.USWELL CNHEB: 40mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310	310	310	310	310	310	310	310	310
4878	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.60mmx 1070mm	m		0.6	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	103,000	103,000	103,000	103,000	103,000	103,000	103,000	103,000	103,000
4879	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.80mmxl070mm	m		0.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000
4880	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.00mmx 1070mm	m		1	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000
4881	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.20mmx1070mm	m		1.2	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	225,000	225,000	225,000	225,000	225,000	225,000	225,000	225,000	225,000
4882	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.50mmx1070mm	m		1.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000	280,000
4883	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 2.00mmx 1070mm	m		2	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	358,000	358,000	358,000	358,000	358,000	358,000	358,000	358,000	358,000
4884	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 2.50mmx 1070mm	m		2.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4,450,000	4,450,000	4,450,000	4,450,000	4,450,000	4,450,000	4,450,000	4,450,000	4,450,000
4885	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 3.00mmx 1070mm	m		3	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	557,000	557,000	557,000	557,000	557,000	557,000	557,000	557,000	557,000
4886	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNVIN Poly: 0.60mmx1080mm	m		0.6	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000	88,000
4887	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNV1N Poly: 0.80mmx 1080mm	m		0.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000	115,000
4888	Vật liệu khác	tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNVIN Poly: 1.00mmx1080mm	m		0.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000
4889	Vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNV1N Poly: 1.50mmx 1080mm	m		1.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Dt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	222,000	222,000	222,000	222,000	222,000	222,000	222,000	222,000	222,000

4890	Vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LU SWELL VNW1N P2:4mmx1.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
4891	Vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN P2:4mmx1.10m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26,700	26,700	26,700	26,700	26,700	26,700	26,700	26,700	26,700
4892	Vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN AP: 4mmxl.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600
4893	Vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN A2:4mmxl.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700
4894	Vật liệu khác	Đá mài đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 100mm x 6mm x 16mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000	8,000
4895	Vật liệu khác	Đá cắt đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 107mm x 1.2mm x 16mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800
4896	Vật liệu khác	Đá cắt đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 355mm x 2.5mm x 25.4mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700	38,700
4897	Vật liệu khác	Xe rùa bánh hơi WB6400A LUSFIX CNYIC: 150kg x 67 lit	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	870,000	870,000	870,000	870,000	870,000	870,000	870,000	870,000	870,000
4898	Vật liệu khác	Xe rùa bánh đặc WB6400PU LUSFIX CNYIC: 150kg x 67 lit	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	960,000	960,000	960,000	960,000	960,000	960,000	960,000	960,000	960,000
4899	Vật liệu khác	Xe rùa bánh hơi WB6418A LUSFIX CNYIC: 150kg x 85 lit	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,175,000	1,175,000	1,175,000	1,175,000	1,175,000	1,175,000	1,175,000	1,175,000	1,175,000
4900	Vật liệu khác	Xe rùa bánh đặc WB6418PU LUSFIX CNYIC: 150kg x 85 lit	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1,290,000	1,290,000	1,290,000	1,290,000	1,290,000	1,290,000	1,290,000	1,290,000	1,290,000
4901	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 38 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700
4902	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700
4903	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
4904	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Son: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200
4905	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800
4906	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600
4907	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
4908	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Son: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200
4909	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800
4910	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
4911	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600
4912	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Son: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
4913	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
4914	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
4915	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
4916	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Son: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
4917	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300
4918	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
4919	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600
4920	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500
4921	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500
4922	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400
4923	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
4924	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
4925	Vật liệu khác	Khung trần chìm Vạn Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh C 35 x 14.5 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300

4926	Vật liệu khác	Khung trần chìm Vạn Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700
4927	Vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M70	thanh	ASTM C635	Thanh Xương Cá 25 x 18 x 3660 x 0.7	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100
4928	Vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M38	thanh	ASTM C635	Thanh U M38: 35 x 14.5 x 4000 x 0.38	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
4929	Vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Vạn Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 35 x 14 x 4000 x 0.32	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100
4930	Vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Vạn Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox 20 x 20 x 3600 x 0.27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100
4931	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900
4932	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500
4933	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
4934	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700
4935	Vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Vạn Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 44 x 16.5 x 3000 x 0.36	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600
4936	Vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Vạn Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 08/09/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700

*** Ghi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

Tp. Tây Ninh (cũ): phường Tây Ninh, phường Bình Minh, phường Ninh Thạnh (gồm xã Bàu Năng, xã Chà Là thuộc huyện Dương Minh Châu cũ).

Tx. Trảng Bàng (cũ): phường Trảng Bàng, phường An Tịnh, xã Hưng Thuận, xã Phước Chỉ.

Tx. Hòa Thành (cũ): phường Long Hoa, phường Hòa Thành.

H. Tân Biên (cũ): xã Tân Lập, xã Tân Biên, xã Thạnh Bình, xã Trà Vong.

H. Tân Châu (cũ): xã Tân Đông, xã Tân Hòa, xã Tân Châu, xã Tân Phú, xã Tân Hội, xã Tân Thành.

H. Châu Thành (cũ): phường Thanh Điền (gồm phường Hiệp Tân thuộc TX. Hòa Thành cũ); xã Phước Vinh, xã Hòa Hội, xã Ninh Điền, xã Châu Thành, xã Hảo Đước.

H. Dương Minh Châu (cũ): xã Lộc Ninh, xã Cầu Khởi, xã Dương Minh Châu.

H. Bến Cầu (cũ): xã Long Chữ, xã Long Thuận, xã Bến Cầu.

H. Gò Dầu (cũ): phường Gò Dầu, phường Gia Lộc, xã Thạnh Đức, xã Phước Thạnh, xã Truông Mít.